

THEO DẤU CHÂN PHẬT

Tám Thánh Tích Phật Giáo Ở Ấn Độ

IN THE FOOT-STEPS OF THE BUDDHA
(Eight Buddhist Shrines In India)

Tác giả: *Bauddhacarya Shanti Swaroop Bauddh*

Dịch giả: *Tỳ khưu Đức Hiền*



“Sabbadānaṃ Dhammadānaṃ jināti”
“Bồ thí Pháp thắng mọi thí”



MÓN QUÀ PHÁP BẢO
(Dhammapaññākāra)

Kính Biểu:

Đến:
.....
.....
.....

*** Do nhờ Món Quà Pháp Bảo này, xin cho được thành tựu
phước thiện và trí tuệ y như ý nguyện!

Từ:
.....
.....
.....

Ngày.....tháng.....năm



“Này Ānanda! Bốn thánh tích này để cho hàng Phật tử đánh lễ và chiêm bái. Thế nào là 4? (1) ‘Nơi Như Lai đản sanh’ (Lumbinī), (2) ‘Nơi Như Lai giác ngộ’ (Bodhgaya), (3) ‘Nơi Như Lai chuyển Pháp luân’ (Sarnath), và (4) Nơi Như Lai nhập Niết Bàn (Kusinārā). Này Ānanda, chư tỳ khuru, tỳ khuru ni, thiện nam tín nữ sẽ đến đây với niềm suy tư: ‘Đây là nơi Như Lai đản sanh, đây là nơi Như Lai thành đạo, đây là nơi Như Lai chuyển Pháp luân, và đây là nơi Như Lai nhập Niết Bàn’ và họ sẽ hoan hỷ”.

--- Đức Phật (Mahāparinibbāna sutta, Dīghanikāya)---



Bậc Đạo Sư vĩ đại đã hiện hữu trên thế gian này!

THEO DẤU CHÂN PHẬT

(IN THE FOOT-STEPS OF THE BUDDHA)



Tác giả:
Shanti Swaroop Bauddh

Dịch giả:
Tỳ khưu Đức Hiền

***Kính dâng Thầy Tổ, Cha Mẹ,
Kính tri ân chư Phật tử gần xa.***

MỤC LỤC

(THEO DẤU CHÂN PHẬT)

<i>Lời Giới Thiệu Của Ngài Lāma Chospheḥ Zotpa</i>	<i>11</i>
<i>Lời Nói Đầu Của Tác Giả</i>	<i>12</i>
<i>Lời Nói Đầu Của Dịch Giả</i>	<i>17</i>
<i>Bản Đồ Ấn Độ</i>	<i>20</i>
<i>Chữ Viết Tắt Và Thuật Ngữ Đối Chiếu</i>	<i>24</i>
<i>Tóm Tắt Lịch Sử Ấn Độ</i>	<i>25</i>
<i>Tóm Lược Những Điểm Nổi Bật Lịch Sử</i>	<i>26</i>
1. Lumbinī – Nơi Đức Phật Đản Sanh	28
2. Bodhgaya – Nơi Đức Phật Thành Đạo	58
3. Sarnath – Nơi Đức Phật Chuyển Pháp Luân	104
4. Kusinārā – Nơi Đức Phật Nhập Niết Bàn	152
5. Thành Rājagaha	160
6. Đại Học Nālandā	188
7. Thành Kosambī	204
8. Thành Vesālī	214
9. Thành Sāvattthī	232
10. Thành Saṅkassa	258
<i>Phụ Lục:</i>	<i>273</i>
1. Bảo Tháp Sanchi	274
2. Hang Động Ajanta	286
3. Hang Động Ellora	296
4. Hang Động Kanheri	306
5. Hang Động Aurangabad	316
6. Hang Động Bhaja	320
7. Hình Ảnh Về Viện Bảo Tàng Ấn Độ Tại New Delhi	322
<i>Sách Tham Khảo</i>	<i>.....</i>
<i>Phương Danh Thích Chủ</i>	<i>.....</i>

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa!
(Kính lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!)





Ngài Lāma Chosphe Zotpa



भारत सरकार
GOVERNMENT OF INDIA
राष्ट्रीय अल्पसंख्यक आयोग
NATIONAL COMMISSION FOR MINORITIES
नाक नायक भवन, (पांचवी मंजिल),
Lok Nayak Bhawan, (Fifth Floor),
खान मार्केट, नई दिल्ली-110 003
Khan Market, New Delhi-110003
दूरभाष/Tel. : 24615964
फैक्स/Fax : 011-24698410, 24693302
E-mail : lamachosphe/zotpa1@yahoo.com

श्रद्धेय लामा छोसफेल जोत्पा
सदस्य
Ven. Lama Chosphe Zotpa
Member

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NGÀI LĀMA CHOSPHEL ZOTPA

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn (*Mahāparinibbāna sutta*) Đức Phật dạy Đại đức Ānanda về tầm quan trọng của các thánh tích – “Này Ānanda! Bốn thánh tích này để cho hàng Phật tử đánh lễ và chiêm bái. Thế nào là 4? (1) ‘Nơi Như Lai đản sanh’ (= Lumbinī), (2) ‘Nơi Như Lai giác ngộ’ (= Bodhga-ya), (3) ‘Nơi Như Lai chuyển Pháp luân’ (= Sarnath), và (4) Nơi Như Lai nhập Niết Bàn (= Kusinārā). Này Ānanda, chư tỳ khuru, tỳ khuru ni, thiện nam tín nữ sẽ đến đây với niềm suy tư: ‘Đây là nơi Như Lai đản sanh, đây là nơi Như Lai thành đạo, đây là nơi Như Lai chuyển Pháp luân, và đây là nơi Như Lai nhập Niết Bàn’ và họ sẽ hoan hỷ”. (*Dīghanikāya-2/3*). Lời tuyên bố của Đức Phật quả thật đáng lưu tâm và chú ý về sự vĩ đại của các thánh tích thiêng liêng Phật Giáo.

Tôi rất vui khi được biết ông Bauddhacharya Shanti Swaroop Bauddh là học giả, tác giả Phật Giáo rất danh tiếng, đã trình bày một cách thú vị, lời cuốn và thực tiễn về 8 thánh tích Phật Giáo nổi tiếng trong tập sách nhỏ gọn này. Việc sử dụng chính xác và thích hợp các bức tượng, hình ảnh, tranh vẽ rất giá trị và sống động mô tả về các thánh tích tạo cho tập sách thêm ấn tượng. Tập sách này hứa hẹn sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho các Phật tử hành hương đến các thánh tích tôn kính và nguồn cội.

Chính những yếu tố này đã trợ duyên lành quý báu và niềm tin cho tác giả khơi nguồn cảm hứng viết nên tập sách này. Tập sách này chắc chắn sẽ giúp ích cho các hướng dẫn viên năng động, gặt hái kết quả tốt mỗi khi giới thiệu cho khách hành hương, và những ai không có cơ hội thăm viếng các thánh tích thì cũng sẽ cảm nhận được niềm hoan hỷ y như thế. “THEO DẤU CHÂN PHẬT” được đề cử là tập sách dẫn lối về nguồn cảm hứng nhất.

Cầu chúc phước lành này đến các nhà xuất bản sớm hoàn thành tâm nguyện của họ và đến các vị độc giả luôn luôn có một đời sống sức khỏe và hạnh phúc.

Bhavatu sabbamaṅgalam!

(Cầu mong cho tất cả đều được hạnh phúc!)

14.11.2007

Ngài Lāma Chosphe Zotpa

LỜI NÓI ĐẦU CỦA TÁC GIẢ



Các thánh tích Phật Giáo cổ xưa là dấu vết quan trọng để tìm về nguồn gốc của đạo Phật. Thời kỳ đầu Phật Giáo không có bất kỳ một sử liệu nào viết về các thánh tích. Phật Giáo đã ban tặng niềm phấn khởi, thú vị về sự tồn tại ra sao của các thánh tích. Như kinh văn mô tả:

“Đức Phật trong lần cuối du hành từ thành Vesālī đến thị trấn Kusinārā. Cùng lên đường với hội chúng tỳ khuru đông đảo, khi Đức Phật đến khu rừng Sāla xứ Mallā, Ngài dạy đại đức Ānanda như sau:

‘Này Ānanda! Hãy đặt chiếc giường nằm giữa 2 cây sālā với đầu quay về hướng bắc. Như Lai mệt mỏi, này Ānanda, ta sẽ nghỉ ngơi một lát!’

Ngài Ānanda vâng đáp: *‘Thưa vâng, bạch Thế Tôn’*

Sau đó, Đức Thế Tôn nằm nghiêng bên hông phải như dáng con sư tử.

“Này Ānanda! Có bốn thánh tích này cho các hàng Phật tử dâng lễ và chiêm bái. Thế nào là bốn? (1) ‘Nơi Như Lai đản sanh’ (= Lumbinī), (2) ‘Nơi Như Lai thành đạo’ (= Bodhgaya), (3) ‘Nơi Như Lai chuyển Pháp luân’ (= Sarnath), và (4) Nơi Như Lai nhập Niết Bàn (= Kusinārā). Này Ānanda, chư tỳ khuru, tỳ khuru ni, thiện nam tín nữ sẽ đến đây với niềm suy tư: ‘Đây là nơi Như Lai đản sanh, đây là nơi Như Lai thành đạo, đây là nơi Như Lai chuyển Pháp luân, và đây là nơi Như Lai nhập Niết Bàn’ và họ sẽ hoan hỷ”.

Thực hành theo lời dạy và bày tỏ lòng tôn kính nơi sự hướng dẫn của Ngài, nhiều đệ tử Phật đã cho tôn tạo vô số bảo tháp xung quanh 4 thánh tích để chiêm bái. Thời gian qua đi, 4 thánh tích này cùng với vô số bảo tháp nổi bật lên như là các thánh tích vĩ đại để cung kính đánh lễ.

Khoảng 300 năm sau Đức Phật nhập Niết Bàn, đại đế Asoka sau khi viếng thăm và đánh lễ các thánh tích cùng với những

người thân và quần thần đã cho trùng tu và tô điểm các thánh tích thêm phần huy hoàng và long lẫy. Sau khi quy ngưỡng đạo Phật, đại đế Asoka cho xây dựng 84000 bảo tháp lớn nhỏ khắp cả nước Ấn Độ.

Sau này, các thánh tích không còn được bảo trì kỹ lưỡng, chúng bị tàn phá nặng nề và dần chìm vào quên lãng khi người Hồi Giáo xâm chiếm và thôn tính đất nước này.

Trải qua nhiều thế kỷ, đất nước Ấn Độ liên tục bị người Hồi Giáo thống trị. Tuy nhiên, nhân quả báo ứng, họ không thể an hưởng quyền cai trị lâu dài, họ bị bắt làm nô lệ khi người Anh xâm chiếm và cai trị nơi đây.

Việc cai trị của người Anh đã mang lại thuận lợi cho việc khảo cổ. Các nhà cầm quyền Anh biết được hầu hết các vị vua và trưởng giả giàu có thường cất giữ tài sản dưới mặt đất, và họ cho rằng các kho báu của những vị vua xưa đều chôn lấp trong các pháo đài và di tích cổ. Họ cho đào nhiều di tích để tìm kiếm báu vật. Họ có thể hoặc không thể đào được báu vật, nhưng trái lại thực tế cho thấy họ đã vô tình tiết lộ nhiều cổ vật có giá trị khảo cổ, mà giá trị này còn vô giá hơn hẳn bất kỳ báu vật vàng bạc nào.

Bất cứ nơi nào tại các thánh tích mà các nhà khảo cổ người Anh khai quật thì ở đó đều tìm thấy được tượng Phật. Chẳng bao lâu, các di sản Phật Giáo tìm thấy được công bố. Tướng Alexander Cunningham, nhà khảo cổ học Anh có công trong việc khôi phục nền di sản Phật Giáo mà nó gần như đã bị bỏ hoang trong các cuộc chống phá của Hồi Giáo.

Không ai đòi quyền sở hữu đối với các di tích Phật Giáo liên tiếp được khai quật. Tình trạng này xảy ra cho đến khi ngài Anagārika Dhammapāla, người Sri Lanka viếng thăm Ấn Độ, ngài tuyên bố đó là di sản Phật Giáo, là báu vật vô giá thuộc về những người con Phật.

Nỗ lực tích cực của ngài Anagārika Dhammapāla đã định hướng cho chủ trương đòi lại các thánh tích Phật Giáo. Không cần chờ vài thập niên mới có bước chân hành hương của những người con Phật có tín tâm, vì những người con Phật luôn mong ước một ngày nào đó được viếng thăm các thánh tích như họ đã từng nghe về một thời vàng son của các hoàng đế như Asoka,

Kaniska và Harsavardhana. Các thánh tích Phật Giáo đáp ứng lòng mong mỏi của các Phật tử vào 14 tháng 10 năm 1956, khi ngài Anagārika Dhammapāla cùng với một triệu tín đồ quy y Phật Giáo tại vùng đất thiêng liêng Nagpur. Sự kiện này tạo nên một làn sóng khách hành hương đổ về viếng thăm các thánh tích Phật Giáo. Từ cảm hứng và sự động viên của vô số tín đồ thuần thành, các quốc gia Phật Giáo khác tiến hành xây dựng nhiều ngôi chùa (*vihāra*). Tiến sĩ Ambedkar là người Phật tử vĩ đại khi tự mình hướng đạo cho nhiều người Ấn theo Phật Giáo.

Giờ đây, các thánh tích Phật Giáo trên khắp Ấn Độ thu hút sự quan tâm rất lớn của các Phật tử từ khắp nơi trên thế giới. Nguồn thông tin duy nhất về lịch sử các thánh tích được giới thiệu du khách nước ngoài là từ ‘những hướng dẫn viên’ quá vô trách nhiệm trong công việc của họ. Thực tế, họ chỉ quan tâm khai thác Phật Giáo như là một phương tiện kiếm tiền mà chẳng để tâm đến sự thịnh suy Phật Giáo. Có lúc những hướng dẫn viên ca ngợi Phật Giáo chỉ để làm vui lòng khách du lịch. Thật là đáng buồn! Nhiều tác giả của những tài liệu về các thánh tích Phật Giáo đang được xuất bản hiện nay dường như vẫn ôm giữ một thái độ như thế. Mặc dù được in ấn đẹp mắt và thu hút, nhưng ấn phẩm của họ mang tính đối kháng với Phật Giáo theo lối tiếp cận này. Mục đích của các tác giả lẫn nhà xuất bản cũng như các hướng dẫn viên đều có khuynh hướng truyền bá quan điểm phi Phật Giáo hơn là mang tính lịch sử của Phật Giáo.

Ngay giờ đây, quý vị cầm trong tay tập sách này thì có thể sẽ không đi lệch hướng lịch sử Phật Giáo. Với tập sách này bên mình, quý vị sẽ không cần phải tìm hiểu thêm bởi bất kỳ hướng dẫn viên đối trá nào. Tập sách tự nó có tất cả những điều cần thiết, đầy đủ ý nghĩa và trung thực.

Mọi người trên thế giới đang tự thân phấn đấu mỗi ngày để tìm kiếm sự tự do dân chủ cho riêng mình. Hãy để cá nhân mỗi người được tiến lên phía trước và thỏa mãn những nhu cầu trí tuệ. Không nên áp đặt bất cứ quan điểm gì lên trên quan điểm của người khác.

Tôi rất mừng khi hay tin Samyak Prakashan cho xuất bản tập sách dành riêng về các thánh tích Phật Giáo khác nhau. Tập sách này ra đời là do nhiều lần đề nghị từ các độc giả, đã ghi nhận sự

đóng góp văn hóa của chúng tôi.

Đối với tác phẩm nhiều màu sắc, đây là nỗ lực đầu tiên của chúng tôi. Chúng tôi đã dốc hết toàn bộ kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng mà chúng tôi có được từ 65 đầu sách để làm nên tập sách này.

Những ý tưởng cao quý đã tạo cảm hứng cho chúng tôi để với nhà xuất bản Samyak Prakashan hứa hẹn tốt đẹp, mang lại nhiều tập sách hữu ích trong việc truyền bá Phật Giáo. Tập sách này được thiết kế và ấn loát bắt mắt chứa đựng nhiều văn bản đáng tin cậy, được thúc đẩy bằng nhiệt tâm trong công cuộc hoằng pháp. Đây không chỉ đơn thuần là công việc xuất bản mà là một mình chứng lịch sử cho sự hồi sinh Phật Giáo trong mỗi quan tâm hàng đầu. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rất nhiều Phật tử mong muốn phục hưng Phật Giáo, và chắc chắn sẽ ủng hộ chúng tôi trong nỗ lực này.

Với tất cả tấm lòng, tôi xin được tri ân người bạn Moses Michael đã cho ra một bản dịch xác thực đến thể trong một thời gian ngắn như vậy. Tôi chúc bạn tôi được đầy đủ sức khỏe và hạnh phúc.

Chúng con cảm ơn sâu sắc đến ngài Lāma Chospheḷ Zotpa đã hoan hỷ chấp nhận về 'Lời Giới Thiệu' trong phần mở đầu, đã tặng thêm phần giá trị cho tập sách này. Đó là một duyên lành hy hữu. Chúng con vô cùng biết ơn ngài.

Bhavatu Sabbamaṅgalaṃ!

(Mong cho tất cả đều hạnh phúc!)

*Ngày 9 tháng 10 năm 2008
(Asoka Vijayadashmi)*

Shanti Swarroop Bauddh

LỜI NÓI ĐẦU DỊCH GIÁ



Sau 2 năm ấp ủ với niềm khát khao được viếng thăm đất Phật một lần trong đời, cuối cùng ước nguyện được thành tựu. Tôi cùng Sư huynh Trần Văn Tha (Dhammapālo), người Sóc Trăng, sang Ấn vào tháng 11 năm 2008. Chúng tôi đi máy bay từ Colombo (Sri Lanka) sang Channai (miền bắc Ấn Độ) và đi tàu 2 ngày 2 đêm mới đến được Bodhgaya. Chúng tôi được Sư Konkeyla đón từ sân ga Gāya.

Tháng 11 khí trời lạnh lẽo, chúng tôi được Sư Thiện Thắng nhiệt tình hướng dẫn chúng tôi viếng thăm các thánh tích. Sau chuyến hành hương với vô số niềm vui và tràn đầy kỷ niệm, tôi ở lại Ấn Độ tìm trường cho học phần Tiến sĩ của mình, còn Sư Trần Văn Tha thì trở lại Sri Lanka và về nước.

Sau 3 năm du học, tôi cảm nhận được một phần nào đó nét văn hóa và nếp sống chung của người Ấn. Thỉnh thoảng, tôi lại viếng thăm các thánh tích, và mỗi lần đến tôi đều ghé thăm các tiệm sách gần đó xem xét. Một lần, ở tiệm sách tại cổng vào Đại Tháp Mahābodhi, tôi bắt gặp cuốn sách **“In the Foot-steps of the Buddha”** khá bắt mắt của ông Shanti Swaroop Baudha. Đây là cuốn cẩm nang hành hương mà tôi ưa thích bởi vẻ khoa học và tính lo-gic của nó, nên đã mua vài cuốn làm quà tặng và có ý định dịch sang tiếng Việt để làm tài liệu cho những ai hành hương xứ Phật.

Về nước năm 2012, sau khi học xong học phần Tiến sĩ tại trường Đại Học Banaras Hindu (Kāśī Hindu Vissheydalay), tôi vẫn giữ tập sách này bên mình nhưng chưa có điều kiện để chuyển dịch. Nhân duyên ghé lại Ấn Độ để nhận bằng Tiến sĩ năm 2013, chúng tôi lại có dịp viếng thăm các thánh tích, và một lần nữa ghé đến tiệm sách xưa mua thêm vài cuốn để làm quà biếu tặng cho bạn bè và người thân. Tại thời điểm này, ý nghĩ chuyển dịch lại nung nấu trong lòng, tuy nhiên tôi vẫn không thể nào thực hiện được vì quá bận rộn cho 4 tập sách nhỏ về ‘Cuộc Đời Đức Phật’ dành cho học sinh in 6000 cuốn. Mùa hạ năm 2016,

khi mọi công Phật sự khá tạm ổn, nên tôi tranh thủ xem lại cuốn sách “In the Foot-steps of the Buddha” tại chùa Nam Quang, 430 Cửa Đại, Tp. Hội An, Quảng Nam. Được sự động viên, sách tấn của Hòa thượng trụ trì Pháp Cao, ý chí được nung nấu nên tôi đã dùng hết tâm tư để chuyển ngữ cuốn sách sang tiếng Việt, làm cảm nang mỗi khi hành hương về xứ Phật. Đối với những ai chưa đến Ấn Độ cũng sẽ ấm lòng khi tự mình xem qua cuốn sách này và cảm nhận phần nào nét chính về các thánh tích.

Trong những tài liệu viết về cuộc đời Đức Phật, thì có vài bộ sách rất giá trị và đáng tin cậy: ‘Đức Phật và Phật Pháp’ của Ngài Nārada (Sri Lanka), “45 Năm Hoằng Pháp” của Thượng tọa Chánh Minh, hay “Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt” của Hòa thượng Giới Đức, bút hiệu Minh Đức Triều Tâm Ảnh đã mang lại cho chúng ta một niềm tin về một bậc vĩ nhân xuất chúng đã xuất hiện trên thế gian này. Cảm giác về thăm lại mảnh đất mà Đức Phật đã in dấu chân hoằng dương Chánh Pháp cũng là một trải nghiệm mới vượt ngoài sách vở. Các thánh tích Phật Giáo là minh chứng cho cuộc hành trình 45 năm truyền giáo không mệt mỏi của Người. Đại đế Asoka đã cho dựng lên các trụ đá sừng sững để ghi lại dấu ấn về sự ra đời và một vài sự kiện khác liên quan đến cuộc đời Đức Phật. Một cảm giác khó tả khi nhìn thấy đạo tâm hộ trì Phật Giáo và xây dựng các thánh tích của đại đế Asoka vĩ đại này.

Cuốn sách này là tư liệu quý giá để củng cố và tăng thêm niềm tin của người con Phật. Mặc dù, với kiến thức ít ỏi, văn từ thô thiển, vụng về trong diễn đạt nhưng vẫn cố gắng chuyển dịch tác phẩm này, ngõ hầu làm rõ chặng đường hoằng Pháp mà Đức Phật đã đi qua.

Về mặt địa lý, Việt Nam cách Ấn Độ tầm hơn 4000 km. Nếu bay từ sân bay Tân Sơn Nhất để hành hương về các thánh tích thì sẽ tốn kém gấp đôi Thái Lan, chúng ta phải transit (chuyển chuyến bay) ở Thái, sau đó mới bay qua Ấn. Hành hương xứ Phật khá tốn kém gấp đôi lần Thái Lan, Myanmar và Sri Lanka khoảng 1650 đô la Mỹ thì mới có thể viếng thăm các thắng tích trong vòng 10 ngày.

Dù sao đi nữa, nếu có điều kiện và sức khỏe lẫn tâm nguyện thì nên hành hương đến các thánh tích một lần trong đời. Đó là phước báu lớn mà Đức Phật cũng đã dạy trong bài kinh số 16, Kinh Đại Bát Niết Bàn (*Mahāparinibbāna Sutta*) thuộc Trường Bộ Kinh như sau: “Này Ānanda, đó là bốn Thánh tích, người thiện nam tín nữ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Này Ānanda, chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sẽ đến với niềm suy tư: “Đây là nơi Như Lai đản sanh”, “Đây là nơi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, “Đây là nơi Như Lai chuyển Pháp luân”, “Đây là nơi Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết Bàn”.

Này Ānanda, những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.”

Cuối sách là phần phụ bản được chúng tôi đưa vào để cho những ai muốn tham khảo để biết thêm các địa danh Phật Giáo nổi tiếng khác ngoài 8 thánh tích chính như bảo tháp Sanchi (bang Madhya Pradesh), động Ajanta – Ellora (bang Mahārashtra), động Kanheri (bang Mahārashtra).

Tôi thành kính tri ân Đại Đức Tâm An, trụ trì chùa Thiền Lâm, Huế và Đại Đức Nguyên Tuệ đã xem lại bản dịch này. Kính chúc Đại đức Tâm An, Đại đức Nguyên Tuệ luôn luôn sức khỏe và an vui. Nhân đây, chúng tôi cũng tri ân đến công ty Đoàn Ngô, Cô Nguyễn Thị Cúc đã tạo điều kiện hoàn thành cuốn sách này. Tôi cũng không quên bày tỏ lòng tri ân đến tác giả của cuốn sách này đã cho tôi một cơ hội chuyển ngữ để làm tài liệu cho người Phật tử Việt Nam hành hương xứ Phật. Tôi thành kính tri ân Nhà Xuất Bản Tôn giáo đã tạo điều kiện giấy phép thuận lợi cho tôi được in ấn cuốn sách này.

Kính chúc quý vị vô lượng an lạc!

Ngày 25 tháng 09 năm 2016,
Nam Quang Tự, 430 Cửa Đại,
TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam



Tỳ khuru Đức Hiền

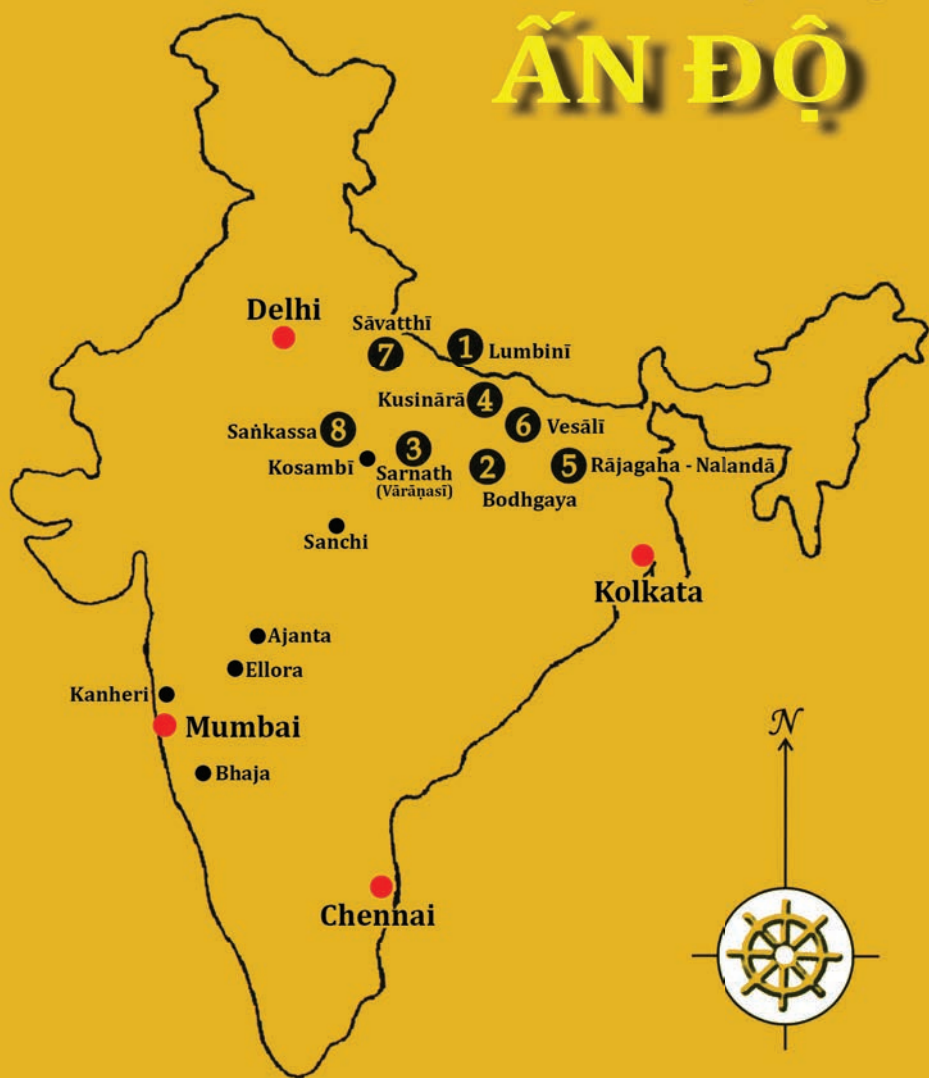
BẢN ĐỒ ẤN ĐỘ - CÁC ĐỊA ĐIỂM PHẬT GIÁO

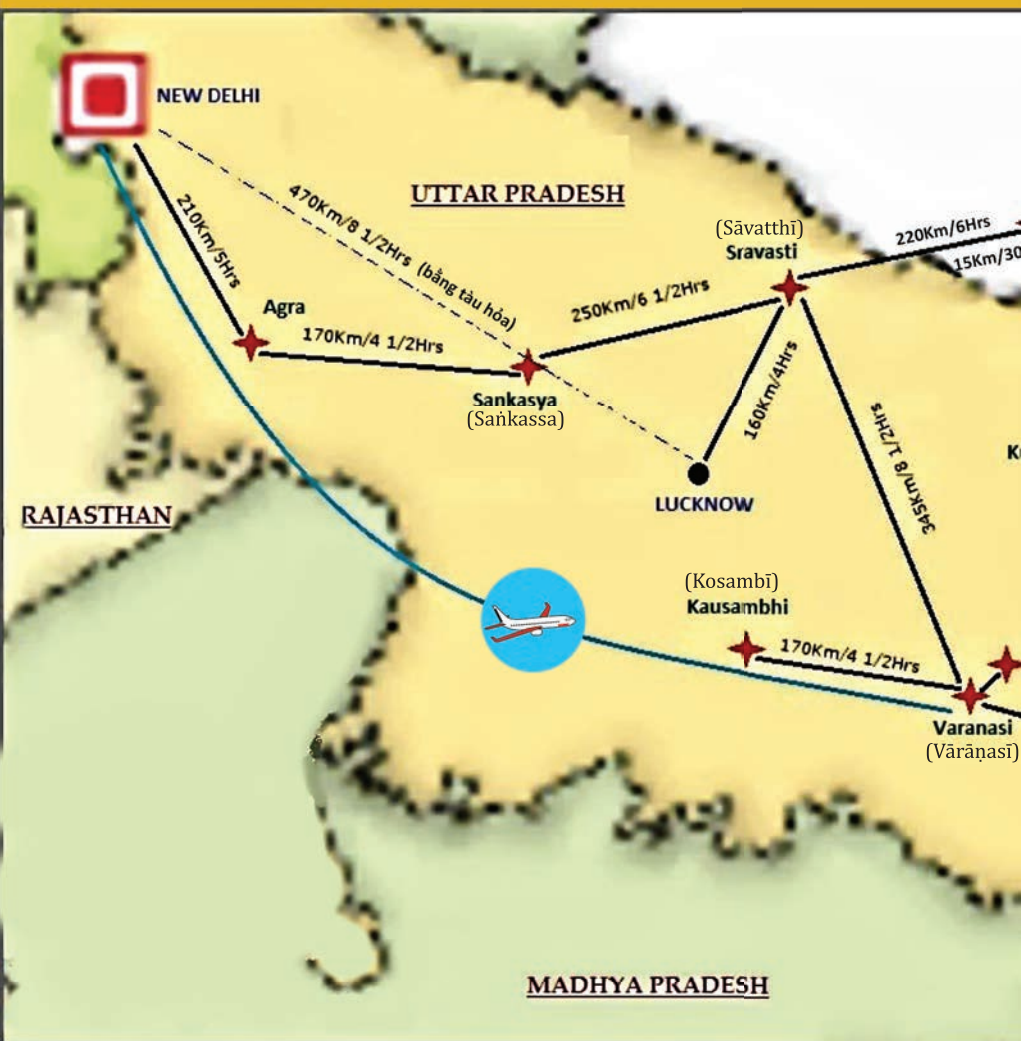


Atṭhamahāṭhānāni

Tám Thánh Tích Phật Giáo Tại

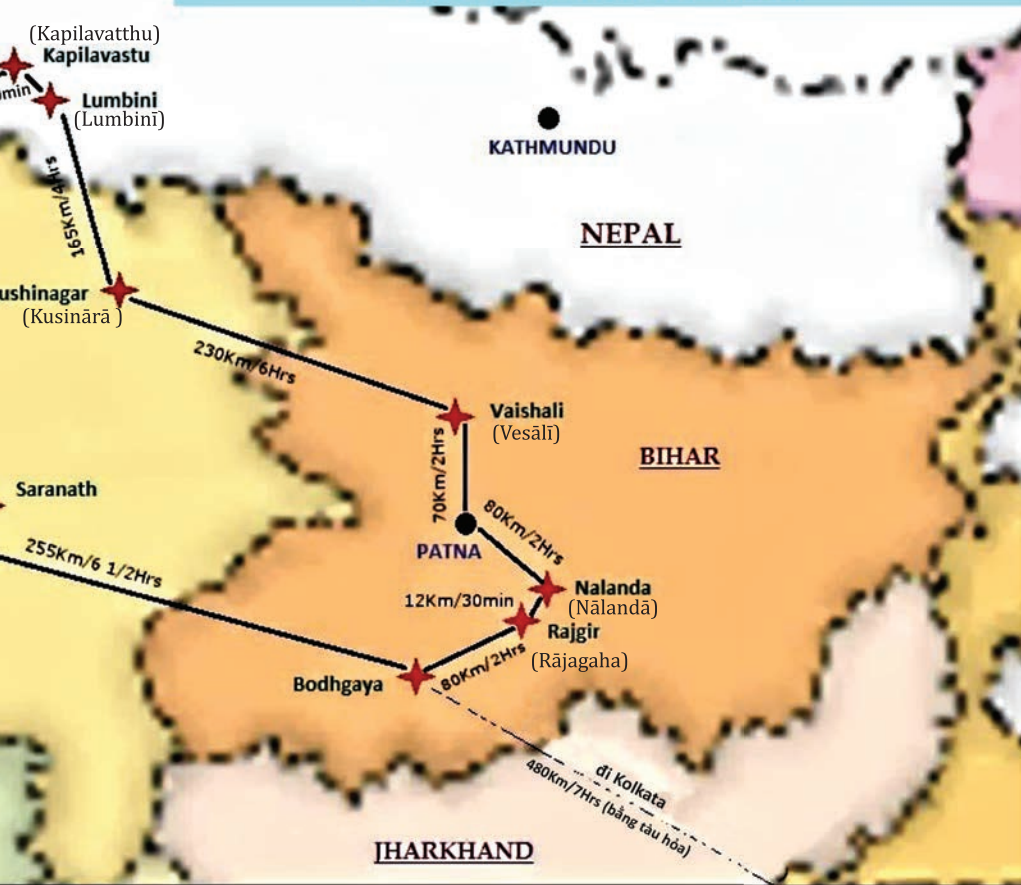
ẤN ĐỘ





BẢN ĐỒ HÀNH HƯƠNG ẤN ĐỘ

(Chi tiết Km và thời gian - Hrs)



CHỮ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ ĐỐI CHIẾU

- TCN: trước công nguyên
- SCN: sau công nguyên
- CN: công nguyên
- tr. : trang
- ĐT: điện thoại
- Rs: đơn vị tiền Ấn Rupee
- Km: ki-lo-mét

- N (north) : phía bắc
- S (south): phía nam
- E (east): phía đông
- W (west): phía tây

Pāli	Sanskrit, Latin	Phiên Âm Chữ Hán
Lumbinī	Kapilavastu	Lâm-tỳ-ni
Kapilavatthu		Ca-tỳ-la-vệ
Buddhagaya	Bodhgaya	Bồ Đề Đạo Tràng
Kusinārā	Kushinagar	Câu-thi-na
Vārāṇasī	Varanasi	Ba-la-nại
Rājagaha	Rajagira, Rajagriha, Rajgir	Vương Xá
Gijjhakūṭa	Gridhrakuta	Núi Linh Thú
Veḷuvana		Trúc Lâm
dhamma	dharma	Pháp
Sāriputta		Xá-lợi-phất
Moggallāna		Mục-kiền-liên
Ajātasattu		A-xà-thế
Nālandā		Na-lan-đà
Vesālī	Vaishali	Tỳ-xá-ly
Sāvattthī	Sravasti	Xá-vệ
Anāthapiṇḍika		Cấp-cô-độc
Śaṅkassa	Sankasia	

LỊCH SỬ ẤN ĐỘ TÓM TẮT

Thời kỳ đồ đá	70000-3300 TCN
• Văn hóa Mehrgarh	• 7000-3300 TCN
Văn minh lưu vực sông Ấn	3300-1700 TCN
Văn hóa hậu kỳ Harappan	1700-1300 TCN
Thời kỳ đồ sắt	1200-1 TCN
• Mahā Janapada	• 700-300 TCN
• Đế chế Magadha	• 545-550 TCN
• Đế chế Maurya	• 321-184 TCN
• Kharavela	• 209-170 TCN
• Nhà Chera	• 300 TCN-1200 CN
• Đế chế Chola	• 300 TCN-1279 CN
• Đế chế Pandyan	• 250 TCN-1345 CN
• Satavahana	• 230 TCN-220 CN
Các vương quốc Trung Đại	1 CN-1279 CN
• Đế chế Kushan	• 60-240 CN
• Đế chế Gupta	• 280-550
• Đế chế Harsha	• 590-647
• Đế chế Pala	• 750-1174
• Nhà Chalukya	• 543-753
• Rashtrakuta	• 753-982
• Đế chế Tây Chalukya	• 973-1189
• Nhà Yadava	• 850-1334
Đế chế Hoysala	1040-1346
Đế chế Kakatiya	1083-1323
Các vương quốc Hồi Giáo	1206-1596
• Vương quốc Hồi Giáo Delhi	• 1206-1526
• Các vương quốc Hồi Giáo Deccan	• 1490-1596
Vương quốc Ahom	1228-1826
Đế chế Vijayanagara	1336-1646
Đế chế Mogul	1526-1858
Đế chế Maratha	1674-1818
Liên minh Sikh	1716-1799
Đế chế Sikh	1799-1849
Thời Công ty Đông Ấn cai trị	1757-1858
British Raj	1858-1947
Ấn Độ Độc Lập	1947

TÓM LƯỢC NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT LỊCH SỬ

- Thời kỳ Đức Phật xuất hiện vào năm 623 -543 TCN.

- Đại đế Asoka, lên ngôi năm 273 TCN, quy y Tam Bảo năm 261 TCN và mất năm 256 TCN.

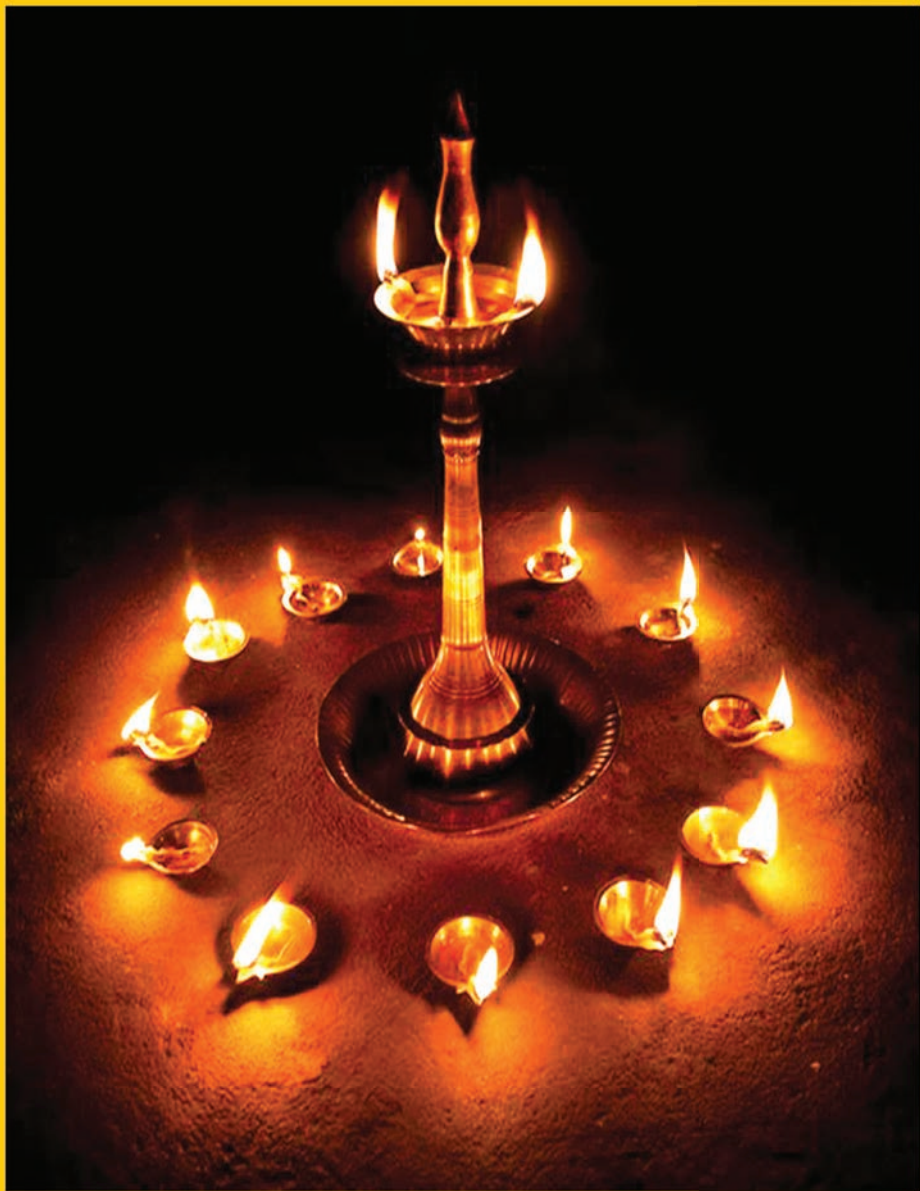
- Ngài Pháp Hãn khởi hành cuộc chiêm bái vào năm 399 (65 tuổi) sau Công nguyên (Tây Lịch), phải mất sáu năm mới đến Jambudīpa (Ấn Độ). Ở đây ngài lưu lại thêm sáu năm, và chuyển về kéo dài 3 năm, đến Trung Quốc vào năm 414. Ngài Huyền Trang khởi hành đến Ấn Độ vào năm 629 (26 tuổi), phải mất 17 năm mới về đến Trung Quốc vào năm 646 (43 tuổi); và ngài Nghĩa Tịnh (sinh năm 635-713).

- Bước sang năm 1200, không còn một vương quốc Ấn Độ nào đủ sức ngăn chặn các đạo quân Hồi Giáo. Vào năm 1192 thủ phủ Delhi bị các đạo quân Thổ Nhĩ Kỳ và Afganistan chiếm đóng.

- Nālandā là một trung tâm học thuật bậc cao thời cổ đại ở bang Bihar, Ấn Độ, tồn tại từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ 12 (1197). Nālandā đã bị đội quân Hồi Giáo người Turk do Bakhtiyar Khilji chỉ huy tàn phá vào năm 1193.

Bốn nhà tiên phong trong cuộc phục hưng Phật Giáo ở Ấn Độ, SCN:

1. TS. Babasaheb Ambedkar, người dẫn đầu của những người Giai Cấp Hạ Tiện, 1814 – 1893
2. Ngài Anagārika Dhammapāla, vị sáng lập Hội Mahābodhi Ấn Độ, 1864-1933
3. Tỳ khưu Chandramani ở Kushinagar (Kusināra), vị Tiên Phong của Phật Pháp Ấn Độ, 1876-1972
4. Tướng Alexander Cunningham, nhà khám phá Di Sản Phật Giáo tại Ấn Độ, 1891-1956.



*Kính mời quý vị viếng thăm
các thánh tích Phật Giáo bằng ngọn đèn trí tuệ!*

LUMBINĪ

Nơi Đức Phật
Đản Sanh



LUMBINĪ

Đức Phật (Bồ Tát) đản sanh tại vườn Lumbinī, quận Bhairahva, thuộc vùng Terai nước Nepal, cách biên giới Ấn Độ khoảng 10 km. Giờ được biết là Rummindei, nơi đây có dòng sông nhỏ Tilara, từ phía đông chảy ngang qua. Dòng sông nằm trong một thung lũng, được bao bọc bởi những đỉnh núi tuyết hùng vĩ Annapurna, Matsyapuccha và Dhavalgiri, điểm tô một nét thanh bình đặc trưng cho toàn bộ quang cảnh.

Một số kinh điển Phật Giáo đề cập nhiều chi tiết liên quan đến Đức Phật đản sanh. Mẹ ngài là hoàng hậu Mahāmāyā đã có một giấc mơ kỳ diệu vào đêm trăng tròn tháng 6 âm lịch Asalha. Bà mộng thấy các vị chư thiên hầu cận từ bốn hướng đã nâng lấy chiếc giường bà lên. Họ mang bà đến thượng tầng của dãy Himalaya (núi Tuyết), cung đón một cách niềm nở, và đặt bà dưới cội cây Sāla bên bờ hồ Mansarovar. Hoàng hậu được các vị chư thiên tắm trong làn nước tinh khiết của hồ, khoác lên mình y phục, đồ trang sức cao quý, xông bằng nhiều nước thơm và bông hoa. Sau đó, hoàng hậu được đưa đến cung điện bằng vàng trên ngọn đồi thiêng liêng gần đó, và để bà xuống trên

Cảnh chùa Myanmar ở Lumbinī





Bồ Tát dẫn sanh ở Lumbini

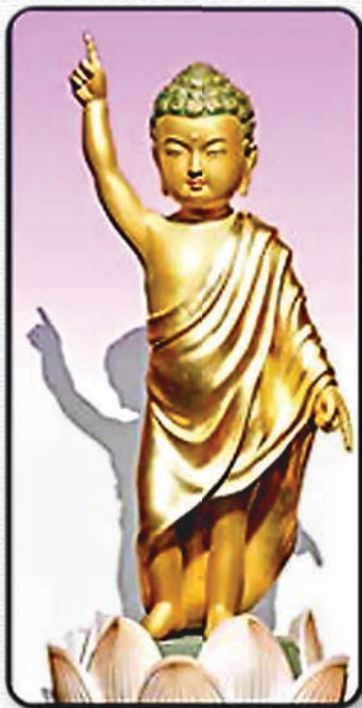
chiếc giường bằng vàng, mặt quay về hướng đông.

Khi hoàng hậu tựa lưng nghỉ ngơi trên chiếc gối ấm áp, bà nhìn thấy một thiên bạch tượng 6 ngàn bước ra từ một ngọn đồi thiêng liêng và hạ xuống cung điện vàng qua cửa bắc. Bạch tượng dùng vôi quăn lấy đóa sen trắng, nhiễu quanh hoàng hậu ba vòng, chạm vào hông bên phải, nhập vào bụng hoàng hậu.

Sáng hôm sau, hoàng hậu thuật lại giấc mơ kỳ lạ của mình cho đức vua nghe. Đức vua sửng sốt, ngài liền cho triệu các thầy chiêm tinh vào triều tham vấn; một số vị tuyên bố rằng Hoàng hậu Mahāmāyā sẽ hạ sanh thái tử; khi lớn lên sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương (*cakkavati*), hoặc xuất gia thành Phật.

Hoàng hậu Mahāmāyā là con gái của vua Koliya, kinh đô Devadaha. Khi kỳ sanh nở tốt lành đến gần, theo như tâm nguyện đã định, hoàng hậu thỉnh cầu đức vua Suddhodana được trở về quê nhà. Đức vua chấp thuận. Hoàng hậu cùng em gái Pajāpati và một số người hầu rời hoàng cung hướng về kinh đô Devadaha trên kiệu vàng. Trên đường từ thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) đến Devadaha phải đi ngang qua khu vườn Lumbinī, với muôn hoa đua nở, chim hót líu lo và nhiều loại cây ăn trái. Hoàng hậu Mahāmāyā muốn nghỉ ngơi chốc lát và đi đến cội cây Sāla. Khi dùng chân dưới tán cây, hoàng hậu chuyển dạ không đau đớn như người thường, bà đưa tay nắm lấy cành Sāla đang vươn mình trước mặt bà. Như một làn gió nâng nhánh cây lên, hoàng hậu Mahāmāyā rướn bàn chân một cách nhẹ nhàng, và đản sanh thái tử trong thế đứng. Đó là ngày rằm trăng tròn tháng 4 âm lịch Vesākha.

Thái tử ra đời vào buổi chiều,





Đạo sĩ Asita tiên đoán về thái tử sẽ trở thành vị Phật trong tương lai

ngày thứ sáu năm 623 TCN. Hoàng hậu và thái tử được tắm trong một cái hồ gần đó, và lên kiệu trở về kinh thành Kapilavatthu. Đức vua Suddhodana rất vui mừng khi nhìn thấy con trai mình, niềm hân hoan lan xa từ thành Kapilavatthu đến Devadaha. Ngày nay, vườn Lumbinī trở nên nổi tiếng, vì đây là nơi đánh dấu một sự kiện hy hữu nhất của một bậc vĩ nhân xuất thế.

Theo kinh điển, công chúa Yasodharā, ngài Ānanda, đại thần Kāludāyi, phu mã Channa, ngựa Kaṇṭhaka, cội Bồ Đề và 7 hăm châu báu đều xuất hiện cùng ngày với thái tử (Siddhattha) đản sanh. Điều đáng nói là, tất cả người và vật trên đều có liên quan mật thiết trong cuộc đời Đức Phật.

Sau khi đản sanh thái tử Siddhattha, đạo sĩ Asita (A-tư-đà) viếng thăm hoàng cung. Đức vua Suddhodana ẩm thái tử đến trước đạo sĩ. Thái tử liền đặt đôi chân của mình lên đầu đạo sĩ trước sự ngạc nhiên của đức vua và mọi người. Đạo sĩ Asita xem tướng pháp thái tử, và tiên đoán rằng sau này chắc chắn thái tử sẽ đi tu và thành Phật.

Trong thời Đức Phật, vườn Lumbinī và thành Kapilavatthu tận hưởng sự vinh quang của nó. Lẫn theo các thánh tích cũng như



Thái tử Siddhattha đản sanh – Bức điêu khắc tinh xảo từ Gandhara (Pakistan)

nhiều di tích khác liên quan đến Đức Phật, vườn Lumbinī nghiêm nhiên được liệt kê vào nơi linh thiêng cao quý đối với các hàng Phật tử. Đây là 1 trong 4 nơi động tâm đáng để cho mọi người chiêm bái và đánh lễ.

Đại đế Asoka đã viếng thăm các thánh tích và bày tỏ lòng thành kính trong chuyến hành hương của mình. Đức vua đã cho tu bổ lại vại thánh tích ở đây. Ngài Pháp Hiển, nhà hành hương nổi tiếng Phật Giáo người Trung Quốc, viếng thăm Lumbinī vào 406 SCN, đã nhìn thấy cội cây nơi thái tử Siddhattha đản sanh và hồ nơi hoàng hậu Mahāmāyā đã tắm sau khi sanh thái tử. Năm 637 SCN, ngài Huyền Trang, nhà hành hương Phật Giáo nổi tiếng khác người Trung Quốc, viếng thăm vườn Lumbinī khi du hành đến Ấn Độ. Việc ghi lại các thánh tích của ngài đã giúp cho các nhà khảo cổ học nhận dạng lại vị trí của các thánh tích cũng như tái hiện hình dáng ban đầu. Ngài Huyền Trang ghi nhận tại khu vườn Lumbinī có một hồ nước trong suốt rất đẹp, dòng tộc Sakya đã tắm, và khoảng phía trước 24 bước là cội cây Sāla lâu đời nơi Đức Phật (Bồ Tát) đản sanh. Về phía đông là

Toàn cảnh điện thờ chính Lumbinī
(Điện thờ Hoàng Hậu Mâyā Devī)





bảo tháp Asoka, có 2 vị rồng Long Vương (Nāga) đã tắm cho thái tử bằng 2 dòng nước - nóng và lạnh khi ngài mới hạ sanh.

Phía đông khu vườn có bảo tháp đôi, và một dòng suối có từ thời thái tử (Bồ Tát) dẫn sanh. Phía nam có bảo tháp khác. Xa hơn có 4 tháp tứ đại thiên vương (họ đứng hầu 4 phía khi thái tử ra đời). Gần các ngôi tháp này có trụ đá với đỉnh trụ hình con ngựa đang đứng được đại đế Asoka dựng lên. Trụ đá đã bị hư hại qua các cuộc tấn công dữ dội bởi kẻ xâm lược Hồi Giáo, và những phần tử chống phá Phật Giáo khác.

Một nửa trụ đá gãy đổ trên mặt đất. Phía đông, ngoài trụ đá, có dòng sông nhỏ Teta chảy ngang qua. Xa xưa, đây chính là hồ tinh dầu được hóa hiện bởi chư thiên để cúng dường đến hoàng hậu Mahāmāyā tắm sau khi dẫn sanh thái tử. Năm tháng qua đi, hồ tinh dầu này đã thay đổi thành một dòng sông.

Chính khi đại đế Asoka triều đại Māgadha viếng thăm và đánh lễ thánh tích Lumbinī thì nơi này trở lên thu hút sự chú ý và khơi



*Đại đế Asoka viếng
thăm Lumbinī cùng
với hoàng tộc*





Một bức phù điêu đắp nổi ở tháp Hòa Bình Lumbinī

nguồn cảm hứng. Thực tế cho thấy, sự hưng thịnh của thánh tích này ngay cả dưới triều đại Harshavardhana. Bên cạnh bia ký Asoka, nhiều sử ký của các nhà hành hương Phật Giáo người Trung Quốc đã cung cấp nguồn thông tin chính xác cho các nhà khai quật. Bước chân hành hương về các thánh tích từ những thế kỷ đầu đến thế kỷ 12 SCN được liệt kê rõ nét. Sau sự xâm lăng của đạo Hồi, thánh tích Lumbinī này bị tàn phá và bị lãng quên sau nhiều thế kỷ giống như các thánh tích Phật Giáo khác.



Tỳ khuru Đức Hiền (16/12/2008, dịch giả)

Năm 1896, ngài A. Fuhrer khai quật được trụ đá Asoka ghi rằng đây là nơi thái tử dòng họ Sakya ra đời. Do vậy, thánh tích Lumbinī đã hé mở cho thế giới biết đến. Năm 1899, ông Purnachandra Mukharji đã cho tiến hành khai quật nơi này, và nhiều bảo tháp, công trình kiến trúc khác liên tiếp đã được tìm thấy. Một Phật tử Nepal cũng tiến hành khai quật vài lần tại đây. Năm 1933-1939, thánh tích Lumbinī lại được khai quật lại dưới sự giám sát của tướng Bahadur Rana. Bà Debala Mitra (1962), nhà sử học, học giả Phật Giáo nổi tiếng, người sáng lập Bhartiya Mahābodhi Sabhā, cùng với sự đóng góp của ngài Anagārika Dhammapāla đã khôi phục lại các thánh tích Phật Giáo tại Ấn Độ. Đây là điều rất đáng chú ý. Do vậy, thánh tích Phật Giáo Lumbinī vẫn còn giữ được nét quyến rũ với cả thế giới với sự lộng lẫy của nó.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT:

(1) Trụ đá Asoka: Trụ đá Asoka tại vườn Lumbini là di tích lịch sử vĩ đại. Đây được xem là bằng chứng khảo cổ xác thực nhất nơi Đức Phật đản sanh. Chứng tích quan trọng này được tìm thấy tại đây, đánh dấu sự huy hoàng từ niên đại thời Maurya. Một mảnh đá được khai thác từ mỏ Chunar, có những chấm đen nhỏ trên đó. Điều này cho thấy rằng, trụ đá Asoka được làm từ đá mỏ Chunar. Trụ đá cao 7,4 mét, có vết rạn chạy từ trên xuống giữa trụ. Đỉnh đầu trụ đá hình con ngựa đã bị tàn phá, không còn dấu tích, chỉ còn đầu trụ hình hoa sen vẫn còn được lưu giữ dưới chân trụ cho đến ngày nay. Trụ đá Asoka hiện giờ chỉ cao 3,42 mét, trên đó có khắc ghi bia ký quan trọng của đại đế Asoka, xác chứng lịch sử đây là nơi Đức Phật đản sanh. Phần móng trụ 2,5 mét nằm sâu trong nền gạch cứng dưới đất.

Bia ký trên trụ đá Asoka xác chứng việc đại đế Asoka đã đến thăm viếng thánh tích này với người thân và quần thân. Bia ký được viết bằng mẫu tự Brahmi, và ngôn ngữ Prakrit (Asokī). Có năm dòng văn bản được ghi lại như sau:

- (i) *Devānaṃ piyena piyadasina lajina veesativasa-bhisitena***
- (ii) *Atana-agaca mahiyite hida buddhe jate Sakyamunīti***
- (iii) *Silavigadabhi ca kalapita silathame ca uspapite***
- (iv) *Hida bhagavaṃ jateti Lummani game ubalike kate***
- (v) *Athabhagieca.***

Bia ký viết rằng: đại đế Asoka, sau 20 năm lên ngôi, đã thực hiện chuyển hành hương đến thánh tích này, nơi Đức Phật dòng



Phác họa lại trụ đá Asoka trong hình dáng ban đầu

Đây là phiến đá lịch sử được đặt trên một tháp gạch do đại đế Asoka xây dựng khi đức vua viếng thăm thánh tích Lumbinī vào năm 249 TCN để xác minh chỗ chính xác Đức Phật đản sanh.



Điện thờ Rajkiya ở Lumbinī



Sakyamuni đã ra đời. Đức vua cho xây dựng một bức tường đá bao quanh, và rồi dựng lên trụ đá vĩ đại này. Nơi Đức Phật đản sanh, đại đế Asoka ra chiếu chỉ ưu ái cho người dân trong làng chỉ đóng 1 phần 8 lợi tức từ sản phẩm.

Trụ đá còn nhiều dòng chữ khác do những người hành hương từ khắp nơi trên thế giới viếng thăm. Dễ thấy nhất là câu thần chú nổi tiếng: “*Om mani-pakme hum*” viết bằng mẫu tự Tây Tạng.

Phía đông-bắc và đông-nam trụ đá, có 2 bảo tháp nhỏ nền vuông bằng gạch. Phía tây-nam thánh tích chỉ còn nền gạch. Ba di tích này có lẽ được xây dựng về sau so với trụ đá Asoka. Phía đông-bắc trụ đá có thể nhìn thấy phần di tích có kiến trúc khép kín.

(2) Điện Thờ Chính: Vài mét ở phía đông của trụ đá là một điện thờ chính Phật Giáo hiện đại có mái bằng. Điện thờ này tọa lạc giữa một nền đất rộng. Bên trong tôn trí một bức tượng đã bị gãy đổ, bức tượng này mô tả sự ra đời của thái tử Siddhattha. Bức tượng có kích thước khá thực, mô tả hoàng hậu Mahāmāyā đang đứng dưới gốc cây, tay phải vin lấy cành cây, tay trái bà tựa lên eo mình, hoàng hậu được em gái Mahāpajāpati Gotamī đang đứng dìu bên phải. Trời Đế Thích Sakka đang dang tay sẵn sàng tiếp nhận thái tử. Thái tử (Bồ Tát) được khắc chạm bằng hình tượng nhỏ hơn, trên đầu có vòng hào quang.



Tỳ khuru Trần Văn Tha, Tỳ khuru
Thiện Thắng, Tỳ khuru Đức Hiền
(từ trái sang phải) - 16/12/2008

Một tượng thiên nam khác đứng cạnh vua trời Đế Thích Sakka, được cho là Phạm Thiên Brahma. Bức tượng này đã bị hư hỏng nặng. Với nghệ thuật và phong cách này, bức tượng dường như thuộc thời kỳ đầu Gupta. Điện thờ chính hiện đại với nền rộng được xây trên những di tích cổ, có vài kiến trúc nhỏ xen lẫn nhiều tịnh xá, và bảo tháp lộng lẩy khác. Nền điện thờ cổ được khai quật bởi ông Purnachadra Mukharji vào năm 1899. Trước đây, chỉ có một điện thờ và am nhỏ hình chữ nhật, bên trong có tôn trí bức tượng thái tử Siddhattha (Đức Phật) đản sanh. Nhiều mặt nền tịnh xá thật tuyệt vời với những chấn song cửa nhỏ nằm gọn trong khối nền. Đây là lối kiến trúc thật tinh xảo. Các ngôi tháp và nền gạch điện thờ chính được khai quật bởi ông Mukharji, giờ đã bị chôn vùi dưới điện thờ chính hiện tại.





Bức tượng Bồ Tát dẫn sanh sống động nổi tiếng thế giới tại Lumbinī bằng đá khắc họa Hoàng hậu Mahāmāyā, mẹ của Thái tử Siddhattha (Đức Phật), đang vin lấy cành cây Sālā bằng tay phải. Thái tử Siddhattha dẫn sanh và đứng thẳng trên đóa sen.



Bức tượng cổ bằng đá đang trưng bày ở Điện thờ Chính



Hồ nước Sakyan (Puskarni) quý báu mà Hoàng hậu Mahāmāyā đã tắm rửa trước lúc hạ sanh và chính nơi này Thái tử Siddhattha cũng được tắm sau khi ra đời.

Điện thờ chính trước kia có lẽ là nơi Đức Phật dẫn sanh. Lốp tường đá được xây dựng bởi đại đế Asoka cũng bị chôn vùi dưới điện thờ hiện tại. Đây chính là khu nền điện thờ cổ. Kiến trúc xây dựng chính theo lối hình chữ nhật cũng bị chôn vùi dưới những bậc cấp của điện thờ hiện đại.

(3) Hồ Nước Sakyan (Puskarni): Phía nam điện thờ chính có một hồ nước, đây chính là nơi hoàng hậu Mahāmāyā tắm rửa sau khi dẫn sanh thái tử. Vị trí này cũng được xác minh trong sử ký của ngài Huyền Trang. Bờ hồ được gia cố bằng gạch nung, và hầu như đã khôi phục lại như dáng vẻ ban đầu của nó.

(4) Những Di Tích: Phía đông-bắc hồ nước có thể thấy vài di tích bằng gạch, đây là nền các bảo tháp nhỏ cổ xưa. Trong số này, có 6 bảo tháp được xây dựng từ đông sang tây trên một dãy dài. Dù đã bị chôn vùi nhưng vẫn xem như nền gạch sớm nhất. Cạnh đó, phía đông-nam hồ nước có điện thờ hình vuông lớn bằng gạch, có sân bao quanh với nhiều phòng nhỏ vững chắc ở bốn góc. Sàn nhà của phòng đôi được xây bằng gạch lớn hơn. Ngôi tịnh xá đứng đầu trong các kiến trúc khác, có lẽ đây là mô phỏng hoàn hảo cho các tịnh xá sau này.

Bậc thang phía đông-nam của điện thờ chính, chúng ta có thể thấy các khung nền tịnh xá cao 1,8 mét được xây dựng bằng gạch lớn hơn.

*Toàn cảnh ngôi tháp Hoa Sen (Đức) vĩ
đại của Đức, tôn vinh thêm vẻ đẹp của
Lumbinī*



Chùa Việt Nam (Việt Nam Quốc Tự)



Ở 4 phía đều có cổng chính. Cổng phía tây lớn hơn các cổng khác. Từ phía bắc đến phía đông điện thờ chính, lối dẫn lên bậc thang có 16 cụm tháp gạch. Phía bắc điện thờ chính có 3 ngôi tháp gạch nhỏ, tất cả đều hình vuông.

Bên cạnh những di tích này, còn vài di tích khác cũng được khai quật một phần tại đây rải rác dọc theo sông Tilara. Chúng được khai quật bởi tướng Shamsheer Jang Bahadur Rana, dưới sự lãnh đạo Babu Purnachandra Mukharji vào năm 1899. Ông Bahadur Rana đã khai quật nhiều cổ vật tinh xảo hơn, được gìn giữ cẩn trọng trong nhà khách cũ ở đây. Các cổ vật gồm đỉnh đầu Đức Phật bằng sa thạch (cẩm thạch hồng) theo lối điêu khắc Mathura của thời kỳ sau triều đại Kusana. Vài đỉnh đầu Đức Phật được làm bằng đất sét và nhiều bức tranh khắc chạm theo kiểu Gupta, các tượng đá thế kỷ 9 – 10 khắc họa thần thông của Đức Phật ở thành Sāvattthī. Ngoài ra còn có bức tranh khắc bằng đất nung ở thế kỷ thứ 8 – 9 SCN ghi lại các học giới Phật Giáo bằng mẫu tự hiện đại.

(5) Những Ngôi Chùa Mới: Tại thánh tích Lumbinī, có 2 ngôi



*Tháp Hòa Bình Thế Giới
(Nhật Bản)*



*Bức tượng cổ bằng đá áp lên
tường bên trong điện thờ chính*



Nơi Thái tử Siddhattha (Đức Phật) đản sanh - (Điện thờ Mahāmāyā)



*Đây là phiến đá lịch sử được đặt trên một
tháp gạch do đại đế Asoka xây dựng khi
đức vua viếng thăm thánh tích Lumbinī
vào năm 249 TCN để xác minh chỗ chính
xác Đức Phật đản sanh.*





Chùa Tích Lan (Sri Lanka) ở Lumbini

chùa (Buddha Vihāra) mới hiện đại xây dựng độc lập. Trong số này phải kể đến Ngôi Chùa Nguyên Thủy xây dựng bởi tỳ khưu Chadramaṇi Mahāthera từ Kusiṇārā vào năm 1956, và một ngôi chùa Tây Tạng.

Nhìn chung các di tích cổ đồ nát cùng với nhiều ngôi chùa mới hiện đại xung quanh, thánh tích Lumbinī bây giờ nghiêm nhiên nổi bật là một thánh tích cao quý và quan trọng nhất đối với các hàng Phật tử trên toàn thế giới.



Chùa Thái Lan



Chùa Hàn Quốc





BẢN ĐỒ CÁC CH



Chùa
Cam-pu

Chùa Thái Lan



1.8 Km

ini Development Trust

ond

Central Canal



Chùa Liên Hoa (Đức)

Việt Nam Quốc Tự



Chùa Linh Sơn (VN)

Chùa Trung Quốc

Chùa Hàn O



© 2016 C

© 2016



TÀM Ở LUMBİNÌ



BẢN ĐỒ THÁNH TÍCH LUMBINI



Điện Thờ Chính

Maya Devi Temple



Sacred Pond

Trụ Đá Asok

Hồ Nước



© 2016 Google
Image © 2016 CNES / Astrium

Google Earth

Tour Guide

2003

Imagery Date: 4/19/2014 27°28'10.45" N 83°16'32.55" E elev 329 ft eye alt 819 ft

Maya Devi Temple, Taulihawa Road, 32
Tilaurakot, Kapilvastu 32800, Nepal

Rời khỏi bây giờ TÙY CHỌN

Gửi chỉ đường đến điện thoại của bạn

qua Hulaki Rd 49 p
49 p có giao thông 29,3 km

CHI TIẾT

Thành Kapilavasthu

BẢN ĐỒ KHOẢNG CÁCH GIỮA KAPILAVATTHU VÀ LUMBINI

Đăng nhập

Tilaurakot

Kapilavastu

Maya Devi Temple

Kapilavastu (Ấn Độ)

Birdpur

Shivmati Nainar

Dữ liệu bản đồ © 2016 Google

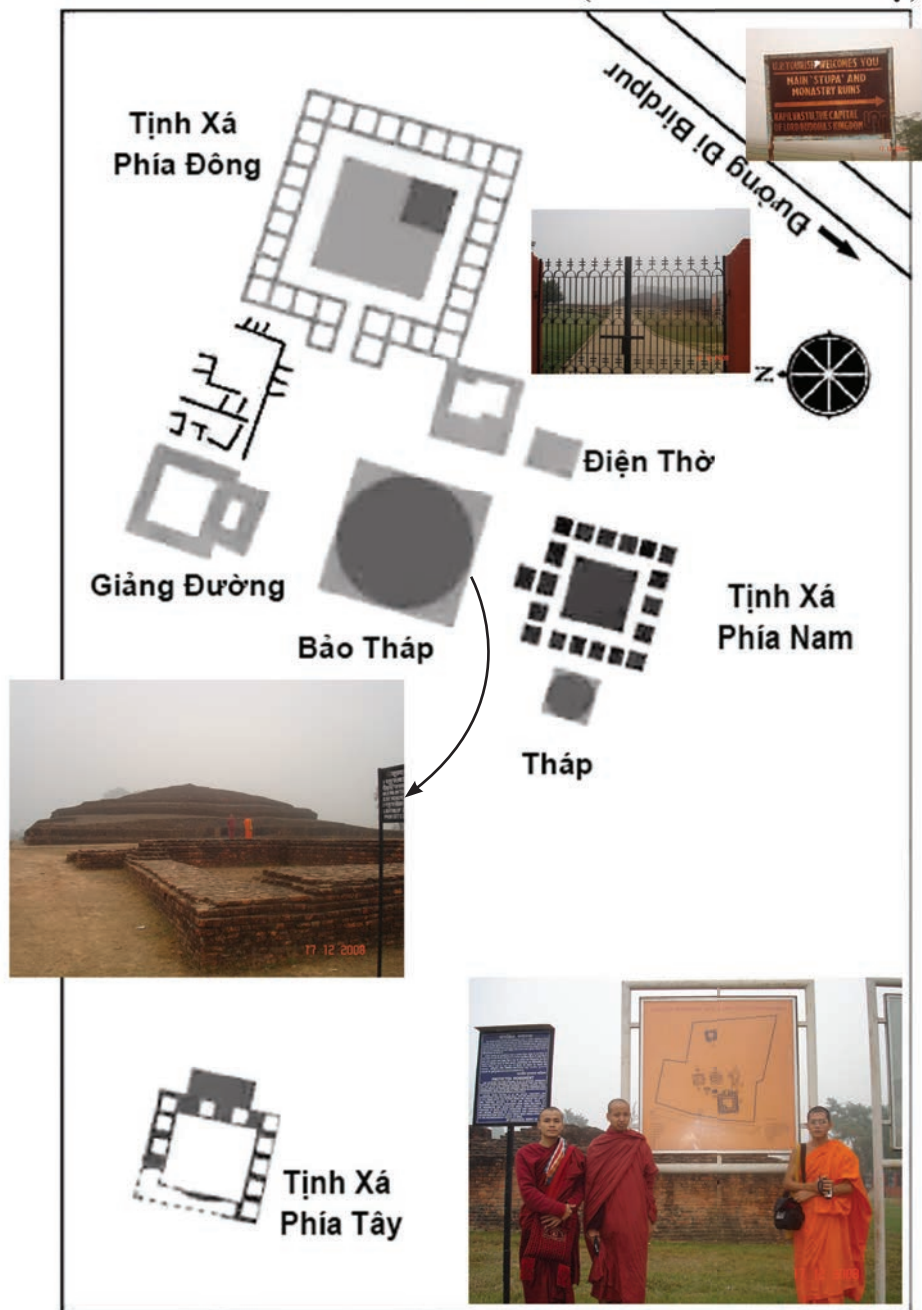
Điều khoản

Gửi phản hồi

5 ki lô mét

Xem bản đồ đen trắng phía bên tay phải

SƠ ĐỒ THÀNH KAPILAVATTHU (PIPRAHWA - ẤN ĐỘ)



BODHGAYA

Nơi Đức Phật
Thành Đạo





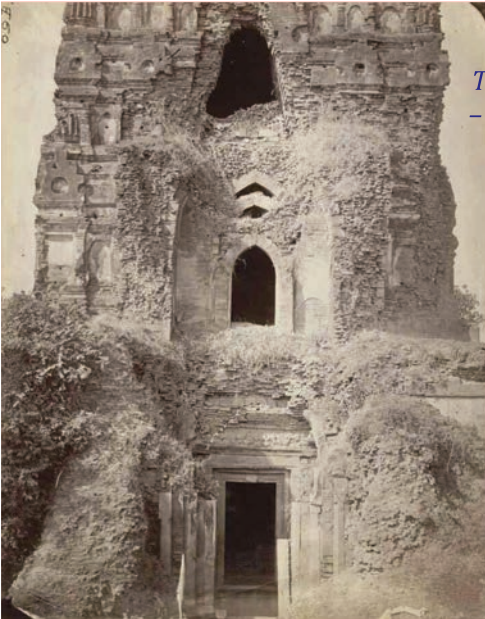
BODHGAYA

Thời khắc quan trọng nhất trong cuộc đời của Đức Phật chính là khi Ngài thành tựu quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài giác ngộ tại làng Uruvelā (nay Urela), khoảng 10-12 km về phía nam, nay là đường sắt Gāya. Dòng sông xưa Nerañjana (Ni Liên Thuyền - nay Phalgu) chảy ngang qua bảo tháp Đại Giác, Bodhgaya. Thánh tích này vẫn là nguồn động viên, phấn chấn, và truyền cảm cho toàn thể Phật tử, những người có tín tâm, khách du lịch và nhiều nhà yêu nghệ thuật khác trên toàn thế giới.

Đại đế Asoka đã nhắc đến nơi này là ‘Sambodhi’ – ‘Toàn Giác’ trong chuyến viếng thăm của của mình trên bia ký. Tại sao thánh tích này lại có tên ‘Mahābodhi’, đây là một điều thú vị và quan trọng trong việc nghiên cứu. Về địa danh này, năm 408 SCN, Ngài Pháp Hiển, nhà hành hương Phật Giáo người Trung Quốc, đến thăm Ấn Độ nhưng trong sử ký thì lại không có nhắc đến tên chính xác nơi này. Tuy nhiên, một nhà hành hương khác người Trung Quốc, ngài Huyền Trang thì lại gọi nơi này là ‘Mahābodhi Vihāra’ – ‘Bảo Tháp Đại Giác’ khi ngài viếng thăm Ấn Độ vào năm 637 SCN. Về sau, ‘Mahābodhi’ ‘Tháp Đại Giác’ hay Bodhgaya - ‘Bồ Đề Đạo Tràng’ trở thành tên gọi phổ biến và được công nhận một cách rộng rãi cho

*Tháp Đại Giác vào
đêm trăng rằm*





*Tháp Mahābodhi
– Đại Giác - trước
lúc khôi phục*



đến bây giờ, mặc dù sau này theo sử ký của ngài Dhammaswami, nhà hành hương Phật Giáo người Tây Tạng viếng thăm Ấn Độ vào năm 1234 cho rằng thánh tích này là Vajirāsana. Nhưng sử ký này không được thuyết phục. Hầu hết các nhà sử học trên thế giới đều nhất trí rằng Đức Phật giác ngộ năm 588 TCN. Điều quan trọng

là chúng ta nên tìm hiểu là Đức Phật đã đến đây và thực hành như thế nào. Một mô tả trong Lalita-Vistara có lẽ sẽ cung cấp cho chúng ta vài minh chứng sau đây:

“Bồ Tát đã dừng chân ở đỉnh đồi Gāyasīsa theo ước nguyện của mình, rồi bộ hành đến làng Uruvelā, Ngài nhìn thấy dòng sông Nerañjana với mặt nước lấp lánh tinh khiết; bên cạnh có những đền thờ thiêng liêng, nhiều ngôi nhà gạch, cây cối, thảo mộc, vùng chăn thả gia súc, và điều này làm cho ngài rất hoan hỷ. Bồ Tát bảo những người bạn đồng tu rằng: Đây thật là nơi khả ái. Nó thích hợp nhất cho ta và các bạn đang





**Tháp Đại Giác - Mahābodhi
(nhìn từ trên cao)**





Buddhapāda (Dấu chân Đức Phật) ở Điện thờ chính Mahābodhi, có hiện rõ dấu luân xa (bánh xe) trên bàn chân Ngài, một trong những đại nhân tướng của bậc đại nhân

mong muốn chứng đạt quả vị giải thoát. Chúng ta hãy dừng lại nơi này để tu tập vậy!”

Như vậy, Bồ Tát đã lưu lại đây 6 năm, với hy vọng tìm cầu giải thoát. Tại đây, Ngài thực hành nhiều pháp môn khổ hạnh. Ngài hành khổ hạnh ép xác tột đỉnh hơn bất kỳ nhà tu khổ hạnh nào vào thời bấy giờ. Tuy nhiên, Ngài đã không thể thành tựu được mục đích như mong muốn. Cuối cùng, Ngài đã từ bỏ con đường khổ hạnh ép xác sau 6 năm, và áp dụng phương pháp tu tập theo tinh thần trung đạo. Bồ Tát đã thọ thực bát cháo sữa do tín nữ Sujatā dâng cúng.

Rồi, Bồ Tát đi bộ đến cây Bồ Đề, Ngài phát nguyện trong tâm mình: “*Dấu thân ta có khô cạn trên bồ đoàn này, chỉ còn da bọc xương, ta sẽ không rời chỗ này cho đến khi ta chứng đạt giác ngộ!*”

Nhờ thực hành theo Trung Đạo (Majjhimāpatipadā), Bồ Tát Siddhattha chứng đắc quả vị Phật xuyên qua sự nỗ lực không mệt mỏi của mình. Ngài chiến thắng Ma Vương (Māra), thấy rõ vô số kiếp sống của mình và tất cả chúng sanh. Ngài chứng ngộ các thắng trí (abhiññāya), và hiểu rõ nhân duyên của tập khởi. Ngài chứng đạt quả vị Toàn Giác (sambodhi). Ngài nói lên cảm hứng của mình



*“Dẫu thân ta
có khô cạn
trên bờ đoàn
này, chỉ còn
da bọc xương,
ta sẽ không
rời chỗ này
cho đến khi
ta chứng đạt
giác ngộ!”*

◀ Đức Phật khổ hạnh -
tượng đá Gandhara
(Pakistan)

ngay sau khi giác ngộ được mô tả tuyệt vời qua 2 câu kệ Pháp Cú (153-154):

“Lang thang xuyên qua nhiều kiếp sống, Ta tìm ngôi nhà nhưng chẳng gặp; hồi này người thợ xây nhà kia, phiền muộn thay kiếp sống lặp lại mãi (dukkha jāti punappunam). Hồi này người thợ xây nhà, ta đã thấy người. Người sẽ không xây nhà nữa. Tất cả rui mè của người đã bị gãy. Kèo cột của người vỡ tan. Tâm ta chứng đạt tịch tịnh. Ai dục đã hoàn toàn chấm dứt!”

Từ khi Bồ Tát Siddhattha thành Phật, nơi này trở thành đại danh rất đặc biệt và đáng chú ý đối với những tín đồ Phật Giáo, và trở thành trung tâm hành hương nổi tiếng khắp thế giới. Trong kinh Đại Bát

*Tượng Phật Nhật Bản cao 25
mét gần Đại Tháp Mahābodhi*



Niết Bàn (*Mahāparinibbāna Sutta*), Đức Phật đã trả lời thắc mắc của Đại đức Ānanda về nơi hành hương nào tạo được nhiều phước báu đối với người con Phật, Ngài đã đề cập 4 thánh tích sau:

(1) Vườn Lumbinī: Nơi Ngài (Bồ Tát) đản sanh;

(2) Bodhgaya (Bồ Đề Đạo Tràng): Nơi Ngài chứng ngộ;

(3) Sarnath (Isipatana Migadāya): Nơi Đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên; và

(4) Kusinārā: Nơi Đức Phật nhập Niết Bàn.

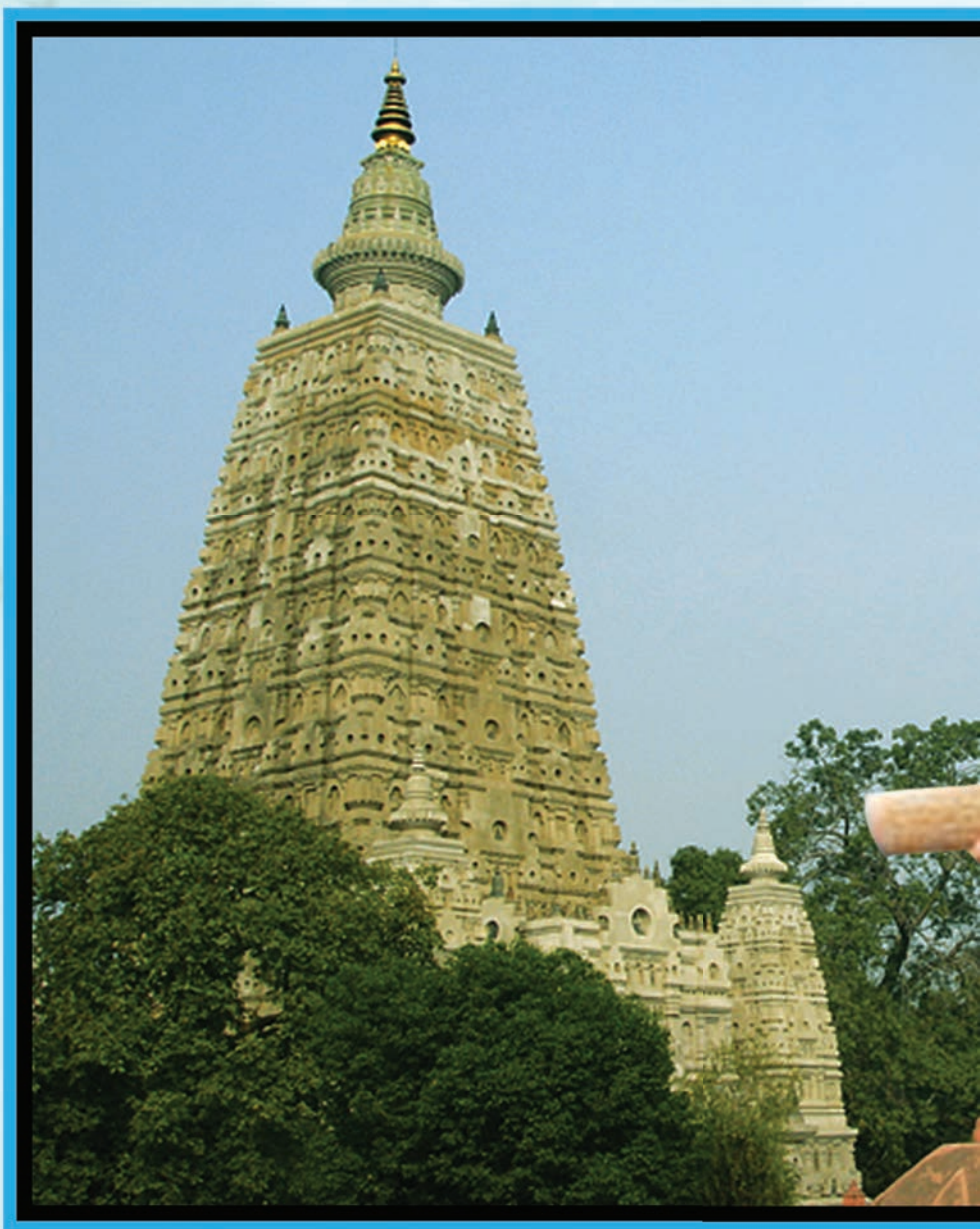
Nhiều di tích khác được xây dựng tại Bodhgaya, nơi Bồ Tát Siddhattha thành đạo, qua các thời kỳ khác nhau. Minh chứng cho thấy, đại đế Asoka đã viếng thăm nơi này trong lần hành hương đầu tiên với gia đình và quần thần. Đại đế đã cho xây dựng bảo tháp, điện thờ, tịnh xá, v.v...

Một bia ký được tìm thấy tại Bharahuta ghi lại đức vua đã cho xây dựng bức tường thành bao quanh tháp Đại Giác (Mahābodhi) và cội cây Bồ Đề, đồng thời cho dựng trụ đá có đỉnh hình con voi tại đây. Tướng Alexander Cunningham cũng tái khẳng định rằng tháp Đại Giác - Mahābodhi Mahāvihāra - được kiến tạo dựa trên nền cũ của Đại Tháp được đại đế Asoka xây dựng.



Ngài Huyền Trang
- vi hành hương
người Trung Quốc





Một thời vàng son của Phật Giáo







Thư ký điều hành Tháp Đại Giác (Mahābodhi) tiếp đón ông H.E Hamid Ansari, phó tổng thống Ấn Độ, cùng các vị lãnh đạo cao cấp Ấn Độ thăm viếng Mahābodhi



Tháp Đại Giác có mặt vào thế kỷ thứ 2 SCN. Thời gian xây dựng được xác định bởi các di tích phát hiện ở đây, trong số đó có đồng tiền vàng từ thời Huviska, vị vua thứ hai Kusana sau Kaniska. Bìa ký Ấn-Scythia (từ Trung Đông) và Gupta cũng đã tìm thấy tại đây chứng minh quan điểm tháp Đại Giác đã xây dựng dưới triều đại vua Huviska. Bức tượng Phật mạ vàng trong tư thế đang ngồi với tay chạm mặt đất đang tôn trí tại điện thờ chính Tháp Đại Giác vào năm 380 SCN.

Bức tường thành và tháp Đại Giác được xem là cổ nhất, có thể vào thế kỷ 1 SCN. Ba bà hoàng hậu góp phần không nhỏ trong việc xây dựng bức tường, trong đó 2 bà hoàng hậu thuộc triều đại Mitra. Bức tường được mở rộng trong thời Gupta.

Nhiều bia ký được khai quật tại Bodhgaya cho thấy suốt thời Gupta (năm 388 SCN), vua Meghavanṇa, người Sri Lanka, đã tôn tạo 3 tịnh xá Saṅghārāma tại nơi này, bao quanh bởi những bức tường cao 1,9 – 2,12 mét. Theo ngài Quảng Hiền, người Trung Quốc, cho rằng đức vua Sri Lanka đã gửi lá thư đến vua Samudragupta (335-76 SCN) dưới triều đại Gupta để xin xây dựng một vài tịnh xá

*Trụ đá Asoka
(Nhìn từ phía hồ Mucalinda)*





*Bức tường được khắc chạm bằng đá sa thạch bao
quanh Đại Tháp Mahābodhi và cây Bồ Đề*

làm nơi dừng chân cho những vị sư và các đoàn hành hương từ Sri Lanka.

Bodhgaya có liên quan mật thiết đối với Sri Lanka khi tỳ khưu ni Saṅghamittā, con của đại đế Asoka, đã mang một nhánh cây Bồ Đề được chiết từ cây Bồ Đề nơi Đức Phật thành đạo, trồng tại thành phố Anurādhapura, nước Sri Lanka. Một du khách hành hương đến từ Tamraparni, Sri Lanka, ở thế kỷ 1 TCN, ông đã cúng dường xây dựng lại bức tường quanh cội Bồ Đề. Vào năm 588-589 SCN, ngài tỳ khưu Mahānāma, người địa phương, đã dâng cúng một bức tượng Phật, cho xây dựng thảo am ở Bodhimanda. Bia ký được gìn giữ tại bảo tàng Patnā cho thấy ở thế kỷ 12, ngài Udayasiri người Sri Lanka đã tôn trí một tượng Phật ở đây.

Thánh tích này hưng thịnh lâu dài dưới triều đại các vị vua Pal. Vài bia ký được khai quật ở đây mô tả nhiều tặng phẩm được dâng







*Tượng Phật bên trong
Tháp Đại Giác*



cúng vào triều đại Pal. Năm 1010 SCN, vua Mahipal tự mình chỉ đạo công việc tu sửa các bảo tháp tại đây. Hầu hết nhiều bức tượng đã tìm thấy bên trong và xung quanh Mahāvihāra đều thuộc thời kỳ đó. Đặc biệt nhất là tượng Phật trong tư thế ngồi kiết già, tay chạm mặt đất. Ngoài ra, còn có các tượng Phật khác và các vị thần được tìm thấy với số lượng lớn tại Mahābodhi (Vajirāsana).

Theo ông Dharmaswami (Tây Tạng) cho rằng thánh tích này không được chú ý bao nhiêu, bởi vì nơi đây rất vắng vẻ, chỉ có 4 vị sư ở trong tịnh xá. Một vị trong đó nói rằng ở đây không tốt, tất cả đều bỏ chạy vì sợ quân đội Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ. Các vị sư đóng bít cổng tháp bằng gạch, bôi trét cánh cửa ngoài, và phủ kín bức tượng Mahābodhi bằng đất sét, thay thế vào đó một bức tượng khác, tượng thần Mahesvara, để bảo vệ khỏi sự tàn phá Hồi Giáo.



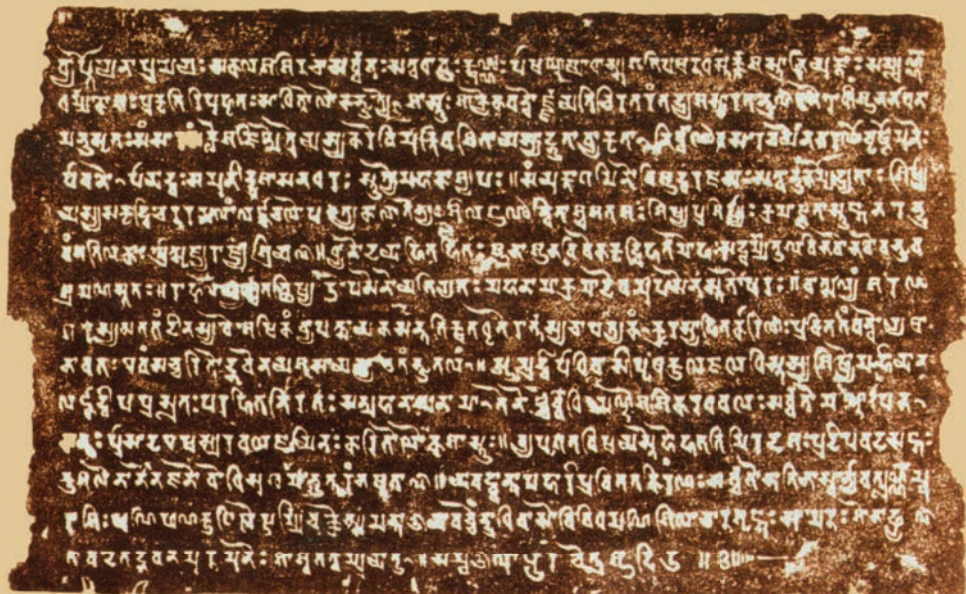


Tỳ khưu ni Saṅghamittā mang nhánh
cây Bồ Đề du hành sang Sri Lanka



BRINGING A SPRING OF THE SACRED BUDDHA - HON. HENGICOLA TO SRI LANKA IN THE 2ND CENTURY B.C.
Wall Mural Raja Mahaya Viharaya Kelaniya, Sri Lanka
Painting by Seliyas Mander
Pix by Pradeep Pathmaperuma





Bia ký bằng đá của tỳ khuru Mahānāma được khai quật ở Bodhgaya

Cổng đối diện với bức tượng Mahābodhi bằng gạch và trét bằng đất sét. Họ đã đặt bức tượng khác cạnh đó để thay thế.

Cuối cùng, ông Dharmaswami cũng trốn vào rừng cùng 4 vị sư. Ông Dharmaswarni yết kiến đức vua Buddhasena thuộc xứ Māgadha gần Mahābodhi (Vajirāsana). Sau khi từ rừng trở về, đức vua đem nhiều dụng cụ để khôi phục lại Bảo Tháp sau cuộc xâm lăng Hồi Giáo kết thúc. Vua Buddhasena là một Phật tử. Bia ký của đức vua được phát hiện ở Bodhgaya cho thấy ngoài những vị sư từ Sri Lanka, còn có ngài tỳ khuru Paṇḍita Sirī Dhammarakkhita, vị cố vấn tinh thần cho vua Kama, thọ nhận sự cúng dường từ đức vua. Vua Purusottama Singh thuộc xứ Kama cùng thời vua Asokachalla,



◀ *Quang cảnh cổng vào Đại Tháp Mahābodhi*



Đức Phật hành thiền dưới cội cây Bồ Đề

xứ Sapadalaksha. Bia ký từ năm 1813 (Nirvana Samvata) cho thấy ngài Dhammarakkhita đi đến Bodhgaya để cố vấn cho vua Purusottama Singh thuộc xứ Kama trong việc xây dựng lại hương thất Gandha của Đức Phật.

Đức vua xứ Kama thỉnh cầu vua xứ Chinda và Asokachalla hãy hộ trì Phật Giáo. Hai bia ký của vua Asokachalla được khai quật cho thấy sự quan tâm của nhà vua trong việc tu bổ thánh tích Bodhgaya. Bia ký đầu tiên, có niên đại từ năm thứ 51 thuộc lịch Laxmanasenak Atita Rajya, mô tả vài thí chủ thực hiện việc xây dựng tượng Phật, tịnh xá, và điện thờ dưới sự chấp thuận của đức vua Asokachalla.

Chính đức vua Asokachalla cung ứng phẩm vật hàng ngày và dầu đèn v.v... để cúng dường lên các pho tượng từ Sri Lanka. Bia ký khác thuộc năm 74 theo lịch Nirvana Samvata đề cập đến việc cúng dường âm thầm của vị tướng quân Phật Giáo là thái tử Dasaratha, em trai vua Asokachalla.

Con trai vua Buddhasena là thái tử Jaisena cũng quan tâm đến Phật Giáo. Thái tử đã dâng cúng ngôi làng để mở rộng thêm thánh tích Bodhgaya, và chỉ định Tỷ khuru Tam Tạng (Tīṭṭakācariya) Maṅgalaswami từ Sri Lanka quản lý thánh tích. Thực tế cho thấy Bodhgaya hầu như hoàn toàn được trông coi bởi các vị sư người Sri Lanka. Việc này được đề cập trong bia ký của vua Asokachalla.

Ghi chép sau đây của ông Dharmaswami giải tỏa mọi nghi ngờ: *“Một vài mét từ Mahābodhi Mahāvihāra, với bức tường vương có*



Đại đế Asoka



3 cổng ở phía đông, tây, bắc. Không một có thể nghỉ lại trong 3 cửa này, ngoại trừ các vị sư cư ngụ trong Đại Tự (Mahāvihāra). Có 300 vị sư thuộc phái Sāvaka từ Sri Lanka tu tập tại đây. Họ thực hành theo giáo lý riêng của họ. Các vị sư thuộc giáo phái khác không có quyền hành, nhất là những ai theo Phật Giáo Đại thừa - Kim Cương thừa thì không được trọng vọng và quan tâm mấy."

Khoảng nửa thế kỷ 13, nhiều tín đồ Phật Giáo từ Myanmar quan tâm đến việc duy trì và cải thiện Mahābodhi Mahāvihāra này. Các bia ký bằng ký tự Myanmar được tìm thấy ở đây đề cập ít nhất 3 lần tu sửa và cúng dường xây dựng thánh tích này. Một trong những bia ký quan trọng đáng chú ý đã mô tả việc tu bổ tổng thể Mahāvihāra do vua Myanmar cúng dường thông qua sứ giả của mình vào thế kỷ 13, cũng như bộ bách khoa từ thời đại đế Asoka 3 lần được tái bản. Những bia ký này được ghi lại trên phiến đá cạnh bảo tháp bởi các nhà hành hương đã cho thấy Bodhgaya được thăm viếng rất nhiều trước khi Hồi Giáo xâm chiếm phía bắc Ấn Độ. Về sau, thánh tích bắt đầu suy đồi dưới sự tàn phá của Hồi Giáo.

Theo bà Pag Sam Jon Zang, hoàng hậu Chaglarāja, xứ Bengal, đã tu bổ Gandhola (Mahābodhi Vihāra) giữa thế kỷ 15 SCN. Nhiều người Phật tử rời bỏ thánh tích này, và các đoàn hành hương ở xa không đến đây thường xuyên nữa vì nó đã bị chiếm giữ bởi các đạo sĩ giáo phái Saivite (Giri), và dựng lên các hình tượng ngoại lai cạnh thánh tích vào năm 1590. Họ chiếm giữ ngôi làng Taradiha là nơi Mahāvihāra tọa lạc, như một món quà từ nhà thống trị Mughal ở thế kỷ 18.

Ông Buchanan Hamilton là người đầu tiên trong những học giả châu Âu viếng thăm thánh tích này vào năm 181 SCN, và đã thấy nơi này trong tình trạng đổ nát. Vào năm 1861, tướng Alexander Cunningham cũng thấy tình trạng tương tự. Năm 1875, vua Mindun từ Myanmar bắt đầu công việc tu bổ dưới sự cho phép của chính





Tỳ khưu Đức Hiền viếng thăm Tháp Đại Giác ngày 10/12/2008

phủ Ấn Độ. Vào năm 1880, chính phủ Ấn Độ phân công J.D. Beglar tiếp tục việc khôi phục lại thánh tích này.

Tướng Alexander Cunningham và Endralal Mitra cũng giám sát việc tu bổ thánh tích này. Sau nhiều nỗ lực, Mahāvihāra được khôi phục như hình dáng bây giờ. Hiện tại, có một viện bảo tàng lưu giữ nhiều di vật nghệ thuật được tìm thấy tại tháp Đại Giác và quanh Đại Tự (Mahāvihāra).

Nhiều bia ký trên cho thấy các công trình kiến trúc đã tồn tại ở Bodhgaya từ khi Đức Phật thành đạo. Hiện nay, thánh tích gồm Tháp Đại Giác (Mahābodhi Mahāvihāra), cây Bồ Đề, Vajirāsana (Bồ Đoàn Kim Cương), con đường thiền hành (*Caṅkamaṇa*) với các thánh tích quan trọng khác mà Đức Phật đã trải qua trong 7 tuần lễ.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT:

(1) Tháp Đại Giác - Mahābodhi: Như đã nhắc trước, Tháp Đại Giác (Mahābodhi Mahāvihāra) vẫn đứng vững trước sự tàn phá của thời gian. Thánh tích đã bị thay đổi đôi chút từ khi ngài Huyền Trang viếng thăm cho đến khi tu bổ vào năm 1880. Trước khi hình dung lại dấu tích xưa, chúng ta nên tìm hiểu rõ hơn những gì ngài Huyền Trang đề cập thánh tích này. Ngài đã viết: *“Có một tịnh xá ở phía đông cội cây Bồ đề, cao khoảng 48,8 – 51,8 mét và rộng 15,2 mét. Tịnh xá được xây dựng bằng gạch xanh, tô trét vôi. Có nhiều hồ tường dành để tôn trí tượng Đức Phật bằng đồng.”*

Các bức tường được trang trí bằng nhiều tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp như trắng hoa ngọc trai và vô số tượng nhà sư bao quanh. Đỉnh trên tịnh xá là hình trái cây Amalaka mạ đồng. Được đúc dầm (đà chính nằm ngang), cột trụ, cửa chính và cửa sổ v.v...

tất cả đều được trang hoàng bằng vàng, bạc hay đính ngọc trai và nhiều đá quý khác.”





Tháp Đại Giác (Mahābodhi Mahāvihāra) với dáng vẻ hiện tại không khác xa gì mấy so với Tháp cổ mô tả trên. Đại Tháp vẫn cao 51,8 mét và rộng 15,2 mét nền. Tháp Đại Giác có hình như tháp chóp nón (như kim tự tháp), trên đỉnh có tháp theo kiểu Myanmar có hình như quả Amalaka (có vị chua). Tháp Đại Giác có lối vào nằm phía đông. Đại Tháp có nhiều hốc tường bên trên các mặt tháp, phía trước tháp có khe hở dài để ánh sáng lọt vào điện thờ chính.

Nền dưới của Tháp Đại Giác có nhiều tháp ở bốn góc, tượng trưng cho bản sao nhỏ của Đại Tháp. Các bảo tháp này được xây bằng gạch xanh, có tô trét. Nhiều hốc tường ở hai bên cổng chính được tôn trí các tượng Phật. Đại Tháp có một lối vòm dẫn đến điện thờ chính. Cổng chính và các cột trụ làm bằng đá. Bên trong điện thờ chính có tôn trí tượng Bốn Sư rất uy nghiêm trong tư thế tay phải chạm mặt đất (*phassabhūmi*) – Ngài trong tư thế cảm thắng Ma Vương.

Về phía ngoài được xây dựng theo lối kiến trúc khác, bên cạnh lối vào có cầu thang bằng đá dẫn lên tầng trên. Ở tầng hai, có một khoảng dẫn lối dài quanh đến tháp chính dành cho việc đi dạo. Nhiều ngôi tháp nhỏ là bản sao đại tháp chính ở bốn góc làm tăng thêm sự đối xứng và lộng lẫy của Đại Tháp chính. Hai bảo tháp phía tây có lưu giữ các bức tượng Bồ Tát, và hai bảo tháp phía đông có cầu thang cùng với hai tượng Phật. Trên lan can dây di bộ có xây vài bảo tháp nhỏ đặc trưng, trong số đó bảo tháp đẹp nhất nằm ở phía đông. Ở tầng hai, một bàn thờ ngay đại tháp chính có tôn trí bức tượng Bồ Tát lớn.

Bức tường ngoài Tháp Đại Giác có nhiều hốc nhỏ, cùng các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, và nhiều bức tượng khác. Có một hốc chính ở bức tường phía tây tôn trí tượng Phật rất trang nghiêm.

(2) Cây Bồ Đề: Đức Phật đã trải qua 7 tuần lễ sau khi chứng

ngộ nhờ thiền định và thiền tuệ, trong mỗi tuần Ngài trú mỗi nơi khác nhau. Tuần thứ nhất, Đức Phật an trú dưới cội Bồ Đề nơi Ngài thành đạo. Đó là lý do tại sao cội cây này được gọi là cây giác ngộ. Cội cây này tọa lạc ở phía tây của Tháp Đại Giác. Cội cây đã gãy đổ và bị cắt tỉa nhiều lần. Tuy nhiên, một trong những nhánh cây Bồ Đề do tỳ khuru ni Saṅghamittā (Công chúa của đại đế Asoka) mang sang Sri Lanka và được trồng tại thành phố Anurādhapura. Vào năm 1881, tướng Alexander Cunningham đã mang một nhánh Bồ Đề từ cây Bồ Đề trồng tại Anurādhapura ở Sri Lanka đem về Ấn Độ và trồng lại chỗ cũ của thánh tích. Hiện tại chính là cây Bồ Đề này.

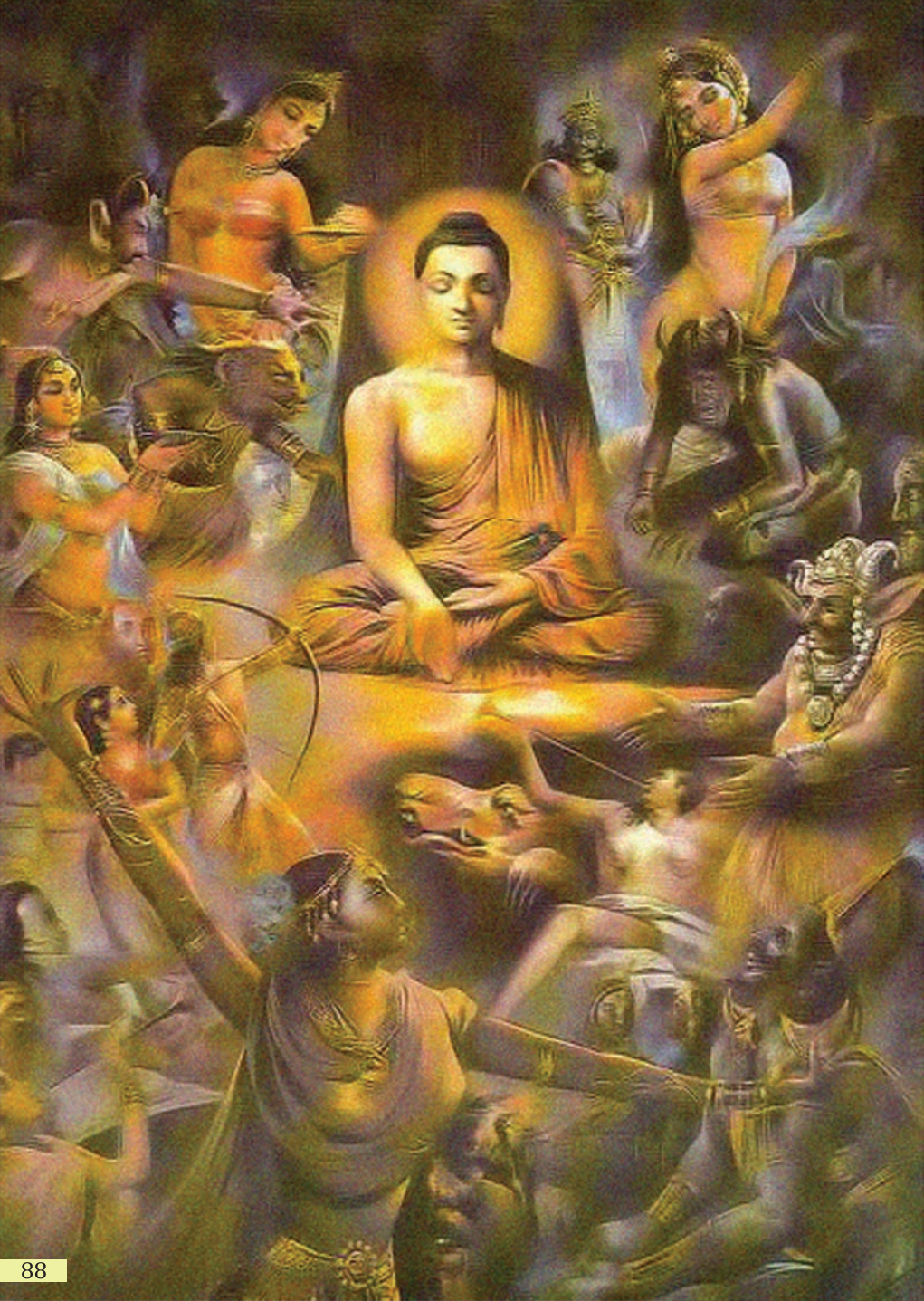
(3) Bồ Đoàn (Vajirāsana): Nằm giữa cội Bồ Đề và Tháp Đại Giác, chính là nơi Đức Phật ngồi kiết già vững chắc để rồi chứng đạt quả vị toàn giác. Bồ đoàn (Vajirāsana) làm từ khối đá đỏ, chiều dài 2,3 mét, chiều rộng 1,3 mét và cao khoảng 0,91 mét (Pallanka Sattaha: Chiếu Trường Kỳ). Có hành lang đi bộ bằng bê tông quanh cội Bồ Đề và bồ đoàn (Vajirāsana) bao bọc bởi bức tường vững chắc. Bức tường được xây dựng bởi đại đế Asoka và trùng tu lại dưới thời Gupta.

(4) Tháp Animisalocana: Tại đây Đức Phật trải qua tuần thứ 2 sau khi giác ngộ. Để bày tỏ lòng tri ân đối với cội cây đã che chở Ngài trong thời gian hành đạo, Ngài đã đứng nhìn cây Bồ Đề không chớp mắt trong suốt bảy ngày. Bảo Tháp nằm trong khu vườn của Tháp Đại Giác (Mahāvihāra) phía đông bắc. Bảo Tháp được xây bằng gạch, có vài bia ký được gắn lên. Bảo tháp tô trét bằng vôi, và tôn trí một tượng Phật.

(5) Đường Thiền Hành (Caṅkamana): Đức Phật trải qua tuần thứ 3 sau khi giác ngộ tại Caṅkamana. Con đường nằm phía bắc Tháp Đại Giác. Con đường dài 16,15 mét, rộng



◀ Đức Phật ngồi thiền
trong đêm dưới cội Bồ Đề



BẢY TUẦN LỄ (BỐN MƯƠI CHÍN NGÀY)



Đức Phật giác ngộ dưới cội cây Bồ Đề (Tuần lễ thứ nhất)



Tuần lễ thứ hai (tri ân cội Cây Bồ Đề)



Tuần lễ thứ ba (Ngài đi kinh hành)



Tuần lễ thứ tư (Quán duyên hệ - Patthāna)



Tuần lễ thứ năm (ác ma đến quấy nhiễu)



*Tuần lễ thứ sáu
(Rồng chúa Mucalinda che mưa)*



*Tuần lễ thứ bảy
(Đức Phật gặp hai thương gia)*

*Vajirāsana (Bồ Đoàn Kim Cương) - Pallanka Sattaka (Chiếc trường kỷ)
nơi Đức Phật thành đạo (Tuần lễ thứ nhất)*



1,1 mét, và có nền cao 0,91 mét. Nhiều đóa sen bằng đá được tôn tạo trên lối thiền hành tượng trưng dấu chân của Đức Phật. Trước kia, lối thiền hành có phủ mái che, chống đỡ bằng các trụ đá. Giờ đây, còn lại vết tích trụ đá có thể nhìn thấy.

(6) Nhà Châu Báu (Ratanaghara): Là một kiến trúc không có mái che, có tôn trí tượng Phật trong tư thế thiền định tượng trưng cho tuần thứ tư khi Ngài trú ngụ nơi này. Vào tuần thứ 4, Đức Phật ngụ trong 'Nhà Châu Báu' (Ratanaghara) để suy niệm về những điểm cốt lõi Vi Diệu Pháp (Abhidhamma). Kinh sách ghi lại việc Ngài suy tưởng về 24 Duyên Hệ (Paṭṭhāna), bộ thứ 7 của Tạng Abhidhamma, thân tâm Ngài trở nên hoàn toàn thanh tịnh, và rồi văng hào quang 6 màu tỏa rạng từ thân Ngài. Ngôi nhà nằm trong khuôn viên Đại Tự - Mahāvihāra, phía tây bắc của lối thiền hành (*Caṅkamana*).

(7) Cây Ajapāla Nigrodha: Có một phiến đá tại cổng lớn Mahābodhi Mahāvihāra đánh dấu việc tồn tại cây Ajapāla, ám chỉ cây này ở gần đây. Theo một số nhà sư Thái Lan và Lào thì đi về hướng Tây của tháp gạch Sujātā cách khoảng 1,5 km có một cây cổ thụ to được cho nơi đây Đức Phật đã trải qua tuần thứ 5

Tháp Animisalocana, nơi Đức Phật nhìn về cội cây Bồ Đề không chớp mắt để tỏ lòng tri ân (Tuần lễ thứ hai) ►

(Xem ảnh phía sau). Ngài đến đây vào ngày thứ 28 và an trú trong thiền định xuyên suốt 7 ngày. Đức Phật an trú thiền định như vậy trong một tư thế. Vào cuối tuần, khi Ngài vừa xuất khỏi định thì có vị Bà-la-môn ngã mạn đến gần chào hỏi rồi nói:

“Này Tôn Giả Gotama, đứng về phương diện nào ta trở thành bậc thánh nhân (Brāhmaṇa) và những điều kiện nào làm cho ta trở thành thánh nhân?”

Đức Phật thốt lên bài kệ sau:

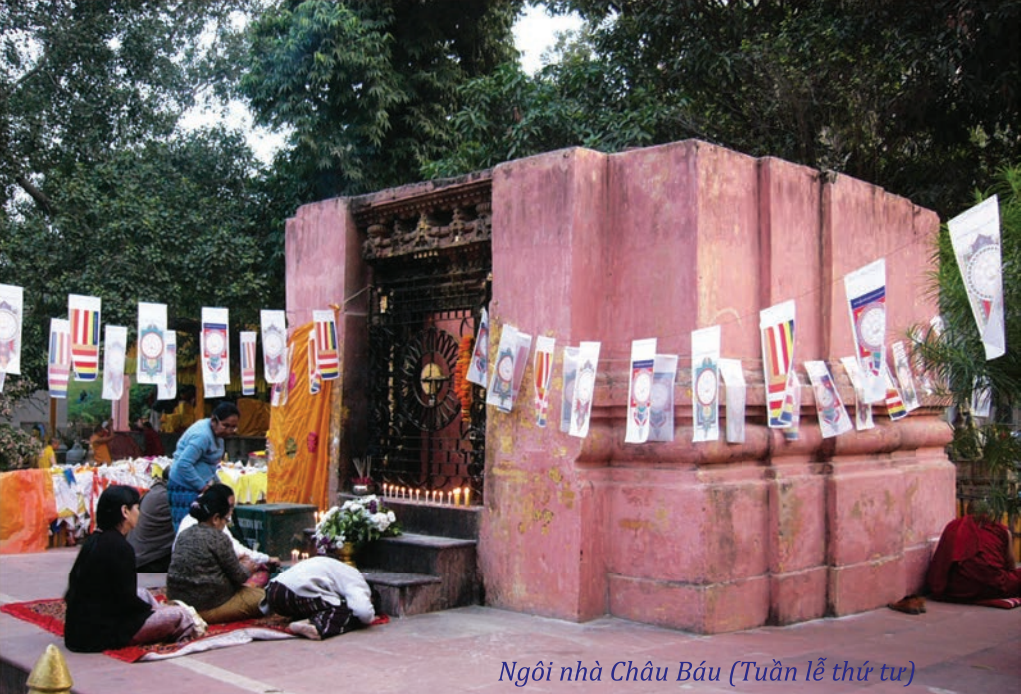
“Người kia đã xa lánh mọi điều xấu xa tội lỗi, không còn ngã mạn (huṃka), đã thanh lọc mọi ô nhiễm, thu thúc lục căn, thông suốt các pháp học và đã chân chánh sống đời phạm hạnh thiêng liêng, người ấy là bậc thánh nhân (Brāhmaṇa). Đối với người ấy không còn bông bột, dầu ở đâu trên thế gian.” (Udāna, tr. 10)

Vài câu chuyện phổ biến về nguồn gốc tên ‘Ajapāla’. Theo truyền thuyết, nó mang tên này bởi nhiều người chần dặt (*pāla*) thường cột các con dê (*aja*) để nghỉ ngơi nên cây này được gọi là ‘Ajapāla’.



Caṅkamana - nơi Đức Phật đi thiền hành (Tuần lễ thứ ba)





Ngôi nhà Châu Báu (Tuần lễ thứ tư)

(8) Hồ Mucalinda: Đức Phật trải qua tuần thứ sáu sau khi giác ngộ cạnh hồ Mucalinda. Tại đây, có trụ đá Asoka đã bị gãy gần cây mận (*Peepal*) và đó là lối vào hồ. Theo một số nhà sư Thái Lan và Lào thì đi về hướng nam, cách tháp Đại Giác khoảng 2,5 km thuộc làng Mocharim - cạnh sông Phagu (Nerañjana) có một hồ nước là nơi Đức Phật đã trải qua tuần thứ 6 (Xem hình phía sau) trong khi an trú thiền định dưới cây mận thì Ma Vương (Māra) nỗ lực dùng thần thông để làm gián đoạn việc an trú của Ngài bằng việc hô phong hoán vũ. Ngay lúc đó, rồng chúa Mucalinda rời khỏi nơi cư ngụ dưới đáy hồ, và dùng thân mình quấn quanh

Đức Phật, che mưa bằng bảy đầu của mình. Việc này giúp Đức Phật chuyển tâm nhập thiền mà không bị gián đoạn.

(9) Cây Rājayatana: Đức Phật trải qua tuần

Đức Phật ngồi dưới cội cây Ajapāla và trò chuyện với Bà-la-môn Humhumkapuṇṇa (Tuần lễ thứ năm)





Tượng Đức Phật giữa hồ Mucalinda (Tuần lễ thứ sáu)

thứ bảy, đây là tuần cuối cùng sau khi giác ngộ dưới cội cây Bồ Đề ở Bodhgaya. Suốt những ngày còn lại, cây Rājayatana (Vương Xứ) vẫn còn ở đó. Tuy nhiên, loại cây này như đã tuyệt chủng. Vì vậy, nó đã mang về từ Myanmar khoảng 70 năm trước và trồng ở đây. Theo một số nhà sư Thái Lan và Lào thì đi về hướng nam, cách hồ Mucalinda (mới) khoảng 500 mét, cách tháp Đại Giác 3km, có một cây to được cho là nơi Đức Phật đã trải qua tuần thứ 7 (Xem ảnh sau). Tại cây Rājayatana, Đức Phật gặp hai vị thương gia người Myanmar từ Ukkalā là Tapassu và Bhallika ngang qua đây, và họ trở thành vị cư sĩ đầu tiên của Ngài. Cũng chính tuần cuối này, Đức Phật quyết định truyền bá và thuyết giảng giáo pháp để chấm dứt sầu khổ và đau buồn của nhân loại, và Ngài lên đường để giáo hóa các bạn đồng tu - nhóm năm anh em Kiều Trần Như - Koṇḍañña - ở Sarnath, tuyên thuyết bài pháp đầu tiên.

(10) Miếu thờ Kusa: Trước khi Đức Phật chứng quả vị Phật, trên con đường đi đến cội cây Bồ Đề, Ngài đã gặp người cắt cỏ và người này đã dâng cúng 8 bó cỏ khô lên Ngài. Đây là địa điểm nằm về phía bên kia mé sông Nerañjana, đối diện tháp Đại Giác, được xây dựng bởi người Tây Tạng để đánh dấu sự kiện này.

(11) Miếu thờ Tín nữ Sujātā và Tháp Nền Nhà Sujātā: Đây là 2 khu di tích khá đẹp mắt vì chúng được tọa lạc trong một ngôi

သုကတာ ဃနာနိ. ဆုဖိက ဝိလူဇန ဟန်ရူပ ဟာ : ၆ တာ



Tỳ khưu Đức Hien, Tỳ khưu Dhammapāla, Tỳ khưu Konkeyla và nữ cư sĩ Campuchia



Tháp gạch Sujātā thuộc làng Bakruar. Theo một số học giả thì cho rằng đây là tháp xây dựng để đánh dấu nơi tín nữ Sujātā dâng cháo sữa cho Đức Phật (Bồ Tát) trước khi Ngài giác ngộ dưới cội cây Bồ Đề.



Tỳ khưu Đức Hiền đánh lễ tượng Bồ Tát khổ hạnh, trong hang Dungeshwari, thuộc đồi Dhongra - 01/12/2008.



Tỳ khưu Đức Hiền, Tỳ khưu Dhammapāla, Tỳ khưu Konkeyla đang đứng trước núi Khổ Hạnh - Uruvelā (Đồi Dhongra) - 01/12/2008 (từ trái sang phải)



(Tuần lễ thứ bảy)

Đức Phật thuyết pháp cho hai thương buôn Tapussa và Bhallika dưới cội cây Rājayatana

làng nhỏ Sujātā với nhiều hoa màu và rạ vàng. Miếu thờ Sujātā được xây dựng và cúng dường bởi người hành hương Myanmar, có bức tượng tái hiện lại tín nữ Sujātā dâng cúng bát cháo sữa lên Bồ Tát trước khi Ngài thành Phật. Khoảng cách từ tháp Đại Giác đến tháp gạch Sujātā là 4 km.



Miếu thờ nơi dâng cỗ Kusa

(12) Hang Tu Khổ Hạnh: Di tích này nằm khá xa ngôi làng Sujātā, phải mất 30 phút (15 km) lái xe từ Tháp Đại Giác thì đến hang Tu Khổ Hạnh (Dungeshwari), thuộc đồi Dhongra. Đây là nơi Bồ Tát đã trải qua 6 năm tu khổ hạnh trước khi Ngài chứng ngộ vị Phật. Hang này được tu bổ và trông coi bởi các nhà Sư Tây Tạng. Bên trong hang có tôn trí một tượng Phật trong dáng tu khổ hạnh ép xác, với tư thế ngồi, cao khoảng 1,2 – 1.5 mét, được ép nhũ vàng lá. Từ núi Khổ Hạnh (Urūvelā), chúng ta có thể viếng thăm núi Kukkuṭapāda – núi Kê Túc (Kurkihāra, Kurak-vihāra) thuộc

làng Gurpa (Gurupāda), nơi ngài đại Trưởng lão Kassapa (624 – 520 TCN) cư ngụ, cách Mahābodhi khoảng 40 km về hướng tây-bắc (xem bản đồ chi tiết phía sau). Tướng Alexander Cunningham đã viếng thăm núi này vào năm 1860.

Bên cạnh thánh tích này, giờ đây có nhiều quốc gia Phật Giáo khác xây dựng nhiều ngôi chùa long lầy, góp mặt vào bản đồ hành hương quốc tế. Sau đây là các ngôi chùa Phật Giáo và những điểm quan trọng khác:

(1) Trụ đá Asoka (Gayagaja); (2) Sông Nerañjana; (3) Điện thờ tín nữ Sujātā; (4) Am dâng cỏ Kusa; (5) Tượng Phật khổng lồ Nhật Bản; (6) Chùa Thái; (7) Chùa Myanmar; (8) Chùa Nhật - Indosana-Nipponji; (9) Dhamma Ghantika; (10) Hiệp hội thân hữu Phật Giáo Quốc tế - Bodaija Gakuin [International Buddhist Brotherhood Association (IBBA)]; (11) Chùa Nhật Bản Daijokyo; (12) Phước xá Mahābodhi (Dhammasālā); (13) Chùa Tây Tạng Geluppa; (14) Chùa Tây Tạng Karamepa; (15) Chùa Bhutan; (16) Chùa Trung Quốc; (17) Chùa Việt Nam; (18) Chùa Hàn Quốc; (19) Chùa Bangladesh; (20) Chùa Đài Loan; (21) Trung Tâm Thiền Quốc Tế Dhammabodhi; (22) Trung Tâm Thiền Quốc Tế; (23) Tượng ngài Ambedkar; (24) Viện Bảo Tàng Khảo Cổ; (25) Phước xá Birla Dhammasālā; và (26) Phước xá Mahābodhi Dhammasālā.



Tỳ khưu Đức Hiền đứng trước cổng vào Mahābodhi - 01/12/2008



Đến Mahabodhi, Bodhgaya, Bihar 8242
Dungeshwari cave, Bihar 823003, Ấn Độ

Rời khỏi bây giờ - TỰY CHỌN

Gửi chỉ đường đến điện thoại của bạn

qua Gaya - Bodhgaya Rd 43 p
42 p có cả giao thông
CHI TIẾT

qua NH22 53 p
48 p có cả giao thông

ĐƯỜNG ĐI ĐẾN NÚI KHỔ HẠNH

Den Mahabodhi

Dungeshwari cave

Google

Đến Mahabodhi, Bodhgaya, Bihar 8242
Mucalinda Lake, Mocharim, Bodhgaya

Rời khỏi bây giờ - TỰY CHỌN

Gửi chỉ đường đến điện thoại của bạn

qua Birla Dharamshala Rd/Kalachakra maiden Rd 11 p
11 p có cả giao thông
CHI TIẾT

thông qua đường chưa được đặt tên 27 p

ĐƯỜNG ĐI ĐẾN TUẦN LỄ THỨ 6 VÀ TUẦN LỄ THỨ 7

Den Mahabodhi

Mucalinda Lake

Google

Tim kiếm trên Google Maps

98

unnamed.png

ĐƯỜNG ĐI ĐẾN TUẦN LỄ THỨ 5

Den Mahabodhi

Ajapala Nigrodha

Google

Cây Ajapala Nigrodha

Đến Mahabodhi, Bodhgaya, Bihar 8242

Gurpa, Bihar, Ấn Độ

Rời khỏi bây giờ

TUY CHỌN

Gửi chỉ đường đến điện thoại của bạn

qua SH 70	1 h 24 p
1 h 22 p ko có giao thông	54,9 km
CHI TIẾT	
qua Bakraun-Silaunja Rd và SH 70	1 h 57 p
1 h 57 p ko có giao thông	53,5 km



BẢN ĐỒ CHI TIẾT GẦN THÁNH TÍCH B



Việt Nam
Quốc Tự



Ngân hàng Ấn Độ
(State Bank of India)

Trung Tâm
Thiền Quốc Tế

Chùa Tây Tạng
Nyingma

Chùa
Trung Qu



Hồ

Hướng đi Đại học Magadh
và Sân bay Gāya

Đường Bodhgaya

7 8 1



Chùa
Thái Lan



Chùa Tây Tạng
Kagya



Chùa Bhutan

Cao đài
Sakyamuni



Chùa Indosan
Nipponji



Đường Temple

Chùa Daijokyo



Tượng Phật Lớn
Nhật Bản



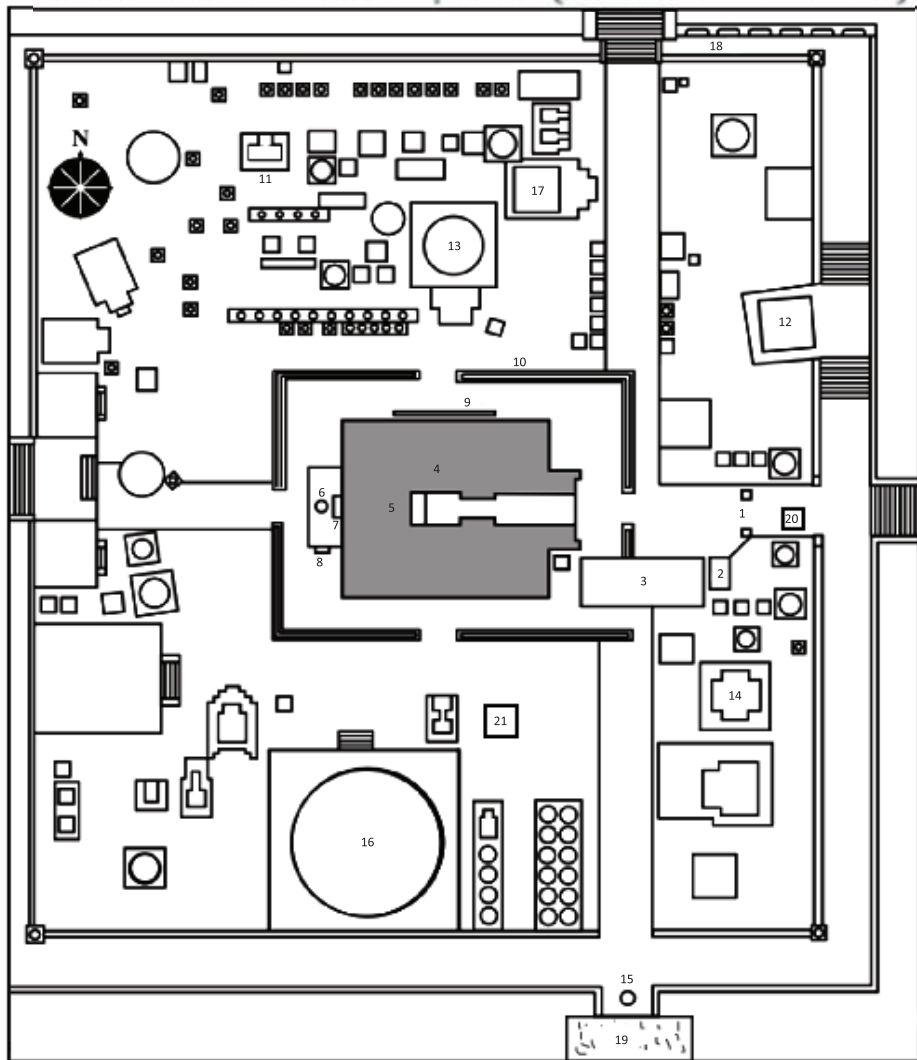
Chùa Tây Tạng Sak



0 500 mét



BẢN ĐỒ CHI TIẾT THÁP ĐẠI GIÁC (MAHĀBODHI VIHĀRA)



- | | |
|------------------------------------|--|
| 1. Cổng Vào | 13. Tuần Thứ 2 - Theo Ngài Huyền Trang |
| 2. Dấu Chân Phật (đá) | 14. Tháp Đông Nam |
| 3. Đền Thờ Hindu | 15. Trụ Đá Asoka |
| 4. Tháp Đại Giác | 16. Tháp Asoka |
| 5. Bảo Tọa Vajira | 17. Điện Thờ Mahānāma |
| 6. Cây Bồ Đề (Tuần Thứ 1) | 18. Vòng Ngoài Đại Tự Mahābodhi |
| 7. Bảo Tọa Kim Cương (Vijirāsana) | 19. Hồ Mucalinda (Tuần Thứ 6) (hay một nơi khác) |
| 8. Dấu Chân Phật (đá) | 20. Cây Ajapāla Nigrodha (Tuần Thứ 5) (hay một nơi khác) |
| 9. Đường Thiền Hành (Tuần Thứ 3) | 21. Cây Rājayatana (Tuần Thứ 7) (hay một nơi khác) |
| 10. Bức Tường Đá | |
| 11. Ngôi Nhà Châu Báu (Tuần thứ 4) | |
| 12. Tháp Animisa (Tuần Thứ 2) | |

* Tuần lễ thứ 5, 6 và 7 ở một nơi khác thuộc phạm vi ngoài tháp Đại Giác. Phần này, chúng tôi mới được bổ sung.

BẢN ĐỒ TỔNG THỂ THÁNH TÍCH BODHGAYA

4/18/2014

Buddhaghosha Rd

Nhà Châu Báu
(Tuần Thứ 4)

Đường Thiền Hành
(Tuần Thứ 3)

Tuần Thứ 2
(Theo Ngải Huyền Trang)

Lal Pathar Rd

Tháp Animsalocana
(Tuần Thứ 2)

Cây Ajapāla Nigrodha
(Tuần Thứ 5)

Cây Bồ Đề
(Tuần Thứ 1)

Cây Rājayatana
(Tuần Thứ 7)

Butter lamp Rd

Hồ Mucalinda
(Tuần Thứ 6)

Mucalinda Pond

Image © 2016 DigitalGlobe

Google Earth

our Guide

2003

Imagery Date: 4/18/2014

24°41'43.82" N 84°59'28.94" E elev 422 ft

eye alt 1730 ft

SARNATH

Nơi Đức Phật
Chuyển Pháp Luân





SARNATH

Sarnath là thánh tích Phật giáo ở Ấn Độ có sức hút như Đền Vàng ở Amritsar của đạo Sikh. Nhiều lễ nghi truyền thống tôn giáo, nghệ thuật, và các di tích được phát hiện khi khai quật khảo cổ đã làm cho Sarnath thêm nổi tiếng thế giới. Đó là lý do tại sao hàng triệu người hành hương, người yêu nghệ thuật và khách du lịch ghé thăm mỗi năm.

Thánh tích thiêng liêng Sarnath nằm cách nhà ga Cantt ở Vārāṇasī 8 km và cách thành phố Vārāṇasī khoảng 6,4 km về phía bắc. Khoảng một km từ nhà ga Sarnath là thánh tích Sarnath, nơi Đức Phật Chuyển Pháp Luân. Di tích này ngã đổ cạnh đường bê tông Vārāṇasī-Gazipur. Đường bê tông sạch đẹp dẫn đến thánh tích Phật Giáo linh thiêng này. Ngoài các trung tâm Phật Giáo nổi tiếng ở Ấn Độ, Sarnath được phát triển như một điểm du lịch hành hương trong và ngoài nước; thu hút cộng đồng quốc tế nhờ bản sắc tôn giáo cùng với sự phong phú di sản nghệ thuật.

Sau khi giác ngộ, chính Sarnath là nơi Đức Phật đã



Đức Phật thuyết giảng bài pháp đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như - Koṇḍañña

thuyết giảng bài pháp đầu tiên, kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhammacakkappavattana Sutta*), cho 5 anh em Kiều Trần Như - Koṇḍañña (*pañcavaggiya*). Trong bài kinh này, Đức Phật thuyết giảng các vấn đề chính yếu đời sống và giải thoát con người xuyên qua Tứ Diệu Đế. Con đường Trung Đạo (*Majjhima Paṭipadā*) hay Bát Chánh Đạo là giáo lý tu tập căn bản của Phật Giáo. Ở Sarnath, Đức Phật thành lập Tăng Đoàn (*Saṅgha*) đầu tiên gồm 60 vị tỳ khuru (nhóm năm anh em Kiều Trần Như - Koṇḍañña; Yasa và 54 người bạn). Sau mùa mưa, Đức Phật sách tấn chư tỳ khuru bằng lời khích lệ: ***“Caratha , bhikkhave, cārikaṃ bahujana-hitāya bahujana-sukhāya, mā ekena dve āgamittha lokānukampāya , atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.***

“Hãy ra đi, này các tỳ khuru, vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng từ mẫn đối với thế gian, vì sự tốt đẹp, lợi ích, an lạc cho chư thiên và nhân loại. Đừng đi hai người trên một con đường!

Desetha, bhikkhave, Dhammaṃ ādikalyāṇaṃ,



Đức Phật sách tấn các vị Tỳ khưu hãy lên đường hoàng pháp

***majjhekalyāṇaṃ, pariyoṣānakalyāṇaṃ satthaṃ
sabyañjanaṃ. Kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ
brahmacariyaṃ pakāsetha. Santi sattā apparajakkhajātikā
asavanatā Dhammassa parihāyanti bhavissanti Dhammassa
aññātāro.***

Này các tỳ khưu, hãy thuyết giảng giáo Pháp có nghĩa, có văn (cú pháp), tốt đẹp ở chặng đầu, tốt đẹp ở chặng giữa, tốt đẹp ở chặng cuối. Hãy công bố đời sống phạm hạnh, thanh tịnh, hoàn toàn đầy đủ! Có những chúng sanh có ít bụi (trong mắt) sẽ hiểu được Giáo Pháp, còn nếu không được nghe Giáo Pháp; họ (sẽ) thối đọa.”- (Mahāvagga, Vinayaṭṭaka).

Như vậy, giáo pháp và Tăng đoàn được thành lập ở Sarnath, và thánh tích này trở thành nơi thiêng liêng đối với Phật Giáo. Thật sự, Sarnath có danh tiếng như vậy vì nơi này đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng liên quan đến cuộc đời Đức Phật; nhiều tịnh xá và bảo tháp được dựng xây ở đây. Ngày nay, hầu hết di tích này không còn nhiều dấu tích hay xá lợi nào. Các di tích cổ nhất được khai quật ở đây dưới thời đại đế Asoka khi ông cùng hoàng gia

*Bảo tháp Dhammeka
trước khi được trùng tu*



viếng thăm khoảng 300 năm TCN sau khi Phật nhập Niết Bàn.

Đại đế Asoka cho xây dựng nhiều bảo tháp và di tích tại đây. Đặc biệt là 2 bảo tháp lớn, Dhammarājika và Dhammeka. Ngoài 2 bảo tháp trên, một trụ đá lớn với đỉnh trụ hình sư tử cũng rất nổi tiếng. Đỉnh trụ hình sư tử hiện đang được trưng bày tại viện bảo tàng Sarnath thuộc bang U.P. (Uttar Pradesh), và được người Ấn dùng biểu tượng này làm quốc hiệu. Bánh xe chuyển pháp luân khắc chạm trên đỉnh trụ Asoka bằng 24 căm đều đặn, được sử dụng làm phù hiệu in trên cờ quốc gia Ấn Độ.

Đại đế Asoka giám sát việc xây dựng bảo tháp Dhammeka



Toàn cảnh bảo tháp Dhammeka (nhìn từ trụ đá Asoka)







Chi tiết hoa văn họa tiết quanh tháp Dhammeka

Một bức tường bằng đá đẹp dựng lên quanh tháp Dhammarājika vào thế kỷ 1 TCN, cùng nhiều cột đá tinh xảo được tìm thấy trong khi khai quật.

Di tích triều đại Kusana của vua Kaniska phía bắc Ấn Độ khoảng thế kỷ thứ nhất SCN đánh dấu sự du nhập của Phật Giáo trong giai đoạn mới, cả tôn giáo lẫn nghệ thuật. Sarnath chứng kiến sự khởi sắc trong giai đoạn này. Vào năm thứ 3 triều đại Kaniska, tỳ khưu Tam Tạng Bala (Tipiṭikācariya) từ Mathura tôn trí tượng Bồ Tát khổng lồ trên lối thiền hành của Đức Phật ở Sarnath. Bức tượng tìm thấy gần bảo tháp Dhammarājika. Bia ký trên bức tượng đề cập việc cúng dường của các Phật tử từ Kshatrapa Vanaspara và Mahakshatrapa Kharapallana trông coi

Sarnath vào lúc đó. Về sau, thánh tích Sarnath được gìn giữ bởi các vị sư phái Sabbattivāda (Nhất Thiết Hữu Bộ), họ đã cho xây dựng nhiều ngôi tịnh xá.

Tuy nhiên, Sarnath được phát triển toàn diện dưới thời Gupta, và trở thành trung tâm nghệ thuật lớn nhất phía bắc Ấn Độ so với Mathura. Bức tượng Phật



lớn trong tư thế ‘Chuyển Pháp Luân’ được tìm thấy ở Sarnath. Đây là tượng Phật ngồi tinh xảo nhất trên thế giới. Bức tượng xuất hiện khi công việc mở rộng hương thất



Mūlagandha được hoàn thành và đại tháp Dhammeka được trùng tu lộng lẫy bằng nhiều phiến đá. Ngài Pháp Hiển, vị hành hương người Trung Quốc, viếng thăm Sarnath khoảng thế kỷ thứ 5 SCN (dưới triều đại Chandragupta II), đã đánh lễ bốn bảo tháp và thăm hai tịnh xá dành cho các tỷ kheu ở đây.

Có một tượng Phật khắc ghi trên đó ‘*Deva dharmoyam Kumāraguptasya*’, cho thấy bức tượng có lẽ được cúng dường bởi Kumāragupta. Không có bia ký nào được tìm thấy từ thời Skanda Gupta nhưng Sarnath vẫn gìn giữ thời vàng son vào kỳ đó. Hai bức tượng Phật, có tượng từ niên đại thời Kumāragupta II (473 SCN) và vua Buddhagupta (476 SCN) tìm thấy dòng chữ khắc

Trụ đá Asoka được tìm thấy trong điều kiện này







19 12 2008



bên trên. Khoảng thế kỷ thứ 7 SCN, dưới triều đại Harshavardhana, ngài Huyền Trang, nhà hành hương Trung Quốc, đến viếng thăm Sarnath và ghi chép lại sử ký của mình. Ngài nhìn thấy bảo tháp Dhammarājika và thạch trụ sư tử dựng lên bởi đại đế Asoka. Ngài Huyền Trang mô tả trụ đá cao 21-33 mét và chiếu ánh sáng lấp lánh thủy tinh. Có 1500 vị sư thuộc phái Sammitiya (một nhánh của Theravāda - Nguyên Thủy) trú ngụ ở tịnh xá Saṅghārāma. Điểm nổi bật là Hương Thất Mūlagandha cao 65,96 mét, tôn trí bằng tượng Phật lớn bằng kim loại ở tư thế 'Chuyển Pháp Luân'.

Không có ghi chép nào liên quan đến các thập kỷ giữa binh quyền Harshavardhams và cuộc xâm lăng của Mahmood Gaznavi. Trong cuộc tàn phá thành Vārāṇasī, Mahmood cũng tấn công Sarnath (năm 1017). Chín năm sau, năm 1026 hai anh em Sthirapāla và Vasantapāla trùng tu lại nhiều di tích như

Tượng sa thạch khắc chạm Cuộc Đời Đức Phật được khai quật tại Sarnath, thế kỷ 5 SCN, Bảo Tàng Quốc Gia, New Delhi

đại tháp Dhammarājika và tháp Dhammacakka, dưới triều đại vua Mahīpāla. Như vậy, nơi này vẫn duy trì sự thông thương dưới triều đại các vị vua Pala. Vào cuối thế kỷ 11, sau trận chiến giữa vua Mahīpāla thuộc triều đại Gauda và Kalcuri Karnadeva, nơi này đã bị thôn tính bởi kẻ xâm lược.

Việc tu bổ thánh tích lần cuối ở Sarnath đánh dấu ngày trở lại triều đại Gahrwal của vua Govindchandradeva (1114-1154) khi ông giành lại thành Kannoja, Ayodhya và Kasi. Hoàng hậu Kumāradevī của đức vua là người tín thành Phật Giáo. Bà cho xây dựng tịnh xá Dhammacakka-jina. Những năm sau, danh tiếng Sarnath như một trung tâm Phật Giáo đã bị suy giảm. Sarnath dần dần bị quên lãng trong một thời gian dài. Sau này, Sarnath mới được khôi phục lại vào năm 1794.

Khi ông Jagat Singh, cận thần vua Chetasingh ở Benares (Vārāṇasī) gần như phá hủy thánh

*Cuộc Đời Đức Phật từ đản sanh, thành đạo, thuyết Pháp và Niết Bàn.
(Tượng sa thạch khai quật tại
Sarnath cao 1 mét thời Gupta, thế
kỷ 5 SCN, Viện Bảo Tàng, Sarnath)*





tích để trộm cắp gạch vữa. Vào thời đó, có hũ nhỏ bằng đá xanh được tìm thấy trong hộc đá ở Bảo Tháp. Hũ đá nhỏ cất giữ nhiều xá lợi Phật. Hũ đá hiện đang được trưng bày tại viện Bảo Tàng Kolkata. Một quan chức đương thời, ông Jonathan Duncan mô tả việc khai quật năm 1798 tạo nên sức hút chú ý nhiều người dân đến thăm viếng thánh tích Sarnath. Về sau, đại tá Macenzi cũng tiến hành khai quật và tìm thấy nhiều bức tượng, rồi chúng được mang về viện bảo tàng Kolkata.

Chúng ta cần phải tri ân tướng Alexander Cunningham, người Anh, khi tiến hành cuộc khai quật Sarnath bằng chính đôi tay mình vào năm 1836. Ông giám định bảo tháp Chaukhandī, khai mở đại tháp Dhammeka theo chiều dọc và tìm thấy phiến đá bên trong, có khắc ghi: ***'Ye dhammā hetuppabhavā'*** *'Vạn pháp do*



duyên sanh' cùng những học giới dành cho Phật tử. Ông cũng khai quật bảo tháp và tịnh xá (Buddhavihāra) gần tháp Dhammarājika, và phát hiện được 40 tượng Phật, bây giờ đang được trưng bày tại viện bảo tàng Kolkata. Tóm lại, Sarnath hứng chịu nhiều biến cố lịch sử khác nhau. Về sau, nhà cai trị khác huy động 50 - 60 xe bò để bốc dỡ nhiều phiến đá dùng xây dựng các trụ cầu bắc qua sông Varuna. Thật khó mà tưởng tượng được nỗi thương tâm khi chứng kiến các di tích lịch sử bị đối xử như vậy.

Vào năm 1951-1952, chuyên gia Kitto khai quật vài nơi gần đại tháp

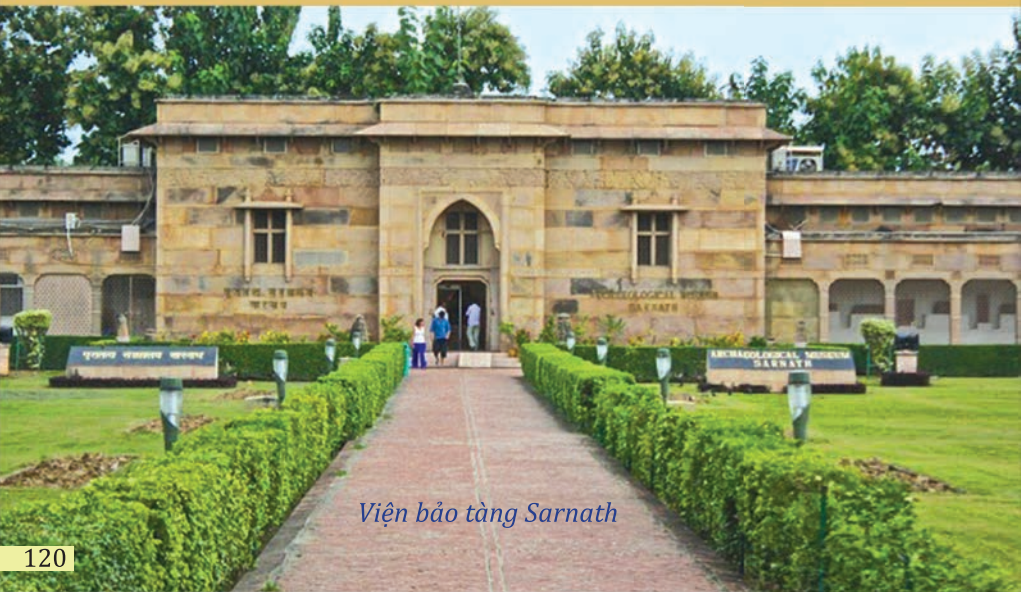
◀ *Tướng Alexander Cunningham*
(23/01/1814 - 28/11/1893)



Dhammeka và phát hiện tịnh xá gần đền Kỳ-na Giáo (Jain). Việc tìm thấy vài phiến đá mài tại đây được xác định là bệnh viện, nhưng giờ xem như tịnh xá (Vihāra) (số 6). Các cuộc khai quật kế tiếp được tiến hành, nổi bật nhất là ông E. Thomas, ông Fitz Hall và ông Edward C. Horn (1865).

Giai đoạn tiếp theo việc khai quật bắt đầu từ năm 1904-1905. Dưới sự chỉ đạo viện khảo cổ học, ông EO. Ortel đảm nhiệm công việc này. Ông xác định hương thất Mūlagandha, tìm thấy trụ đá Asoka, và kiểm tra lại bảo tháp Chaukhandī, nơi Đức Phật gặp lại 5 anh em Kiều Trần Như - Koṇḍañña - sau khi giác ngộ. Nhiều hiện vật và bia ký cũng được phát hiện ở đây. Ông là người khai quật tượng Phật 'Chuyển Pháp Luân' nổi tiếng thế giới.

Năm 1907, ngài John Marshal khai quật phía bắc cùng một phần phía nam, ba tịnh xá từ thời Kusana và một tịnh xá từ



Viện bảo tàng Sarnath

*Tượng Phật sa thạch
hồng, cao 30 mét tại
chùa Thái Lan, Sarnath*





Chư Tăng chụp hình lưu niệm trước hương thất Mūlagandha, nơi Đức Phật cư ngụ - 19/12/2008

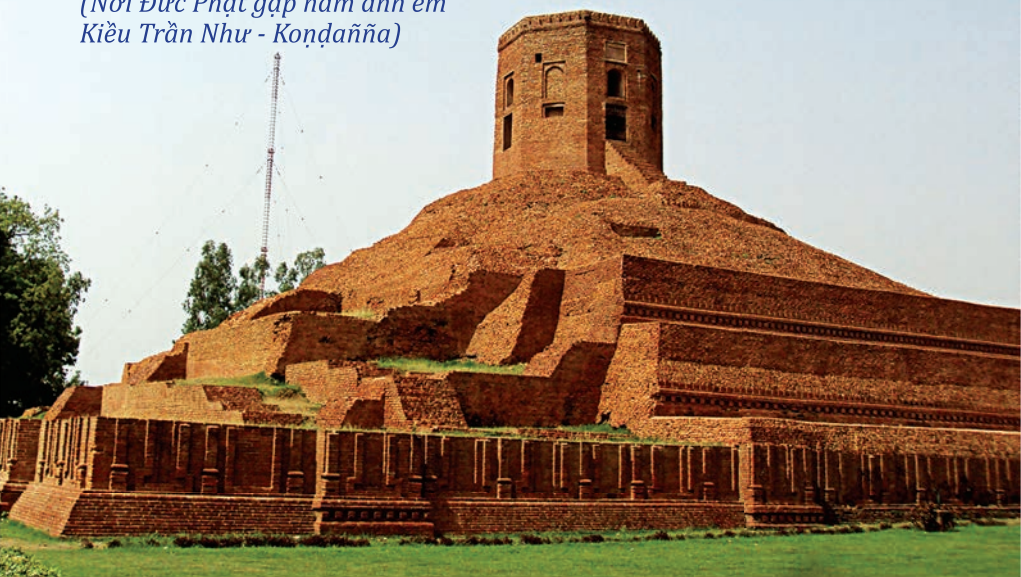
thời Kumāradevī ở thế kỷ 12 được phát hiện ở đây. Năm 1914-1915, ông H. Hargreaves khai quật phía đông, phía tây hương thất Mūlagandha tìm thấy nhiều bia ký rất quan trọng từ thời Kumāragupta II và Buddhagupta. Cuối cùng, ông M. Dayaram Sahnj tiến hành khai quật đại tháp Dhammeka, hương thất Mūlagandha và tịnh xá (số 2) - toàn bộ khu vực trung tâm.

Những di tích khai quật ở Sarnath gồm ba bảo tháp, hai ngôi tịnh xá, trụ đá Asoka sư tử, và bảy tịnh thất. Bên cạnh đó, bộ sưu tập các tác phẩm nghệ thuật cổ xưa được lưu giữ nhằm trưng bày cho công chúng trong viện bảo tàng gần đó. Những kiến trúc hiện đại, hương thất Mūlagandha - cũng đáng để chiêm ngưỡng. Tịnh xá cuối cùng được xây dựng bởi nhà truyền bá Phật Giáo vĩ đại từ Sri Lanka, vị khôi phục nhiều thánh tích ở Ấn Độ chính là ngài Anagārika Dhammapāla. Sau đây những điểm tham quan chính ở thánh tích Sarnath (Vārāṇasī, U.P.).

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT:

(1) Bảo Tháp Chaukhandī: Khoảng 0,8 km về phía tây, thánh tích chính ở Sarnath có nền gạch lớn. Đây gọi là bảo tháp Chaukhandī. Ngài Huyền Trang, vị hành hương từ Trung Quốc,

Tháp Chaukhandī
(Nơi Đức Phật gặp năm anh em
Kiều Trần Như - Koṇḍañña)



mô tả bảo tháp có chiều cao 91,44 mét. Hiện tại, bảo tháp có hình bát giác rất rõ, xây dựng bởi Goverdhan, con trai vua Todarmal, theo lệnh vua Mughal triều đại Akbar, năm 1588.

Một bia ký được tìm thấy ở đây mô tả hoàng đế Humayun nghỉ qua đêm, và bảo tháp xây dựng để kỷ niệm sự kiện này. Danh từ 'Chaukhandī' âm tên gọi xưa, bảo tháp này kiến thiết theo ba tầng hình chóp bằng gạch đặc trong khuôn viên vuông vức. Tầng mái trên cùng bảo tháp có tôn trí một bức tượng. Triều đại Gupta, kiến trúc này gọi là 'Tam Tháp' 'Timedhi'. Tượng Phật trong tư thế 'Chuyển Pháp Luân' (Dhammacakka), và bia ký từ thời Gupta tìm thấy ở đây; cho thấy bảo tháp khổng lồ này được hoàn thiện dưới triều đại Gupta. Bảo tháp Chaukhandī đánh dấu sự kiện nơi Đức Phật lần đầu tiên gặp lại 5 anh em Kiều Trần Như (Koṇḍañña) sau khi giác ngộ.

(2) Bảo Tháp Dhammarājika: Hiện trạng bảo tháp bây giờ chỉ còn là mặt nền. Thực tế, tháp bị tàn phá bởi Babu Jagat Singh vào năm 1794. Bên trong, ở độ sâu 8,23 mét phát hiện hũ đá tròn, bên trong cất giữ nhiều xá lợi Phật. Năm 1026, phát hiện bia ký có ghi chép việc trùng tu bảo tháp Dhammarājika và đại tháp Dhammacakka do hai anh em nhà vua Sthirapāla và Vasantapāla.

Bảo Tháp Dhammarājika được cải tạo và mở rộng thêm ít

Nền bảo tháp Dhammarājika





nhất sáu lần. Ban đầu bảo tháp được xây dựng bởi đại đế Asoka với chiều cao 13,49 mét. Lần đầu tiên, bảo tháp được tu bổ vào thế kỷ thứ 6 SCN, có đường hành lang đi bộ 4,6 mét được coi nói thêm. Tu bổ lần thứ 3 có lẽ được thực hiện dưới triều đại vua Harshavardhana vào thế kỷ thứ 7 SCN; có bốn cầu thang đá được xây thêm vào bốn mặt để bước lên mặt nền bảo tháp. Việc trùng tu lần thứ tư tiến hành vào thế kỷ 9 -10 SCN; và lần thứ năm vào năm 1026 dưới triều đại Mahīpāla. Đến lần thứ sáu được ghi nhận, và đây là lần trùng tu cuối cùng bảo tháp ở thế kỷ 12 SCN, khi hoàng hậu Kumāradevī xây dựng Đại Tự Dhammacakkajina (Thắng Luân Pháp).

Hai bức tượng nổi tiếng ở Sarnath được tìm thấy gần bảo tháp này, và được xem như là đỉnh cao nghệ thuật nơi đây. Trong số này, bức tượng Bồ Tát lớn có niên đại sau triều đại Kaniska, và bức tượng Phật khác uy nghiêm trong tư thế ‘Chuyển Pháp Luân’.

(3) Hương Thất Mūlagandha: Nằm vào khoảng 18.29 mét về phía bắc của bảo tháp Dhammarājika. Có diện tích nền 18,29 mét vuông, và cửa quay về hướng đông. Sử liệu mô tả về việc viếng thăm của ngài Huyền Trang cho rằng hương thất -



Di tích hương thất Mūlagandha, nơi Đức Phật cư ngụ và hành thiền



*Chư Tăng dự lễ khánh thành chùa Đại Lộc
(Sīvali Vietnamese Monastery), Sarnath - 6/12/2014*

Mūlagandha có chiều cao 65,96 mét. Những bức tường còn sót lại trên mặt nền rộng minh chứng cho sự lộng lẫy của nó. Tất cả được làm bằng gạch và vôi, trang trí vài phiến đá chạm khắc từ những kiến trúc cổ. Lối xây dựng kiến trúc thuộc thời kỳ Gupta. Ở giữa điện chính trang nghiêm dựng thêm vài bức tường để chống đỡ mái cao, nhưng điều này có lẽ được cho là ‘thay đổi’ đáng về của hương thất Mūlagandha.

(4) Đại Tháp Dhammeka: Trong tất cả những di tích ở Sarnath, và các bảo tháp thì đại tháp Dhammeka dường như có hiện trạng tốt nhất. Trước kia bảo tháp được biết đến là tháp Dhammacakka. Tháp kết cấu vững chắc như hình tháp tròn, với đường kính 28,35 mét và chiều cao 39,01 mét. Từ chân tháp trở lên khoảng 11,20 mét được bao quanh bằng những phiến đá chạm trổ tinh xảo, trang trí bảo tháp một cách lộng lẫy. Với đỉnh tháp trên cùng là khối hình trụ bằng gạch và ngang dưới bảo

*Đức Đạt-lai Lạt-ma
viếng thăm bảo tháp
Dhammeka*





Trụ đá Asoka

tháp có tám hốc được tôn trí nhiều tượng Phật. Bảo tháp tồn tại như kiểu mẫu lý tưởng kiến trúc tinh tế dưới thời Gupta. Bảo tháp khắc chạm một cách tỉ mỉ, đa dạng mẫu mã, nhiều mẫu hoa văn lẫn hình người và các loài chim thú.

Phần trên bảo tháp có chiều cao là 27,43 mét, tướng Alexander Cunningham đã tìm thấy bia đá ở độ sâu 0,91 mét. Bia đá có ghi: ***'Ye dhammā hetuppabhavā'*** *'Vạn pháp do duyên sanh'*, và câu này được ghi lại bằng chữ viết từ thế kỷ thứ 7 SCN. Và dưới độ sâu 35,53 mét bên trong bàn thờ trang nghiêm bảo tháp được tìm thấy phần còn lại bảo tháp rất cổ có từ thời Asoka. Tại đây Đức Phật đã thuyết giảng bài pháp đầu tiên (*Dhammacakkappavattana Sutta*). Do vậy, nơi này được nhiều người lễ bái như chính Đức Phật đang hiện hữu vậy.

(5) Trụ Đá Asoka: Về phía tây hương thất Mūlagandha có một trụ đá Asoka. Xưa kia trụ đá có chiều cao 15,25 mét với đỉnh trụ là sư tử. Giờ đây, trụ đá đã bị biến dạng chiều cao, chỉ còn khối trụ cao 2,03 mét, với những phần trụ gãy đổ xung quanh. Để

trụ gồm một rãnh dài 2,44 mét, chiều rộng 1,83 mét và có 0,46 mét đá khác để chống đỡ trụ đá.

Đường kính chân trụ là 0,71 mét và đỉnh trụ là 0,26 mét. Trụ đá có ba khía ký. Một là mẫu tự Brahmi từ thời Asoka, chiều thư ghi rõ: *'Bất cứ vị tăng - ni nào gây chia rẽ sự đoàn kết trong Tăng chúng hay thốt ra lời vu khống thì sẽ bị trả về đời sống cư sĩ và sẽ bị trục xuất ra khỏi Tăng chúng'*. Một bia ký khác được ghi vào năm 40 của vua Asvaghosa dưới triều đại Kusana. Bia ký thứ ba thuộc thời kỳ Gupta, đề cập đến các pháp sư - Ācariya của phái Sammitiya (Theravāda).

Bên cạnh những di tích được đề cập ở trên, có vài bảo tháp, một số ngôi chùa hiện diện nơi này, góp phần quan trọng trong lối kiến trúc và điêu khắc. Tuy nhiên, do không gian hạn chế nên chúng ta chỉ mô tả sơ qua. Nhiều bức tượng, bia ký v.v... đã phát hiện ở Sarnath và được trưng bày tại viện bảo tàng địa phương. Nổi bật hơn cả là:

Đầu Trụ Sư Tử: Có chiều cao 2,31 mét và được điêu khắc từ đá nguyên khối. Đầu trụ đá chia theo chiều dọc làm bốn phần: (1) Đế trụ gồm những lá hoa sen rủ xuống; (2) phần hình bầu dục tròn khắc chạm voi, bò, ngựa và sư tử; (3) bốn đầu sư tử ngồi chồm hổm đầu lưng lại với nhau, hướng về 4 phía đối xứng, và (4) một bánh xe chuyển Pháp



*Trụ đá Asoka được tìm thấy bởi
Tướng Cunningham khi khai quật ở Sarnath*



*Đỉnh trụ đá Asoka
- biểu tượng
quốc gia Ấn Độ:
Chân lý cao quý
Đức Phật*

lân với 32 cãm ở trên cùng. Đầu trụ sư tử là độc nhất vô nhị về sự tinh xảo trong nghệ thuật điêu khắc mà không có bất kỳ nơi đâu trên thế giới có được. Biểu tượng này được lấy làm quốc hiệu của Ấn Độ. Bánh xe Asoka 24 cãm (dưới bốn sư tử) được lấy làm biểu tượng trang trí cho lá cờ quốc gia của Ấn Độ.

Tượng Bồ Tát: Tượng Bồ Tát được tôn trí bởi tỳ khưu Tipitakācariya Bala từ Mathura, tại di tích Cakkamana, Sarnath, vào năm thứ ba triều đại vua Kaniska. Tượng được làm từ đá đỏ Mathura. Có mái che lớn phủ lấy tôn tượng Bồ Tát. Hoa sen nở đặt giữa và nhiều biểu tượng đẹp mắt xung quanh tạo nên nét đặc trưng cho bức tượng. Bức tượng có nhiều sự ghi chú.

Tượng Phật “Chuyển Pháp Luân” (Dhammacakkapavattana): Khắc chạm dưới thời kỳ Gupta rất nổi bật cho sự phát triển nghệ thuật ở Ấn Độ. Nó đã thổi hồn vào sự mềm mại và thanh cao. Suốt triều đại Gupta, Sarnath nổi lên như một trung tâm quốc tế quan trọng với nhiều tác phẩm nghệ thuật điêu khắc. Tượng Phật ‘Chuyển Pháp Luân’ là minh chứng tuyệt vời, với sắc diện toát lên vẻ trang nghiêm, tự tại của bậc Đạo Sư. Phần hào quang quanh bức tượng tô điểm thêm phần sắc sảo.



Tỳ khưu Đức Hiền
viếng thăm điện thờ hiện đại
Mulagandha (Sri Lanka)
19/12/2008

19-12-2008



*Ông Swarroop Bauddh (tác giả) cùng vợ đang đứng trước
chuông Dhamma, gần cây Bồ Đề*

Cây Bồ Đề: Nằm cạnh hương thất Mūlagandha lớn, có cây Bồ Đề (Bodhirukkha). Cội cây này có cùng nhánh Bồ Đề mà tỳ khuru ni Saṅghamittā, công chúa của đại đế Asoka, mang từ đây sang Sri Lanka. Cây Bồ Đề tại Anurādhapura lần đầu được trồng bằng cây con từ Ấn Độ bởi tỳ khuru ni Saṅghamittā. Nhánh cây Bồ đề từ Anurādhapura ở Sri Lanka được trồng ở Sarnath vào năm 1921. Một nhánh khác Bồ Đề cũng được trồng tại công viên Buddha Jayanti ở New Delhi. Nhánh cây khác cũng trồng bởi Tiến sĩ Ambedkar vào năm 1956. Nó vẫn đứng sừng sững ở trụ sở văn phòng của Hội Phật Giáo Ấn Độ.



*Du khách cảm
thấy tự hào khi
lưu giữ kỷ niệm
tại điện thờ hiện
đại Mulagandha
(Sri Lanka)*







Những bức vẽ sống động về cuộc đời Đức Phật do họa sĩ người Nhật bên trong những bức tường ở điện thờ hiện đại Mulagandha (Sri Lanka)





NGÀI ANAGĀRIKA DHAMMAPĀLA
Kiến trúc hiện đại ở Sarnath



सत्यमेव जयते
Quốc Hiệu
Ấn Độ

Bánh xe
32 căm trên
đỉnh trụ
Asoka



Sự đóng góp nghệ thuật
Phật Giáo ở Sarnath làm
cho Ấn Độ thêm huy hoàng



Điện Thờ Hiện Đại Mūlagandha (Sri Lanka)

Những nỗ lực không ngừng của ngài Anagārika Dhammapāla đã thành tựu vào năm 1922, khi H.I. Butler, thống đốc của bang U.P. (Uttar Pradesh), làm lễ đặt đá cho điện thờ hiện đại Mūlagandha. Tuy nhiên, công trình xây dựng bị đình chỉ trong bốn năm do sự phản đối từ chính phủ Ấn Độ. Cuối cùng, Tổng Giám đốc Sở Khảo cổ học, ông John Marshal đồng ý cho phép xây dựng điện thờ này tại thánh tích. Tất cả gạch Chunar và đá được sử dụng trong việc xây dựng.

Điện thờ được khánh thành bởi ông Rai Bahadur Dayaram Sahni, ban quản lý di tích Phật Giáo và Ấn Độ giáo, thuộc phía Bắc Lahore, vào ngày 11 tháng 11 năm 1931. Việc tôn trí xá lợi Đức Phật từ Takkasila, xứ Gandhāra (nay Texila, thuộc Pakistan), ông nói: “Chúng tôi vô cùng hân hạnh xin được giới thiệu xá lợi chứng thực của Đức Phật Gotama, thuộc dòng Sakyamuni, xin dâng cúng đến Mahābodhi Sabhā. Niềm hoan hỷ của chúng tôi khi thấy nhiều xá lợi được tôn trí nơi Đức Phật chuyển Pháp luân. Chúng tôi xin tri ân đến Mahābodhi Sabhā.”







Tỳ khưu Đức Hiền trước bài kinh Chuyển Pháp Luân bằng tiếng Pāli - 19/12/2008

Ngài Anagārika Dhammapāla đã cho xây dựng điện thờ hiện đại và đặt tên là Mūlagandha. Tên gọi này được xem là có mối liên hệ với quá khứ. Nhiều xá lợi Phật được tôn trí trong điện thờ này, và được chiêm bái mỗi năm vào ngày trăng tròn tháng Kartika để cho các Phật tử hành hương thành kính cung thỉnh xá lợi nhiều quanh thị trấn Sarnath. Sau đó, các xá lợi được cung thỉnh về lại chỗ cũ.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 1957, ông Pandit Kailash Nath Kataju, nguyên cựu Bộ trưởng Bộ Nội vụ, kiêm Thống đốc bang M.P. (Madhya Pradesh), đã có bài phát biểu về tầm quan trọng Phật Giáo trong lễ hội Mūlagandha Kutī ở Sarnath, nói rằng: “Từ khi Phật Giáo biến mất khỏi vùng đất tuyệt vời này, nơi đây đã bị khai thác và nô lệ cho ngoại bang. Nó bị đô hộ trong khoảng 900 năm; trong đó 700 năm bị người Hồi cai trị và 200 năm bị người Anh thống trị.



Tượng Phật tôn trí tại điện thờ hiện đại Mūlagandha (Sri Lanka)

Phong trào độc lập chuyển biến khi chúng ta bắt đầu bàn về việc khôi phục Phật Giáo. Điều này thuần túy chỉ vì Phật Giáo là một saddhamma (chánh giáo) lợi lạc và thịnh vượng. Phật Giáo nhắm vào lợi ích của sự tự giác. Bên cạnh đó, khi Phật Giáo bị xóa khỏi Ấn Độ, nguyên nhân chính là phải đối mặt với cuộc xâm lăng từ ngoại bang. Lịch sử 900 năm là lịch sử Hồi Giáo và thuộc địa Anh. Một tôn giáo tốt đẹp đã bị thay thế từ đó. Giờ đây, Phật Giáo là món quà tuyệt diệu thánh thiện dành tặng đất nước này."

Điện thờ hiện đại Mūlagandha khắc họa nhiều bức tranh thú vị mô tả về cuộc đời Đức Phật và lời dạy của Ngài trên các bức tường; nó được vẽ bởi họa sĩ nổi tiếng người Nhật, ông Kosetsu Nasu, là người nhiệt tâm đối với Phật Giáo từ năm 1932-1935. Những bức tranh đầy màu sắc là điểm thu hút quan trọng của điện thờ Mūlagandha. Nó góp phần vào tầm quan trọng của Sarnath. Những bức tranh quý giá được vẽ theo sự hướng dẫn từ Hoàng đế Nhật Bản.

*Toàn cảnh chùa Đại Lộc (Sīvali Vietnamese Monastery),
tượng Phật Chuyển Pháp Luân bằng đá cẩm thạch hồng,
nặng 700 tấn, cao 18 mét ở Sarnath*



Ngài hòa thượng chùa Myanmar ở Sarnath đang ngồi thiền cạnh bảo tháp Dhammeka



Ngài Anagārika Dhammapāla (Sri Lanka)

Ngài Anagārika Dhammapāla từ Sri Lanka đã viếng thăm những thánh tích Phật Giáo linh thiêng của Ấn Độ vào ngày 20 tháng giêng năm 1891. Ông đã nhìn thấy hương thất Mūlagandha, tịnh thất của Đức Phật ở Sarnath trong tình trạng đổ nát đáng thương. Thánh tích này hoàn toàn không được bảo vệ và trở nên hoang phế. Lợn hoang đi lang thang trên tàn tích này. Có một ngôi đền của đạo Kỳ-na Giáo (Jain) mang tên theo kiến trúc này. Jagat Singh là vị cận thần của vua Chet Singh đã lấy đi những viên gạch và đá từ Đại Tự Mahāvihāra (chính là hương thất Mūlagandha) để sử dụng trong việc xây dựng thành Jagatganj ở Vārāṇasī. Bảo tháp Dhammarājika được xây dựng bởi đại đế Asoka, về sau đã bị phá hủy hoàn toàn.

Sau sự tàn phá lũ lụt nặng nề bởi 2 con sông là Yamunā (Allahabad) và sông Gaṅga (Sarnath, Vārāṇasī), nơi này đã bị lãng quên khoảng 700 năm. Ngài Anagārika Dhammapāla rất buồn khi nhìn thấy thánh tích Phật Giáo trong tình trạng đáng thương như vậy. Ông nguyện sẽ tu bổ lại những thánh tích Phật



*Hòa thượng Sāsanarasai và 2 vị tỷ khuru tham dự lễ Kaṭhina
vào trăng tròn tháng Kartik 2005 tại chùa Thái Lan*

Giáo ở Sarnath. Thật vậy, chính ngài Anagārika Dhammapāla là người xoa dịu đi những nỗi đau mất mát để khôi phục lại Sarnath vinh quang như xưa.

Bảo tháp bằng đất sét Pahadia, điện thờ Dhammacakka Jina, Viện Bảo Tàng Khảo Cổ, vườn nai Migadāya đều đáng viếng thăm.

Bên cạnh đó là sự lộng lẫy của ngôi chùa Thái có tên là Migadāya. Việc viếng thăm các ngôi chùa và nhiều di tích khác ở đây sẽ mang lại cho những người Phật tử sự cảm nhận sâu sắc trong kiến trúc nghệ thuật Phật Giáo đầy phong phú.

Song song tồn tại với ngôi chùa Thái là ngôi chùa Myanmar và chùa Trung Quốc. Hai ngôi chùa này được xây dựng trong lối kiến trúc rất thú vị. Nhà ga ở Sarnath được lựa chọn một cách khéo léo theo kiến trúc Phật Giáo đẹp mắt cho riêng mình.

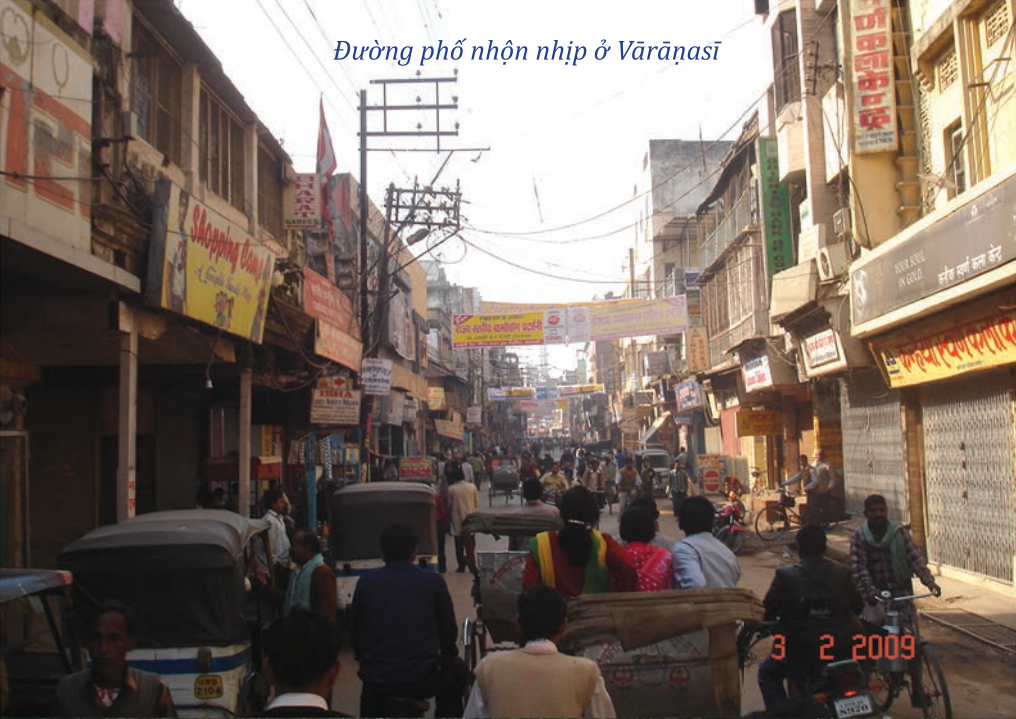
Học viện Vajra Vidya



Chùa Nhật Bản



Đường phố nhộn nhịp ở Vārāṇasī

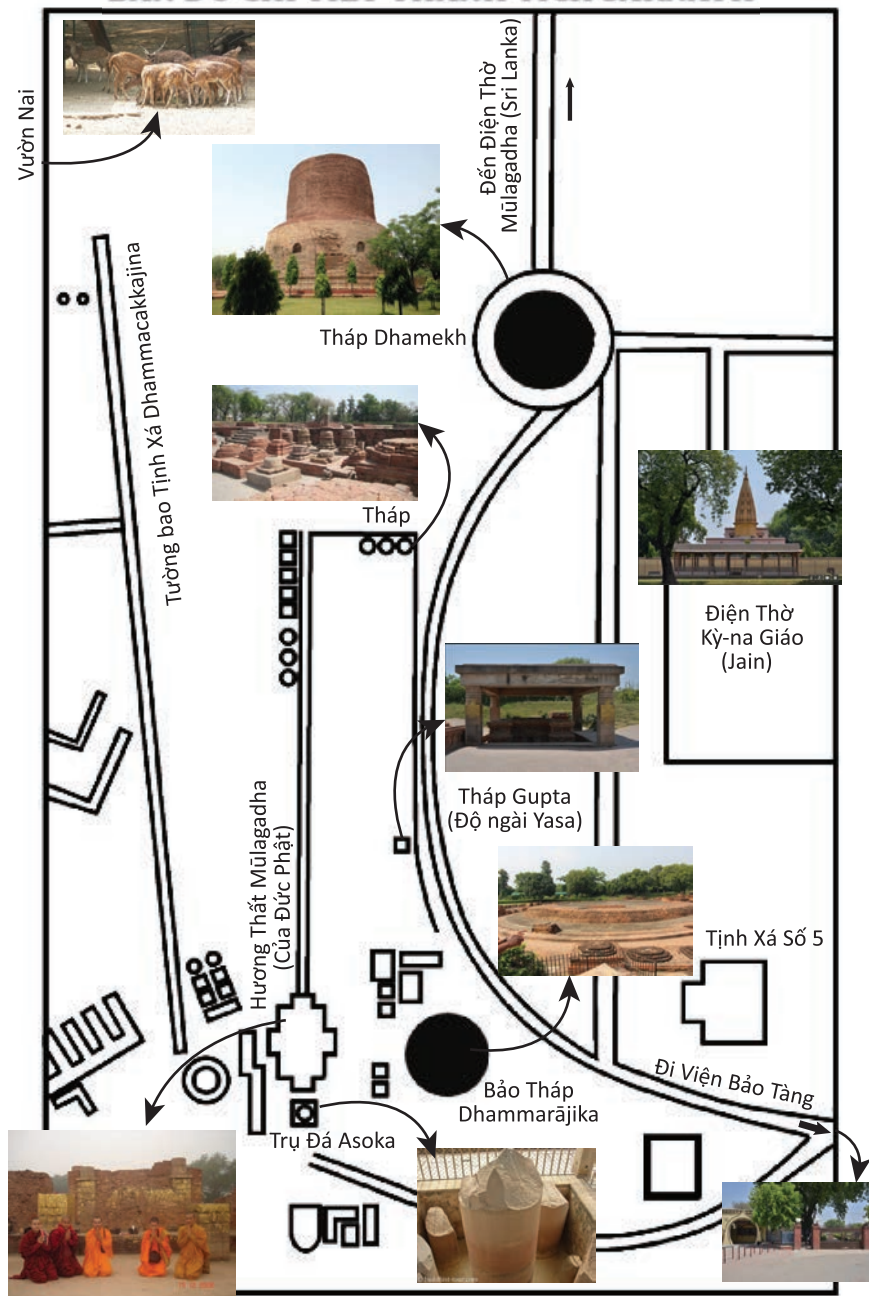


Đàn Nai cạnh bảo tháp Dhammeka

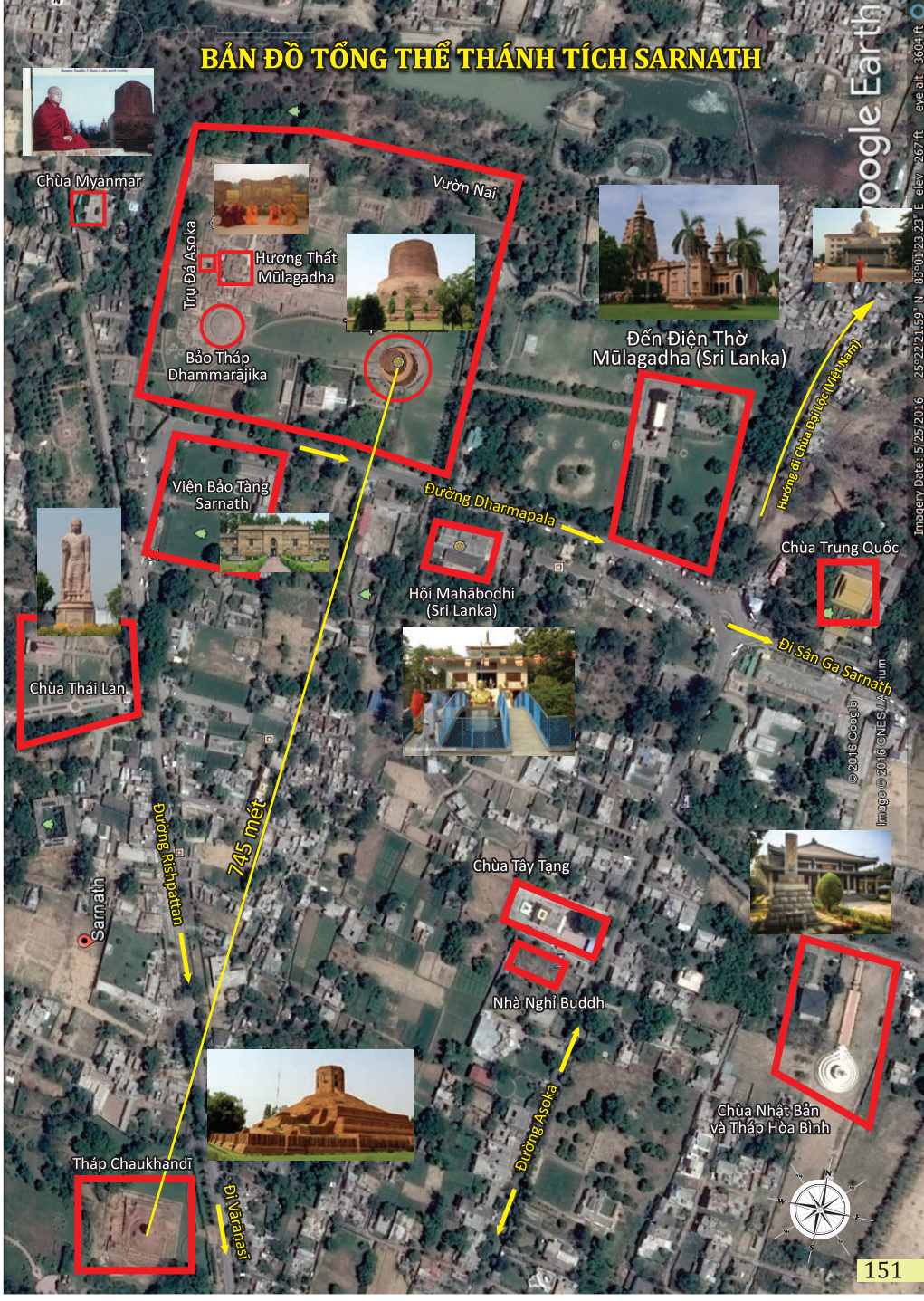


Cảnh chùa Đại Lộc - Việt Nam (nhìn từ cổng vào)
Địa chỉ: 13/46 – M-5, Khajuri, Sarnath, Varanasi, 221007 U.P., Ấn Độ.

BẢN ĐỒ CHI TIẾT THÁNH ĐỊCH SARNATH



BẢN ĐỒ TỔNG THỂ THÁNH TÍCH SARNATH



Chùa Myanmar

Trụ Đài Asoka

Hương Thất Mūlagadha

Bảo Tháp Dhammarājika

Vườn Nai

Đền Điện Thờ Mūlagadha (Sri Lanka)

Đường Dharmapala

Hương di Chùa Baيق (Việt Nam)

Chùa Trung Quốc

Đị Sản Ga Sarnath

Chùa Thái Lan

Đường Rishipattan

745 mét

Chùa Tây Tạng

Nhà Nghỉ Buddh

Đường Asoka

Chùa Nhật Bản và Tháp Hòa Bình

Tháp Chaukhandī

Đường Vāraṇasī

KUSINĀRĀ

Nơi Đức Phật
Nhập Niết Bàn





KUSINĀRĀ

Kusinārā, một trong những thánh tích thiêng liêng nhất Phật Giáo, nằm khoảng 54,72 km về phía đông quận Gorakhpur, và khoảng 35 km về phía bắc thuộc thành phố Devaria trong vùng Terai của dãy Himalaya. Cảm ơn những nỗ lực không mệt mỏi của bà Māyāvati, Bộ Trưởng bang U.P. (Uttar Pradesh), quận Kusinārā, giờ đây đang tận hưởng không khí của một huyện độc lập. Kusinārā là nơi Đức Phật nhập Niết Bàn (*Mahāparinibbāna*). Thánh tích này được tôn kính nhất đối với các hàng Phật tử.

Kusinārā là thủ đô người Mallā. Khu vực này cũng gọi là Malla-Rastra. Văn tự cổ Pāli đề cập nhiều lần hoàng tử xứ Malla đã đến thăm khu vực này. Người dân xứ Mallā đã hình thành một nước cộng hòa bằng đức độ và sự uyển chuyển tuyệt vời. Chúng được phân thành 2 nhánh, Kusinārā và Pāvā đều có thủ đô riêng biệt.

Kusinārā không phải là nơi phồn thịnh trong thời Đức Phật so với nhiều thủ đô các vương quốc (*Jānapada*) lớn khác, như việc ngài Ānanda một lần nọ thỉnh cầu Đức Phật nên nhập Niết Bàn ở một nơi khác có tiếng tăm hơn. Đáp lại thỉnh nguyện của ngài Ānanda, Đức Phật đã nhắc đến tầm quan trọng của Kusinārā trong tiền kiếp. Ngài kể: *“Thuở xưa, bậc chiến thắng bốn phương, thống trị các nước, có bảy hăm châu báu chính là bậc chuyển luân thánh vương Mahāsudassana. Đô thị Kusinārā là Kusavati, thuộc kinh đô của vua Mahāsudassana có chiều dài 12 yojana (128 km) từ đông sang tây và rộng 7 yojana (105 km) về phía bắc nam. Dân cư của Kusavati được biết đến là Kushvaha.”*

Văn tự Pāli phân chia thời kỳ trước Phật Giáo thuộc bắc Ấn, và còn lại thuộc vùng (Deccan) của 16 đại vương quốc (*Mahājānapada*) vì lý do chính trị.

Những sự kiện trên cho thấy thị trấn Kusinārā là thủ đô phồn thịnh trong quá khứ. Tuy nhiên, vào thời Đức Phật thì nơi này chỉ là một thị trấn nhỏ. Đức Phật đã dành được sự cảm mến từ người

*Chư Tăng và Phật tử Việt Nam viếng thăm
thánh tích Kusinārā - 19/11/2013*





xứ Mallā, nên Ngài đã chọn nơi đây để nhập Niết Bàn. Ngài nhập diệt tại khu vườn Sāla thuộc xứ Mallā, cạnh bờ sông Hiranyavatī. Kusinārā nằm khoảng 100 km về phía đông vườn Lumbinī - nơi Đức Phật đản sanh, và khoảng 110 km từ thành Kapilavatthu - thủ đô vương quốc Ngài, cho thấy mặt địa lý khá gần với quê hương Ngài và dân chúng Mallā.

Nằm trên các tuyến đường giao lưu với các thị trấn nổi tiếng và quan trọng của miền bắc Ấn. Với tư tâm đối với dân chúng xứ Mallā, Đức Phật đã căn dặn Đại đức Ānanda những lời dạy này trong giây phút cuối: *“Này Ānanda, hãy đi vào Kusinārā và nói với dân Mallā: ‘Này các Vāseṭṭha, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ’. - Này Vāseṭṭha, các Người hãy đến nhanh. Chớ có thương tiếc về sau: ‘Như Lai diệt độ tại thị trấn chúng ta, tại sao chúng ta lại không đến đánh lễ Ngài lần cuối.’”*

Trong 45 năm hoằng dương chánh pháp không mệt mỏi với mục đích để giải thoát khổ đau cho nhân loại, sức khỏe của Ngài cũng dần dần suy yếu. Ngài trải qua mùa an cư kiết hạ cuối cùng tại làng Beluva, gần thành Vesālī ngang qua vương quốc Licchavī; cuối cùng Ngài đến được thị trấn Pāvā. Tại đây, Đức Phật nhận lời cung thỉnh của người thợ rèn Cunda, và ngụ tại rừng xoài. Người thợ rèn Cunda đã dâng cúng món ‘thịt heo sữa’ ‘sūkara-mamsa’ (Kinh Trường Bộ, Kinh Đại Bát Niết Bàn, số 16, HT. Minh



Cổng vào thánh tích Kusinārā



Tỳ khuru Dīpaṅkara và Tỳ khuru Aggamahāpaṇḍita Nāṇavara Mahāthera tại chùa Myanmar

Châu dịch) để Ngài thọ dụng. Kết quả của việc thọ dụng này làm cho Ngài bị bệnh kiết lỵ trầm trọng. Đức Phật đi đến Kusinārā và dừng lại trên đường tắm rửa sạch sẽ tại sông Kututstha.

Ngài ngụ tại khu vườn sālā Upavattana thuộc xứ Mallā, cạnh sông Hiranyavati xứ Kusinārā. Biết rõ giờ diệt độ đã đến gần, Ngài bảo Đại đức Ānanda hãy đặt chiếc giường giữa hai cây Sālā, đầu hướng về phía bắc. Đây là khoảnh khắc đau buồn nhất, mất mát nhất đối với Đại đức Ānanda, vị thị giả thân tín đã chăm sóc Ngài suốt 20 năm trường. Đức Phật động viên Đại đức Ānanda: *‘Các pháp có sanh thì có diệt’*. Rồi sau đó, Ngài sách tấn chư tỳ khuru hãy tinh cần giới luật, thực hành giáo pháp, và dạn dò chư Tăng nên cung kính xá lợi Ngài như thế nào. Cũng trong giây phút cuối cùng này, Ngài đã hóa độ cho vị đạo sĩ Subhadda, 120 năm tuổi, an trú trong Giáo Pháp. Vị này được xem là đệ tử cuối cùng của Đức Phật.

Thế theo tâm nguyện của Đức Phật, người dân xứ Mallā tụ hội tại rừng Sālā và bày tỏ lòng thành kính đánh lễ Ngài. Trong khoảnh khắc biệt ly ấy, Đức Phật hỏi chư tỳ khuru hãy nêu lên



Chùa Linh Sơn - Việt Nam
(Xưa kia là chùa Trung Quốc)

những điều nào còn nghi ngờ trong giới luật và giáo pháp, và chư Tăng trả lời bằng sự im lặng. Ngài dạy: *"Này các tỳ khuru! Bây giờ, Như Lai căn dặn các con, 'các pháp đều vô thường. Hãy tinh tấn chánh niệm!'"* Đây là lời cuối cùng của Đức Phật, Bậc vĩ đại nhất đã hiện hữu trên thế gian này đã diệt độ. Đó là đêm trăng tròn, tháng tư âm lịch Vesākha. Quả địa cầu rung động vào giây phút tận cùng thiêng liêng ấy. Ngài viên tịch ở tuổi 80.

Dân chúng xứ Mallā gìn giữ kim thân Ngài trong suốt 7 ngày để mọi người có cơ hội chiêm bái và đánh lễ. Tang lễ được tổ chức long trọng với nhiều tràng hoa, trầm hương nghi ngút hòa chung cùng các lễ nhạc. Sau đó, kim thân Đức Phật được cung nghinh bởi các vua chúa, thần dân xuyên qua một cuộc diễu hành từ cổng phía bắc thị trấn qua cổng phía đông đến tháp Mukuta Bandhana xứ Mallā. Tại đây, kim thân Ngài được đặt trên giàn hỏa. Khi đó, ngài Mahākassapa, vị đại đệ tử lừng danh của Đức Phật, nhận được tin và trở về đánh lễ Đức Phật lần cuối. Nghi thức hỏa thiêu được cử hành dưới sự giám sát của ngài Mahākassapa. Giàn hỏa thiêu được châm lửa và việc hỏa táng hoàn tất.

Nhiều xá lợi được thu gom bởi dân chúng xứ Mallā, theo sự chỉ dạy của Đức Phật, họ cung kính thỉnh về Kusinārā và tôn thờ trong bảo tháp như nghi lễ của bậc Chuyển Luân Thánh Vương. Hay tin Đức Phật nhập Niết Bàn lan truyền đi khắp nơi nhanh chóng. Các nước nghe tin và ùn ùn kéo đến. Có nhiều nước muốn được cung thỉnh xá lợi Phật. Các vị vua cùng cận thần đại diện ít

*Quang cảnh mô hình Tứ Thánh Tích
(Chùa Linh Sơn - Việt Nam)*



nhất tám nước xin được xây dựng bảo tháp để tôn trí xá lợi. Tám phần xá lợi được chia cho: 1. Vua Ajātasattu từ thành Māgadha, 2. Dòng Licchavī từ thành Vesālī, 3. Dòng Sakya từ thành Kapilavatthu, 4. Dòng Buliya từ thành Allakappa, 5. Dòng Koliya từ thành Rāmagāma, 6. Dòng Brahmī thành Bethadīpa, 7. Dòng tộc Mallā từ thành Pāvā, và 8. Dòng Mallā từ thành Kusinārā.

Sự hỗn loạn tranh giành xá lợi xảy ra như cuộc chiến. Để giàn xếp ổn thỏa, Bà-la-môn Doṇa đã đứng ra nhắc nhở các vị vua hãy nhìn lại lời dạy hòa bình của Đức Phật. Và việc phân chia xá lợi được diễn ra một cách êm thấm. Ông đề nghị số xá lợi này nên được chia thành 8 phần và dâng lên cho 8 nước. Bà-la-môn Doṇa nhận lãnh trách nhiệm phân chia các phần xá lợi. Việc phân chia hoàn tất, 8 vị vua đã cho xây dựng bảo tháp để tôn trí xá lợi Phật trong vương quốc mình. Dòng tộc Mallā cũng tôn tạo bảo tháp tại Kusinārā. Và vì thế nơi này được tôn kính như điện thờ chính thiêng liêng nhất đối với người con Phật.

Hai trăm năm từ sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, nơi này đã bị lãng quên do sự bành trướng của đế chế Māgadha xâm chiếm,

Cổng vào chùa Myanmar và Bảo tháp





Ông Swaroop Bauddh (Tác giả)
trước chùa Myanmar ở Kusinārā

và lập nên nước cộng hòa nhỏ xứ Mallā. Khi đại đế Asoka lên ngôi, ngài đã cho xây dựng nhiều bảo tháp, trụ đá và các kiến trúc khác tại đây trong chuyến hành hương đến thánh tích Phật Giáo linh thiêng này. Nhà hành hương Phật Giáo người Trung Quốc là ngài Huyền Trang tường thuật trong sử ký của mình. Ngài viết có ba ngôi bảo tháp và hai trụ đá, chúng được cho là do đại đế Asoka xây dựng trong chuyến thăm viếng.

Sau thời kỳ huy hoàng của triều đại Asoka, suốt 5 thế kỷ mặc dù thánh tích Phật Giáo này không có gì nổi bật đối với Kusinārā. Bên cạnh đó, việc đáng kể đến chính là sự thành công của Phật Giáo trong giai đoạn này đã vươn rộng đôi cánh đến các lục địa lân cận của Ấn Độ. Trong cuộc khai quật, một bảo tháp lớn, nhiều tháp nhỏ xung quanh và các tịnh xá được tìm thấy. Ngài Pháp Hiển, nhà hành hương Phật Giáo người Trung Quốc, trong chuyến viếng thăm Ấn Độ (399-414 SCN), nhìn thấy bảo tháp và nhiều tịnh xá được xây dựng trên chính thánh tích Kusinārā này, là nơi Đức Phật nhập Niết Bàn. Khi viếng thăm, ngài Pháp Hiển đã nhìn thấy nhiều vị sư trú ngụ đây, điều này cho thấy Kusinārā vẫn hiện hữu như là một thị trấn thiêng liêng.

Ngài Pháp Hiển đến đây, Kusinārā một phần thuộc đế chế Gupta, đóng góp rất nhiều nghệ thuật và văn hóa Ấn Độ. Phật Giáo có một kỷ nguyên sáng chói và hầu như toàn Ấn Độ chịu ảnh hưởng của nó. Thực tế minh chứng cho thấy nhiều công trình được xây dựng tại Kusinārā. Dưới triều đại Kumāragupta (413-455 SCN), người Phật tử thuần thành tên Harbala đã tôn trí tượng Phật lớn trong tư thế nhập Niết Bàn (Mahāparinibbāna) tại đây. Nhiều di vật Phật Giáo có giá trị cũng được gìn giữ trong bảo tháp Parinibbāna. Ông Harbala đã cho tu bổ lại bảo tháp chính phía sau bảo tháp Parinibbāna. Trong thời gian đó, vài tịnh xá cổ cũng được cải tạo lại, và vô số tịnh xá khác mới được xây dựng lên. Rõ ràng, Kusinārā đứng trên đỉnh cao của sự thịnh vượng và tầm quan trọng dưới thời Gupta.

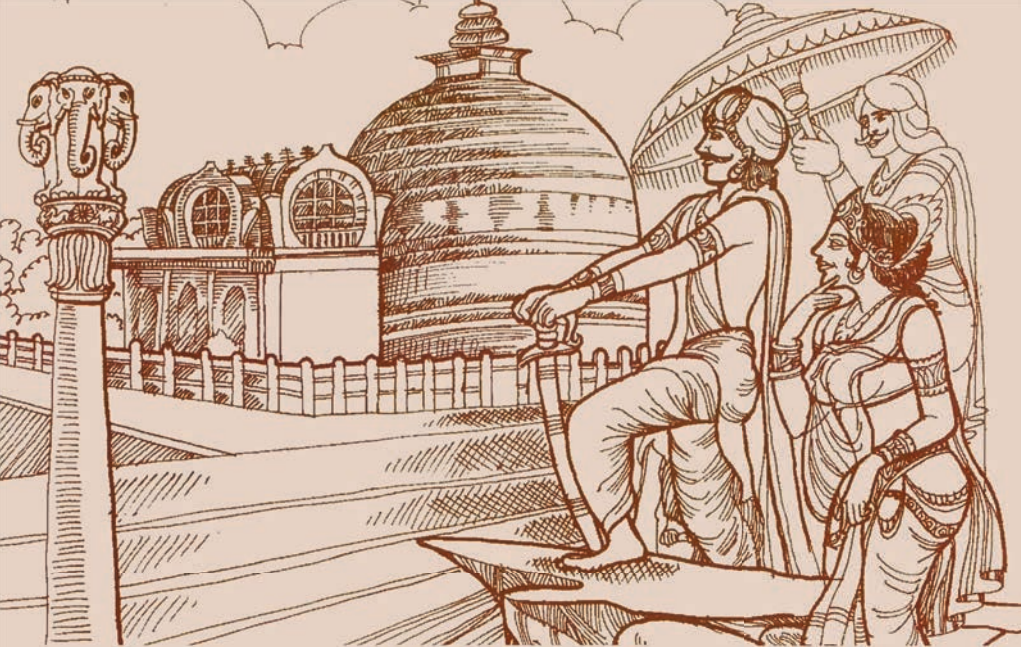
Ngài Huyền Trang đã viếng thăm thánh tích này vào khoảng 620-644 SCN, chứng kiến thánh tích trong cảnh điêu tàn đổ nát. Ngài chiêm bái và đánh lễ bảo tháp Mahāparinibbāna, bảo tháp chính và trụ đá Asoka dựng cao phía trước thánh tích đang trong tình trạng hư hoại. Bên cạnh đó, ngài mô tả nhiều tháp, trụ đá, các điện thờ được xây dựng nơi diễn ra tang lễ, liên quan đến sự kiện nhập Niết Bàn của Đức Phật.



*Tỳ khuru
Aggamahāpaṇḍita
Nāṇavara, trụ trì
chùa Myanmar*



Tỳ khuru Nāṇavara với Tổng thống Ấn Độ, Tiến sĩ A.P.J. Abdul Kalam, ngày 03.05.2006



Đại đế Asoka thị sát công trình ở Kusinārā

Ngài Nghĩa Tịnh, nhà hành hương Phật Giáo người Trung Quốc, đã viếng thăm Ấn Độ thuộc thế hệ sau ngài Huyền Trang, ghi lại rất ít chi tiết về Kusinārā. Về sau, không còn nguồn lịch sử hay văn học nào tiết lộ điều gì về nơi này. Sự suy đồi Phật Giáo phía bắc Ấn qua nhiều thế kỷ sau đã nhấn chìm sự thịnh vượng và tiếng tăm của thánh tích Phật Giáo nổi tiếng này. Các cuộc khai quật cho thấy vài bằng chứng sơ sài về việc trùng tu lại các bảo tháp, điện thờ trong phong cách mới để thay thế cho những gì đã lạc hậu, lỗi thời. Các nhà khảo cổ cũng tiết lộ sự suy tàn chung của thánh tích này.

Trong lịch sử Ấn Độ, hiện nay Phật Giáo đã khôi phục lại vài công trình mới tại Kusinārā. Vào thế kỷ thứ 10-11, tịnh xá và điện thờ kề nhau được tôn trí tượng Phật Niết Bàn trên nền đất được kiến tạo trong nhiệm kỳ của thôn trưởng dưới triều đại hoàng gia Kalchurī. Tượng Phật cảm thắng Ma Vương vẫn còn tôn trí tại thánh tích xưa, giờ đây được gọi là Matha Kumāra (Kunwar).

Cuộc khai quật điện thờ Mahāparinibbāna vào năm 1876, một phiến đá đen có 13 dòng chữ viết được tìm thấy; hiện giờ đang được trưng bày tại viện bảo tàng Lucknow và Kusinārā. Những dòng bia ký vào khoảng thế kỷ 11-12 SCN, thuộc ký tự

Nagai. Ông Carlyle đã giải mã như sau: **“Om namo buddhāya, namo buddhāya bhikkhave.”** “Kính lễ Đức Phật, Kính lễ chư Tỷ khuru Tăng – đệ tử Phật”

Những ký tự theo thứ tự, và những viên gạch chu vi 22 cm x 5,58 cm được tìm thấy ở đây. Điều này giúp cho nhiều nhà khảo cổ học chứng minh về bức tượng và điện thờ nguyên thủy được xây dựng dưới triều đại của các vị kế thừa Kalchurī trong thế kỷ 11-12. Một đồng xu từ thời Kusana, vài tấm đất sét, nhiều cổ vật, cùng thanh kiếm cũng được tìm thấy khi khai quật nơi này.

Trong thế kỷ 12, Phật Giáo hầu như biến mất khỏi nơi này. Do đó, các thánh tích Phật Giáo ngoài Kusinārā cũng bị lãng quên bởi mọi người và bỏ lại phía sau khu rừng. Qua lớp bụi thời gian, nơi đây chỉ còn trong ý tưởng mơ hồ với người dân địa phương giống như các ngôi làng lân cận Kasiya.

Khoảng sau 500 năm, ông Buchanan, quan chức của công ty Đông Ấn Độ, nhìn thấy các thánh tích trong một cuộc khảo sát, nhưng ông phớt lờ sự tồn tại và tầm quan trọng của những thánh tích này. Năm 1854, ông H.H. Wilson đề nghị sự hiện hữu các thánh tích ở Kusinārā tại thị trấn Kasiya. Tướng Alexander Cunningham, vị tướng người Anh, thăm viếng thánh tích này vào



Tiến sĩ Ambedkar
(1814 - 1893)



năm 1861-1862, và là người đầu tiên xác định đây chính là Kusinārā. Thực tế cho thấy ông xác minh được vài cơ sở có bằng chứng thuyết phục từ thực địa Phật Giáo.

Ông đã đưa ra những bằng chứng xác thực dựa trên cơ sở liên hệ đến nhiều tên địa phương của các di tích và gò đất. Di tích chính gọi là

‘Matha-Kora Ka Kote’, trùng khớp với tượng Phật trong tư thế chạm đất, nằm cạnh gò đất nhỏ gần đó. Khoảng 1,5 km về phía đông, có khối gạch khổng lồ đổ nát là tháp trà tỷ Ramabhara. Việc giải thích các địa danh không dễ dàng chút nào đối với ông Alexander Cunningham, dù cố gắng cắt nghĩa ‘Matha Kumāra’ có nghĩa là ‘Hoàng Tử Mất’, ám chỉ Đức Phật đã từ giả trần gian sau khi rời khỏi nơi này.

Mười lăm năm sau, vào năm 1876, ông Carlyle, trợ lý tướng Alexander Cunningham, tiếp tục khai quật thánh tích này với quy mô lớn hơn, và đào được bảo tháp chính lớn gần như toàn vẹn. Một thành tựu đáng kể của ông trong việc phát hiện ra tượng Phật nhập Niết Bàn lớn tại vị trí Mahāparinibbāna từ tàn tích bảo tháp hình chữ nhật. Ông cũng đảm nhiệm việc phục chế lại tượng Phật Niết Bàn và phát hiện thêm vị trí điện thờ đã tôn trí tượng Phật này.

Các cuộc khai quật được tiếp tục bởi ông Vogal vào năm 1904-1907, dưới sự cố vấn của Hiranand Shastri suốt 2 năm từ 1910-1912. Tóm lại, nhiều tịnh xá, tháp nhỏ và các kiến trúc khác được tìm thấy xung quanh bảo tháp chính. Điều này khẳng định rõ hơn trong việc xác minh thánh tích Kusinārā. Nhiều bằng chứng khác cũng được tìm thấy tại nơi này như các cổ vật có chạm trổ, đĩa đồng, v.v...

Những phát hiện trên có tầm quan trọng lớn hơn cho các nhà khảo cổ học và nhiều Phật tử trong việc nghiên cứu. Việc phát hiện thánh tích Mahāparinibbāna được xem như là di tích cuối cùng quan trọng nhất đối với các hàng Phật tử. Đây là mẫu chốt thành tựu to lớn và niềm tự hào đối với các nhà khảo cổ. Như vậy, sau gần 7 thế kỷ, nhiều hoạt động tôn giáo kết nối với Kusinārā

và các di tích Phật Giáo dần dần được khôi phục lại. Bên cạnh, những ngôi chùa hiện đại, nhiều nhà trọ, các tổ chức giáo dục và văn hóa có thể nhìn thấy ngôi bảo tháp linh thiêng ở Kusinārā, báo hiệu hàng loạt hoạt động đang diễn ra từng ngày.

Các di tích tại Kusinārā được chia làm ba khu vực: (1) Thánh tích chính gồm bảo tháp Mahāparinibbāna và các di tích khác xung quanh; (2) Matha Kora về phía đông nam; và (3) Bảo tháp Ramabhara (tháp Trà Tỳ - hỏa táng), khoảng 1 km về phía đông Matha Kunwar.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT:

Có 3 cụm di tích trên là quan trọng nhất và rộng lớn, gồm tháp chính trên nền thánh tích, nhiều tịnh xá, ngôi tháp nhỏ và các di tích khác xung quanh bảo tháp Mahāparinibbāna. Điện thờ chính và bảo tháp phía sau có chiều cao khoảng 60,96 mét được ngài Huyền Trang mô tả khá phù hợp với các kiến trúc.

(1) Bảo Tháp Chính: Bảo tháp chính được phát hiện bởi ông Carlyle vào năm 1876 chỉ còn như một đồng gạch khổng lồ. Tháp có lẽ cao 45,72 mét lên đến đỉnh. Bệ nền bảo tháp và đế chân điện thờ Mahāparinibbāna có chiều cao 2,74 mét từ mặt đất. Phía trên là tầng hình trụ cao 5,49 mét, được trang trí thêm tường cột trên đó. Tầng trên có kiến trúc hình bầu dục, chiều cao từ mặt đất trở lên là 19,81 mét. Gạch chủ yếu được sử dụng với đủ loại kích cỡ khác nhau qua từng thời kỳ. Và trong số đó được trang trí bằng hoa văn các kiểu. Điều này cho thấy sự hiện hữu của các kiến trúc khác xung quanh di tích mang vóc dáng hình bầu dục.

Vào năm 1910, khi cột trụ bảo tháp được hạ xuống, một xu bằng đồng thuộc niên đại vua Jaiguptas được tìm thấy gần đỉnh trụ. Một nền gạch tròn khá sâu khoảng 4,27 mét, có đường kính 0,64 mét lẫn chiều sâu. Trên đế gạch phát hiện ra một nôi đồng cùng với nắp đồng đang đập úp lên. Tấm đồng khắc ghi bài kinh Nidana và dòng chữ giải thích tấm đồng được đặt trong điện thờ Mahāparinibbāna do ông

*Bảo tháp
Mahāparibbāna
trước khi
được trùng tu*



Bảo tháp và điện thờ Mahāparibbāna tại Kusiṇārā







Tỳ khuru Đức Hiền, Thượng tọa Indacanda, Hòa thượng Nandaratana (người Sri Lanka), Sư cô Từ Tâm (từ trái sang phải) - 16/12/2009

Hanbala. Bên cạnh đó còn có nhiều cổ vật khác, hũ đựng vải đồng xu bạc thuộc niên đại hoàng đế Kumāragupta.

Bảo tháp còn có một tháp nhỏ được đặt ở bên trong khoảng 2,82 mét và được tôn trí tượng Phật tại chính giữa trong hốc phía tây. Bên trong bảo tháp còn tìm thấy một tấm đất sét và than đen, đây có thể là di tích còn sót lại từ nghi lễ hỏa táng Đức Phật. Quan sát bảo tháp ở phía trong cho thấy nó không được xây dựng sớm hơn bảo tháp bên ngoài. Tượng Đức Phật thiền định xuất hiện từ thời kỳ đầu kỷ nguyên Thiên Chúa.

Bảo tháp được khôi phục hoàn toàn nhờ ông U. Po Ku và ông U. Po Hlang, người Myanmar cúng dường vào năm 1927. Bên trong kiến trúc hình bầu dục có dựng mô hình tái hiện lại điện thờ thu nhỏ ban đầu, cao 6,1 mét từ mặt nền. Vào lúc 6:00 sáng - 10:00 sáng, ngày 18 tháng 3 năm 1927, một tấm đồng cùng vô số vàng bạc và đồng khác để cử hành nghi lễ tôn trí trong mô hình tổng quan với sự chứng minh của 16 vị tỳ khuru, dẫn đầu là ngài Bhadanta U. Chandramani Mahāthera (1876-1972). Sau khi nghi lễ chấm dứt, bảo tháp hoàn toàn được khóa kín. Tấm đồng





दान देना मत्ता है।
श्री गुरुदेव
गुरुदेव

Tượng Đức Phật nhập Niết Bàn, có chiều dài 6,1 mét





ghi lại thông tin chi tiết về thánh tích, việc khai quật di tích, thẩm định và các sự kiện khác v.v...

(2) Điện Thờ Mahāparinibbāna:

Như bảo tháp chính, điện thờ này cũng được xây dựng trên nền gạch. Những tàn tích điện thờ và tượng Phật trong tư thế nhập Niết Bàn (Mahāparinibbāna) được phát hiện bởi ông Carlyle vào năm 1876. Bức tượng tìm thấy trong tình trạng hư hoại nặng nằm trên nền đổ nát. Nhiều phần tượng gãy vỡ bị chôn vùi dưới nền nên việc phục chế có cơ hội hy vọng hơn. Tượng Đức Phật nhập Niết Bàn có chiều dài 6,1 mét và được làm từ khối đá cát đỏ (cẩm thạch hồng) từ Chunara. Ngài Sheela Prakash xác nhận để tượng được làm bằng đất nung. Chúng tôi cũng đồng tình quan điểm của ngài Sheela Prakash. Bức tượng mô phỏng Đức Phật vào giây phút cuối của Ngài đang nằm nghiêng bên phải, mặt quay về hướng tây.

Phía trước bồ đoàn có ba tác phẩm điêu khắc, ngài Ānanda gần bàn chân Đức Phật, ngài Subhadda ở giữa và thần y Jīvaka (hay ngài Dabba Mallā) ở góc trên. Hai bức tượng ở hai đầu với tư thế chống tay bày tỏ sự đau buồn; trong khi đó, bức tượng phía giữa khắc chạm một người đang ngồi xổm, mặt hướng vào trong. Ở giữa là bia ký thuộc triều đại Kurnaragupta vào thế kỷ thứ 5 (413-455 SCN), ghi rõ bức tượng này là: *‘Một tặng phẩm của ngài Haribala từ Mahāvihāra và được điêu khắc bởi Dinna’*.

Hiện tại điện thờ (*cetiya*) được xây dựng lại vào năm 1956 do ủy ban chính phủ Ấn Độ thành lập vào tháng 5 năm 1955, nhằm phát triển thánh tích gắn liền với cuộc đời Đức Phật nhân dịp kỷ niệm 2500 năm ngày đản sanh của Ngài.



(3) Các Tịnh xá Và

Dĩ Tích Khác: Nhiều di tích về các tịnh xá cổ, bảo tháp và các kiến trúc khác được tìm thấy quanh thánh tích này. Hầu hết các tịnh xá đều nằm ở phía tây. Một số cổ vật khắc ghi được tìm thấy từ các công trình kiến trúc. Các cổ vật như con dấu bằng đất sét vẽ hình bồ đoàn của Đức Phật nhập Niết Bàn (Mahāparinibbāna) dưới những cây Sāla, với Tăng chúng vây quanh. Những bia ký này thuộc văn tự vào thế kỷ thứ 4. Đồng xu bạc từ thời vua Damsena ở miền tây Ấn Độ cũng được tìm thấy.

Nhiều tịnh xá dường như xây dựng sớm hơn thế kỷ thứ 4. Có tịnh xá lớn nhất phát hiện tại thánh tích này với diện tích 45,72 mét vuông. Tịnh xá này gìn giữ nhiều cổ vật có niên đại từ năm 900 SCN; có thể đây là ngày khởi công xây dựng tịnh xá. Một vài tịnh xá khác cạnh đó cũng có nhiều cổ vật và chậu kim loại dưới triều đại Gupta đều được phục chế. Một đồng tiền vàng thuộc thời kỳ Chandragupata II (vào thế kỷ 4 – 5 SCN) cũng được phát hiện ở đây. Bia ký dưới triều đại Kusana và một bức tượng được điêu khắc ở Mathura cũng được tìm thấy. Có tượng mang bia ký thuộc thế kỷ thứ 5, ghi rõ bức tượng được tôn tạo bởi vị thiện nam tên Dinna từ Mathura.

Tại phía nam thánh tích chủ yếu là các tháp nhỏ; chúng được tôn tạo bởi các nhà hành hương có tín tâm. Ở phía đông vẫn



*Tỳ khưu Đức Hiền (Dịch giả), Tỳ khưu Dhammapālo,
Tỳ khưu Thiện Thắng - 16/12/2008*





Trương Phật lớn trong tư thế tay phải chạm đất tại điện thờ 'Matha Kumāra' có nghĩa là 'Hoàng Tử Mất', ám chỉ Đức Phật đã từ giả trần gian sau khi rời khỏi nơi này.

còn nhiều tàn tích của một bảo tháp có lẽ thuộc thế kỷ thứ 7. Khoảng 8 đồng tiền xu từ thời Kaniska và Kadaris II được phục chế riêng biệt; chúng được tìm thấy từ khu di tích khác có lẽ thuộc kiến trúc Maurya. Nhiều bằng chứng về các ngôi tháp khác cổ xưa hơn đều được tìm thấy; nhưng chúng vẫn còn chôn vùi dưới nền tháp chính.

Phía bắc, nhiều bảo tháp được tôn tạo bởi những người hành hương. Bên cạnh đó, nhiều kiến trúc Maurya bị chôn vùi bởi các công trình về sau. Sau thế kỷ thứ 10, thực tế cho thấy nhiều công trình vẫn tiếp tục xây dựng ở đây từ thời Maurya. Một bức tượng nữ nhân từ thế kỷ 1 và bia ký ở thế kỷ thứ 5 SCN cũng được tìm thấy tại thánh tích này. Xa xa về phía bắc có hai tịnh xá với cổng vào nằm phía

nam, hướng đối diện bảo tháp chính. Nhiều cổ vật khắc ghi cũng phát hiện nơi này khi tu bổ công trình từ thế kỷ thứ 9 – 10 SCN.

Nhìn xa từ thánh tích về phía đông, có một tịnh xá khá biệt lập. Điểm nổi bật ngôi tịnh xá này không hướng về bảo tháp mà có hướng ngược lại. Nó không có sân trước như các tịnh xá khác nhưng căn phòng rộng rãi ngay chính giữa là Uposathagara, để chư tỳ khuru sử dụng hành tăng sự Uposatha. Tấm đất sét ghi lại giáo lý căn bản cũng được tìm thấy ở đây. Dường như tịnh xá được xây dựng từ thế kỷ thứ 10 – 11 SCN.

(4) Điện thờ Matha-Kumāra (Matha Kuar): Một tượng Phật lớn, tọa lạc khá xa về phía tây nam của thánh tích, người



dân địa phương gọi đây là điện thờ Matha-Kunwar. Bức tượng có chiều cao 3,05 mét làm bằng đá xanh từ quận Gaya. Tượng trong tư thế cảm thảng Ma Vương (tay phải chạm mặt đất - *phassabhūmī*). Trên bệ Phật có bia ký từ thế kỷ thứ 10 hoặc 11. Bức tượng được tìm thấy trong hai phần, được phục chế và tôn trí tại vị trí ban đầu vào năm 1927 với sự trợ duyên của các thí chủ người Myanmar.

Ông Carlleryle phát hiện điện thờ này cùng với bức tượng vào năm 1876, về sau cuộc khai quật hé lộ thêm di tích này được cho là một phần của thánh tích. Những cổ vật đất sét từ thế kỷ thứ 10 – 11, và bia ký trên đá cho thấy điện thờ được tôn tạo bởi vị trông coi địa phương trong thời vua Bhimat II, dưới triều đại Kalacuri. Nhiều cuộc khai quật về sau chứng minh tính xác và di tích này thuộc một phần trong các di tích được xây dựng quanh bảo tháp chính và điện thờ Mahāparinibbāna, có tường thành bao bọc dài 381 mét, phủ kín diện tích 145,687 mét vuông. Bức tường từ nam sang đông với đường vào rộng 3,61 mét. Cho đến nay, chỉ còn một phần ba trong toàn bộ bức tường thành được tìm thấy, phần còn lại vẫn đang chờ khai quật.

(5) Tháp Trà Tỳ Ramabhara: Cách di tích Matha Kumāra về phía đông khoảng 1,61 km, có một gò tháp bằng gạch cạnh

hồ nước nhỏ. Người dân địa phương gọi đây là bảo tháp trà tỳ Ramabhara. Khoảng cách hơi xa so với các di tích ở Kusinārā và có nét kiến trúc riêng biệt cho thấy bảo tháp thuộc xứ Mallā với tên gọi Mukuta Bandhan, là nơi diễn ra nghi lễ trà tỳ (hỏa táng) của Đức Phật.

Vào năm 1910, phía đông gò tháp được khai quật cho thấy đây là ngôi tháp lớn, có hình bầu dục và theo lối kiến trúc tầng (Medhi) với chu vi 34,14 và 47,24 mét dạng tròn tương đối. Tháp có kích cỡ gấp 2 lần tháp chính. Bên trong được tìm thấy nhiều cổ vật đặc trưng Phật Giáo với ký tự thời trung cổ. Dường như bảo tháp được tu bổ và phục chế nhiều lần. Bảo tháp rất quan trọng đối với nhiều Phật tử. Còn các tháp nhỏ được tôn tạo bởi những nhà hành hương cũng được phát hiện bên cạnh đó.

Những Công Trình Mới:

Trong những thế kỷ trước, sự thu hút việc đổi mới liên quan đến Phật Giáo chứng tỏ sự nỗ lực lớn lao của ngài Anagārika Dhammapāla (1864-1933) và ngài Babasaheb Ambedkar (1814-1893). Con đường mới đến thánh tích Kusinārā được thành lập nhanh chóng để cho thánh tích này không bị



Tháp trà tỳ Ramabhara vào thế kỷ 19



Tháp trà tỳ Ramabhara giữa thế kỷ 20



Tháp trà tỳ Ramabhara đầu thế kỷ 21



Tỳ khuru Paññadīpa trước tháp trà tỳ Ramabhara

lãng quên.

Những công trình lớn nhất trong chủ trương này được thực hiện bởi người Myanmar. Nhiều công trình xây dựng mới ở Kusinārā dưới sự lãnh đạo tài tình của ngài đại thông tuệ (*Aggamahāpaṇḍita*) Jñaneswara và ngài Sheel Prakash là những vị nhận lãnh trách nhiệm được chỉ đạo từ ngài U. Chandramaṇi Mahāthera và nhiều vị khác đều chung chí hướng ở Myanmar. Sự nổi bật và lộng lẫy nhất giữa các ngôi chùa tháp hiện đại thì phải kể đến chùa tháp vàng Myanmar (mô phỏng theo tháp Shwe Dagon), nhiều tầng xá, trường học, bệnh xá, và nhà trọ cũng được xây dựng.

Như chúng ta đã thấy, các công trình xây dựng đã bắt đầu từ thời Phật nhập Niết Bàn và tiếp tục đổi mới cho đến thế kỷ 21. Đó là sự thể hiện tấm lòng chân thành của người con Phật đối với thánh tích này.

Thánh tích Kusinārā có tầm quan trọng đến cả thế giới, bởi chính nơi đây là điểm dừng chân cuối cùng của Đức Phật, bậc vĩ nhân siêu thế đã dành trọn cuộc đời vì sự giải thoát khổ đau cho tất cả chúng sanh. Vì vậy, nhiều người con Phật từ những đất nước xa xôi cũng lặn lội đến đây để cung kính cúi đầu đánh lễ và tán dương ân Đức Phật.

Các Di Tích Cổ Đô:

Khoảng 762 mét về phía đông nam Matha Kunwar Kot, 91,4 mét về phía tây bảo tháp Ramabhara và gần Anirudhavana có một ngôi làng nằm trên những di tích của những ngôi nhà và tịnh xá đồ nát thuộc cổ đô xưa. Giữa ngôi làng, còn lại bốn ngôi tháp nhỏ nằm trên rãnh mương. Các cuộc khai quật ở đây tìm thấy bốn tấm gạch khắc ghi trên đó về bốn sự kiện chính của





*Tỳ khuru Bhadanta U. Chandramaṇi Mahāthera
(1876-1972) trước tháp trà tỳ Ramabhara*

cuộc đời Đức Phật. Những ngôi tháp này nằm dài dưới mặt đất khoảng 2,4 mét.

Các nhà khảo cổ học tin chắc thủ đô cổ xưa được nói rộng đầu đó về phía đông. Ngược lại, thủ đô được cho là một phần của các khu rừng Sālā xứ Mallā. Một vài học giả xác định Kotavan (Vanamurcha) về khoảng 6 km phía tây-nam của Kusinārā hiện tại chính là thủ đô của Kusinārā ngày xưa. Tuy nhiên, tiến sĩ Vogal, nhà khảo cổ học nổi tiếng, đưa ra giả thuyết rằng thủ đô xưa được mở rộng đến Sisava, xa về phía nam của ngôi làng. Mặt khác, ngoại biên Kusinārā coi nói đến khu rừng Aniruddhavana ở bờ tây sông Chhoti Gandak.

Có một truyền thuyết rất thú vị liên quan đến bảo tháp này. Một tu sĩ Phật Giáo ngài U. Suriya, sinh năm 1886, viếng thăm Kusinārā ở tuổi 40 vào năm 1926. Tâm nguyện của ngài là muốn tận mắt viếng thăm nơi đản sanh của Đức Phật. Tại Kusinārā, ngài U. Suriya trú lại một thời gian với hòa thượng U. Chandramani Mahāthera tại tăng xá Niết Bàn. Ngài U. Suriya có tiếng tăm như giáo sĩ Chini Baba ở Kusinārā. Ngài thích vắng lặng. Ngài dựng cho mình ngôi chòi nhỏ trên cây đa nằm cạnh tháp trà tỳ Ramabhara. Ngài quý mến bảo tháp Ramabhara. Dù nhiều lần nỗ lực nhằm thuyết phục ngài rời khỏi chỗ ngụ trên cây, nhưng không làm sao thuyết phục được ngài.

Chính phủ Ấn Độ đề nghị tu bổ lại các điện thờ Phật Giáo như là một phần kỷ niệm 2500 của Đức Phật. Bảo tháp Ramabhara cũng không ngoại lệ. Thế nhưng, giáo chủ Chini Baba không đồng tình với lời đề nghị đó. Ông từ chối bỏ đi và cương quyết dù phải

Quang cảnh chùa Thái Lan





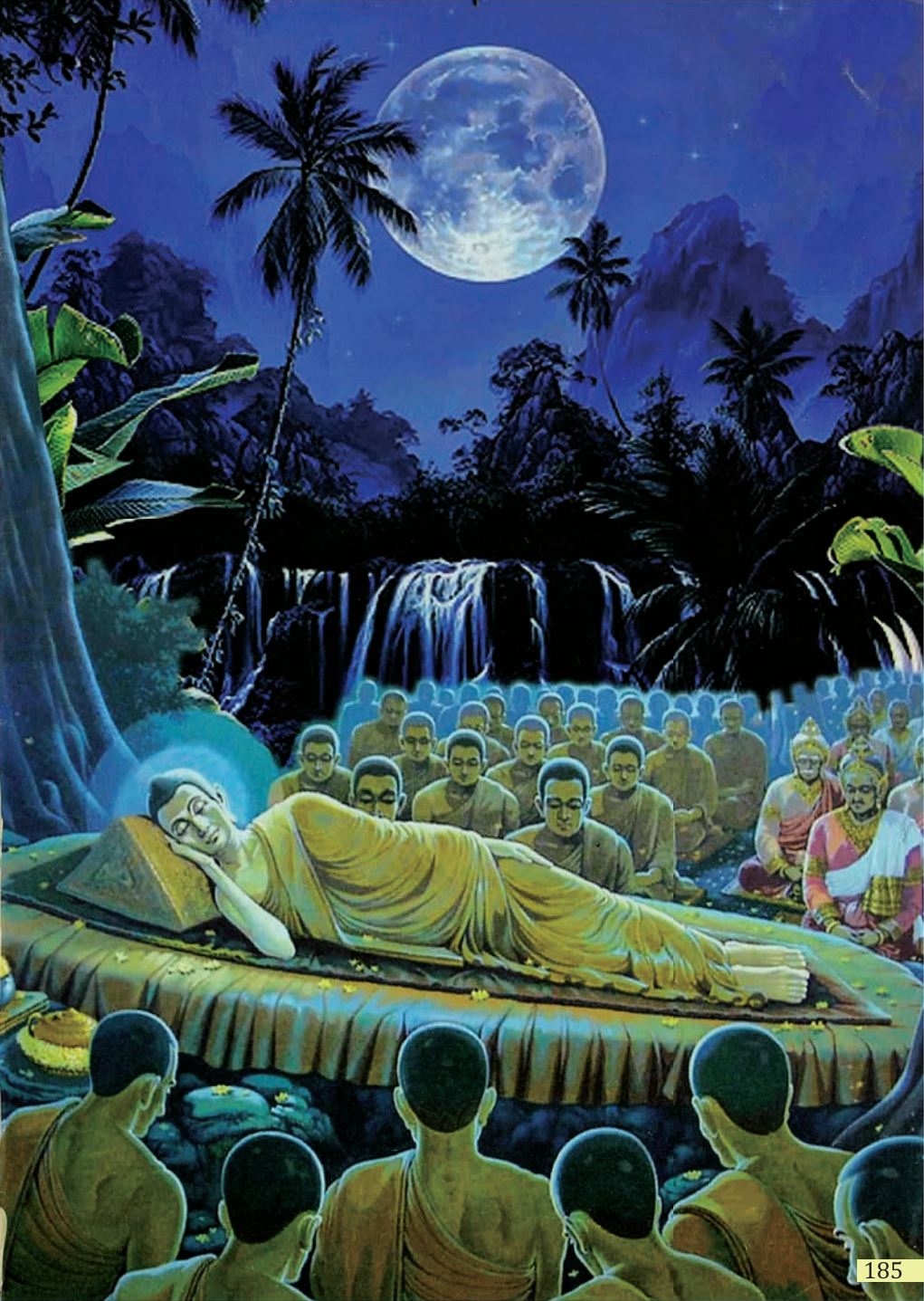
chết tại nơi này. Vào năm 1955, trong chuyến viếng thăm các thánh tích, thủ tướng Jawaharlal Nehru (Ấn Độ) cho gọi riêng giáo chủ Chini Baba. Sau khi được thủ tướng thuyết phục, ông chấp nhận và đồng ý rời khỏi chỗ ở của mình. Để đánh lễ đến Đức Phật, giáo chủ Chini Baba đã thực hiện theo nghi lễ Phật Giáo của quê hương bằng việc đốt cháy nhiều bậc được trét bơ sữa (dầu bơ) trên đầu, ngực cánh tay v.v... Cuối cùng, giáo chủ Chini Baba qua đời vào ngày 19 tháng 12 năm 1971 tại Kusinārā.

Kusinārā hướng đến xây dựng mới: Tỳ khuru Swami Mahāvira đặc biệt lưu tâm đến việc đổi mới tại trung tâm Phật Giáo này. Cá nhân ông đã mua lại một số đất với giá 60 rupee cho mỗi *bigha* (1337,8 m²) và bắt đầu quyết định xây dựng ngôi tịnh xá. Người đệ tử Khejari đến từ thị trấn Pavan (Rama) ở Chitagong (Bangladesh) đã cúng dường 15,000 rupee để xây dựng ngôi tịnh xá này, và hoàn thành vào năm 1902. Hai bức tượng chân dung Tỳ khuru Mahāvira và Khejari tăng thêm vẻ uy nghiêm phía hiên nhà phía tây của ngôi tịnh xá hiện giờ. Do vậy, việc phát triển toàn diện Kusinārā một phần là nhờ sự nỗ lực của tỳ khuru U. Chandramaṇi Mahāthera khi ngài phục chế lại bảo tháp vào năm 1926-1927. Sau này ông Afochu cùng vợ Makinu đã mạ vàng lên đá vào năm 1934.

Tượng Phật Matha Kunwar được tôn trí trên ngôi bồ đoàn cổ vào năm 1912. Học trò ông Afochu kiến tạo ngôi chùa không mái vào năm 1926-1927. Tỳ khuru Sradhananda từ Sri Lanka bắt đầu mở trường học miễn phí tại đây vào năm 1929, qua sự động viên của tỳ khuru Kittima. Ông chủ Jugul Kishor Birla xây



Chư Tăng và Phật tử Việt Nam viếng thăm Tháp trà tỳ Ramabhara - 19/11/2013





Tỳ khuru Đức Hiền, Tỳ khuru Dhammapālo, Tỳ khuru Thiện Thắng - 16/12/2008



Dưới những bụi rậm này là thành cổ Kusinārā bị chôn vùi



Bức họa được khắc ở cổng Sanchi mô tả cuộc xung đột về phân chia Xá lợi Phật

dựng nhà nghỉ Birla, và một trường học lớn tại Kusinārā giữa năm 1934 và 1942.

Vào năm 1944, ngài Chandramaṇi Mahāthera thành lập trường Mahāvira, được xem như là một phần của sự hồi phục nơi đây. Bên cạnh đó, Tỳ khưu Niwas, và nhà trợ cho những người tị nạn Arakani cũng được xây dựng. Thư viện Parinibbāna cũng tọa lạc ở đây. Chính ngài hòa thượng U. Chandramaṇi Mahāthera tổ độ cho tiến sĩ Babasaheb Ambedkar đến với Phật Giáo tại Nagpur vào ngày 14 tháng 10 năm 1956. Một triệu người học trò của tiến sĩ Ambedkar cũng quy y Phật Giáo trong dịp đó.

Ngoài ra, phải kể đến nhà trọ Birla, chùa Linh Sơn (Việt Nam) và phòng nghỉ (*dhammasālā*); chùa Lạt Ma và phòng nghỉ pháp đường; Dak Bungalow cũng xây dựng nhân dịp kỷ niệm 2500 năm Đức Phật đản sanh; người Ấn Độ, Nhật Bản và Sri Lanka (Tích Lan) đã cho xây dựng ký túc xá Buddha Jayanti và trại lính, bảo tháp Hòa Bình Thế Giới và pháp đường; Bảo tàng chính phủ và một trường học Phật Giáo về phía đông điện thờ chính (vihāra) và phía nam đường cao tốc số 28 cũng tọa lạc ở đây.

Viện Bảo Tàng Phật Giáo

Tầm quan trọng của thánh tích Kusinārā linh thiêng đã truyền cảm hứng cho nhiều quốc gia khi thành lập các trung tâm văn hóa và tôn giáo của họ trên mảnh đất này. Do vậy, thánh tích được công nhận với một niềm tin tuyệt đối và ảnh hưởng trên toàn cầu. Một viện bảo tàng quả thật quá cần thiết và thích hợp trong việc thu thập và bảo lưu lại các tài sản khảo cổ quý ở Kusinārā, đó là điều cấp bách nhưng đòi hỏi phải có thời gian. Vì thế, công trình xây dựng Viện Bảo Tàng Phật Giáo Chính phủ được khởi công với sự tài trợ, hợp tác của tổ chức Nhật Bản vào năm 1992-1993 tại Kusinārā.

Bảo Tàng Chính phủ có hai phòng trưng bày chính: Một phòng chỉ dành riêng về “Đức Phật nghệ thuật”. Ở đây trưng bày các pho tượng bằng đất sét, đá, kim loại, nhiều cổ vật và những bức tranh



thanka từ Tây Tạng lẫn Nepal. Những điểm sáng chói của nghệ thuật dần dần được hồi sinh từ khu vực Kusinārā, đã tạo nên sự hấp dẫn chính cho phòng trưng bày nghệ thuật này. Trong nhiều cổ vật, nổi bật nhất là hình vẽ Đức Phật nhập Niết Bàn, tượng Phật thiền định từ thời Gupta, và bức tượng người đệ tử trên ba viên gạch có hoa văn.

Nhiều bức tượng Đức Phật và Bồ Tát nổi tiếng thuộc phong cách Mathura và Gandhara được tôn trí một nơi đặc biệt trong phòng trưng bày nghệ thuật này. Ngoài ra, việc trưng bày từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ 19 được lưu giữ qua trình tự niên đại.

Phòng trưng bày khác dành riêng cho “Tranh Ảnh Đức Phật”. Rất nhiều bức ảnh đậm màu sắc nói lên những sự kiện chính về cuộc đời Đức Phật, bắt đầu từ nơi đản sanh – Lumbinī - đến nhập Niết Bàn – Kusinārā. Ngoài ra, bảo tàng còn trưng bày nhiều hình ảnh liên quan đến các bức tượng nổi tiếng tôn thờ ở Mathura, Gandhara, Sanchi, Sarnath, Bharahuta, Amrāvati và nhiều trung tâm nghệ thuật khác. Vô số bức ảnh nghệ thuật Phật Giáo từ nhiều quốc gia nổi tiếng như - Trung Quốc, Nhật Bản, Sri Lanka, Myanmar, Tây Tạng và Nepal đều được trưng bày một góc danh dự trong phòng trưng bày nghệ thuật này.

Chúng tôi tha thiết kêu gọi nếu có những bức tượng hay các cổ vật khác được tìm thấy ở Kusinārā, hoặc đang trưng bày ở bảo tàng khác xin vui lòng chuyển lại cho viện bảo tàng này.

Tháp Thờ Tỳ Khuru Mahāvihāra: Ngôi bảo tháp được tôn tạo để kỷ niệm ngài Hòa thượng Mahāvira Swami. Tháp cao khoảng 100 mét nằm phía sau đại tháp Mahāparinibbāna.

Chùa Linh Sơn (Việt Nam): Ngôi chùa đầu tiên mà quý vị

có thể nhìn thấy khi tiến vào thánh tích Kusinārā đó là chùa Linh Sơn. Đây là bản sao nhiều kiểu mẫu điện thờ Phật Giáo Ấn Độ (4 thánh tích) tạo thêm nét phong phú cho ngôi chùa này. Đẹp nhất có tháp Đại Giác (Mahābodhi Mahāvihāra), đại tháp Dhammekā ở Sarnath (Vārāṇasī). Ngoài ra, chùa còn có phòng nghỉ (dhammasālā) với đầy đủ tiện nghi hiện đại nhất.

Chùa Tây Tạng: Người Tây Tạng dựng lên ngôi chùa tuyệt đẹp tại nơi này. Ngôi chùa được đánh giá cao về mặt kiến trúc độc đáo riêng với màu sắc tươi sáng.

Chùa Nhật Bản: Tổ chức Nhật Bản đã tôn tạo ngôi bảo tháp lớn dựa trên nhiều kỹ thuật hiện đại về mặt kiến trúc. Có nhà khách rất lớn trong khu vực bảo tháp. Bảo tháp nằm trước viện Bảo tàng Kusinārā. Ngài tỷ khuru Assaji, từ Sri Lanka, đang trông coi ngôi chùa này.

Thông tin & Cơ Sở:

Mã code ĐT: 05563; Ngân Hàng Trung Ương Ấn Độ (Central Bank of India) NH 28 đường Kasiya (SĐT. 271.089), và Ngân Hàng Nhà Nước Ấn Độ (State Bank of India) (SĐT. 271.024); tuy nhiên họ không đổi tiền từ tấm check. Cục Du lịch bang U.P. thuộc chính phủ ở đường Buddha Marg. Chi nhánh Bưu điện tại ngã tư chính (SĐT. 271.029); Mã số bưu chính: 274.403. Trung tâm y tế cộng đồng nằm trên đường Deoria tại Kasiya. Bệnh viện Chính phủ Ayurvedic ở đường Buddha Marg. Quán điện thoại

Chùa Alchuni Nhật Bản





bàn – gọi quốc tế (ISD) nằm trên đường Buddha Marg, bên cạnh Buddha Dwar.

Chỗ Nghỉ Và Ăn Uống:

Khách sạn Lotus Nekko (SĐT. 271.039), Nhà nghỉ Phật Giáo Quốc tế, phước xá Hindu Birla, Phước xá Nepal, lữ hành du lịch bang U.P. Bungalow (Uttar Pradesh, State Tourist Bungalow), nhà nghỉ Ashok (Ashok Traveller's Lodge: ITDC), chùa Linh Sơn, Việt Nam (xưa kia là của Trung Quốc). Chùa Myanmar (Myanmar Buddhist Temple) cung cấp phòng trọ với giá bình dân, nhà khách (Guest House) (SĐT. 271.035). Bên cạnh chùa tháp Myanmar, trên đường Buddha Marg, có quán cà phê Yama Kwaliti phục vụ thức ăn khá ngon: thức ăn kiểu Ấn Độ, Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc, Tây Tạng, Nepal và thức ăn nhanh.

Đi lại và các tuyến đường xe lửa: Gorakhpur

Tổng dân số của Kusunārā là 1 triệu; Mã số ĐT vùng: 0551.

Đây là thị trấn du lịch Ấn Độ chính yếu cuối cùng ngang qua biên giới Nepal. Quân đội Anh và Gorkha đã dựng độ gần thị trấn này trong những năm đầu của thế kỷ 18. Sau này, nơi đây trở thành trung tâm tuyển lính tân binh Gorkha cho quân đội Anh và Ấn. Đây là trung tâm lý tưởng và thị trấn bảo trì đường sắt lớn. Thị trấn này cũng có trung tâm hành hương đến đền thờ Gorakhnath, nơi quan trọng cho nhiều nhà tu khổ hạnh (Sannyasix) thuộc phái Gorakhpanti. Trên con đường NH 28 tại cây số 55 về phía đông thành phố Gorakhpur là Kasia, từ đó 3 km về phía tây nam là thị trấn Kusunārā.

Khách sạn Lotus Nikko - Nhật Bản





Tổng thống Ấn Độ Tiến sĩ A.P.J. Abdul Kalam thăm viếng chùa Thái Lan - 03/05/2006

Khách sạn:

Chủ yếu về ngân quỹ du lịch: Ganges, Rạp chiếu phim Chowk, quản lý tốt các phòng máy lạnh, nhà hàng, tiệm kem; và Bobina, Gatashanker Chowk, đường Nepal. Nhà khách có giá hợp lý khác là: nhà khách Modern (hiện đại) gần trạm xe buýt; nhà khách Standard đối diện bến xe; nhà khách York tại trung tâm thành phố; và nhà khách du lịch Gupta (Gupta Tourist Lodge) nằm đối diện ga xe lửa.

Từ nhà ga đi bộ tầm 3 phút đến trạm xe buýt. Xe buýt có dịch vụ chuyên chở đến thành phố Lucknow, thành phố Vārāṇasī (khoảng 205 km, 7 giờ), thành phố Patnā, và nhiều thị trấn khác trong khu vực. Nhiều du khách lựa chọn xe buýt để đi qua biên giới Nepal. Ngoài ô thành phố Gorakhpur khoảng 5 km có con đường đi ngang qua đền thờ Gorakhnath, đi thêm 7 km đến Campierganj (29 km), rẽ trái đi Nauwgarh (32 km) và tiến về thánh tích Lumbinī (khoảng 65 km) - nơi đản sanh Đức Phật, thuộc biên giới Nepal. Biên giới này có thể bị đóng cửa, do vậy bạn có thể tiếp tục đi đến cửa khẩu biên giới Sonauli (59 km).

Đây là tuyến đường ngắn nhất đi về phía bắc thị trấn Pharenda (Anand Nagar, U.P.) để băng qua biên giới Nepal tại Sonauli.

Có nhiều xe buýt đến Nautanwa (thuộc quận Mahārājganj, bang Uttar Pradesh). Bạn có thể thuê một chiếc xe kéo để đưa bạn qua hải quan và đến Bhairawa (Siddharthanāgar - cổng chào Lumbinī) (6 km) ở Nepal, sau đó đến thành phố Pokhara (Nepal) (khởi hành: buổi sáng vào lúc 10 giờ).

Từ Gorakhpur, thường có nhiều xe buýt để đến cửa khẩu biên giới Sonauli (hết 40 Rs, 3 giờ) và từ đó đến thành phố Pokhara (100 Rs, 10:00), hoặc thủ đô chính Nepal là Kathmandu (12 giờ). Cảnh báo: Hãy cẩn thận với vé cò mồi. Hành lý đừng quá khổ, quá ký mà phải chịu 'phí chi trả hành lý'. Tránh xa Cơ quan Du lịch quốc tế đối diện với ga xe lửa; vì xe buýt họ đến thành phố Pokhara có chất lượng bảo trì rất kém. Nhiều xe buýt Nepal từ Sonauli là đáng tin cậy.



Đường Gorakhpur-Kushinagar

BẢN ĐỒ TỔNG THỂ T



Chùa Linh Sơn



Chùa Myanmar



Kushinagar Kushinaga

Khách sạn
Pathik Niwas

Nhà nghỉ
Dharmashala

Bảo Tháp Chính
và Điện thờ
Mahāparinibbāna

Bảo Tàng
Quốc Gia

Điện thờ
Matha-Kunwara

Chùa Sri Lanka
(Indo-Japan-Sri Lanka)

Khách sạn
Lotus Nikko

Nhà khách
Royal

Chùa

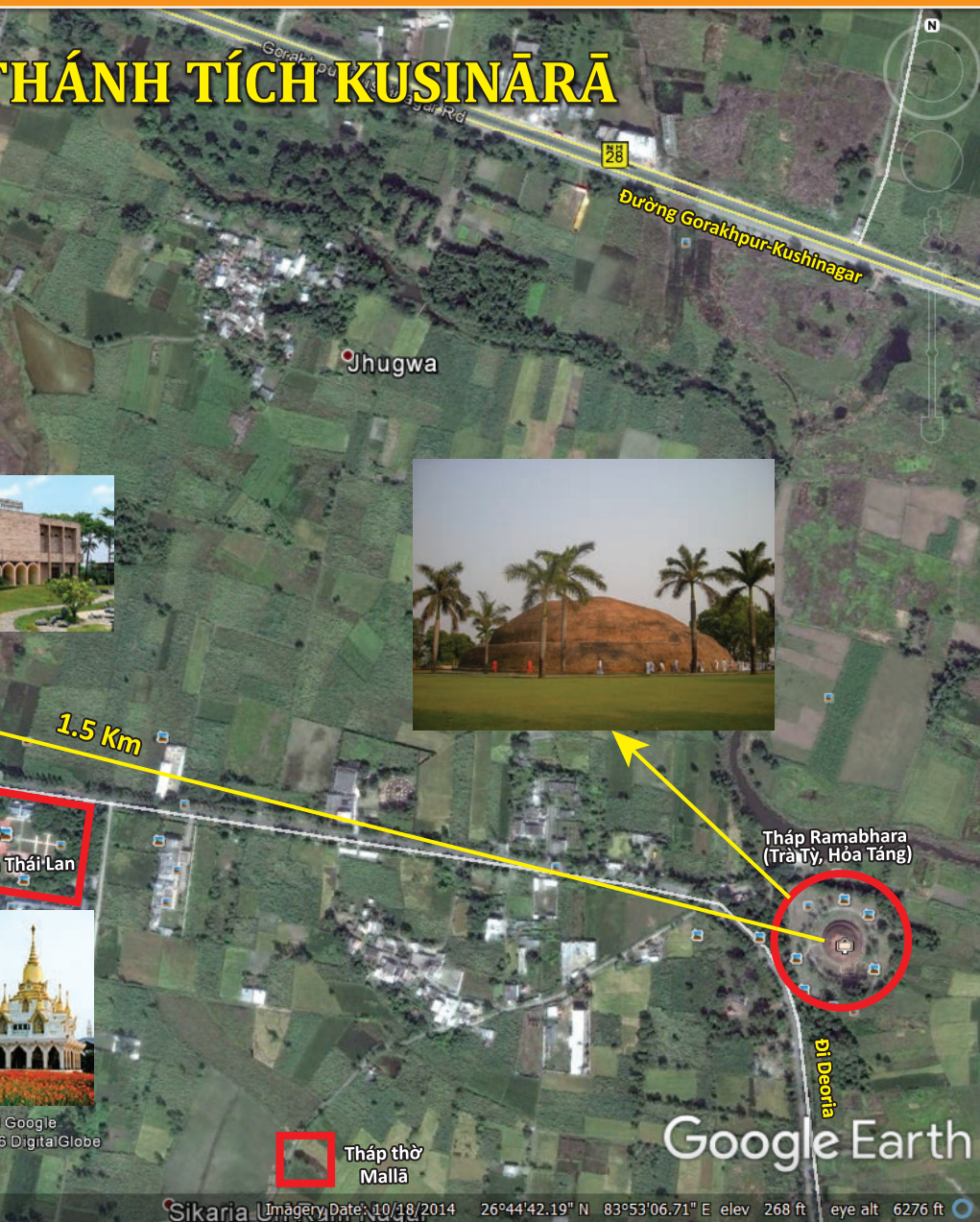
Sonbarsa



Nhà khách
Royal

Chùa

THÀNH TÍCH KUSINĀRĀ



Google
DigitalGlobe



Tháp thời
Mallā

Google Earth

Sikaria Un-Ram-Va-Qu Imagery Date: 10/18/2014 26°44'42.19" N 83°53'06.71" E elev 268 ft eye alt 6276 ft

THÀNH RĀJAGAHA



THÀNH RĀJAGAHA

Nằm khoảng 100 km về phía đông nam thành phố Patnā, thủ phủ bang Bihar, thị trấn Rājagira là điểm đến thiêng liêng nhất cho những người Phật tử viếng thăm với tấm lòng thành kính. Xưa kia, thị trấn thành Rājagira được gọi là Rājagaha, thuộc một trong 16 nước (*Jānapada*) cổ xưa Ấn Độ. Đây là tên gọi phù hợp nhất khi nơi này tận hưởng niềm vinh dự được trở thành thủ đô vương quốc Māgadha trong nhiều thế kỷ. Tọa lạc trong thung lũng được bao quanh bởi nhiều ngọn đồi, nên thành phố này còn có tên gọi là Girirāja. Tương truyền thành phố này được gọi là Rājagaha vì nơi đây nhà cửa của nhiều người dân thường hay bị hỏa hoạn. Nếu người dân xây nhà và tránh bị hỏa hoạn thì phải gọi đây là ‘Đây là nhà của vua’ - Rājagaha (*Rāja*: nhà vua, *gaha*: nhà) thì sẽ không bị hỏa hoạn. Vài tài liệu Sanskrit, kinh điển Phật Giáo, các văn tự cùng với ký sự của ngài Huyền Trang cũng nói đến thành phố Kusagrāpura. Theo ngài Huyền Trang, vì nơi này có nhiều cỏ ‘Kusa’ nên được gọi là thành phố Kusa.

Thành phố Rājagaha được bao quanh bởi 5 ngọn đồi từ mọi phía. Trong kinh điển Pāli có ghi lại tên của 5 ngọn đồi là: Vebhāra, Paṇḍava, Vepulla, Gijjhakūṭa và Isigili.

Theo lịch sử, trong thời Đức Phật có một triều đại mới đã cai trị Māgadha. Lúc đó, vương quốc Māgadha là vương quốc thịnh vượng và đầy quyền lực. Thủ đô nước này có thành phố Rājagaha xem như một trung tâm hoạt động chính trị và tôn

Cáp treo đi lên núi Gijjhakūṭa





Vua Bimbisāra đến gặp Đức Phật

giáo. Đức vua Bimbisāra (623-543 TCN) là một trong 4 vị vua quyền lực nhất miền bắc Ấn Độ thời đó. Ba vị còn lại là đức vua Pasenadi nước Kosala, đức vua Udayana nước Vatsa, và đức vua Pradyota nước Avanti.

Đức Phật đi đến thành Rājagaha sau khi chuyển Pháp luân ở Sarnath, Vārāṇasī. Hay tin hoàng tử Sakya xưa kia thành Phật, vua Bimbisāra đi đến diện kiến Ngài, rồi dâng cúng tịnh xá Veluvana, và trở thành đệ tử nhập lưu (*Sotapanna*). Đức Phật nhận lời và trú ngụ tại Veluvana trong một thời gian.

Vào thời đó, có giáo chủ Sañjaya Velatthiputta cùng với 250 đệ tử mình đang trú ở thành Rājagaha. Trong số đó, hai vị đệ tử trẻ là Upatissa (Sāriputta) và Kolita (Moggallāna). Không thỏa mãn với sự chứng đắc của thầy mình, 2 ngài lên đường với mục đích tìm kiếm bậc thầy giác ngộ. Một ngày nọ, trên đường trở về nhà, ngài Sāriputta tình cờ gặp Đại đức Assaji – thuộc nhóm năm anh em Kiều Trần Như -Koṇḍañña - đang khát thực. Quá ấn tượng bởi vẻ trầm tĩnh và sáng ngời của Đại đức Assaji, ngài Sāriputta lại gần và hỏi: “*Bạch Đại đức, thầy của người là ai? Người đang thực hành theo giáo lý nào?*” Đại đức Assaji đã nói vắn tắt về cốt tủy của lời Phật dạy: “***Ye Dhammā hetuppabhavā, tesam hetum Tathāgato āha, tesaṅca yo nirodho, evaṃ vādi Mahāsamaṇo***”. “*Vạn pháp do duyên sanh, duyên diệt, vạn pháp diệt, Đức Phật – đại Sa Môn, hằng giáo huấn như vậy*”. Nghe xong ngài Sāriputta hoát nhiên đại ngộ, ngài đi và thuật lại cho bạn



Núi Gijjhakūṭa có hình dạng như mỏ chim kền kền

minh là ngài Moggallāna. Sau đó, 2 ngài cùng 250 bạn đồng tu đã quy y và xuất gia theo Đức Phật. Chẳng bao lâu 2 ngài trở thành trưởng tử của Đức Phật.

Đức Phật đã trải qua vài mùa an cư (*vassa*) tại thành Rājagaha vì đây là nơi thích hợp cho việc hoằng pháp để tuyên thuyết chân lý giác ngộ. Trong việc nỗ lực hoằng pháp, nhiều vua chúa, quần thần cũng như các gia chủ đã trở thành những đệ tử của Đức Phật. Một trong những đệ tử nổi bật đó là ngài Komārabhacca Jīvaka (ngự y hoàng gia). Ông đã dâng cúng tịnh xá Jīvakambavana đến Đức Phật và Tăng chúng.

Núi Gijjhakūṭa (Linh Thúu) trở thành nơi lưu trú ưa thích của Ngài khi ở Rājagaha. Đức Phật yêu mến thành phố và những điểm lân cận. Điều này ghi chép lại vài dòng trong Kinh Trường Bộ (*Dīghanikāya*): “*Này Ānanda, khả ái thay thành Rājagaha (Vương Xá), khả ái thay núi Gijjhakūṭa, khả ái thay chùa Nigrodhārāma, khả ái thay Corapapāta, khả ái thay hang Sattapaṇṇī trên núi Vebhāra, khả ái thay hang đá Kāla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasonḍikā trong rừng Sīta, khả ái thay suối nước nóng Tapodārāma, khả ái thay hồ con sóc ở tại tịnh xá Veluvana, khả ái thay rừng Jīvakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi.*” (Kinh Đại Bát Niết Bàn, số 16, Kinh Trường Bộ)

Thành Rājagaha cũng đã chứng kiến cuộc nổi dậy và tấn công tàn bạo bởi ông Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) khi muốn chống lại Đức Phật. Devadatta trở thành tỳ khuru làm đệ tử Đức Phật cùng với những vị hoàng tử dòng Sakya: hoàng tử Ānanda, Bhaddiya,



Tỳ khuru Devadatta thả voi điên Nālāgiri để ám sát Đức Phật

Anuruddha, Bhagu và Kimbila, người thợ hót tóc Upālī. Tỳ khuru Devadatta vì muốn thay thế Đức Phật lãnh đạo Tăng chúng nên đã đưa ra năm yêu sách nhưng không được Đức Phật chấp thuận. Uất hận vì bị từ chối, Devadatta dùng nhiều thủ đoạn để ám hại Đức Phật, nhưng mọi nỗ lực của ông đều thất bại. Đầu tiên, ông phục rượu và thả voi điên Nālāgiri hòng giết hại Đức Phật, nhưng Đức Phật đã cảm hóa voi hung bằng từ tâm (mettā). Kế đó, ông thuê vài sát thủ chuyên nghiệp để ám hại Đức Phật, nhưng lại thất bại. Sau đó, chính Devadatta đã đẩy tảng đá lớn từ đỉnh núi Gijjhakūta xuống phía Đức Phật đang đi thiền hành dưới chân núi để giết hại Ngài; nhưng việc làm ác độc này chỉ làm cho ngón chân cái của Phật bị trọng thương. Devadatta được sự hậu thuẫn bởi thái tử Ajātasattu trong nhiều lần nỗ lực giết hại Đức Phật và chia rẽ Tăng chúng. Kinh điển nói rằng thái tử Ajātasattu (491-459 TCN) đã giam cầm và giết hại cha mình để lên ngôi. Sau cái chết của cha mình, vua Ajātasattu bị ám ảnh và tâm trí bị dày vò, nên ông đã tìm đến Đức Phật với mục đích trấn an tinh thần. Tình tiết đẹp nhất được thể hiện bằng hình vẽ ở Bharahuta chú thích rằng: ***“Ajātasattum bhagavate vindate”*** (Đức Thế Tôn đã cảm thông Ajātasattu).

Sau khi, Đức Phật nhập Niết Bàn, vua Ajātasattu cho xây dựng một bảo tháp lớn tại thành Rājagaha để tôn trí một phần xá lợi Phật. Đức vua đã đóng góp hết mình trong Cuộc Kết Tập Tam Tạng lần thứ nhất được tổ chức tại thành Rājagaha. Đức vua cho xây dựng một tầng xá lớn trước hang Sattapaṇṇī để hỗ trợ cho cuộc kết tập. Trong cuộc kết tập này, ngài đại trưởng lão Mahākassapa làm chủ tọa, ngài Ānanda trùng tuyên kinh điển (*suttanta*), ngài Upāli trùng tuyên Luật (*vinaya*). Do vậy, Tam tạng kinh điển (*Tipiṭka*) được hệ thống theo một trình tự lo gic.

Cuối triều đại vua Ajātasattu, thành Rājagaha mất dần tầm ảnh hưởng về chính trị khi thái tử Udaya (459-443 TCN) người kế nhiệm vua Ajātasattu di dời kinh đô nước Māgadha từ thành Rājagaha đến thành Pataliputta. Về sau, chính đại đế Asoka cho xây dựng trụ đá hình voi, và bảo tháp trong thành Rājagaha. Đây là việc làm đúng đắn và ý nghĩa trong công cuộc bảo lưu những giá trị tôn giáo qua nhiều thế kỷ.

Không có nhiều tài liệu ghi chép về thành Rājagaha trong thời hậu Asoka. Ngài Pháp Hiền, nhà hành hương Phật Giáo người Trung Quốc, đã đến đây vào thế kỷ thứ 5, ghi chép nơi này hầu như bị bỏ hoang. Ngài gặp gỡ vài tu sĩ ở Kalanda-Veḷuvana, ghi lại một cách chi tiết vài tịnh xá và các bảo tháp khác.



Tỳ khưu Devadatta lăn đá
từ trên cao để ám sát Đức Phật



Như nhiều thánh tích Phật Giáo khác, thành Rājagaha được khám phá bởi tướng Alexander Cunningham (1891-1956). Ông xem như là người đầu tiên khai quật thành Rājagaha vào năm 1861-1862. Những cuộc khai quật tiếp theo được tiến hành bởi ông Bloch, dưới sự chỉ định của Bộ Khảo cổ học Ấn Độ năm 1905-1906. Qua nhiều nỗ lực của các nhà khảo cổ đã cho thấy tầm quan trọng trong việc phát hiện các cụm di tích cổ trong nội thành và quanh thung lũng cho toàn thế giới. Hầu hết các địa danh được mô tả trong tư liệu Phật Giáo sau này được khai quật là nhờ sự trợ giúp của các nhà hành hương Trung Quốc (ngài Pháp Hiển, ngài Huyền Trang, ngài Nghĩa Tịnh) trong việc định hướng và mô tả khoảng cách liên hệ đến các thánh tích.

Tháp Hòa Bình Thế Giới (Vishwa Shanti Stupa)

Việc xây các bảo tháp trở nên thịnh hành sau khi Đức Phật nhập diệt tại Kusinārā. Ban đầu, chỉ 8 ngôi tháp được xây dựng để tôn thờ xá lợi Phật như đã đề cập trong các kinh Đại Bát Niết Bàn. Các bảo tháp được tôn tạo bởi 8 nước:

1. Vua Ajātasattu thành Rājagaha,
2. Dòng Licchavī thành Vesālī,

3. Dòng Sakya thành Kapilavatthu,
4. Dòng Buliya thành Allakappa,
5. Dòng Koliya thành Rāmagāma,
6. Dòng Brahmī thành Vethadīpa,
7. Dòng Mallā thành Pāvā,
8. Dòng Mallā thành Kusinārā.

Bà-la-môn Doṇa đã đứng ra giải quyết tranh chấp về việc phân chia các phần xá lợi Phật. Các hũ xá lợi được trao cho Bà-la-môn Doṇa. Dòng Maurya từ xứ Pippalavana đến muện nên chỉ được nhận tro tàn của Đức Phật từ giàn hỏa thiêu.

Ban đầu chỉ có 8 bảo tháp xá lợi (*dhātu*) được tôn trí, những ngôi tháp được xây dựng sau này thì được xem như pháp thân xá lợi (*Sārīrikadhātu*). Sau khi xây dựng 84000 ngôi bảo tháp, Đại đế Asoka đã cung thỉnh xá lợi từ bảy ngôi tháp vào tôn trí.

Điều đáng chú ý là hầu hết các bảo tháp (*Cetiya*) được xây dựng để tôn trí xá lợi Phật cùng với các vật dụng mà Ngài đã dùng. Nhiều bảo tháp khác cũng được xây dựng trên toàn thế giới. Tuy nhiên, vài năm trở lại đây, tại núi Ratnagiri gần thành Rājagaha, một bảo tháp mới được xây dựng lên nhưng không phải để tôn thờ xá lợi Phật mà chỉ để biểu tượng cho hòa bình

Tỳ khuru Đức Hiền ngồi trước
cửa hang ngài Ānanda, cạnh
núi Gijjhakūṭa



*Tịnh xá Veluvana
đo đức vua Bimbisāra dâng cúng*







Ni Sư Nachivatsu Kujei Fuji Guruji - vị trụ trì tháp Hòa Bình

thế giới. Vì thế bảo tháp này được gọi là Tháp Hòa Bình Thế Giới. Ngài Nichivatsu Kujie Fuji là vị sư Phật Giáo nổi tiếng quốc tế ghi lại trong cuốn tự truyện của mình viết rằng Đức Phật thuyết giảng nhiều giáo lý quan trọng ở núi Gijjhakūṭa.

Một ngôi chùa Nhật Bản được xây dựng gần Bảo Tháp Hòa Bình. Nhiều tăng sĩ và khách thập phương trên thế giới tụ hội về bảo tháp và chiêm bái. Bảo Tháp Hòa Bình hiện ra như một bức tranh tuyệt mỹ giữa thung lũng trải dài.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT:

(1) Thành Mới Rājagaha: Theo ngài Pháp Hiển, thành mới Rājagaha được xây dựng bởi vua Ajātasattu. Pháo đài nằm ngoài thung lũng trên khu vực rộng tầm 5 km. Giờ đây, bức tường đổ nát là những gì còn sót lại của thành mới Rājagaha. Một số cổ vật Phật Giáo và đồng tiền xu được phát hiện tại nơi này. Bên cạnh một cặp tấm đất nung có chú thích mang ký tự Brahmī thuộc thế kỷ thứ 1 - 2 TCN.

(2) Bảo Tháp Asoka: Phía tây thành mới Rājagaha là một gò đất cao ngang qua dòng sông Sarawasti. Theo ngài Pháp Hiển, bảo tháp được xây dựng bởi vua Ajātasattu. Trong khi đó, ngài

*Đỉnh núi Gijjhakūṭa,
nơi Đức Phật thích nhất
tại thành Rājagaha*



Huyền Trang lại cho rằng bảo tháp được xây dựng bởi đại đế Asoka. Tháp có chiều cao 10 mét. Về sau, có ba tháp được phát hiện ở giữa gò. Từ mặt nền thuộc khu vực phía tây đào sâu xuống 3 mét thì tìm thấy lớp gạch Maurya cùng vài tháp nhỏ với đường kính 5 cm và 2,5 cm. Mỗi ngôi tháp có nhiều tấm đất nung ghi chép cốt lõi Phật Giáo thuộc văn tự thể kỷ thứ 8 – 9. Theo ngài Huyền Trang ghi chép lại, bên cạnh bảo tháp này, có trụ đá Asoka với đỉnh trụ hình voi cao 15,24 mét; nhưng hiện giờ không một phần nào được tìm thấy ở đây.

(3) Suối Nước Tapoda (Đền Lakshmi Narian): Khoảng 150 mét về phía bắc hướng theo suối nước nóng (suối Satadhara là lớn nhất) nằm dưới chân các ngọn đồi Vebhāra, có hồ nước lớn. Đây được xác định là hồ Kalanda được ghi chép lại bởi các nhà hành hương người Trung Quốc. Trong kinh điển Pāli, và một vài kinh điển Sanskrit mô tả hồ này là Kaland-Taḷā hay Kalandaka-Taḷā.

(4) Tịnh Xá Veluvana: Ngoài bờ nam hồ nước có gò đất mà trên đó các tín đồ Hồi Giáo dùng để chôn người chết. Gò đất được xác định là di tích tịnh xá Veluvana cổ. Điều này được ghi chép trong các tư liệu Phật Giáo và các nhà hành hương người Trung



Các bảng chỉ dẫn vào tịnh xá Veluvana

Quốc. Vua Bimbisāra đã cúng dường tịnh xá này đến Đức Phật và tăng chúng. Sau khi trầm mình trong suối nước nóng Tapoda (giờ có tên là Saraswati), vua Bimbisāra trở về hoàng cung muộn nên cổng thành đã bị đóng. Do vậy đức vua đã nghỉ lại qua đêm với Đức Phật tại tịnh xá này.

Tóm lại, theo kinh điển Pāli, công viên nhỏ bên kia suối nước nóng Saraswati, có thể là tịnh xá Tapodarama. Theo thời gian, tịnh xá này gần như hoàn toàn rơi vào quên lãng cho đến khi các nhà hành hương người Trung Quốc viếng thăm. Trong cuộc khai quật, nền tịnh xá Veluvana, họ tìm thấy có 9 nền tháp bằng gạch. Về phía đông gò đất, một số tấm đất nung ghi chép lời dạy căn bản của Đức Phật thuộc ký tự từ thế kỷ 10 - 11 được phát hiện. Bên cạnh, vài bệ đá cũng khám phá với nhiều hình vẽ, bức tượng Phật Giáo trên đó.

(5) Bảo tháp Ajātasattu: Ngài Huyền Trang đã ghi chép lại trong ký sự của mình có một bảo tháp tương tự (bảo tháp trên) nằm về phía đông tịnh xá Veluvana. Theo Manjusirimulakalpa, bảo tháp này nằm trong phạm vi của tịnh xá. Dựa trên cơ sở này, tháp Ajātasattu phải được nằm gần tịnh xá Veluvana. Do đó, có thể kết luận chính xác rằng chính gò đất phía bắc cạnh đường cao tốc hiện tại là bảo tháp Ajātasattu, có nền đá và trụ đá bên trên trông thật đẹp mắt.

(6) Hang Pippalī: Nằm trên sườn phía đông đồi Vebhāra (bên trên suối nước nóng Satadhara) với lối kiến trúc bằng đá



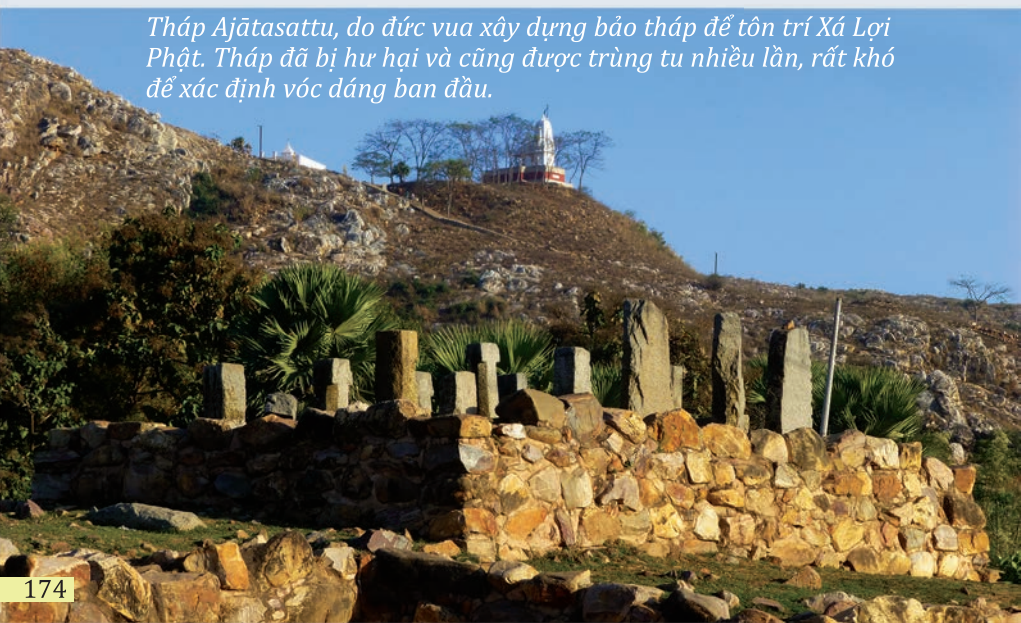
*Suối nước nóng Tapoda
(Đền Lakshmi Narian)*

được người dân địa phương gọi là ‘Machan’ hoặc ‘Jarasandha Ki Baithak’. Trong kinh điển Phật Giáo cũng như nhiều nhà hành hương Trung Quốc mô tả thì nơi này thuộc chỗ sinh sống của người Pippalī. Trong thời Đức Phật, ngài Mahākassapa, vị chủ trì cuộc Kiết Tập Tam Tạng đầu tiên, cũng cư ngụ ở đây. Một lần nọ, ngài Mahākassapa bị trọng bệnh và điều dưỡng tại hang động này (*Samyuttanikāya*), Đức Phật đã đến thăm. Tại đây, Đức Phật đã đọc cho ngài Mahākassapa về bài kinh Giác Chi (*bojjhaṅga*). Nghe xong, ngài lành bệnh. Thật là vi diệu! Hang này có hình dạng chữ nhật với đáy có chiều dài 25,9 mét, chiều rộng 24,7 mét. Mái hang có chiều dài 24,8 mét, chiều rộng 24 mét. Tổng chiều cao của hang Pippalī là 6 hoặc 8 mét.

(7) Hang Sattapaṇṇī: Khoảng 30 mét về phía bắc dưới sườn đồi Vebhāra, có một dãy hang động tự nhiên được đánh số 6 (có thể ban đầu thuộc số 7). Chúng được biết là Sattapaṇṇī.

Đường dốc trước các hang động dài 36,57 mét, rộng 10,36 mét về phía đông và rộng 3,65 mét về phía tây. Bức tường bao quanh được xây bằng đá thô. Bây giờ, chỉ còn một hang núi dài 5 mét, chiều cao 2,5 mét. Đây là di tích liên quan đến Cuộc Kiết Tập Tam Tạng đầu tiên được tổ chức sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Cuộc Kiết Tập diễn ra trong 6 tháng và có 500 vị thánh tăng tham dự. Do đó, hang này được biết đến là ‘Saṅghin Pañcasatika’.

Tháp Ajātasattu, do đức vua xây dựng bảo tháp để tôn trí Xá Lợi Phật. Tháp đã bị hư hại và cũng được trùng tu nhiều lần, rất khó để xác định vóc dáng ban đầu.



‘Hang 500 vị Thánh Tăng’.

(8) Miếu Maṇiyara: Kinh điển Pāli đề cập tháp Maṇipāla thuộc Maṇibhadra dòng Yakkha. Có lẽ, đây là nơi cư trú của loài rồng (Maṇi Nāga) được nhắc đến trong Mahābhārata, và tên gọi ‘Maṇiyara’ được xuất phát từ Maṇi Māla Maṇi Nāga. Rõ ràng, chính di tích này là trung tâm cho những người thờ phụng loài Nāga (rồng), và điều này được minh chứng khi tìm thấy nhiều bức tượng Nāga ở đây.

(9) Hang động Sonabhandara: Có hai hang động nằm về phía tây bắc của miếu Maṇiyara. Hai hang động này gọi là Sonabhandara (kho vàng bạc, soṇṇa: vàng bạc, bhaṇḍaka: tài sản), tọa lạc dưới sườn phía nam thuộc núi Vebhāra. Có bức tường ở phía nam hang động, phía tây có cửa đi vào và một cửa sổ. Bên ngoài cửa vào phía trái, có 2 dòng bia ký thuộc văn tự thế kỷ 3 - 4 SCN được ghi lại như sau: *“Ấn sĩ Vajiradeva, bậc chói sáng vĩ đại, ngôi bảo châu giữa các vị thầy, đã thực hành vì lý tưởng giải thoát và giác ngộ. Cho nên, 2 hang động quý báu tôn trí bức tượng Đức Thế Tôn quả thật xứng đáng cho các vị ấn sĩ ấy.”* (Middle Land - Middle Way, do Shravasti Dhammika soạn). Hang động khác về phía đông được tọa lạc thấp hơn một tí. Bức tường ở phía nam của hang động này được khắc chạm với những bức tượng về đạo Kỳ-na Giáo Tirthankara (Jain). Đó là kho báu của vua Bimbisāra đã đi vào huyền thoại.

(10) Nhà giam Bimbisāra: Từ hang động Sonabhandara đến miếu Maṇiyara khoảng chừng 1 km về phía nam, có một bức tường đá bao quanh rộng 2 mét với diện tích 60 mét vuông. Nơi



Miếu Maṇiyara



Tỳ khưu Đức Hiền đứng trước hang động Sonabhandara - 14/12/2008

đây vua Bimbisāra bị con trai Ajātasattu giam cầm. Hiện nay kiến trúc sót lại chỉ là nền đá, và cùm sắt còng chân vua Bimbisāra cũng được tìm thấy. Vua Bimbisāra lên ngôi ở tuổi 15, trị vì 52 năm. Điều đáng lưu ý khi đức vua bị cầm tù, nhiều chú giải (ṭika) ghi rằng đức vua có thể nhìn thấy Đức Phật trên núi Gijjhakūṭa.

(11) Tịnh xá Jīvākambavana: Tịnh xá Jīvākambavana nằm phía đông dưới chân đồi Chathagiri trên đường đến Gijjhakūṭa. Ngụ y Jīvaka là bác sĩ riêng của đức vua Bimbisāra, và sau này trở thành đệ tử tín tâm của Đức Phật. Ông hầu cận Đức Phật khi Ngài ngã bệnh, và theo chú giải, một ngày nọ ông tự nghĩ: *"Ta cần thân cận Đức Phật hai hay ba lần mỗi ngày, nhưng giữa núi Gijjhakūṭa và tịnh xá Veluvana thì quá xa. Khu vườn xoài của mình thật gần. Tại sao ta không xây dựng ngôi tịnh xá ở đây để cúng dường lên Đức Phật?"* Chính vì lý do đó, thần y Jīvaka đã dâng cúng khu rừng xoài (Ambavana) khả ái đến Đức Phật cùng Tăng chúng, và cho tiến hành xây dựng ngôi tịnh xá tại đây.

Tịnh xá Jīvākambavana được xem như là một trong những di tích quan trọng nhất liên hệ đến vài bài pháp của Đức Phật: kinh Sa Môn Quả (*Sāmaññaphala Sutta*, *Trường Bộ*) được thuyết giảng đến vua Ajātasattu. Đức Phật cũng thuyết hai bài pháp quan trọng khác tại nơi này cho thần y Jīvaka: bài đầu kinh Jīvaka (*Trung Bộ*) Đức Phật chỉ rõ các điều kiện cho phép chư tăng có thể dùng thịt; bài thứ hai, Ngài giải rõ một người cư sĩ tại gia phải



Tịnh xá Jivakambavana do ngự y Jivaka dâng cúng đến Đức Phật

quy y Tam Bảo và gìn giữ ngũ giới. Chính tại nơi này, tỳ khuru Cūlapaṇṭhaka đã chứng đắc quả vị A-la-hán, và hóa hiện thành 500 vị tỳ khuru giống mình ngồi rải rác khắp sân tịnh xá (Ji114f, v.v...). Nền và tường ngăn cách các phòng lớn có hình cầu và sân vườn hình chữ nhật được phát hiện tại đây. Kiến trúc tịnh xá mang nét khác biệt so với kiến trúc thông thường của các tịnh xá khác. Điều này cung cấp thêm bằng chứng về sự liên hệ thời cổ xưa. Tịnh xá Jivakambavana được phát hiện và khai quật vào năm 1954.

(12) Địa danh Maddakucchi: Địa danh này nằm cạnh tịnh xá Jivakambavana. Tiếng Pāli là ‘Maddakucchi’ kể lại giai thoại



Đức vua Bimbisāra bị cầm tù. Kinh sách ghi rằng từ nơi đây Đức Vua có thể nhìn thấy Đức Phật ngự trên đỉnh núi Gijjhakūṭa.



Đường Bimbisāra dẫn lên núi Gijjhakūṭa

về bà hoàng hậu vợ vua Bimbisāra biết rõ mình đang mang nghịch tử (Ajātasattu – kẻ thù chưa sanh) nên bà cố gắng phá bỏ thai bào bằng cách xoa mạnh vào bụng mình. Theo kinh điển Pāli, địa danh này nằm ngay dưới chân núi Gijjhakūṭa. Khi Đức Phật bị tỳ khuru Devadatta lẩn đá ám hại làm cho ngón chân cái của Ngài bị trọng thương (*DhA.ii.164*) khi Ngài trên đường đến tịnh xá Jīvākambavana. Đức Phật đã được thỉnh về địa danh Maddakucchi để dưỡng thương.

(13) Con đường Bimbisāra: Từ tịnh xá Jīvākārāma, có con đường dẫn đến núi Gijjhakūṭa, bề rộng 6,1 mét với nhiều bậc cấp bằng đá hướng lên. Đường đi bộ mới thay vào lối cũ chiều rộng

*Chúng tôi dùng
cơm trưa
bên đường gần
hang động
Sonabhandara -
14/12/2008*





*Tỳ khưu Dhammapālo, Tỳ khưu Thiện Thắng và Tỳ khưu Đức Hiền
đứng trước nhà giam Bimbisāra - 14/12/2008*

6,1 - 7,3 mét được làm bằng nhiều loại đá thô như bức tường cổ của thành Rājagaha. Cạnh con đường, có hành lang an toàn bằng đá cao 0,9 - 1,2 mét. Nhưng giờ chỉ còn mặt nền. Nổi tiếng là ‘Con đường Bimbisāra’ dẫn đến núi Gijjhakūṭa đã được nhắc đến bởi ngài Huyền Trang trong lần hành hương đến thành Rājagaha. Ngài Huyền Trang ghi chép lại rằng khi đức vua Bimbisāra viếng thăm Đức Phật trên núi, đức vua dẫn theo vài cận thần, ông bảo rằng: “Các người hãy san lấp một phần thung lũng này và kéo rộng các vách núi, rồi dùng đá để tạo các bậc thang khoảng rộng 10 bước chân ...”

Có hai đoạn đường đi lên núi Gijjhakūṭa được đánh dấu bởi hai tháp bằng gạch. Đoạn đầu tiên khoảng 80 mét kể từ nơi xuất phát; đoạn thứ hai xa hơn, nằm về phía bắc tại góc cua đường Bimbisāra. Theo ngài Huyền Trang, ngôi tháp đầu tiên được xem là nơi đức vua Bimbisāra xuống ngựa để đi bộ đến yết kiến Đức Phật; tháp thứ hai đức vua cho đoàn cận thần và hộ tống quay về. Hai ngôi tháp được xây dựng trên nền đá thô với gạch cực tốt, nay không còn thấy nữa. Khi ông Marshal viếng thăm di tích này lần đầu tiên vào năm 1905-1906, ông tìm thấy bộ móng sắt được khắc chạm. Về sau, ông Broadley phát hiện hai ngôi tháp: ngôi tháp thứ nhất có ba tượng Phật, gồm một tượng trong tư thế đứng; ngôi tháp thứ hai thì ông phục chế lại nhiều bức hình và trụ đá v.v...

*Hương thất của Đức Phật
trên đỉnh núi Gijjhakūṭa.*







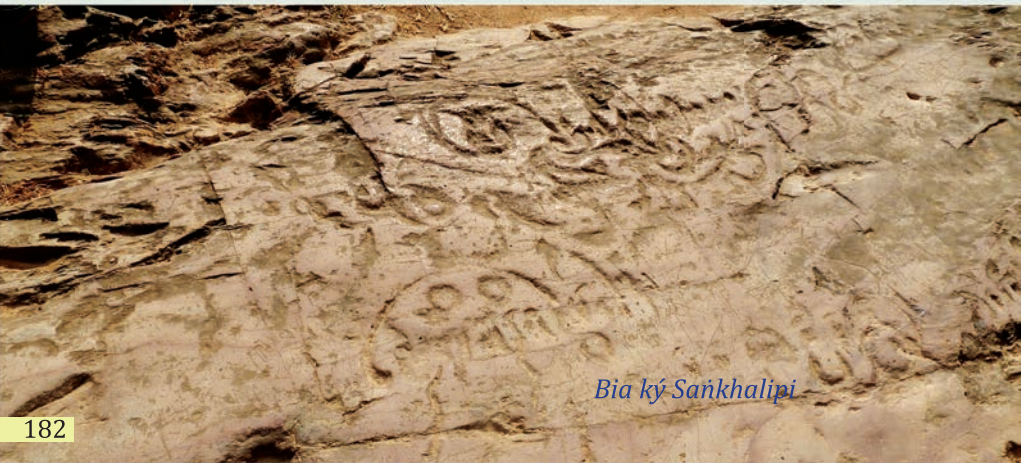
◀ *Tường thành cổ Rājagaha*

Giờ không còn dấu vết gì về hai ngôi tháp như đã tìm thấy. Mặc dù, theo Viện Khảo Cổ Quốc Gia Ấn Độ (ASI) chỉ ra dấu vết đầu tiên cho rằng vua Bimbisāra dùng xe ngựa nơi này, rồi bước lên nhiều bậc cấp mới đến nơi Đức Phật cư ngụ. Tại di tích ngôi tháp xưa thứ hai, Viện Khảo Cổ Quốc Gia Ấn Độ đã đặt

tấm biển chỉ dẫn: tại nơi này đức vua bảo quần thần trở về, rồi đức vua hướng lên núi để yết kiến Đức Phật.

(14) Núi Gijjhakūṭa: Trên đỉnh núi Gijjhakūṭa có hai hang động tự nhiên, là nơi trú ngụ khả ái của Đức Phật. Nhiều bài pháp quan trọng được thuyết giảng tại đây này. Theo chú giải, địa danh này có tên như vậy bởi vì có nhiều loài kền kền (quạ) thường đậu trên mỏm đá này (mỏm núi này có hình dạng như mỏ chim kền kền). Xung quanh núi Gijjhakūṭa, có nhiều chỗ dừng chân, tầm nhìn đẹp xuống các thung lũng, không gian yên tĩnh rất thuận lợi cho việc hành thiền. Đi bộ lên đỉnh, chúng ta có thể nhìn thấy hang động lớn. Đây là hang Sūkarakhāta Leṇa (Hang Lợn Rừng), chính nơi này Đức Phật thuyết giảng ‘Kinh Dīghanakha - Trường Cáo’ cho người chú của ngài Sāriputta, ông Dīghanakha. Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, ngài Sāriputta cũng có mặt tại đó, và chính pháp thoại này giúp ngài Sāriputta chứng đạt quả vị A-la-hán (*Mi497, 501; DhA.i.79; UdA.189*).

Chính tại núi này, tỷ khuru Channa bị bệnh, và ngài Vakkali





Con đường mòn bánh xe bò hằn sâu trên đá ở Rājagaha

cũng định tự vẫn bằng cách nhảy xuống vực.

Vào thời Dhammasāmī, núi Gijjhakūṭa được xem là nơi cư trú của nhiều loài động vật ăn thịt như: hổ, gấu đen, gấu nâu ... Để xua tan cảm giác sợ hãi thú dữ, nhiều người hành hương khi viếng thăm ngọn núi đều khua trống, thổi kèn và đốt đuốc. Bức tượng Phật có niên đại từ thế kỷ thứ 6 được tìm thấy trên núi Gijjhakūṭa, hiện giờ đang được gìn giữ tại viện Bảo Tàng Khảo Cổ Nālandā. Sau khi thăm viếng núi Gijjhakūṭa, người hành hương đi xuống theo con đường Bimbisāra để trở về.

Tướng Alexander Cunningham dựa vào sử ký của ngài Pháp Hiển và ngài Huyền Trang để xác định vị trí núi Gijjhakūṭa mà giờ đây gọi là núi Sailagiri, khoảng hai dặm rưỡi về phía đông bắc thành phố cổ. Đây cũng được cho là đồi Giriyeke. Núi Gijjhakūṭa đôi khi còn được gọi là núi Gijjhapabbata (*J.ii.50; iii.255, 484*) (*J.vi.204, 212*).

(15) Đồi Ratana: Từ Gijjhakūṭa băng ngang đường Bimbisāra, chúng ta có thể nhìn thấy đồi Ramagiri bên phải. Trong kinh điển Phật Giáo, đồi này được nhắc đến là núi 'Isigili'. Nhiều người đạo Kỳ-na Giáo (Jain) gọi đây là 'Paṇḍava' (giờ là đồi Ratna - Ratana). Còn tiến sĩ B.C. Law lại xác nhận đây là đồi 'Vepulla'. Vào năm 1969, ni sư Nhật Bản Nichivatsu Kujei Fuji cho xây dựng Tháp Hòa Bình rất lớn và một ngôi chùa tại nơi này.

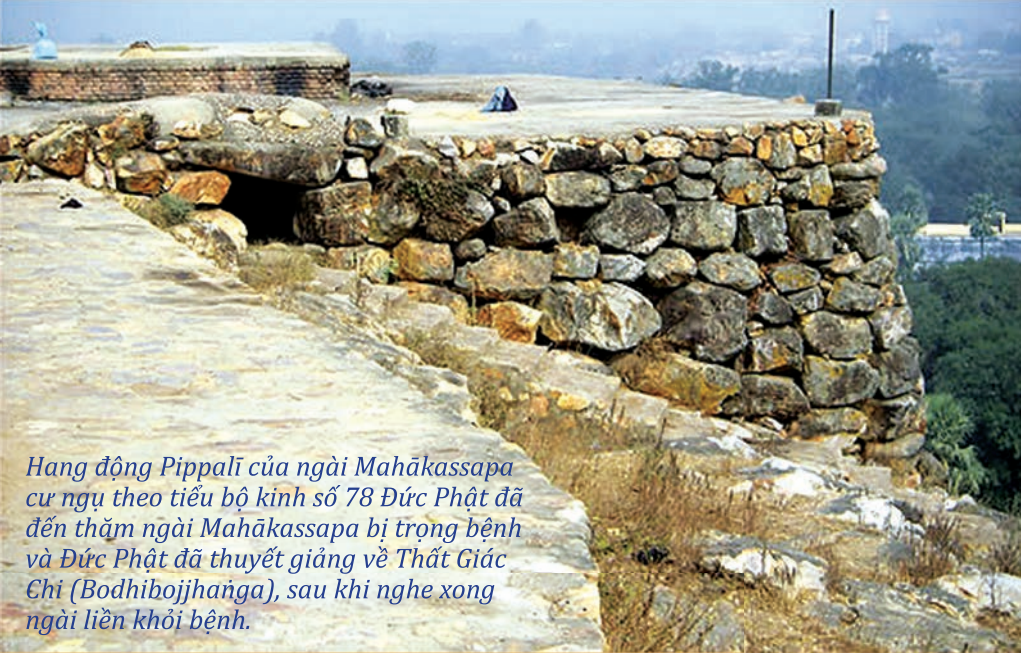
(16) Bia ký Saṅkhalipi: Đi ngược lại từ nhà giam Bimbisāra đến trục lộ chính khoảng 2 km dẫn đến di tích thuộc các bia ký Saṅkhalipi. Những bia ký này có hình dáng đặc biệt như ‘vỏ sò’ trở thành điểm thú vị nhất trong các cổ vật tìm thấy tại thung lũng. Được khắc chạm trên mặt đá, bia ký được bảo vệ bằng bức tường đá hiện đại. Bên cạnh đó, các chữ viết có thể được nhìn thấy hai rãnh hằn sâu song song trên mặt đá, từ chính giữa 1,5 mét xuất hiện vài cổ xe. Người dân địa phương tin rằng di tích viết về cuộc chiến nổi tiếng giữa Jarasandha và Bheema. Do vậy, danh từ ‘Ranbhum’ hay ‘chiến trường’ được biết đến. Ngoài ra, không có tư liệu tôn giáo nào được ghi lại sự kiện này. Rõ ràng, vua Ajātasattu huấn luyện nhiều chiến xa trước khi nghênh chiến thành Vesālī. Hai đường rãnh song song hằn sâu thấy rõ có thể là ghi lại dấu ấn của các chiến xa.

(17) Giếng Cổ: Cạnh bức tường phía nam có một giếng cổ vẫn còn nước. Giếng sâu 3.65 mét, hai khối đá lộ ra với bia ký không rõ bên trong thành giếng. Trong thung lũng, giữa ngọn đồi Uday và đồi Sona, băng qua gò đất, có thung lũng sâu là Banaganga. Ở đây, các bức tường đá thuộc thành lũy khác bắc qua nhiều đỉnh các ngọn đồi.

(18) Đấu trường Ranabhūmi: Khoảng 1,5 km về phía tây hang động Sonabhandara, có lối nhỏ dẫn đến nền đất gọi là ‘Akḥara’ (đấu trường) hay ‘Jarasandha Ki Ranabhūmi’ (chiến trường Jarasandha). Theo truyền thuyết, vua Jarasandha từ thành Girivraja (nay là thành Rājagaha) và vua Bheema, từ thành Mahābhārata, đã vật lộn nơi này trong suốt 28 ngày. Cuối cuộc đọ sức, vua Bheema đã giết chết vua Jarasandha một cách đối trá. Tuy nhiên, truyền thuyết này không có bằng chứng thuyết phục.

Những di tích trên là chứng tích lịch sử to lớn của thành Rājagaha cổ xưa, thủ đô vương quốc Māgadha. Niềm đam mê đối với việc khám phá và khai quật, đã tạo nên nguồn động viên thúc đẩy cho Khoa Khảo Cổ Học trong công cuộc tìm kiếm những di tích còn sót lại. Do đó, hy vọng sẽ có nhiều di tích Phật Giáo mới được phát hiện.



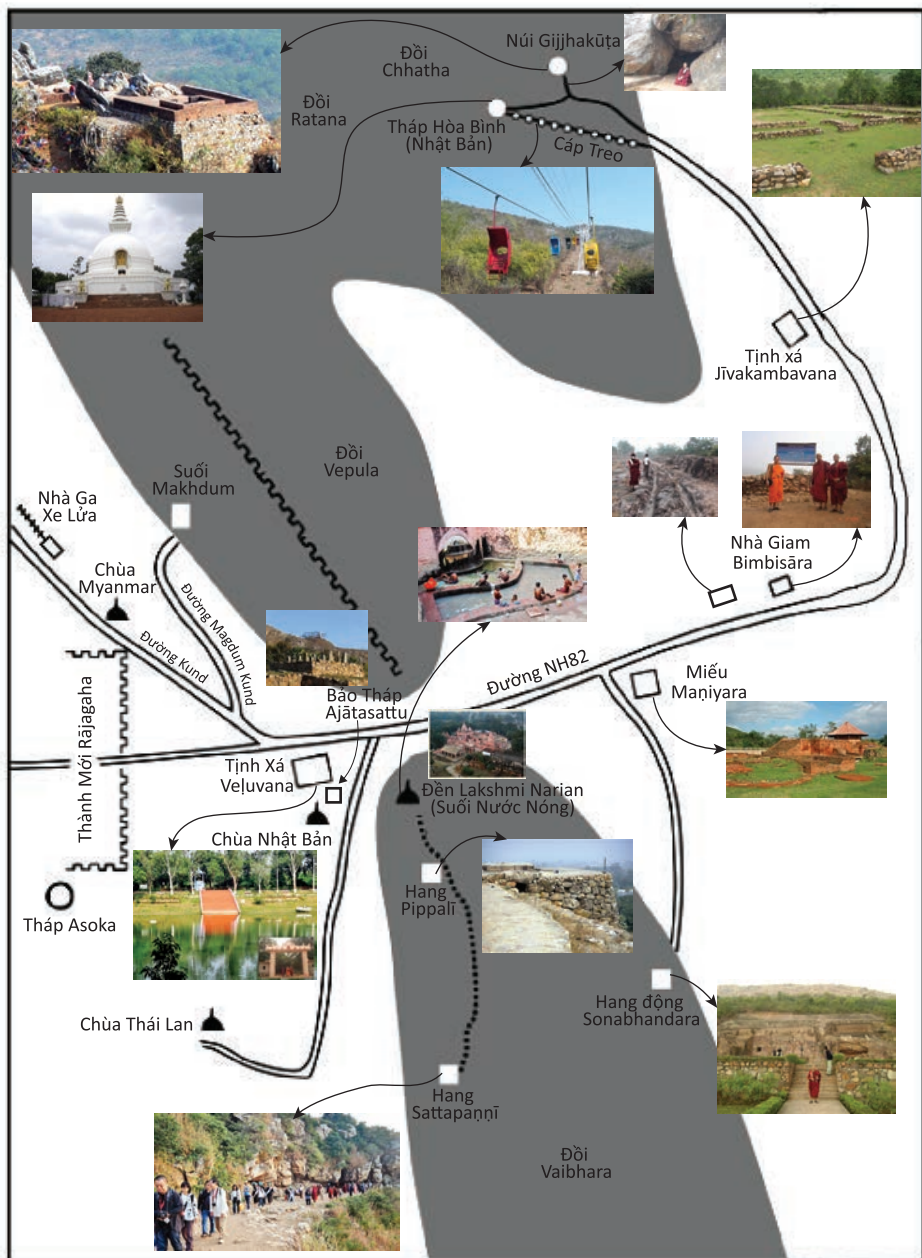


Hang động Pippali của ngài Mahākassapa cư ngụ theo tiểu bộ kinh số 78 Đức Phật đã đến thăm ngài Mahākassapa bị trọng bệnh và Đức Phật đã thuyết giảng về Thất Giác Chi (Bodhibojjhaṅga), sau khi nghe xong ngài liền khỏi bệnh.

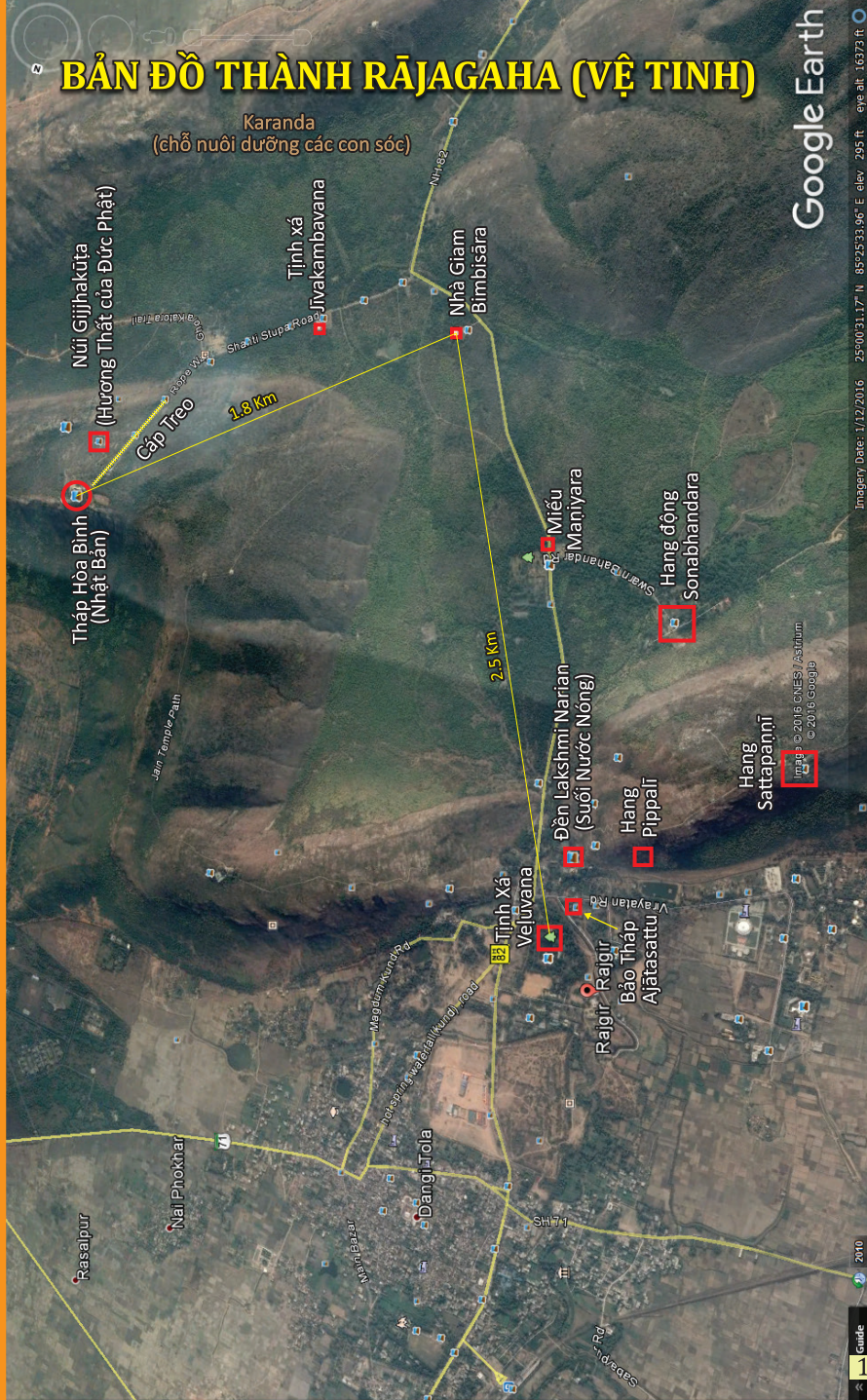


Khách hành hương viếng thăm hang động Sattapaṇṇi, trên đồi Vebhara, là di tích của kết tập Tam Tạng kinh điển lần thứ nhất được tổ chức sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn vào năm 543 TCN.

BẢN ĐỒ THÀNH RĀJAGĀHA (ĐEN TRẮNG)



BẢN ĐỒ THÀNH RĀJAGAHA (VỆ TINH)



Google Earth

2010

Guide

187

Imagery Date: 1/12/2016 25°00'31.17"N 85°25'33.96"E elev. 295 ft eye alt. 16373 ft

ĐẠI HỌC NĀLANDĀ

Nālandā là trường đại học Phật Giáo cổ xưa nhất, nằm gần làng Bargaon khoảng 90 km về phía đông nam của thành phố Patnā và khoảng 10 km về phía bắc thành cổ Rājagaha. Nālandā là một trong những chiếc nôi Phật Giáo lâu đời nhất. Đây được xem như là trung tâm giáo dục uy tín nhất vào thế kỷ 5 – 6 SCN. Các kinh điển Phật Giáo đề cập đến nhiều lần viếng thăm của Đức Phật tại nơi này. Địa phương Pāvarika Ambavana là nơi mà Đức Phật rất thích dừng lại để nghỉ ngơi.

Ngài Sāriputta, vị đệ tử thông tuệ nhất của Đức Phật, được sinh ra ở đây (Xem bản đồ). Nơi này còn được gọi với nhiều tên khác như: Nāla, Nālaka, Nālaka-grama và Nālandā (Bây giờ là Sarichak) trong các kinh điển Phật Giáo. Nālandā là tên lâu đời và phổ biến nhất. Nhiều bia ký được tìm thấy ở đây đều đề cập đến nơi này là Nālandā. Tuy nhiên vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau về tên gọi này. Trên phương diện ngôn ngữ, Nālandā được bắt nguồn từ vùng đất có nhiều ‘hoa súng tím’ - ‘Nāla’ (*Nālam dadatīti Nālandā*: Nālandā là nơi sinh trưởng loài hoa súng tím). Một nhóm học giả tin rằng tên gọi này bắt nguồn từ truyền thống: ‘Nơi này là trung tâm của một nền giáo dục bất tận’.

Điều đó có nghĩa rằng thầy giáo và học trò ở đây luôn đam

Nālandā nghĩa là hoa súng tím



mê học hỏi nhiều kiến thức tinh tế lẫn ẩn dụ thâm sâu và tháo gỡ mọi vấn đề. Ngài Huyền Trang nhắc đến truyền thuyết rằng nơi này được đặt tên từ một loài Nāgā (Rồng) cư ngụ trong hồ địa phương. Nhưng, cá nhân ngài Huyền Trang thì cho rằng Đức Phật tái sinh làm vị hoàng tử trong một kiếp tái sinh của Ngài và nơi này chính là thủ đô. Và nơi này được đặt tên như thế phát xuất từ sự bố thí của Ngài, Nālandā: ‘Na+alam+dā’ nghĩa là “Bố Thí Không Gián Đoạn”.

Theo ông Taranath, vị đại đế Asoka dòng Maurya ở thế kỷ thứ 3 TCN, tôn kính bảo tháp ngài Sāriputta và đã cho xây dựng một ngôi đền. Ông Taranath cho rằng ngài Nāgājuna (Long Thọ), vị học giả Đại Thừa (Mahāyāna) nổi tiếng vào thế kỷ thứ 2 SCN, bậc giáo thọ thông thái của trường đại học Nālandā. Ngài Pháp Hiển nhà hành hương đầu tiên viếng thăm Ấn Độ mô tả sự tồn tại duy nhất chính là bảo tháp của Sāriputta. Nālandā đóng vai trò nổi bật tầm quan trọng trong triều đại Gupta ở thế kỷ 5 SCN vì đây là trường đại học đầu tiên được thành lập. Trước đây, nền giáo dục của Ấn Độ có hai hệ thống: thứ nhất, giáo dục mang tính đặc quyền cho tầng lớp vua chúa, thượng lưu ưu tú; thứ hai, các vị thầy thông thái (ācariya) dạy dỗ cho số ít học viên tại nhà ở của họ, được gọi là ‘Guru-gaha: gia sư’. Phật Giáo mở rộng nền giáo dục cho quần chúng và bắt đầu triển khai giáo dục đa dạng trong các tịnh xá. Nhiều tịnh xá về sau được phát triển như các trường đại học. Đại học Nālandā được xem là sớm nhất.

Bằng chứng khảo cổ lâu đời nhất được tìm thấy tại Nālandā gồm các đồng tiền thuộc thời Kumāragupta I. Ngài Huyền Trang

Toàn cảnh đại học Nālandā nhìn từ trên cao



cũng ghi chép rằng có 5 vị vua Gupta đã xây dựng mỗi người một tịnh xá. Bên cạnh, Baladitya, đức vua miền Trung Ấn Độ, cũng cho xây dựng ngôi tịnh xá thứ sáu tại nơi này. Sự lưu tâm của thần dân Gupta về nơi này đã chứng minh bằng các con dấu được tìm thấy từ thời vua Narasinghagupta, vua Kumāragupta II, vua Buddhagupta và vua Vishnugupta. Một bia ký thuộc thời Yasovarmana Dev thế kỷ thứ 8 SCN, ghi chép đức vua Baladitya đã cúng dường các pho tượng Phật và các vật dụng khác cho các tịnh xá.

Ngài Huyền Trang đã mô tả một vài ngôi tịnh xá cao ngất mà ngài đã trông thấy ở đây, bao gồm cả tịnh xá sáu tầng. Bên trong tịnh xá Purnavarma có tôn trí tượng Phật cao 24,3 mét. Việc mô tả của ngài Huyền Trang đã cung cấp thêm cho chúng ta về sự cống hiến to lớn của vua Harshavardhana thuộc dòng Kannauj đối với Nālandā. Ngài cũng nhìn thấy tịnh xá bằng đồng được kiến thiết bởi vua Harshavardhana (606-647 SCN). Ngoài tịnh xá này, đức vua Harshavardhana cũng cúng dường thuế của hàng trăm ngôi làng để duy trì Đại học Nālandā. Đức vua dành trọn niềm kính trọng chư tăng ở Nālandā và xem mình như là cận sự nam. Pháp đường (Dhammasabhā) ở đại học Nālandā có sức chứa khoảng 1000 vị tăng.

Đại học Nālandā đã phát triển như một trung tâm giáo dục nổi tiếng, được biết đến bởi các Phật tử khắp nơi. Ngài Huyền

Tỳ khuru Đức Hiền chụp hình lưu niệm tại Nālandā - 14/12/2008



*Kiến trúc điêu khắc tuyệt mỹ
nổi tiếng tượng ngài Huyền
Trang, vị hành hương Phật
Giáo từ Trung Quốc, tôn trí
ở khu lưu niệm Huyền Trang
Nālandā* ►

Trang cũng được học ở đây với tên gọi bằng tiếng Pāli là Mokkhadeva. Sau 50 năm từ khi ngài trở về Trung Quốc, một vài du học sinh từ Trung Quốc và Hàn Quốc cũng đến đây học tập và nghiên cứu Phật Giáo.

Những ghi chép giá trị của ngài Huyền Trang và những nhà hành hương Trung Quốc, cho thấy bức tranh toàn cảnh của đại học này. Những tài liệu của họ được soi sáng, bổ túc cho nhau. Cả hai đã mô tả rất tỷ mỉ về Mahāvihāra. Họ đánh giá cao về sự đào tạo kiến thức uyên thâm, đời sống kỷ luật, và các giảng viên nổi tiếng có thành tựu hiếm hoi, tầm vóc quốc tế. Đây được xem là nơi học lý tưởng dành cho các nhà

sư. Với đại học danh tiếng như thế này, những ai là sinh viên của trường thì được mọi người luôn luôn dành cho họ một niềm tôn kính sâu sắc.

Đây là trung tâm giáo dục bậc nhất, do vậy nhiều học viên luôn khao khát cố gắng để được nhập học tại ngôi trường này. Họ phải trải qua nhiều kỳ sát hạch, không chỉ có kiến thức mà phải nhạy bén thì mới có thể vượt qua. Kết quả cho thấy, chỉ có 2 hay 3 trong số 10 thí sinh mới có thể hoàn thành kỳ thi tuyển và theo học tại đây. Điểm ưu việt nhất tại trung tâm đại học này là nhiều chương trình giảng dạy bao gồm nhiều ngành học: kinh điển Phật Giáo từ Pāli và Sanskrit, lô-gic học (Hetuvidya), ngữ pháp lẫn y khoa v.v... Đó là lý do tại sao cả ngày mà không đủ thời









Sảnh hành lang của khu tịnh xá



gian để đáp ứng cho nhiều câu hỏi, trả lời và những cuộc tranh luận sôi nổi.

Trong giai đoạn chuyển tiếp của nền chính trị quan trọng tại miền đông Ấn Độ, phải kể đến thời kỳ lãnh đạo của các nhà thống trị Pāla, đại học Nālandā thành tựu nhiều tầm cao lớn hơn. Dưới sự bảo trợ của vua Pāla, trường đại học đã thành lập trung tâm chính cho Phật Giáo Mahāyāna Vajrayāna (Đại thừa Kim Cương). Những tăng sinh của trường đại học này trở thành sứ giả trong việc truyền bá danh tiếng của trường vang xa và rộng khắp. Padtnasambhava, vị sư xuất sắc, được đào tạo tại trường Nālandā đã đi đến Tây Tạng để truyền bá Phật Giáo và thành lập nên Phật Giáo Tây Tạng.

Danh tiếng đại học Nālandā trên trường quốc tế được minh chứng bằng tấm đồng xưa khi được phát hiện tại đây, mô tả việc xây dựng một tịnh xá bởi vua Balaputta Deva dưới thời Suvannadīpa (Sumatra). Đức vua Devapāla (810 -50 SCN) đã dùng thuế của 5 ngôi làng, hoàn hỷ cúng dường chi phí sinh hoạt cho các tăng sinh cũng như việc ghi chép các văn tự.

Trung tâm đại học Nālanda luôn có tiếng trong việc đào tạo kiến thức thâm sâu, tích

Năm 1193, Muhammad Bakhtyar xâm lăng Trung Ấn Độ, xem Nālanda như một pháo đài, ông đã tấn công và giết hại nhiều người, đặc biệt là các nhà sư Phật Giáo

cực gương mẫu, và nhiều vị giáo sư Phật Giáo nổi tiếng: ngài Nāgājuna (Long Thọ), ngài Ariyadeva (Thánh Thiên), ngài Asaṅga (Vô Trước) và ngài Vasubandhu (Thế Thân). Bên cạnh, còn có ngài Dignāga, Dhammapāla, Śīlabhadra, Dhammarakkhita, Santarakkhita và nhiều vị giáo thọ sư (*ācariya*) nổi tiếng khác đã gắn bó với đại học Nālandā. Tất cả những học giả đã đóng góp trong việc mang lại vinh quang và ưu việt cho đại học Nālandā đến thế kỷ 12 SCN.

Theo ngài Huyền Trang, Phật Giáo dần dần bị thu hẹp. Nó chỉ còn hạn chế trong các tịnh xá và mất dần sự thu hút trong quần chúng. Vào thế kỷ thứ 8 SCN, 2 học giả Bà-la-môn, ông Kumārila và Shankaracharya đã tạo ra sự sứt mẻ đối với danh tiếng của trường đại học. Sau đó, kẻ địch từ Afghanistan và Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) xâm chiếm Ấn Độ. Chẳng mấy chốc, Ấn Độ chỉ còn lại cánh đồng hoang lẫn vùng duyên hải trợ trợ, và chỉ còn lại một vài tiểu bang thuộc vùng biên giới đông bắc.

Nālandā chứng kiến những ngày tồi tệ nhất khi kẻ xâm lược Hồi Giáo Muhammad Bhakhtiyar gây ra cuộc tàn phá nghiêm trọng. Kế tiếp, Khilji (vị vua thứ 2, mất 1316) kích động một số thành phần chống đối Phật Giáo cho rằng đại học Nālandā là pháo đài và các tăng sĩ là người lính. Do đó, Khilji xúi giục để tấn công Nālandā. Cuộc tàn phá Nālandā được mô tả rất cảm động

Tượng Phật đá đen, trong tư thế tay phải chạm mặt đất, thường nằm lẫn và lẫn lộn như là 'Telibaba' ở làng Bargaon, gần khu di tích Nālandā Mahāvihāra.



bởi người hành hương Tây Tạng Dharmaśwami viếng thăm vào năm 1235-1236.

Ông Dharmaśwami đã ghi chép hầu hết các công trình Phật Giáo đại học Nālandā đều bị phá hủy, chỉ còn ngài Tăng trưởng Rāhulasiribhadra cùng 70 tăng sinh. Đến đây, sự suy hoàng về đại học Nālandā bị tắt dần. Cả tên Nālandā gần như bị xóa sổ khỏi ký ức công chúng. Về sau, khi tướng Alexander Cunningham xác minh sự tồn tại của trường đại học gần làng Bargaon, trường đại học vĩ đại cổ xưa một lần nữa lại được thế giới biết đến.

Những di tích đầu tiên được đánh dấu bởi ông Buchanan Hamilton trong cuộc viếng thăm nơi này vào năm 1811-1812. Ông đã tìm thấy một vài tượng Phật ở đây. Tuy nhiên, khoảng 50 năm sau, Nālandā lại được xác định lại bởi tướng Alexander Cunningham dựa trên những nghiên cứu về nhiều sử ký của các nhà hành hương Phật Giáo người Trung Quốc với những bia ký được phát hiện tại đây. Năm 1915, phân khoa nghiên cứu Khảo cổ học Ấn Độ tiến hành việc khai quật tại khu vực này, và trường đại học Nālandā vĩ đại Ấn Độ cổ xưa được phô bày cho toàn thế giới, uy tín của trung tâm nghiên cứu Phật Giáo cổ xưa được tái hiện lại như là một sự an ủi vậy.

Những di tích Nālandā nằm rải rác từ nam đến bắc trên một tuyến thẳng. Phía đông có nhiều dãy tịnh xá. Các tịnh xá bao quanh với nhiều ngôi tháp nhỏ hơn nằm về phía tây. Hầu hết các công trình này thuộc thời Pāla, tuy nhiên một số khác cổ xưa hơn. Tất cả gồm 11 tịnh xá, có 9 tịnh xá xếp theo hàng ngang mặt hướng phía tây, 2 tịnh xá còn lại nằm phía nam bên góc phải. Tất cả các tịnh xá được xây dựng theo phong cách đặc trưng. Rõ ràng, những tịnh xá này được tái thiết nhiều lần nhưng không thay đổi nhiều về hiện trạng ban đầu của nó. Tịnh xá số 1 xem là tốt nhất đã trải qua 9 lần trùng tu.

Khi quan sát kỹ tàn tích, cho thấy nền các tịnh xá bây giờ được thay thế dựa trên nền cũ, hay một tịnh xá





Ngài Tỳ khuru Jagdish Kassapa: Vị kiến trúc 'Tân Đại Tự Nālandā'



*Kho tàng nghệ thuật điêu
khắc vô giá Nālandā*





được xây mới dựa trên khối nền xưa với đầy đủ kiến trúc phòng ốc kể cả mái hiên v.v... Vài điểm khác biệt như các bức tường cũ thuộc căn phòng nào đó được trưng dụng làm nền. Hầu hết các tịnh xá đều có ít nhất một tầng trên. Điểm nổi bật là các tịnh xá có cầu thang với ánh sáng tự nhiên chiếu qua. Các giếng nước được đào bên trong tầng xá. Nhiều công trình kiến trúc được xây dựng bằng gạch, dùng đất sét trét mạch, và chỉ riêng mái hiên là được làm bằng những cột trụ đá.

Nổi bật nhất trong các tịnh xá, dĩ nhiên phải kể đến tịnh xá chính cao đồ sộ, và đó là thành quả của việc xây dựng lại từng bước một. Trong 3 tầng đầu tiên, đều có kích thước bình thường, nhưng với tầng thứ 4 thì kích thước đặc biệt hơn. Ở tầng thứ 5 và 6, tượng Phật được tôn trí trên nền cao, có thể đi lên bằng cầu thang. Nhiều gạch vữa được sử dụng nâng cao mặt nền tầng một để ngôi tịnh xá được cao ráo; ước tính chiều cao tịnh xá khoảng 15,24 mét kể từ mặt đất.

Ba tầng đầu tiên của tịnh xá chính hoàn toàn bị chôn vùi dưới nền đất. Hiện nay, tầng thứ 5 vẫn đang trong tình trạng tốt nhất. Tịnh xá thuộc thế kỷ thứ 6 và được trang trí khá đẹp. Có nhiều ngôi tháp quanh bốn góc tịnh xá chính. Các bảo tháp, đế tháp, cầu thang được khắc chạm bằng nhiều tượng Phật với đủ tư thế. Khu vực trung tâm thuộc tịnh xá chính hầu như không còn được nhìn thấy vì nó bị chôn vùi dưới đồng đồ nát. Tuy nhiên, có lẽ

*Trường Đại học hiện đại
Phật Giáo ở Nālandā giảng dạy
Pāli, Sanskrit và Phật học*



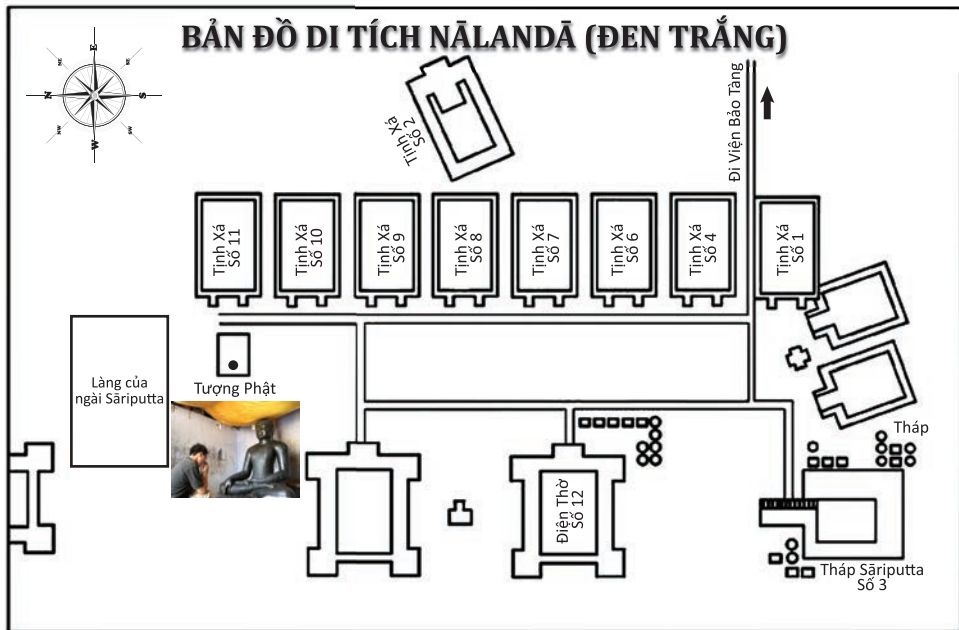
nó được mô phỏng mang phong cách tháp kiến trúc như Tháp Đại Giác (Mahābodhi) ở Bodhgaya. Những điều ghi chép của ngài Huyền Trang đã đưa ra phỏng đoán này. Bên cạnh đó, hai bản sao bằng đá thuộc tịnh xá chính hiện đang trưng bày tại viện bảo tàng Nālandā đã chứng thực điều này.

Cạnh tịnh xá chính, tịnh xá số 12, 13 và 14 khá đặc biệt, được tôn trí bằng nhiều tượng, hốc tường, những thứ khác v.v... tiêu biểu cho nghệ thuật thời đó. Tất cả tịnh xá này được bao quanh bằng nhiều ngôi tháp gạch với đủ kích cỡ khác nhau, và giáo lý Duyên Sanh khắc trên đó. Toàn bộ bảo tháp được tìm thấy ở đây biểu lộ cho tấm lòng tri ân mà những người Phật tử hiện tại hướng đến.

Nhiều bức tượng tìm thấy ở Nālandā được lưu giữ ở viện bảo tàng địa phương, và các viện bảo tàng khác trong nước. Phần lớn những bức tượng này mô tả Đức Phật, chư thiên nam và thiên nữ trong Phật Giáo, kể cả các tượng Vajirayāna (Kim Cương Thừa, Mật Tông). Tượng đá lớn thì rất ít; trong khi tượng đá nhỏ thì rất nhiều, chúng khá đẹp và tinh xảo. Những bức tượng đồng có số lượng lớn đầy ấn tượng. Điều này cho thấy nơi đây từng là trung tâm nổi tiếng trong việc đúc kim loại.

Kết luận, đại học Nālandā là trung tâm Phật Giáo không chỉ học tập mà còn có nhiều môn nghệ thuật khác. Hiện nay, '*Nālandā Mahāvihāra*' 'Tân Đại Tự Nālandā' được thành lập nhằm khôi phục lại sự vinh quang đã mất của đại học Nālandā cổ xưa. Nó được thành lập bởi nhà sư, học giả vĩ đại, ngài Jagdish Kasyapa. Ngài đã đóng góp suốt đời cho sự phục hưng niềm kiêu hãnh Nālandā quá khứ. Như vậy, Nālandā không chỉ làm thỏa mãn ý chí cố gắng tìm tòi khám phá lịch sử cổ xưa, mà là một trung tâm đào tạo cho những ai muốn học hỏi kiến thức chuyên ngành về Phật Giáo. Đó là lý do tại sao nhiều vị tăng và Phật tử từ Thái Lan, Đài Loan, Myanmar, Sri Lanka và Nhật Bản, Việt Nam, Lào, Campuchia, v.v... đều ghé thăm Nālandā để ôn lại sự vẻ vang trong sự thành tựu trí tuệ ngày xưa của nền giáo dục ở ngôi đại học này.





THÀNH KOSAMBI



THÀNH KOSAMBĪ

Thành Kosambī cách thành phố Allahabad khoảng 50 km, và được xem là một trong những thành lớn nhất của Ấn Độ cổ đại từ cuối thời kỳ Veda cho đến hết đế chế Maurya và tiếp tục trong suốt thời kỳ Gupta. Kosambī được nhắc đến trong kinh điển Phật Giáo như là một kinh thành lớn trong 16 đại vương quốc (Mahājānapada), do vua Parantapa cai trị, và sau đó là con ông, Udena. Trong kinh Đại Thiệnn Kiến Vương (Mahāsudassana sutta, Trường Bộ, số 17), Kosambī được mô tả là một thành lớn, bên cạnh các thành nổi tiếng khác như Rājagaha, Sāvatthī, Sāketa, và Vārāṇasī v.v..

Tại Kosambī, Đức Phật đã trải qua hai mùa an cư kiết hạ, thứ nhất là vào mùa hạ thứ 6 sau khi Ngài giác ngộ, thứ hai là mùa hạ thứ 9. Vào mùa hạ thứ 9 tại tịnh xá Ghosita, hai nhóm tỳ khuru ở Kosambī đã xảy ra một cuộc tranh cãi, bất hòa về giới luật, và đó đã trở thành một câu chuyện lịch sử được nhắc đến trong kinh Kosambī, số 48 thuộc Trung Bộ.

Nguyên nhân của việc tranh cãi vốn không có gì lớn. Một vị tỳ khuru trong khi đi vệ sinh đã không đổ hết nước trong chiếc chậu, mà vốn được quy định là cần phải đổ sạch và lật úp lại sau khi vệ sinh xong. Một vị tỳ khuru khác (theo luật) khi nhìn thấy việc



*Tỳ khuru Talammehera Sirivissuddhi, trụ trì
chùa Sri Lanka ở Kosambī - 31/10/2009*

ấy, đã khiến trách vị tỳ khuru này. Nhưng vị tỳ khuru này không chịu nhận lỗi, bảo rằng mình không hề vi phạm luật định. Chư tỳ khuru họp lại khiến trách vị tỳ khuru này và cũng đình chỉ việc tu tập của vị này. Nhưng vị tỳ khuru bị cho là phạm lỗi này lại có người ủng hộ (nhóm tỳ khuru theo Kinh), vì thế dẫn đến việc phân chia hai nhóm, tranh cãi đúng sai.



Chùa Sri Lanka vào 2009 ở Kosambī

Khi sự việc xảy ra, Đức Phật đã cố gắng hòa giải hai nhóm, nhưng mọi nỗ lực của Ngài đều bất thành. Từ việc tranh luận, đã biến thành một cuộc náo loạn và họ chia thành hai phe. Nhận thấy nỗ lực hòa giải của mình không có kết quả, Đức Phật đã lặng lẽ bỏ vào rừng Pārileyyaka (kỳ hạ thứ 10), để lại hai nhóm tỳ khuru tranh cãi đúng sai. Ở trong rừng, Đức Phật độc cư thiền định và làm bạn với một chú voi và một chú khỉ, và hai sinh vật này đã “phát tâm” cúng dường trái cây và mật ong cho Ngài mỗi ngày.

Sau khi Đức Phật đi rồi, hai nhóm tỳ khuru càng tranh cãi dữ dội, và hậu quả là tăng chúng ở Kosambī bị chia rẽ sâu sắc, thiện nam tín nữ chán ngán, xa lánh, và không còn cúng dường tứ vật dụng đến chư tỳ khuru nơi này nữa. Sau kỳ hạ thứ 9 này, hai nhóm tỳ khuru này đã tìm đến Đức Phật, và xin được sám hối. Đức Phật giáo huấn đến hai nhóm tỳ khuru tranh chấp phải nhớ rằng một



Tỳ khuru Đức Hiền tại di tích tịnh xá Ghosita ở Kosambī - 31/10/2009

ngày nào đó họ phải chết. Cho nên họ phải chấm dứt sự tranh luận, dừng hành động như thế họ không bao giờ bị chết.

Rồi Đức Phật thốt lên bài kệ như sau:

Pare ca na vijānanti

Mayamettha yamāmase,

Ye ca tattha vijānanti

Tato sammanti medhagā. (Pháp Cú 6)

Luận tranh chẳng có ích gì

Tranh cường, hiểu thắng lẫn khi phiền hà

Ai người suy ngẫm sâu xa

Nói năng tự chế, bất hòa lặng yên. (T.T. Giới Đức)

Vào thế kỷ thứ 5 SCN, khi chiêm bái thành Kosambī, ngài Pháp Hiển cho rằng Phật Giáo vẫn còn hưng thịnh ở nơi đây; nhưng ngài Huyền Trang viếng thăm Kosambī vào thế kỷ thứ 7 SCN, Phật Giáo nơi này hầu như đã bị suy yếu. Ngài Huyền Trang mô tả trong sử ký nơi đây có 10 ngôi tự viện và có vị 300 tỷ khuru thuộc phái Theravāda. Trong khi đó có đến 50 đền thờ của các giáo phái khác. Kỳ-na Giáo (Jain) được cho là thịnh hành, và được sùng kính ở đây sau thời kỳ Phật Giáo. Ngài Huyền Trang

đã mô tả Kosambī là một xứ sở có đất đai màu mỡ, người dân làm nghề trồng lúa và trồng mía. Dân chúng thuần hòa và thích làm phước thiện ... Ngài cũng trình bày chi tiết những điển tích Phật Giáo liên quan đến địa danh này.

Di tích Phật Giáo ở Kosambī hiện còn có trụ đá vua Asoka, nhưng phần đỉnh trụ đã bị gãy đổ, và đang được trưng bày tại một viện bảo tàng ở Allahabad. Bên cạnh trụ đá Asoka có một cái giếng đá cổ và giờ không còn được sử dụng. Về phía đông nam của trụ đá Asoka, khoảng



◀ *Trụ đá Asoka tại Kosambī*

*Toàn cảnh khu nền gạch
của tịnh xá Ghosita*







Chư Tăng trường Đại học Banaras Hindu ở Vārāṇasī viếng thăm Kosambī

0,7 km chúng ta có thể nhìn thấy khu nền gạch được khai quật được cho là tịnh xá Ghositārāma. Vào thời Đức Phật, có 4 tịnh xá nổi tiếng ở đây là Kukkutārāma, Ghositārāma, Pāvārikambavana và Badarikārāma. Ra xa chút nữa là khu di tích của thành cổ Kosambī. Không xa nền gạch tịnh xá Ghositārāma khoảng hơn 0,6 km là dòng sông Yamunā trong xanh, êm đềm. Tượng Alexander Cunningham là người xác định được thánh tích Kosambī trong ngôi làng Kosam (Kausam) vào thế kỷ thứ 19.

Không giống như các thánh tích khác, Kosambī không có nhiều chùa nước ngoài ở xung quanh. Hiện tại, chỉ có một ngôi chùa Cam-pu-chia và chùa Sri Lanka ở đây. Ngoài việc viếng thăm Kosambī, quý vị có thể viếng thăm thành phố Allahabad, viện bảo tàng Allahabad (Allahabad Museum), sông Sangam ... Hiện nay, Kosambī chưa nhiều người Phật tử hành hương viếng thăm như các thánh tích Phật Giáo khác.

Cách đến Kosambī

Kosambī cách thành phố Allahabad khoảng 50 km, cách

Vārāṇasī khoảng 150km, và cách Bodhgaya khoảng 369 km. Để đến Kosambī, nếu đi bằng máy bay, quý vị có thể đến sân bay ở Allahabad (Allahabad Bamrauli Airport) và sau đó đi taxi đến địa danh này. Sân bay Allahabad cách Kosambī khoảng 40 km. Sân bay này nối đường bay với các thành phố lớn ở Ấn như Delhi và Mumbai. Việc đi bằng tàu lửa cũng tương tự, sau khi đến sân ga Allahabad (Allahabad Railway Station), quý vị có thể đi bằng xe buýt, hay taxi để đến Kosambī. Sân ga Allahabad là một nhà ga lớn, nối liền các tuyến đường sắt đến Mumbai, Pune, Delhi, Howrah, Patna, Jammu, Gāya và Vārāṇasī ... Về đường bộ, Allahabad nối tuyến đường với các thành phố lớn như Kanpur, Vārāṇasī thuộc bang Uttar Pradesh. Quý vị có thể đi đến Allahabad từ thành phố Vārāṇasī bằng xe. Thời điểm thích hợp để chiêm bái là từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau.



Chùa Sri Lanka vào 2016 ở Kosambī

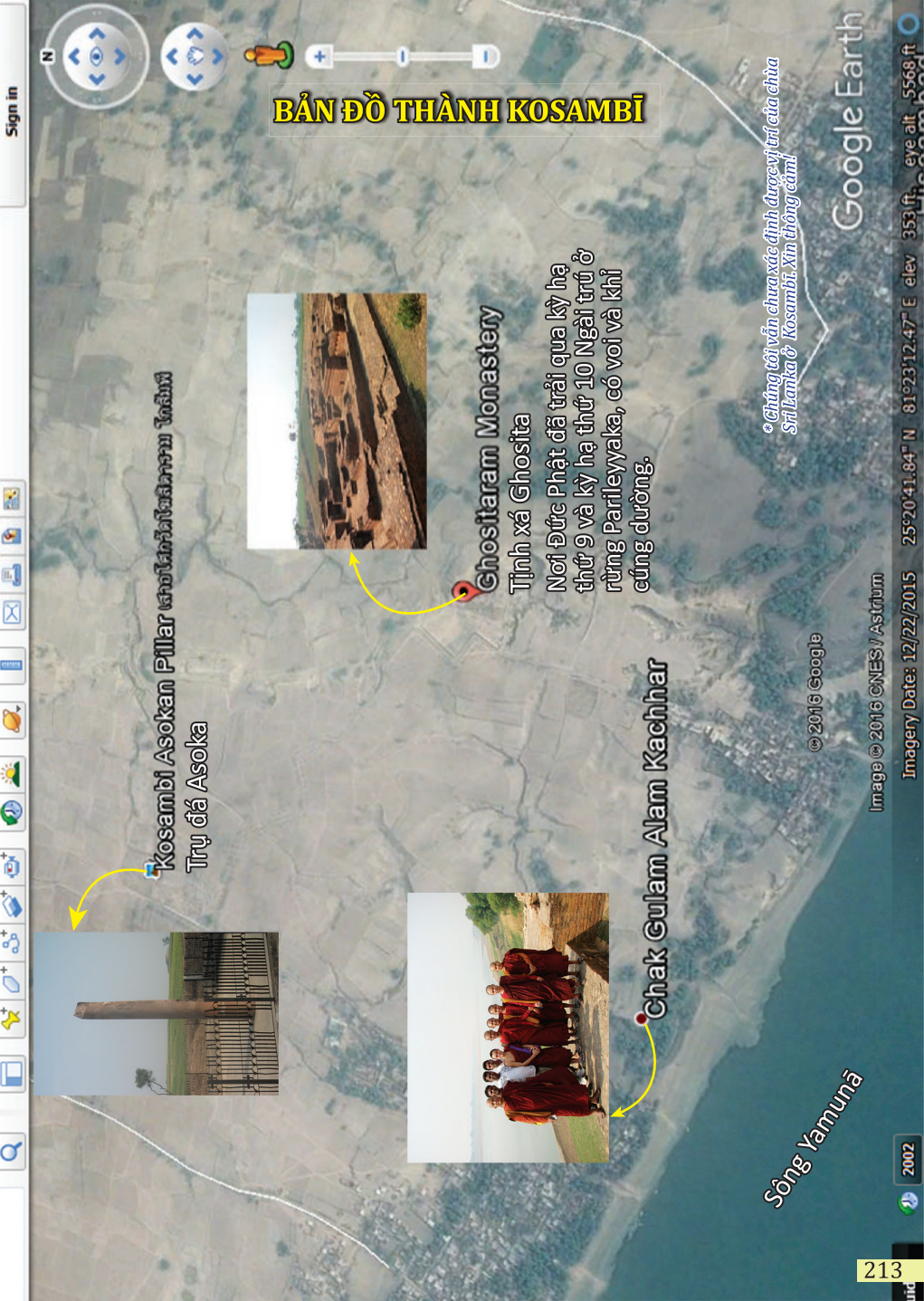


Chư Tăng trường Đại học Banaras Hindu ở Vārāṇasī viếng thăm Kosambī - 31/10/2009



Chùa Sri Lanka tổ chức Đại lễ dâng y Kāṭhina ở Kosambī - 31/10/2009





BẢN ĐỒ THÀNH KOSAMBI

Kosambi Asokan Pillar
Trụ đá Asoka



Ghositaram Monastery

Tỉnh xá Ghosita

Nơi Đức Phật đã trải qua kỳ hạ
thứ 9 và kỳ hạ thứ 10 Ngài trú ở
rừng Parileyyaka, có voi và khỉ
cung đường.

Chak Gulam Alam Kachhar



Sông Yamunā

* Chúng tôi vẫn chưa xác định được vị trí của chùa
Sri Lanka ở Kosambi. Xin thông cảm!

Google Earth

Image © 2016 CNES / Astrium

Imagery Date: 12/22/2015

2002

THÀNH VESĀLĪ



THÀNH VESĀLĪ

Vùng đất có tên Basadha, khoảng 36 km về phía đông Muzaffarpur, thuộc phía bắc bang Bihar được cho là thành phố cổ huy hoàng Vesālī. Vào thời Đức Phật, nước cộng hòa Vajjī tận hưởng sự thăng hoa tuyệt vời bằng nền dân chủ. Thủ đô Vesālī là một trong những thành phố lớn thời Đức Phật. Dòng tộc Vajjī cai trị Vesālī trong thời Phật và Mahāvira. Họ chia thành 8 gia tộc. Do vậy, có tên gọi là ‘*Aṭṭhakulaka*’ ‘tám gia tộc’. Gia tộc Licchavī là gia tộc có tiếng tăm và quyền lực nhất, họ cai trị thủ đô nước cộng hòa này. Gia tộc nổi tiếng khác là Jantriaka đã sinh ra Vardhamāna Mahāvira thuộc đời thứ 24, và cuối cùng là Tirthankara. Một vài gia tộc khác là Ugra, Bhoga, Ikshavaka, Koram v.v...

Đức Phật rất ấn tượng về sự thống nhất, đoàn kết và điều hành chung của những gia tộc này. Vua Ajātasattu nước Māgadha thường xuyên xảy ra tranh chấp với dòng tộc Vesālī liên hệ đến việc sở hữu chung con sông. Đôi khi sự tranh chấp trở nên tồi tệ hơn, bắt chước mẹ ruột vua Ajātasattu, thái hậu Videhī thành Vesālī can ngăn. Theo truyền thống đạo Kỳ-na Giáo (Jain), tên bà là Cellana và cha bà là Cetaka, từ lâu là người thống trị dòng tộc Vajjī. Điều này phải kể đến mối liên hệ về 7 nguyên tắc làm cho hưng thịnh quốc độ mà Đức Phật giảng dạy trong kinh Mahāparinibbāna và đã được thực hành bởi người dân Vajjī. Vua Ajātasattu nước Māgadha tham muốn thôn tóm thành Vesālī bằng cuộc chiến. Vì vậy, vua Ajātasattu ra lệnh cho cận thần Vassakara đến gặp Đức Phật để dò hỏi cách đánh bại dân Vajjī như thế nào.





Đức Phật giảng dạy về bảy pháp hưng thịnh một quốc gia

Đức Phật tán thán dân Vajjī và tuyên bố ngày nào dân Vajjī còn thực hành 7 nguyên tắc làm cho đất nước được hưng thịnh thì đất nước đó không bao giờ bị đánh bại. Bảy nguyên tắc đó là:

1. Đức Phật bảo rằng: “Này Ānanda, người có nghe dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?” - “Bạch Ngài, con có nghe họ thực hành à!” - “Này Ānanda, khi nào dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau; thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

2. “Người có nghe dân Vajjī tụ họp, giải tán, làm việc trong tinh thần đoàn kết không?” “Bạch Ngài, con có nghe họ thực hành à!” - “Này Ānanda, khi nào dân Vajjī, giải tán, làm việc trong tinh thần đoàn kết; thời này Ānanda dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

3. “Người có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thời xưa không?” “Bạch Ngài, con có nghe họ thực hành à!” - “Này Ānanda, khi nào dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thời



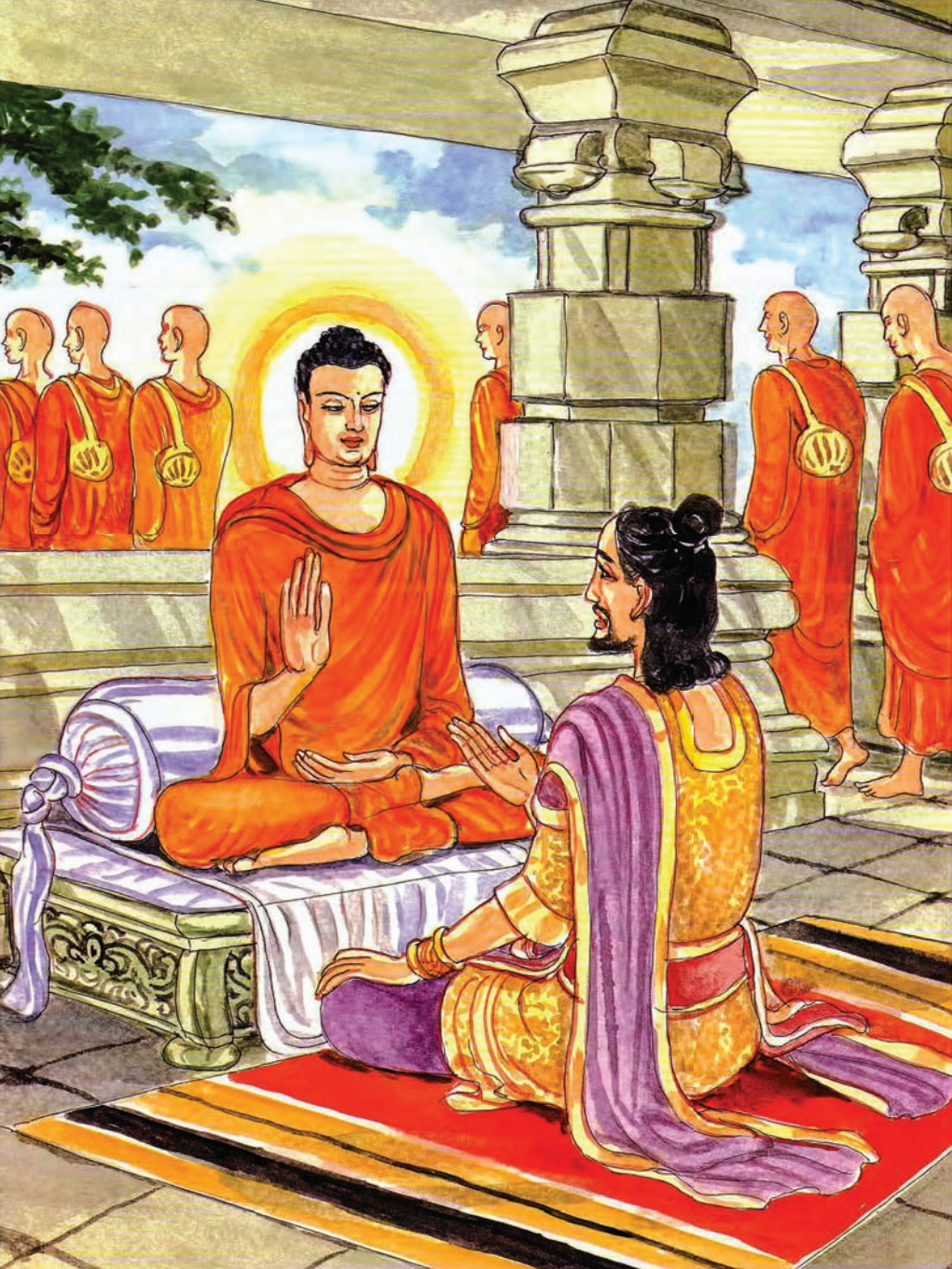
Tháp Hòa Bình (Nhật Bản) tại Vesālī

xưa; thời này Ānanda dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

4. *“Người có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này không?” “Bạch Ngài, con có nghe họ thực hành à!” – “Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này; thời này Ānanda dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.*

5. *“Người có nghe dân Vajjī không có bắt cóc, cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình không?” “Bạch Ngài, con có nghe họ thực hành à!” – “Này Ānanda, khi nào dân Vajjī không có bắt cóc, cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình; thời này Ānanda dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.*

6. *“Người có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?” “Bạch Ngài, con có nghe họ thực hành à!” – “Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng*



đường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp; thời này Ānanda dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

7. “Người có nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?” “Bạch Ngài, con có nghe họ thực hành à!” – “Này Ānanda, khi nào dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc; thời này Ānanda dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

Sau khi thảo luận 7 nguyên tắc này, Đức Phật giảng dạy 7 điều tương tự đến chư tỳ khuru, nếu được thực hành thì sẽ làm cho hội chúng được hưng thịnh và không bị suy giảm.

Đức Phật nhiều lần viếng thăm thành Vesālī và trú lại các nơi nổi tiếng như điện thờ Bahuputta, điện thờ Capala và tịnh xá Mahāvana-Kūtagāra (Tịnh xá Mái Nhọn). Khi Đức Phật cư ngụ tại tịnh xá Veluvana gần thành Rājagaha, Ngài lên đường cùng đông

*Tỳ khuru Dhammapālo
bên cạnh hồ Markata-Hrida, do
500 con khỉ đào để dâng cúng
nước đến Đức Phật. 15/12/2008*





Thành lập Ni Đoàn (Bhikkhunīsaṅgha) tại thành Vesālī

đảo chư tỳ khưu tăng viếng thăm thành Vesālī lần đầu và cũng là lúc thành này xảy ra nạn đói, bệnh tật và phi nơh. Tại đây, Đức Phật dạy Đại đức Ânanda đi khắp thành Vesālī 3 vòng trọn đêm tụng kinh Paritta (*Ratana Sutta: Kinh Châu Báu*), rồi rảy nước. Ngài Ânanda làm theo những gì Đức Phật dạy, một trận mưa lớn đổ xuống làm sạch cả thành Vesālī, phi nơh bỏ đi. Chẳng bao lâu, thành này được an ổn và hết bệnh tật.

Vua Licchavī Mahali, con trai của vị thầy cúng thành Vesālī, tự đánh giá cao về sở học của mình cùng với những người trong gia tộc đã được Đức Phật cảm hóa bằng giáo lý vi diệu và thực tiễn của mình. Cảm kích sâu đậm về Giáo Pháp của Ngài, đức vua và nhiều người trong gia tộc trở thành đệ tử quy y Tam Bảo. Các nhà sử học cho rằng vị thầy đầu tiên của Bồ Tát (Đức Phật) trước khi giác ngộ, giáo chủ Ālāra Kālāma được sinh ra tại thành Vesālī.

‘Vesālī’ tên gọi do đức vua địa phương ‘Visāla’ đặt, người thành lập thành phố này, và xem Vesālī như là thủ đô vương quốc mình. Văn tự Puraṇic cũng nhắc đến ông ta là ‘Visāla’. Trong số các vị vua thống trị thành Vesālī, vua Visāla có tầm ảnh hưởng lớn nhất. Ngay cả ngày nay, gò đất tại Basadha cũng được biết đến là ‘Rāja Visāla Ka Garh’ (pháo đài của vua Visāla).

Thành phố Vesālī cũng chứng kiến sự thành lập Hội Chúng

Tỳ Khuru Ni, đây là sự kiện quan trọng trong sự phát triển Phật Giáo. Khi Đức Phật trú tại phước xá Mahāvana-Kutagara, dì mẫu Mahāpajāpati Gotamī đã đến đây cùng với công chúa Yasodhārā và 500 vị công nương khác thuộc dòng dõi Sakya. Tất cả họ đều thắm mệt khi đến được nơi này. Biết được Đức Phật từ chối lời thỉnh cầu xuất gia của họ, Đại đức Ānanda đã đi đến yết kiến và thỉnh cầu Ngài nên thu nhận họ vì truyền thống hội chúng của chư Phật trong quá khứ đều có tỳ khuru ni. Bên cạnh, dì mẫu Mahāpajāpati Gomamī đã nuôi dưỡng Ngài bằng bầu vú của mình từ tấm bé sau khi hoàng hậu Māyā qua đời. Đến lần thứ ba, Đức Phật chấp thuận cho họ được xuất gia, nhưng với điều kiện phải hành theo Bát Kinh Pháp (*aṭṭhagarudhamma*).

Kỷ nữ nổi tiếng thành Vesālī, Ambapālī quay về quy y Tam Bảo và cúng dường rừng Xoài (*Ambavana*) nổi tiếng đến Đức Phật cùng Tăng chúng. Đó là kỳ hạ thứ 45, và cũng là kỳ hạ cuối cùng của Đức Phật. Sau khi mãn hạ (*vassa*), Ngài rời thành Vesālī hướng về Kusinārā vào ngày trăng tròn tháng giêng âm lịch Māgha, và tuyên bố 3 tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết Bàn (*parinibbāna*). Đức Phật nhập diệt vào ngày trăng tròn tháng 4 âm lịch Vesākḥā. Sau khi Ngài tịch diệt, gia tộc Licchavī được nhận một phần Xá Lợi và cho xây dựng bảo tháp để tôn thờ. Thành Vesālī được xem như là trung tâm chính Phật Giáo trong thời Phật tại thế. Do vậy, không ngạc nhiên gì khi kỳ kiết tập Tam Tạng lần thứ hai lại được tổ chức tại nơi này trong vòng 100 năm sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn.



Kỷ nữ Ambapālī dâng cúng vườn xoài, dâng cúng vật thực đến Đức Phật

*Đỉnh trụ đá Asoka
tại Vesālī*





Đi mẫu Mahāpajāpati Gotamī thỉnh cầu Đức Phật

Những vị tỳ khuru Vajjī chấp chặt việc thực hành 10 điều liên hệ đến vật dụng (*vatthūni*), trong khi các vị khác không tán thành điều đó. Để giải quyết tranh chấp, Đại hội Kiết Tập Tam Tạng lần thứ hai được tổ chức tại thành Vesālī gồm 700 vị tỳ khuru tham dự dưới sự chủ trì của ngài Bhadanta Sabbakami. Đại Hội được tổ chức dưới sự bảo trợ cúng dường của vua Kalasoka, vị thống trị thành Vesālī. Chư tỳ khuru tham dự Đại hội đều nhất trí lên án các tỳ khuru Vajjī. Chư tăng trưởng lão tuyên đọc lại giới bốn (*vinaya*) và sắp xếp lại những lời Đức Phật dạy. Một số tin rằng khi Đại Hội kết thúc thì có một nhóm tỳ khuru khác kiết tập Đại Hội lớn ở thành Vesālī dưới sự tham dự 10.000 vị.

Như vậy, chư tăng chia thành hai phái. Phái truyền thống nên gọi là 'Nguyên Thủy' 'Theravāda', phái phát triển được gọi là 'Đại Chúng Bộ' 'Mahāsaṅghika'. Đại Hội Phật Giáo lần thứ hai đóng vai trò rất quan trọng trong việc giữ gìn truyền thống Phật Giáo. Những điểm dị biệt (*Kathāvatthu*) giữa các tông phái đã tạo nên sự hình thành 18 tông phái trong thời đại đế Asoka, nổi bật là nhóm tỳ khuru Vajjiputtaka.

Vesālī, thành phố tận hưởng giá trị Phật Giáo quan trọng trong suốt thế kỷ thứ 2 TCN. Điều này minh chứng qua việc phát hiện khối đá có tạc bảo tháp (*cetiya*) thành Vesālī, và nhiều cây ở Amarāvati. Khối đá khắc họa vài hình ảnh mô tả về cuộc hành trình của Đức Phật từ thành Vesālī đến Kusinārā. Bên cạnh, nó

còn khắc hình nhiều vị tỳ khuru từ tịnh xá địa phương Mahāvana đến dự lễ đặt đá tôn tạo bảo tháp Mahāthūpa (Đại Tháp) do hoàng đế Putthagāmaṇī từ Sri Lanka xây dựng.

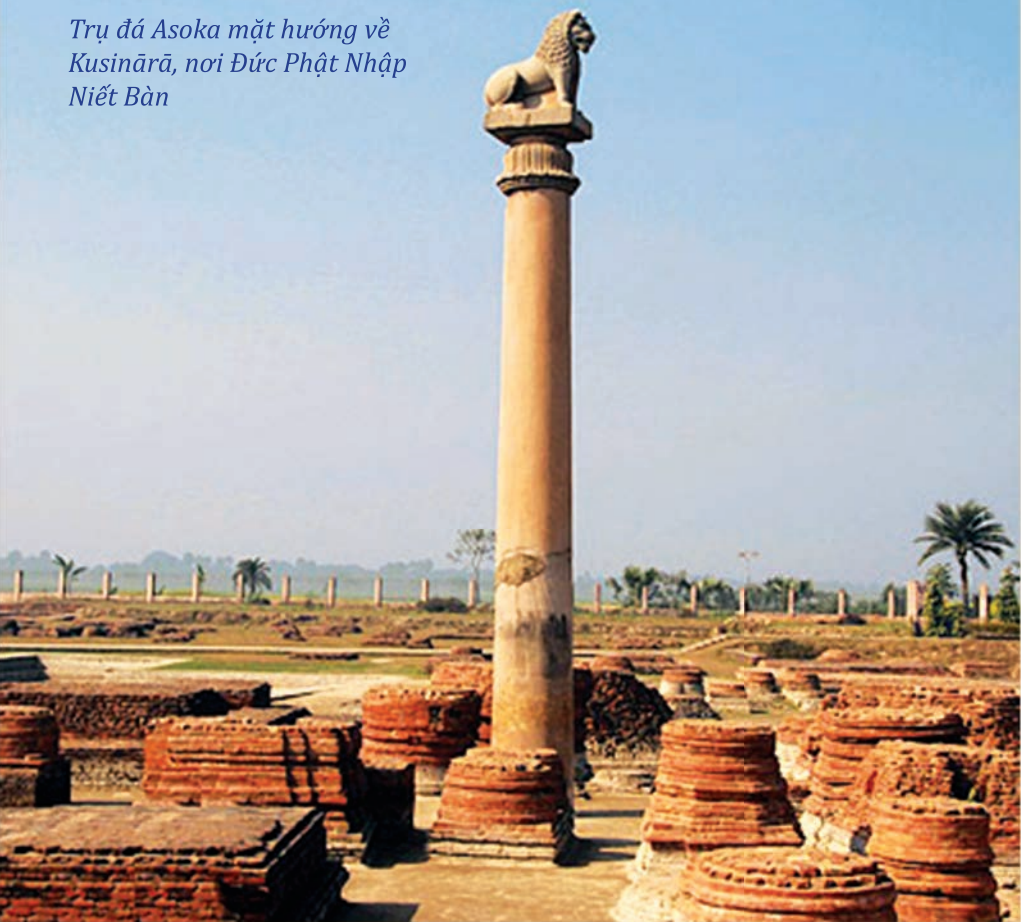
Ngài Pháp Hiển và ngài Huyền Trang đã viếng thăm và đánh lễ bảo tháp này. Ngài Huyền Trang mô tả có nhiều điện thờ, bảo tháp, và tịnh xá mà ngài đã nhìn thấy ở đây. Các bức tượng được tìm thấy cho thấy Phật Giáo đã phát triển đến thế kỷ 12. Tượng nữ thần Tara Devi đặc biệt nổi tiếng tại đây. Một bản viết tay vào thế kỷ 11 miêu tả một bản vẽ thu nhỏ tượng nữ thần Tārā Devī. Về sau, kẻ địch xâm chiếm và tàn phá thành Vesālī. Ngài Huyền Trang chỉ còn thấy bức tượng đá tuyệt hảo nữ thần Anyatarā và một người phụ nữ ở lại nơi này.

Như nhiều thánh tích Phật Giáo nổi tiếng khác, thành Vesālī bị quên lãng trong một thời gian rất dài. Tướng Alexander Cunningham, người đầu tiên nhận ra và xác định thánh tích này, sau đó đã cho tiến hành khai quật. Việc khai quật được tiến hành nhiều lần. Kết quả, nhiều di tích cổ dần dần được hé lộ. Mặc dù



Câu chuyện thần thông ở Vesālī được khắc trên tháp Amravati

*Trụ đá Asoka mặt hướng về
Kusinārā, nơi Đức Phật Nhập
Niết Bàn*



có nhiều di tích lịch sử và tôn giáo nhưng chúng tôi chỉ liệt kê vài điểm tham quan nổi bật nhất tại nơi này.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT:

(1) Pháo đài Visāla: Hiện nay, pháo đài chỉ còn lại một gò đất cao 2,44 mét trên khu đất kéo dài 1,5 km. Có lẽ đây là một phần còn sót lại của pháo đài xưa. Xưa kia, bên trong có tòa nhà quốc hội nước cộng hòa Vajjī, có sức chứa lên đến 7707 đại biểu tham dự mỗi ngày để bàn thảo việc nước.

(2) Trụ đá Asoka và Bảo Tháp: Khoảng 3,5 km về phía tây bắc pháo đài xưa, chúng ta có thể nhìn thấy trụ đá Asoka cao

15,24 ~ 18,29 mét tại Kolaho. Đầu trụ khắc chạm hoa văn cánh sen rủ xuống, trên đỉnh có hình sư tử ngồi chồm hổm. Mặc dù không có bia ký Asoka trên thân trụ, nhưng vẫn mang đậm nét phong cách Maurya bằng nghệ thuật điêu khắc riêng. Đây là trụ đá Asoka duy nhất còn sót lại qua sự tàn phá của thời gian và ngoại xâm. Các nhà khảo cổ học cho rằng đây là trụ nguyên vẹn nhất. Chính vì sư tử trên trụ đá này vẫn còn nguyên vẹn (*nghĩa bóng là còn sống mãi với thời gian*) trong khi những hình sư tử của các trụ đá khác thì bị tàn phá, nên người ta mới ví von là ‘sư tử biết nói’ *‘talking lion’*.

(3) Hồ Markata-Hrida: Về phía nam trụ đá Asoka, có hồ nước xưa, nay được gọi là hồ Ramakunda. Ngài Huyền Trang xác định đây là hồ Markata-Hrida, bên cạnh có trụ đá và bảo tháp được xây dựng bởi đại đế Asoka. Tương truyền, hồ này được đào bởi 500 con khỉ để dâng cúng nước đến Đức Phật. Phước xá Mahāvāna-Kūtagāra (Tịnh xá Mái Nhọn) được cho là nằm bên cạnh hồ, nhưng dấu tích này đến nay vẫn chưa được tìm thấy. Đức Phật đã trải qua an cư mùa mưa (*Vassa*) lần thứ 5 tại đây.

(4) Tháp Licchavī: Khoảng 2,5 km về phía tây-bắc của pháo

Tỳ khuru Dhammapālo, Tỳ khuru Thiện Thắng và Tỳ khuru Đức Hiền viếng thăm bảo tháp Licchavī, nơi được tìm thấy Xá lợi Phật bên trong - 15/12/2008





Bảo tháp Licchavi có chu vi 7,62 mét

đài xưa, được phát hiện một bảo tháp Phật Giáo khác. Bảo tháp gốc được làm bằng đất sét, và tô trét bằng lớp đất sét mỏng. Bảo tháp có chu vi 7,62 mét. Quan sát kỹ bảo tháp sẽ nhận ra nó được tu bổ tối thiểu 4 lần, và mỗi lần các viên gạch nung đều khác nhau. Lần tu bổ thứ 3 được mở rộng đường kính lên đến 12,19 mét. Việc tu bổ lần thứ 4 chỉ nhằm vào nền tháp để gia cố thêm cho lần xây dựng thứ 3.

Rõ ràng, phần giữa bảo tháp bị tàn phá từ thời xưa, khi trụ chống đỡ bị gãy. Một hũ xá lợi bằng đá được tìm thấy ở đây, bên trong chứa một ít tro, một mảnh vàng lá, hai hột thủy tinh, ốc xà cừ nhỏ và một đồng xu bằng đồng được tán dẹp. Điểm đáng chú ý khác của bảo tháp là vài chỗ nhô ra từ bốn hướng. Đây là kiến trúc phổ biến của các bảo tháp được thấy ở lưu vực sông Krishna, cũng là điểm đặc trưng nhất của các ngôi tháp thuộc phía nam Ấn Độ.

Thật sự, bảo tháp gốc là rất cổ, có lẽ có từ niên đại thời Maurya. Tháp mới được xây dựng lại dựa trên nền tháp cổ, và sự kiện một phần trụ đã bị gãy đổ lên phần nền



Hũ đựng Xá Lợi bằng đá được khai quật ngay chính giữa bảo tháp Licchavi



Tỳ khưu Đức Hiền, Tỳ khưu Thiện Thắng và Tỳ khưu Dhammapālo tại bảo tháp Ânanda

giữa bảo tháp cổ cho thấy rằng tháp được xây dựng bởi gia tộc Licchavī để tôn trí xá lợi Phật. Trụ đá này được di dời đi bởi đại đế Asoka để tìm kiếm xá lợi bên trong tháp. Theo sử ký ngài Huyền Trang, đại đế Asoka giữ lại một phần xá lợi, phần còn lại ông chia ra để tôn trí vào bên trong 84000 bảo tháp. Ngoài ra, vị trí của bảo tháp sau này trùng khớp với bảo tháp cổ của gia tộc Licchavī được mô tả bởi ngài Huyền Trang. Nếu không lầm thì đây chắc chắn là ngôi tháp lớn nhất được phát hiện từ trước đến nay.

(5) Những di tích khác: Có hai dãy gò đất ở phía bắc-nam gần tháp Maurya, chu vi 55,78 x 54,56 mét và chiều cao 7,62 x 7,01 mét. Các cuộc khai quật cho thấy nhiều công cụ bằng đất sét của người xưa. Nhiều hũ đồng được tìm thấy ở phía bắc bảo tháp, một hũ đựng xá lợi. Có thể những ngôi tháp này được xây dựng để tôn thờ xá lợi của các vị thánh tăng.

Bên cạnh các di tích đề cập trên, còn nhiều điện thờ khác được nhắc đến qua các kinh điển Phật Giáo và sử ký của các nhà hành hương người Trung Quốc. Các di tích vẫn đang chờ xác định và

khai quật do sự thờ ơ, không quan tâm của chính phủ. Nổi bật nhất là tịnh xá Mahāvana Kutagara nằm cạnh bờ hồ Markata-Hrida như đã được miêu tả bởi ngài Huyền Trang. Hai tịnh xá nổi tiếng khác đều không còn để lại dấu vết gì. Tịnh xá Ambapālī Ambavana và tịnh xá Balukārāma là nơi tổ chức Đại Hội Kiết Tập Tam Tạng lần thứ 2. Ngoài ra, vài tháp (*cetiya*) khác được cho là tồn tại ở đây. Trong số đó phải kể đến tháp Udayan, tháp Gotamaka, tháp Saptamraka, tháp Bahuputtaka, tháp Sarandada, tháp Capala, tháp Markat-Hrida.

Tầm quan trọng của Vesālī không chỉ giới hạn một trong 8 thánh tích (*aṭṭhamahāthānāni*) gắn liền với cuộc đời Đức Phật mà đây còn là trung tâm triết thuyết đạo Kỳ-na Giáo (Jain) (đạo lửa thể). Ngoài ra, Vesālī tận hưởng nền vinh quang độc lập của thủ đô nước cộng hòa dân chủ đầu tiên trên thế giới. Chính vì Vesālī hội tụ nhiều sắc thái đặc biệt nên đã thu hút vô số khách du lịch và người hành hương từ khắp nơi trên thế giới đến viếng thăm thánh tích này. Việc khai quật và bảo lưu các di tích cổ cần được tiếp tục khai quật để các trang sử có thêm những trang mới, và thành Vesālī mở ra cho cả thế giới trong sự vinh quang toàn diện của nó.

Chùa Kiều Đàm Di - Gotamī (Việt Nam) tại Vesālī



BẢN ĐỒ TỔNG THỂ THÁNH TÍCH VESĀLĪ



Bảo Tháp Ānanda
Trụ Đá Asoka



Đi Deoria
và Muzaffarpur

Đường Bakhra Vaishali
3.1 Km



Bảo Tháp
Licchavi

Viện Bảo Tàng

Hồ Kharauna

Chùa
Sri Lanka

Chùa
Thái Lan

Đường Vishwa Shanti

Tháp
Hòa Bình
Thế Giới

Chùa
Nhật Bản

Nhà Khách
Vaishali

Chùa Kiều Đàm Di
(Việt Nam)

1.2 Km



VESĀLĪ



Pháo Đài
Visala
(Raja Visala
Ka Garh)

Tháp



Đi Patna

BẢN ĐỒ THÁNH TÍCH VESĀLĪ (VỆ TINH)



Bảo Tháp
Ananda



Bishunpur Anant urf Uphraul

Chak Ibrahim

Chakia urf Chak Bishunpur Anant

Abu Chak

Bania

Manik

Chak Ramdas Chak Ramdas

Viện
Bảo Tàng

Bảo Tháp
Licchavi

Abhishek Pushkarni

1.2 Km

Chùa
Sri Lanka

Chùa
Thái Lan

Vishwa Shanti Stupa Rd

Tháp Hòa Bình
(Nhật Bản)

Nhà Khách
Vaishali

Chùa Kiều Đàm Di
(Việt Nam)

Kukrahia



© 2016 DigitalGlobe
© 2016 CNES / Astrium
© 2016 Google

Google Earth

THÀNH

SĀVATTHĪ



THÀNH SĀVATTHĪ

Điện thờ Phật Giáo nổi tiếng ở thành Sāvattthī thuộc thời Đức Phật giờ được biết đến là Sahetha và Mahetha. Điện thờ tọa lạc gần quận Gonda và Bahraich thuộc bang U.P. (Uttar Pradesh). Có hai cụm di tích riêng biệt: Cụm di tích ‘Sahetha’ được xác định là tịnh xá Jetavana nổi tiếng. Tuy nhiên, nền móng gạch của các tịnh xá, điện thờ và bảo tháp tất cả giờ đây đều có thể nhìn thấy. Cụm di tích ‘Mahetha’ thuộc thành cổ Sāvattthī. Mahetha nằm về phía nam nhánh sông Rapti (Amāravatī). Tổng thể thành cổ có thể được nhận dạng nhờ những tàn tích như cổng thành, tường thành bao quanh. Các chứng tích thành cổ gồm có nhiều loại xá loại khác nhau.

Sāvattthī là thị trấn rất lớn, và hưng thịnh trong thời Đức Phật, có khoảng 57.000 hộ gia đình; và được xác nhận là thành phố lớn nhất xứ Kāśī.

Sāvattthī là trung tâm thương mại lớn và nổi tiếng. Nhiều thương buôn từ khắp nơi trên thế giới đến để mua bán hàng hóa đủ loại trong các khu chợ thành Sāvattthī. Họ đến đây thường hỏi câu: **“Kim bhanda atthi?”** “Có hàng hóa gì ở đây?”. Và, họ luôn

nhận câu trả lời: **“Sabba atthi”** “Có mọi thứ ở đây”. Từ ý nghĩa này (‘sabba’ ‘tất cả’ và ‘atthi’ ‘có’), thành phố được đặt tên là Sāvattthī. Địa danh hiện giờ Sahetha và Mahetha được bắt nguồn từ Sāvattthī.

Về phương diện lịch sử trước thời Đức Phật, thành Sāvattthī ít được nhiều người biết đến. Về sau, thành Sāvattthī được bình an, mang lại sự vinh quang và huy hoàng là nhờ sự hiện diện của Đức Phật. Sāvattthī là một trong 8 thánh tích nổi tiếng Phật Giáo (Aṭṭhamahāthānāni). Đức Phật đã trải qua 25 mùa an cư (mùa mưa) trong suốt 45 năm hành đạo của Ngài. Rất nhiều bài pháp được thuyết giảng được tìm thấy trong





Thành Sāvatthī vào thời Đức Phật

Tam Tạng (*tipiṭaka*). Có đến 65 bài kinh Trung Bộ (*Majjhima Nikāya*) trong tổng số 152 bài đều được thuyết giảng tại tịnh xá Jetavana thuộc thành Sāvatthī. Hơn 3 phần 4 kinh điển trong Tăng Chi Bộ (*Aṅguttara Nikāya*) được trình bày cùng với nhiều điều luật dành cho chư tỳ khưu mà Đức Phật chế định phần nhiều tại tịnh xá Jetavana và tịnh xá Pubbārāma gần thành Sāvatthī.

Vua Pasenadi, vị cai trị thành Sāvatthī, được nhắc đến là vua Jitasatru trong kinh văn đạo Kỳ-na Giáo (Jain), có cảm tình với giáo chủ Mahāvira trước khi Đức Phật xuất hiện. Thời đó, thành Sāvatthī là trung tâm duy nhất của các trường phái triết học. Việc hoàng đạo của Đức Phật trong thành Sāvatthī đã ảnh hưởng đến sự truyền bá của đạo Kỳ-na Giáo (*đạo lửa thế*) đang phát triển mạnh tại đây. Một lý do khác vì sao đạo Kỳ-na Giáo (Jain) được mọi người ưa chuộng bởi vì hai vị giáo chủ Sambhavanath và Chandraprabha của đạo này đều là người địa phương sanh trưởng tại nơi này.

Ngoài đạo Kỳ-na Giáo (Jain), các giáo phái Ājīvika cũng có chỗ đứng riêng cho mình ở thành Sāvatthī. Giáo chủ Makkhaliputta Gosāla sanh ra ở đây, bởi vì đời sống của ông hòa nhập với người

khuân vác địa phương, nên ông được họ ủng hộ một cách trung thành. Một sự kiện đáng nhớ kể lại giáo chủ Puraṇa Kassapa phái Ājīvika không chịu nổi sự thất bại trong cuộc so tài tranh luận với Đức Phật, nên ông đã tự sát tại thành này.

Khi nói về thành Sāvattthī, chúng ta không thể không nhắc đến đại trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp-cô-độc), một thương gia giàu có bậc nhất trong thành có tên là Suddata. Ông ta thường hay giúp đỡ những người nghèo khổ cho nên mọi người trong thành gọi ông là ‘Anāthapiṇḍika’ – ‘người cấp dưỡng cho những người cô độc’. Chính việc làm từ thiện của ông, khiến ông quen dần với cái tên Anāthapiṇḍika này.

Ông trở thành đệ tử Phật ngay lần gặp đầu tiên, ông đã cho xây dựng tịnh xá Jetavana rộng lớn gần thành Sāvattthī, cúng dường lên Đức Phật và Tăng chúng. Cuộc đời của ông gắn bó với Đức Phật và Tăng chúng cho đến hơi thở cuối cùng với một tín tâm kiên cố.

Ngài Sāriputta, đại đệ tử của Đức Phật, đi đến thành Sāvattthī cùng với trưởng giả Anāthapiṇḍika để hướng dẫn và xem xét việc xây dựng ngôi tịnh xá tại khu rừng của thái tử Jeta (con trai vua Pasenadi) mà ông Anāthapiṇḍika nỗ lực hết mình để mua. Thái tử Jeta định giá rất đắt đỏ bằng cách trải số tiền vàng trên toàn bộ thửa đất và cây cối. Với tâm thành kính và mong muốn Đức Phật truyền giáo tại quê hương mình, ông chấp nhận việc

chi trả đúng theo những gì thái tử nói. Toàn thể mặt đất đều được phủ kín bằng vô số đồng tiền vàng, chỉ còn lại những gốc cây. Thái tử Jeta ngạc nhiên và hoan hỷ với việc làm của trưởng giả Anāthapiṇḍika nên đã phát tâm cúng số cây



Mẫu khắc chạm từ Bharhut (Madhya Pradesh) mô tả trưởng giả Anāthapiṇḍika trải vàng để mua khu vườn của thái tử Jeta để xây dựng tịnh xá Jetavana ở thành Sāvattthī



Trưởng giả Anāthapiṇḍika trải những đồng tiền vàng để mua lại khu vườn Jeta

trong rừng đến Đức Phật cùng Tăng chúng. Rồi một ngôi tịnh xá lớn được xây dựng tại chỗ này. Để ghi nhận việc dâng cúng và lòng tín thành 2 vị đại thí chủ, Đức Phật chỉ dạy nên gọi tên tịnh xá Jetavana Anāthapiṇḍika (Tịnh xá Jetavana của trưởng giả Cấp Cô Độc).

Theo các chú giải (*tika*), có nhiều giai thoại khác nhau kể về việc trưởng giả Anāthapiṇḍika đã phủ kín toàn bộ khu rừng bằng 180 triệu đồng tiền vàng. Thái tử Jeta đã dùng số tiền này để xây dựng cung điện hoàng gia. Ngoài ra, trưởng giả Anāthapiṇḍika chi thêm 180 triệu đồng tiền vàng trong việc tạo dựng các thánh tích khác như tịnh xá, nhà kho, giếng nước. Vào ngày khánh thành ngôi tịnh xá, ông Anāthapiṇḍika lại chi thêm 180 triệu đồng tiền vàng dùng cho việc chi trả trong cuộc lễ này. Kết quả tịnh xá được hoàn thành từ đầu đến cuối với giá tiền đầu tư lên đến 540 triệu đồng tiền vàng. Với lòng tôn kính, trưởng giả Anāthapiṇḍika đã dâng cúng tịnh xá (vihāra) này đến Đức Phật cùng Tăng chúng. Sự kiện này được mô tả qua lối khắc chạm sống động trên bảo tháp Bharahuta.

Vào hạ thứ 14, Đức Phật trú tại tịnh xá Jetavana. Ấn tượng từ việc làm của thái tử Jeta, con trai mình, đức vua Pasenadi đã viếng thăm tịnh xá, hoan hỷ với lời dạy Đức Phật, và trở thành đệ tử của Ngài. Kinh điển Phật Giáo đã kể lại cuộc đối thoại giữa Đức Phật và vua Pasenadi liên hệ đến 4 điều nhỏ không nên xem thường (*thái tử nhỏ, vị sư trẻ, một đốm lửa nhỏ, và con rắn độc nhỏ*). Chi tiết này được khắc chạm tinh xảo tại bảo tháp

Bharahuta. Ngài Huyền Trang ghi lại việc đức vua cho xây dựng phước xá ‘Puñña Sālā’ cạnh hoàng cung dành cho Đức Phật. Đức vua thường ghé thăm Đức Phật để được yết kiến và học hỏi nơi Ngài.

Những vị cận thần của vua Pasenadi, tín đồ phái Ājīvika muốn thách thức bằng cách thi triển thần thông với Đức Phật. Đức Phật nhận lời. Ngài công khai trồng cây xoài non đến khi phát triển thành cây có trái chỉ trong 1 ngày, hóa hiện dưới thân cây với kim thân to lớn (ngồi và đứng trên tòa sen) rồi hai dòng nước và lửa phóng ra từ kim thân Ngài. Trong kinh điển Phật Giáo nhắc đến sự kiện này là ‘Song Thần Thông – Pratiharya’. Thần thông này cũng được thể hiện trong nghệ thuật Phật Giáo. Ngài Huyền Trang mô tả ngôi tháp trong thành Sāvattthī được dựng lên để kỷ niệm sự chiến thắng của Đức Phật đối với những người ngoại đạo.

Bên cạnh vua Pasenadi và trưởng giả Anāthapiṇḍika, còn có một viên ngọc sáng chói nổi bật lên trong thành Sāvattthī, đó là bà Visākhā, sau này được biết đến với tên Migaramāta (mẹ ông Migāra, cha chồng của bà). Bà đã cho xây dựng một tịnh xá cúng dường lên Đức Phật nằm ở phía đông Jetavana. Tọa lạc ở phía đông (*pubba*) nên tịnh xá này được gọi là Pubbārāma (tịnh xá



Đông Phương). Ngài Pháp Hiển và ngài Huyền Trang đều mô tả về ngôi tịnh xá này trong chuyến hành hương của mình. Những ghi chép của 2 ngài cho thấy tịnh xá được làm bằng gỗ và đá, hơi xa một tí so với tịnh xá Jetavana; và mất khoảng 270 triệu đồng tiền vàng chi phí cho việc xây dựng công trình này. Bên những tịnh xá nổi bật trên, có một tịnh xá khác tên là Rājakārāma cũng được nhắc đến một cách thân thiện và trìu mến. Tịnh xá được đặt tên như vậy bởi vì nó được xây dựng bởi nhà vua 'rāja'.

Một sự kiện quan trọng khác trong cuộc đời Đức Phật tại thành Sāvattthī đó là cảm hóa tên cướp giết người khét tiếng Aṅgulimāla. Aṅgulimāla thường giết người rồi cắt ngón tay (*aṅguli*) từ bàn tay của nạn nhân và xâu lại thành vòng đeo cổ (*māla*). Kẻ cướp sát nhân gây nên sự hãi hùng cho nhiều người dân địa phương. Để gom đủ 1,000 ngón tay, kẻ này có ý định giết luôn cả mẹ mình, nhưng khi ông đuổi theo mẹ để giết, Đức Phật đã kịp thời xuất hiện, Ngài đã cảm hóa và giáo huấn anh ta thức tỉnh cơn đại mộng. Sau đó, ông trở thành 'thiện lai tỳ khuru' (*ehi-bhikkhu*) và chứng đắc quả vị A-la-hán sau một thời gian rất ngắn.

Ít thông tin về thành Sāvattthī trong giai đoạn từ Đức Phật, ngài Mahāvira đến thời kỳ đại đế Asoka. Theo sử liệu từ nhiều nguồn khác nhau tiết lộ về đại đế Asoka đã đến viếng thăm thành Sāvattthī và tịnh xá Jetavana trong chuyến hành hương mình. Ngài Huyền Trang ghi chép đại đế Asoka có cho dựng hai trụ đá cao 21 mét tại cổng phía đông tịnh xá Jetavana nhằm đánh dấu kỷ niệm chuyến hành hương này. Đỉnh đầu trụ đá được mô phỏng như 'bánh xe thiện pháp' và các linh vật như bò, ngựa, voi, sư tử. Đại đế Asoka cũng cho xây

Kẻ sát nhân Aṅgulimāla xin được xuất gia với Đức Phật ở thành Sāvattthī.





Cây Bồ Đề Ānanda - tượng trưng cho Đức Phật khi Ngài vắng mặt

dựng ngôi bảo tháp để tôn trí xá lợi Phật bên cạnh giếng nước và đường thiền hành mà Đức Phật thường hay sử dụng. Theo sử liệu Phật Giáo ghi lại, đại đế Asoka cho dựng xây nhiều bảo tháp để tôn thờ ngài Sāriputta, ngài Moggallāna, ngài Mahākassapa và ngài Ānanda. Thành Sāvattthī thành tựu nhiều đỉnh cao vinh quang trong thời đó. Sử liệu ghi chép cho thấy thành phố này được điều hành bởi ủy ban Mahāmatras và các ngôi nhà công cộng lớn được xây lên cạnh những con đường chính.

Trong thời kỳ Kusana, Phật Giáo tiếp tục là tôn giáo nổi bật trong thời đó. Khu di tích tịnh xá Jetavana được khôi phục lại. Đây là thời điểm Nhất Thiết Hữu Bộ (Sabbattivāda) được phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh việc xây dựng các ngôi bảo tháp và di tích mới, nhiều tượng Phật cũng được tôn trí, bao gồm cả bức tượng Bồ Tát với tư thế ngồi, được dâng cúng bởi hai anh em dòng Khattiya. Bức tượng Bồ Tát khác trong tư thế đứng do tỳ khuru Tam Tạng Bala tôn trí tại hương thất Kosamba, trong khu vực tịnh





Trồng cây Bồ Đề Ānanda



*Đức Phật thị hiện thần thông -
điều khắc từ Gandhara*

vẫn tận hưởng an lạc và thịnh vượng. Mặc dù, vài kiến trúc Phật Giáo ở thành cổ Sāvattthī bị tàn phá và bị thay thế bằng các ngôi đền Bà-la-môn. Ngài Pháp Hiển đã nhìn thấy các tàn tích tịnh xá Mahāpajāpati Gotamī gần thành Sāvattthī, bảo tháp của trưởng giả Anāthapiṇḍika, lần bảo tháp của ngài Aṅgulimāla vào thế kỷ thứ 5 SCN. Nhiều tàn tích thành Sāvattthī hé lộ vô số tấm đất sét, cho thấy sự ảnh hưởng Phật Giáo trong thành này như thế nào.

Ngài Huyền Trang có đề cập đến một vị vua khác của thành Sāvattthī, tên là Vikramaditya. Đức vua người rất có tiếng tăm nhưng lại ghét bỏ người tu hành (*samaṇa*). Các nhà hành hương từ Trung Quốc cũng đã nhìn thấy tịnh xá Jetavana, nơi mà Đức Phật trải qua 25 mùa an cư kiết hạ trong suốt cuộc hoàng hóa của Ngài. Ngài Huyền Trang tuyên bố ngôi tịnh xá có 7 tầng, nhưng 2 tầng bị hư hoại do lửa vô tình đốt cháy. Ngài Pháp Hiển cũng đã nhìn thấy tịnh xá Pubbārāma và các hạng mục kiến trúc khác như hành lang đi bộ, giảng đường, lần dấu tích nơi Đức Phật thị hiện Song Thần Thông.

Theo mô tả được ghi chép từ 2 ngài Pháp Hiển và Huyền Trang có nhiều cổ vật kiểu mẫu đủ loại thời đó được phát hiện còn nguyên vẹn trong tàn tích hư hoại. Điều này cho thấy tầm

xá Jetavana, bức tượng này có thể thuộc thời Kusana của vua Kaniska hoặc Haviska. Bức tượng Phật trên bồ đoàn ở tư thế “Vô úy - Abhaya” được dâng cúng bởi vua Sīhadeva từ thị trấn Pravarika, nước Saket (Ayodhya). Tất cả bức tượng đều khắc lại danh sách thí chủ cúng dường.

Trong triều đại Gupta, Bà-la-môn Giáo cố gắng gia tăng sự ảnh hưởng của mình, nhưng sự hình thành tịnh xá Jetavana



Di tích Hương thất Gandha ở tịnh xá Jetavana, nơi Đức Phật đã trải qua 19 mùa an cư

ảnh hưởng của tịnh xá Jetavana trong thời Gupta. Những cổ vật vào thời Gupta được tìm thấy hầu hết là kiểu mẫu dùng cho các công trình kiến trúc. Nhiều con dấu bằng đất sét và các phiến đá được khắc lại những lời dạy của Đức Phật.

Ngài Huyền Trang viếng thăm thành Sāvattthī trong triều đại vua Harshavardhana (606-647 SCN). Khi ngài đến đây, Sāvattthī chịu sự ảnh hưởng chính trị dưới quyền trị vì của vua Harshavardhana, điều này được khẳng định qua bằng tuyên bố khắc trên bảng đồng khi tìm thấy tại đây. Ngài Huyền Trang và ngài Pháp Hiển đã thấy nhiều công trình kiến trúc đổ nát và đã ghi lại trong sử ký của mình. Trải qua 2 thế kỷ biến động, ngài Huyền Trang tận mắt nhìn thấy tịnh xá Jetavana hứng chịu sự suy tàn và hoang phế.

Sau khi ngài Huyền Trang trở về quê hương, tịnh xá Jetavana một phần nào được trùng tu lại. Điều này xác minh qua các con dấu được khắc lại và nhiều tượng Phật được tìm thấy vào thế kỷ 8-9 SCN. Những bức tượng được khai quật với đủ tư thế khác nhau (Lokanatha, Trelokyā-vijaya, Avlokitesvara, Singhnada, Lokesvara và Jambhal), và một số ghi chú bằng mẫu tự Nāgarī.

Sau vài thập niên, không có thông tin xác thực nào liên quan đến lịch sử thành Sāvattthī. Các tác phẩm văn học rải rác có nhắc

đến vài vị vua địa phương. Trong tác phẩm *Dasakumāracarita*, sáng tác bởi Dandi có viết đến một vị vua trị vì thành Sāvattthī. Một tác phẩm cổ Bharata khác có liệt kê tên các vị vua có âm cuối là ‘dhvaja’, thủ phủ Chandrikapuri. Vị vua cuối cùng trong số đó là vua Suhridhdhvaja chinh chiến chống lại kẻ xâm lược Hồi Giáo, thủ lãnh Sultan Mahmud đến từ thành Ghaznivid cùng với tướng Salara Masood vào đầu thế kỷ 11 SCN.

Sự tồn tại Phật Giáo ở tịnh xá Jetavana đến giữa thế kỷ 12 SCN là rất rõ nét. Dưới sự hộ trì chính của các vua Gaharawala, thuộc xứ Kannauja, Madanmala và con trai Govindchandra; họ đều có trách nhiệm như nhau trong việc hộ trì Phật Giáo. Nhiều bia ký về triều đại các vị vua trên được tìm thấy tại tịnh xá Jetavana. Bia ký Madanapala (1119) mô tả bộ trưởng Vidyadhara cúng dường tài sản lớn cho việc xây dựng tịnh xá cũng như sự từ bỏ thờ thần Siva, tôn giáo cổ xưa Ấn Độ. Một bia ký khác thuộc triều đại Govindachandra (1129-1130) ghi lại các phẩm vật chính yếu từ 6 ngôi làng gần thành Sāvattthī dâng cúng lên ngài Buddhabhattenaka cùng các vị sư khác ở tịnh xá Jetavana. Phẩm vật như là bằng chứng mang tính ảnh hưởng đối với hoàng hậu Kumāradevī, vợ vua Govindachandra, người đã có tâm rộng lượng giúp đỡ các ngôi tịnh xá ở Sāvattthī.

Những gì đã xảy ra sau chiến tranh khiến cho thành cổ Sāvattthī như chìm ngập trong bóng tối cho đến khi các nhà khảo cổ gần đây hé lộ một vài chi tiết về thành cổ Sāvattthī. Khu vực này đã phá hủy đi nhiều di tích dưới chế độ Hồi Giáo. Tướng Alexander Cunningham là người đầu tiên tiết lộ nơi này thuộc về thành cổ Sāvattthī vào năm 1863. Các cuộc khai quật tiếp theo được tiến hành bởi ngài Vogel, Marshal và Dayaram Sahni vào những năm 1907-1908 và 1910-1911.

Thời gian gần đây, các Phật tử Myanmar, Thái Lan, Trung Quốc đã cho xây dựng nhiều ngôi chùa và bảo tháp nơi này. Chính phủ Ấn Độ cũng đóng góp xây dựng một cách khiêm tốn vào năm 1956. Về sau, thành Sāvattthī một lần nữa lại được tỏa sáng nhờ vào sự nỗ lực không ngừng nghỉ của ngài Tăng thống Saṅgharatana Nāyaka-Mahāthera (*thư ký Hội Mahābodhi*). Vào năm 1969, chính phủ Ấn Độ bàn bạc việc khôi phục lại di tích này. Ngài Saṅgharatana đã cho xây dựng chùa Sri Lanka và thánh tích ở đây với sự hỗ trợ từ chính phủ Ấn Độ và các Phật tử người Sri Lanka.

Giờ đây, thánh tích này trở thành trung tâm thu hút lớn, và



Nàng Ciñcā vu khống Đức Phật về thai nhi trong bụng nàng

tạo niềm tin đối với các hàng Phật tử khắp thế giới. Nhận thấy tầm quan trọng của thánh tích này, một nhóm nhà khảo cổ học Nhật Bản đã khai quật tại đây nhiều năm, và thành công khi phát hiện vài di tích cổ quý giá. Bên cạnh, 2 vị tỷ khuru trưởng lão ngài Paññānanda và Chandaratana đang điều hành vài trường học, các trụ sở, và nỗ lực hết mình nhằm mang lại sự phát triển xã hội cho người dân địa phương thông qua việc giáo dục.

Tịnh Xá Jetavana (Sahetha)

Các tàn tích về tịnh xá Jetavana được phát hiện trong quá trình khai quật hiện nay được chia thành vài hạng mục sau: Tịnh thất và Bảo Tháp: số 1, 19; Tịnh thất: số 2, 3, 6, 7, 11, 12; Bảo Tháp: số 5, 8, 9, 17, 18, H; và Tháp: G, F. Một số công trình kiến trúc nổi bật là:

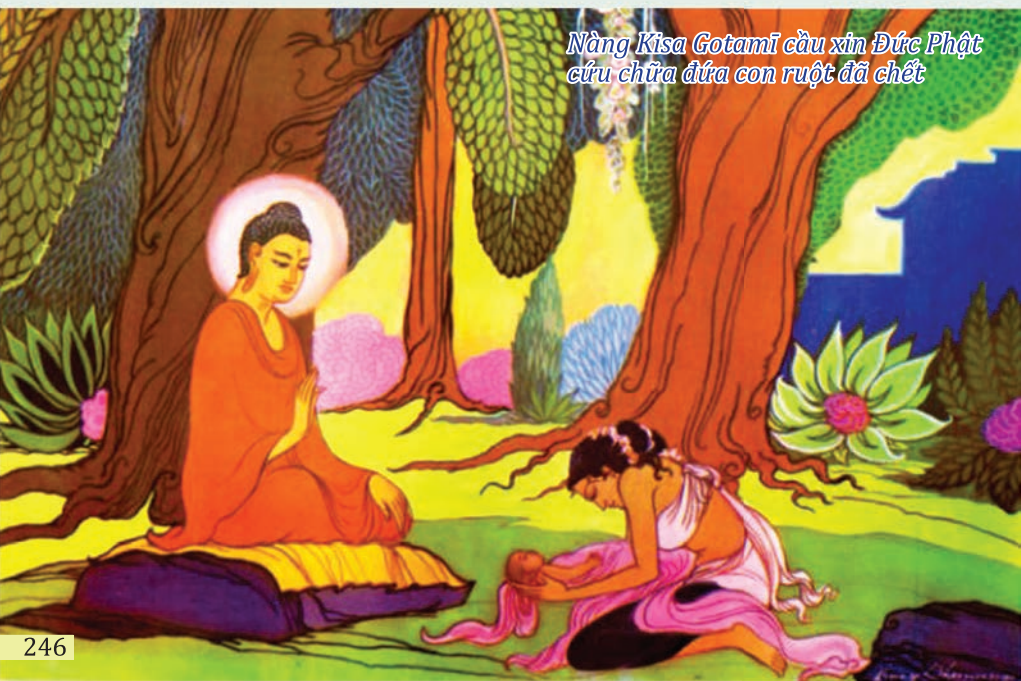
(1) Tịnh thất và Tháp số 19: Đây là một trong số các công trình kiến trúc lớn tại tịnh xá Jetavana. Có một bảo tháp, giếng cổ trong sân, 21 Sunyagram xung quanh và một mái hiên. Tịnh thất này được trùng tu tối thiểu là 3 lần. Lần đầu tiên vào thế kỷ thứ 6, cùng với một tường thành được xây dựng theo phong cách Gupta, và vài tấm đất sét được tìm thấy tại tịnh thất này khắc hình Đức

Phật an tọa thuyết giảng, có 3 dòng bia ký về giáo lý trên đó.

Cổ vật được phát hiện trong giai đoạn này bao gồm và bức tượng Phật, nổi bật nhất là cặp tượng có ghi chú trên đó. Đặc biệt là tượng Đức Phật với tư thế tay chạm trên mặt đất (*phassabhūmi*). Tượng khắc mô tả về sự cúng dường mật ong từ con khỉ đến Đức Phật tại thành Vesālī. Công trình kiến trúc cuối cùng thuộc thế kỷ 10-11 SCN, và theo mô hình hương thất kiểu mẫu truyền thống. Điển hình nhất là tịnh xá Jetavana của trưởng giả Anāthapiṇḍika.

(2) Tám ngôi tháp: Theo quan sát tỉ mỉ cho thấy khu vực gây đổ ở phía đông và đông-bắc (thuộc hương thất số 19) hầu như nhất quán với kiểu xây dựng bảo tháp. Tám ngôi tháp trong số này vẫn còn được nhìn thấy rõ. Nhiều bằng chứng cho thấy các ngôi tháp này đều được khôi phục lại, và tìm thấy bộ đồ Buddhadeva mang đậm nét kiến trúc thế kỷ thứ 5 SCN.

(3) Bảo Tháp số 17 và 18: Tháp số 17 được xây dựng theo lối kiến trúc hình bầu dục đường kính 6,7 mét, trên nền hình vuông 3,5 mét. Phần bên ngoài tháp có kiểu thời trung cổ, còn các vật liệu được tìm thấy bên trong thuộc thời Kusana. Phần bên trong bảo tháp dường như được xây dựng vào thế kỷ 1 SCN.



Nàng Kisa Gotamī cầu xin Đức Phật cứu chữa đứa con ruột đã chết



Bảo tháp số 18 tương đối nhỏ. Bên trong phát hiện ra một bình nhỏ có đựng ít xá lợi xương. Bình nhỏ ghi tên ngài Buddhadeva khắc chạm theo kiểu dáng thuộc thời Kusana.

(4) Cây Bồ Đề Ānanda: Một di tích quý giá khác ở tịnh xá Jetavana là cây Bồ Đề Ānanda. Tương truyền cây Bồ Đề Ānanda được kể lại như sau:

Thành Sāvattthī là thành rất có duyên với Đức Phật. Do đó, dân chúng thành Sāvattthī luôn hoan hỷ với nhiều bài pháp êm tai vì diệu được thuyết giảng bởi Đức Phật. Họ luôn thiết tha

được yết kiến Ngài. Khi Đức Phật ở xa thành Sāvattthī, các vị thiện nam tín nữ cảm thấy rất buồn bã. Khi trưởng giả Anāthapiṇḍika biết được nỗi u buồn của họ, nên đã đi đến gặp Đức Phật, và cung thỉnh Ngài tìm phương cách giải quyết để mọi người trong thành có thể cảm nhận được sự hiện của Ngài, mặc dầu trong khi đó Ngài đang vắng mặt. Rồi Đức Phật bảo ngài Ānanda: *"Này Ānanda! Hãy mang một nhánh Bồ Đề từ Bodhgaya và trồng nó ở đây. Dân chúng thành Sāvattthī có thể đánh lễ cội Bồ Đề khi Ta vắng mặt."*

Ngài Ānanda y theo lời Đức Phật, rồi cho trồng một nhánh cây Bồ Đề linh thiêng nhất trong khuôn viên tịnh xá Jetavana. Chính vì lý do này, cây được đặt tên là cây Bồ Đề Ānanda. Từ đó, dân chúng thành Sāvattthī mãi nguyện được đánh lễ cội cây Bồ Đề Ānanda mà xem như chính Đức Phật vậy.

Sau này, cây Bồ Đề Ānanda có dấu hiệu già cỗi đi. Vì vậy, cục khảo cổ học Ấn Độ đã cho gia cố trụ đỡ bằng thép để chống đỡ các nhánh lớn của cội cây này.

(5) Hương Thất Số 3: Tọa lạc không xa cây Bồ Đề Ānanda mấy, là một trong những di tích được tôn kính nhất tại nơi này. Đây là di tích về hương thất Kosamba của trưởng giả Anāthapiṇḍika, dành riêng cho Đức Phật cư ngụ. Một hành lang đi bộ ngay trước hương thất. Những dấu tích đồ nét chứng minh công trình này xem như là được xây dựng sớm nhất.



Chư thiên và loài người đánh lễ cội cây Bồ Đề - điêu khắc từ Sanchi

(6) Hương Thất Số 2: Nằm phía đông hương thất số 3, được xem như là di tích đầu tiên của hương thất Gandha. Trên thực tế hương thất này được xây dựng lại. Người ta cho rằng hương thất Gandha với lối kiến trúc bằng gỗ cao 7 tầng tôn trí một tượng Phật bằng gỗ chiên đàn. Ngài Pháp Hiển chỉ nhìn thấy một kiến trúc bằng gạch 2 tầng. Như ngài thuật lại, kiến trúc này bằng gỗ đã bị thiêu rụi sau đám cháy. Ngài Huyền Trang chỉ nhìn thấy phần còn lại cấu trúc bằng gạch. Những phần còn lại của hương thất và giảng đường (có cửa hướng ở phía đông) đều là các phần chính còn sót lại. Hương thất Gandha có kiến trúc đẹp nhất trong khuôn viên tịnh xá Jetavana.

(7) Bảo Tháp H: Bảo tháp này có từ thời Đức Phật và được cải tạo vài lần, điều này cho thấy tầm quan trọng của nó. Bảo tháp nằm giữa đường, đối diện ngay với hương thất Gandha. Bên ngoài bảo tháp được kiến thiết theo lối kiểu mẫu thuộc thời Gupta, trong khi đó phần nội thất thuộc giai đoạn sớm hơn. Bảo tháp đánh dấu nơi Đức Phật thường tĩnh tọa để thuyết giảng đến chư tăng và các thiện tín.

(8) Phước xá F và G: Hai phước xá hướng mặt về phía nam. Phước xá G có hình chữ nhật với 26 phòng nhỏ; trong khi phước xá F có hình vuông gồm 22 phòng nhỏ. Một hũ tiền đồng Kaniska, Huviska và Vasudeva được tìm thấy từ thời Kusana. Số lượng lớn các con dấu và hình đất sét vào thời đó được tìm thấy ở đây, điều này cho thấy phước xá được sử dụng trong thời Gupta.

Thành Sāvattthī (Mahetha)

P phía bắc Jetavana, nằm trên những tàn tích của thành cổ Sāvattthī. Nó được bao quanh bằng 5,2 km tường dài đất sét và một vài cổng: Īrṇli Darwaza, Rājagarha Darwaza, Nausahara Darwaza, Kanda Bhari Darwaza và Somnath Darwaza.

(1) Điện Thờ Somnath: Đối diện cổng thành Somnath về phía tây là điện thờ Somnath tọa lạc trên một gò đất cao. Đây là nơi sanh của vị giáo chủ Sambhavanath đời thứ 3 đạo Kỳ-na Giáo (Jain) Tirthankara.



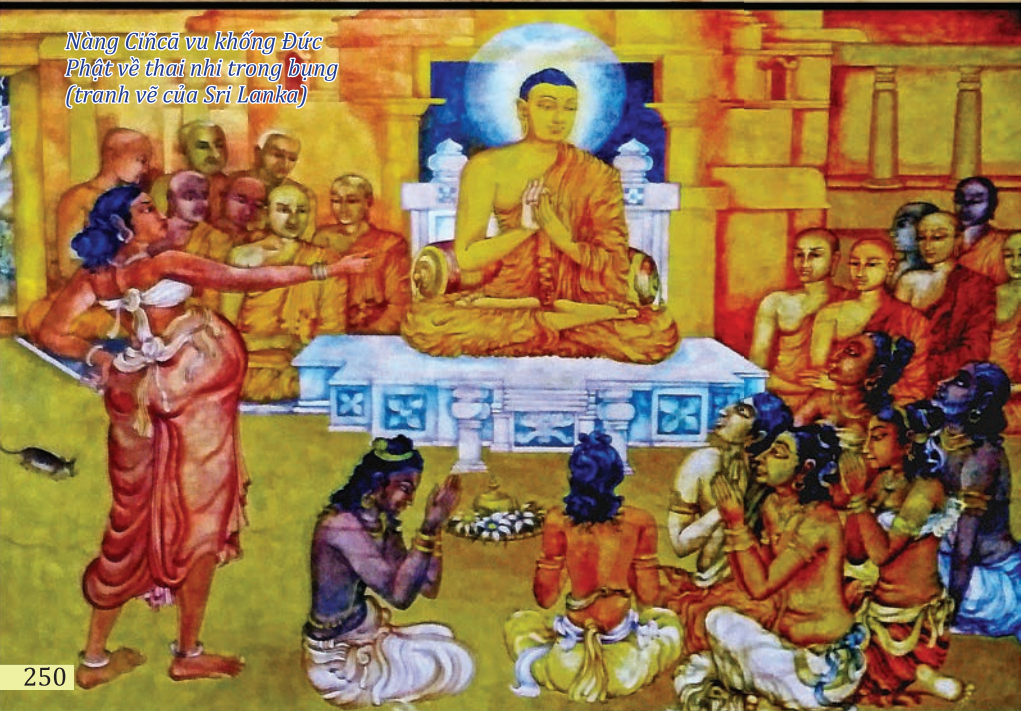
Tháp gạch Anāthapiṇḍika (Kacci Kūṭi), được xây dựng trên nền cũ ngôi nhà của ông Anāthapiṇḍika (Sudatta)



Tháp gạch Aṅgulimāla (Pakki Kūṭi), có đường hầm xuyên qua nền móng của tháp để tránh ngập vào mùa mưa. Theo ngài Pháp Hiển, tháp này đánh dấu nơi ngài Aṅgulimāla được hóa táng.



Nàng Ciccā vu khống Đức Phật về thai nhi trong bụng (tranh vẽ của Sri Lanka)



(2) Tháp gạch Aṅgulimāla (Pakki Kūṭi): Giữa các di tích Phật Giáo tồn tại trong thành, có dấu tích đổ nát của 2 tháp gạch. Trong số đó là tháp gạch Aṅgulimāla tọa lạc một trong hai gò đất lớn nhất trong thành. Tướng Alexander Cunningham cho rằng đây là tháp gạch Aṅgulimāla mà các nhà hành hương Phật Giáo từ Trung Quốc đã chiêm bái khi họ viếng thăm.

(3) Tháp gạch Anāthapiṇḍika (Kacci Kūṭi): Có một gò đất khác được biết là tháp gạch Anāthapiṇḍika, không xa về phía đông-nam của tháp gạch Aṅgulimāla. Đây được xác định là bảo tháp của ông Anāthapiṇḍika (Sudatta) như được mô tả bởi các nhà hành hương từ Trung Quốc.

Nhiều di tích khác trong thành Sāvattthī có thể tìm thấy trong các cuộc khai quật. Hai di tích tịnh xá Pubbārāma và tịnh xá Puñña đều được xây dựng bởi vua Pasenadi, giờ đây đã bị chôn vùi và đang chờ được khai quật.

Như vậy, chúng ta có thể nói rằng thành Sāvattthī và tịnh xá Jetavana là nơi hoàng pháp của Đức Phật, đức Mahāvira, và các hoạt động tôn giáo của phái Ājīvika. Những di tích này đã gánh chịu vô số biến động, và bị tàn phá qua lớp bụi thời gian; nhưng những người có tâm đạo vẫn cố gắng giữ gìn nền văn hóa và văn minh cổ xưa. Thành Sāvattthī và tịnh xá Jetavana quá gần gũi với Đức Phật nên Ngài đã trải qua 25 mùa an cư kiết hạ ở đây. Hiện nay, nhiều đoàn hành hương Phật Giáo, khách du lịch và nhà nghiên cứu đã đến chiêm bái thánh tích này.

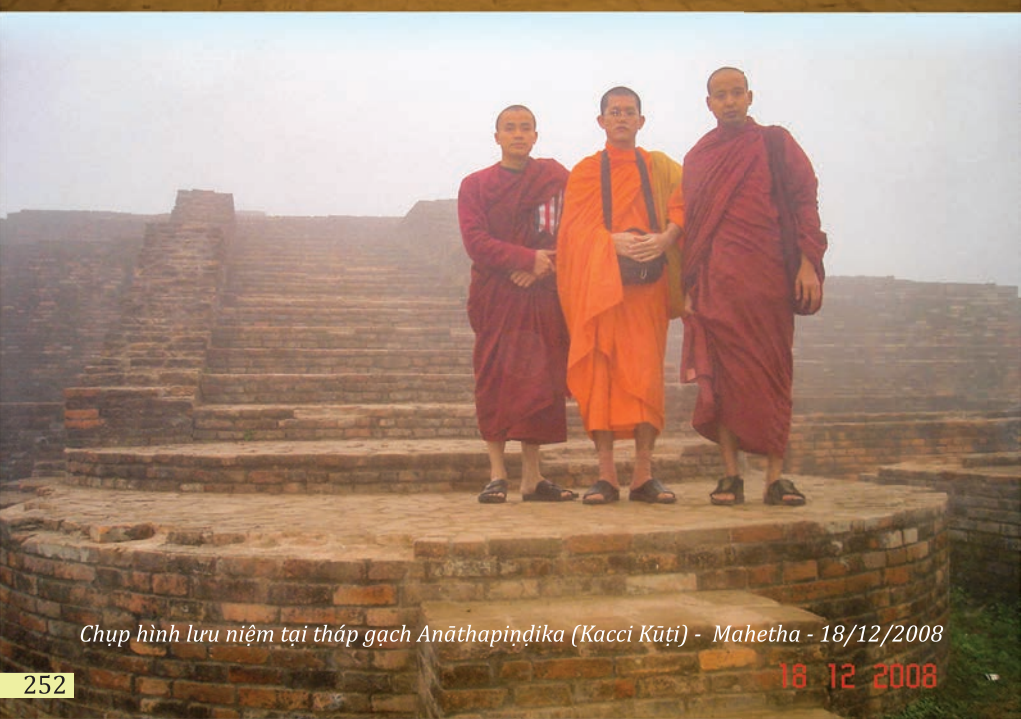
Tỳ khưu G. Paññānanda đang đi khất thực cùng với các vị khác





*Tỳ khưu Đức Hiền, Tỳ khưu Thiện Thắng và Tỳ khưu Dhammapālo tại tháp gạch
Āṅgulimāla (Pakki Kūṭi) - Mahetha - 18/12/2008*

18 12 2008



Chụp hình lưu niệm tại tháp gạch Anāthapiṇḍika (Kacci Kūṭi) - Mahetha - 18/12/2008

18 12 2008

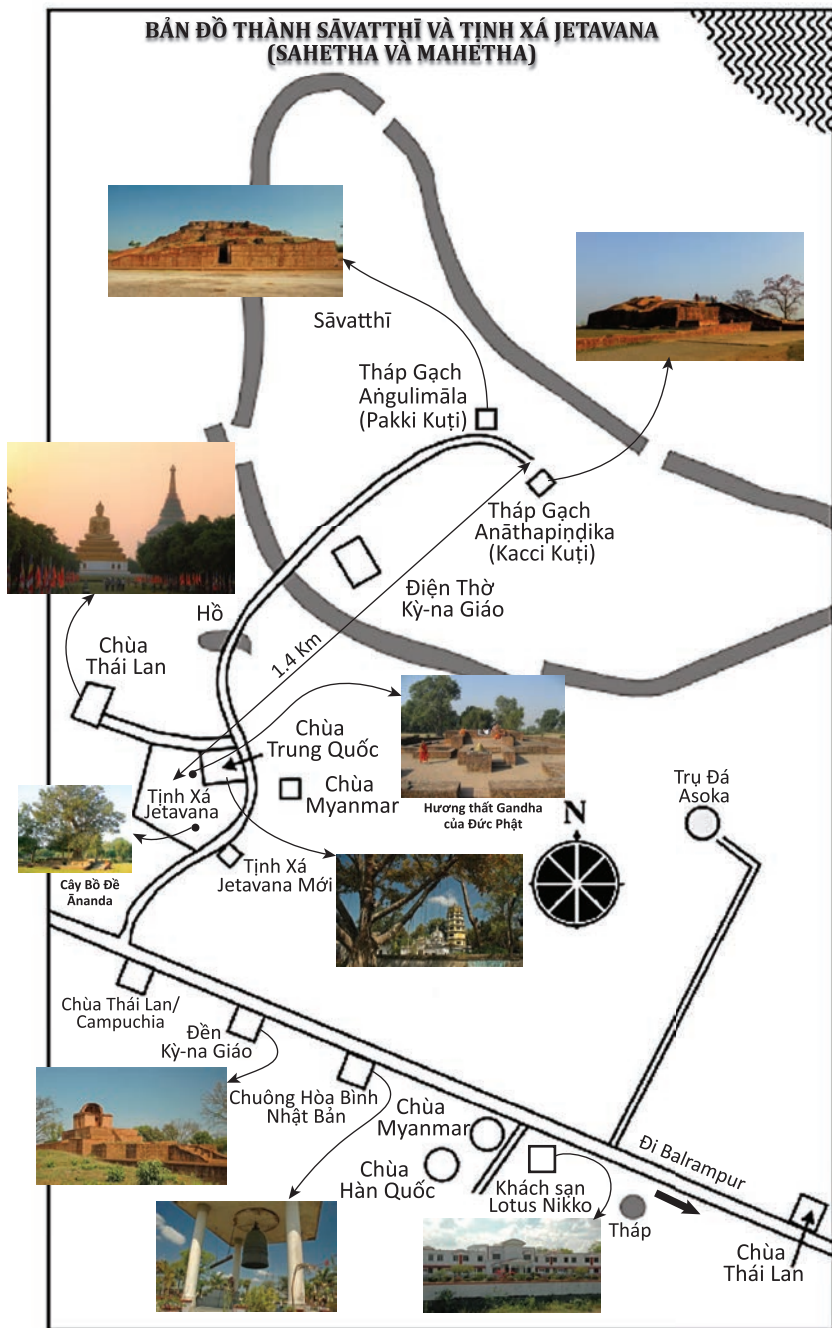


Viếng thăm Hương thất Gandha của Đức Phật - Sahetha - 18/12/2008

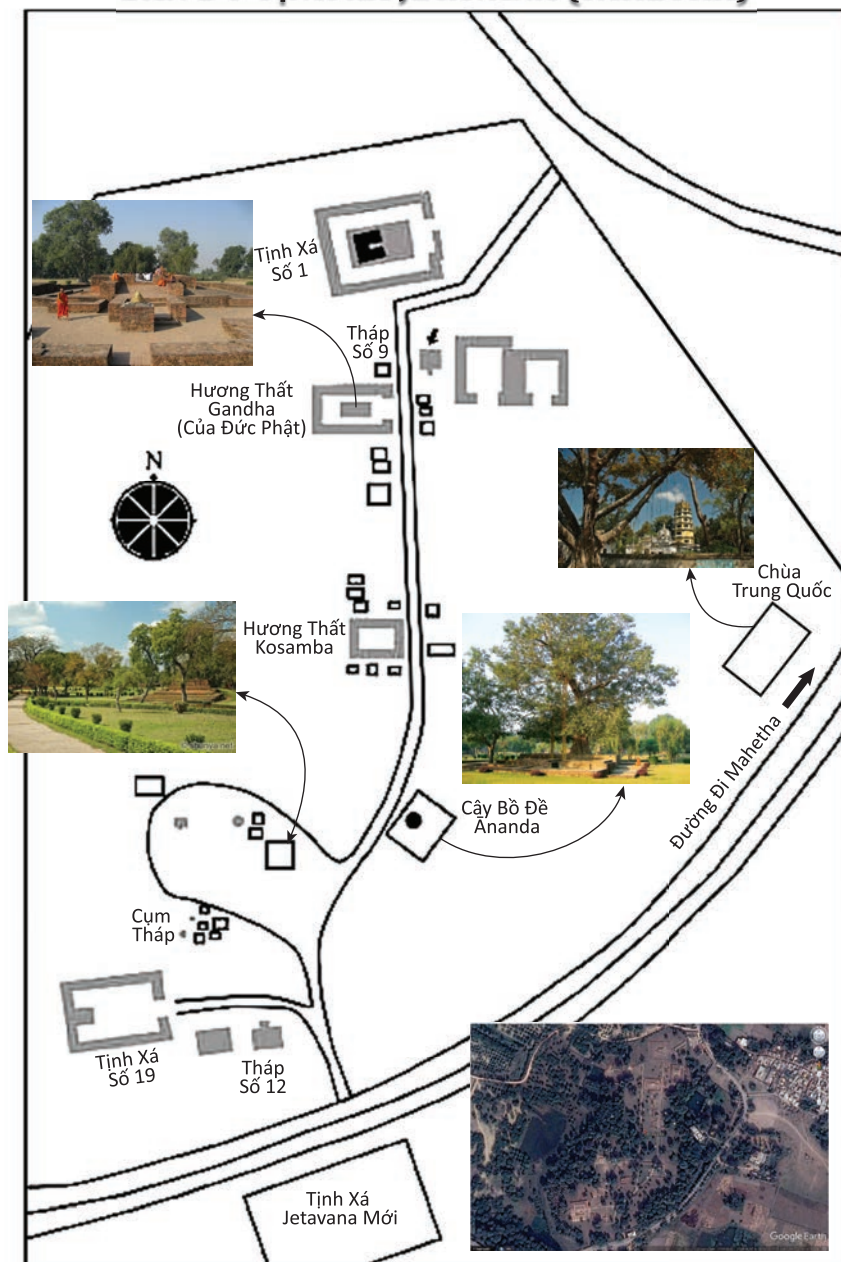


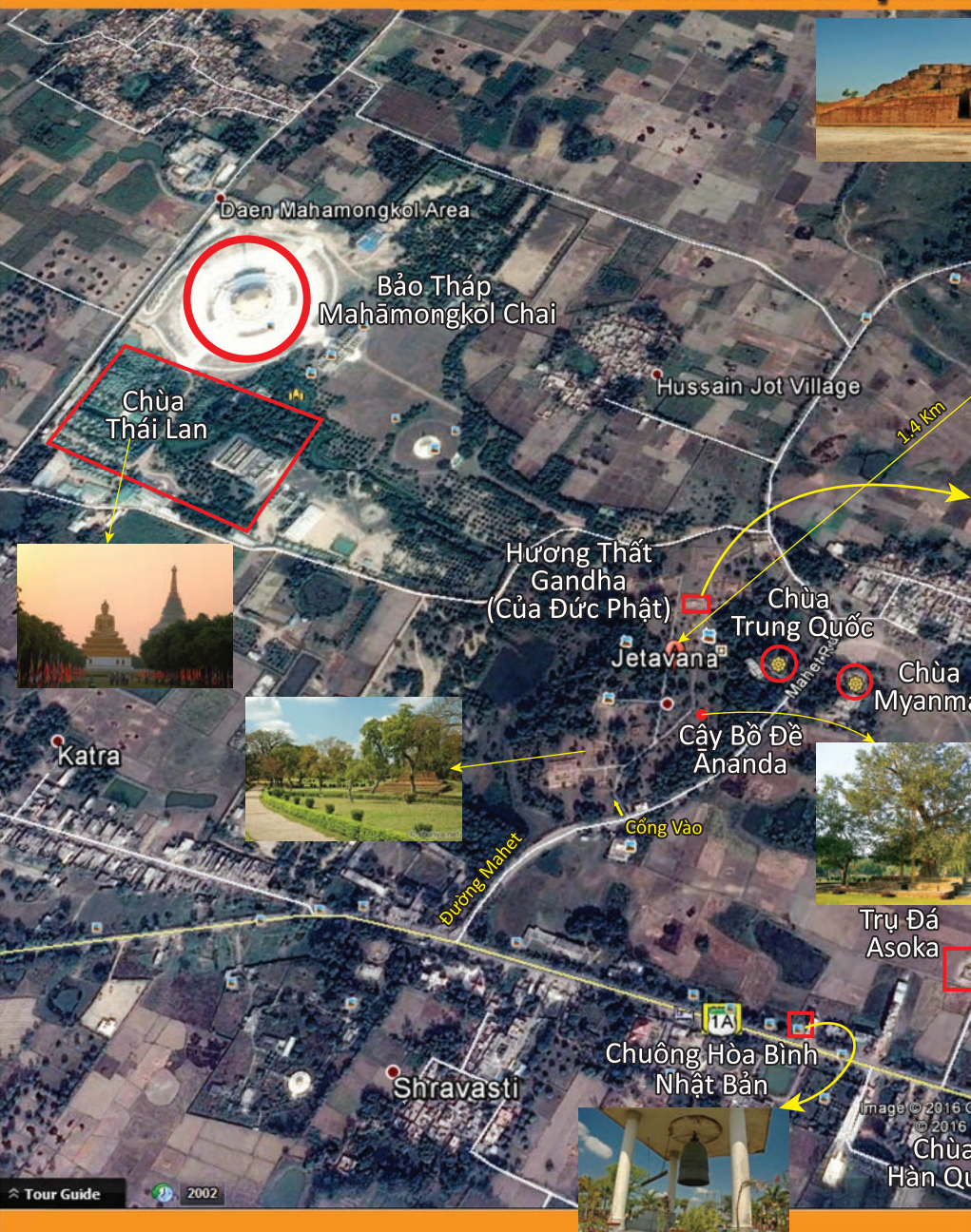
Tỳ khuru Thiện Thắng, Tỳ khuru Dhammapālo
và Tỳ khuru Đức Hiền đánh lễ cội cây Bồ Đề
Ānanda - Sahetha - 18/12/2008

BẢN ĐỒ THÀNH SĀVATTHĪ VÀ TỈNH XÃ JETAVANA (SAHETHA VÀ MAHETHA)

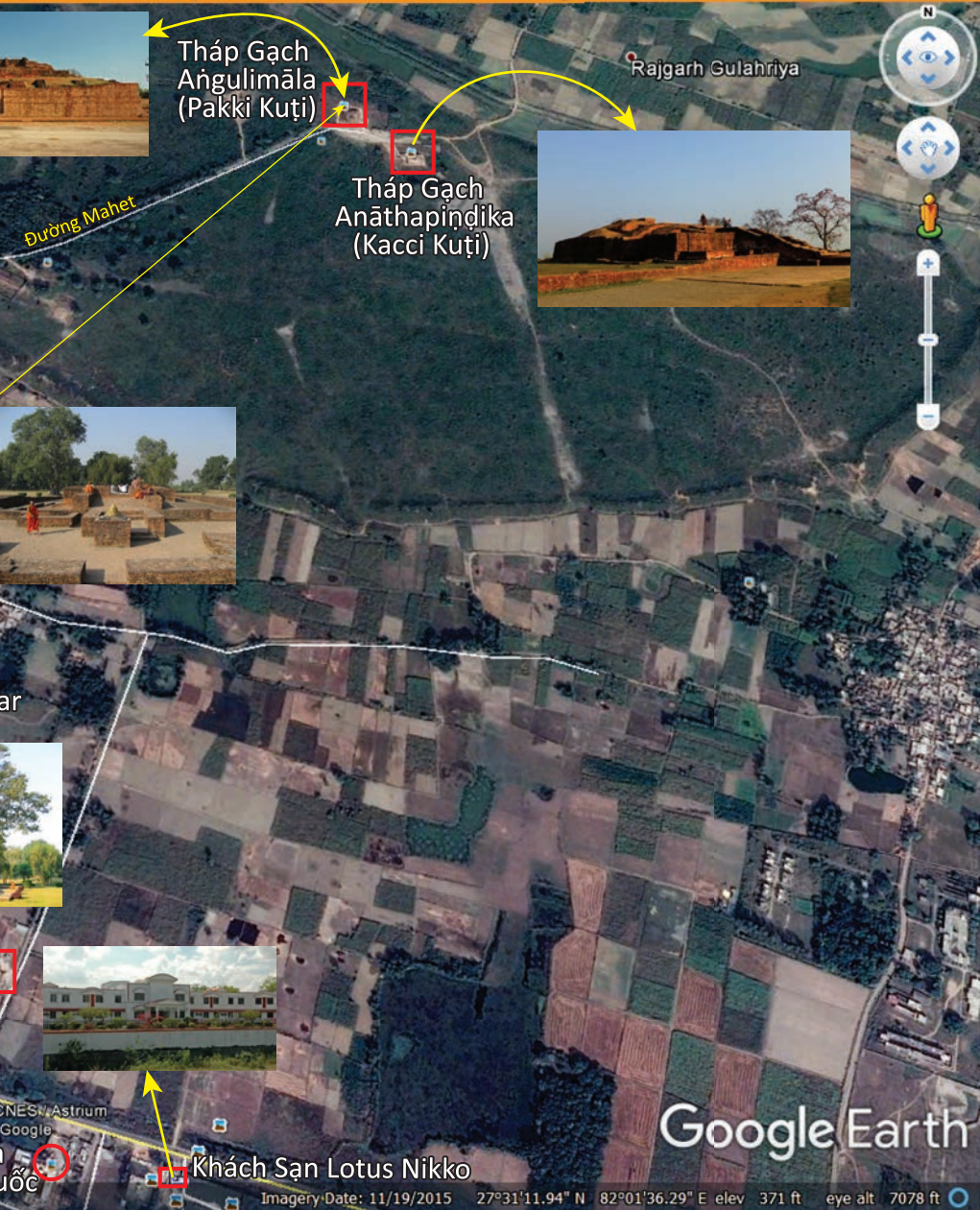


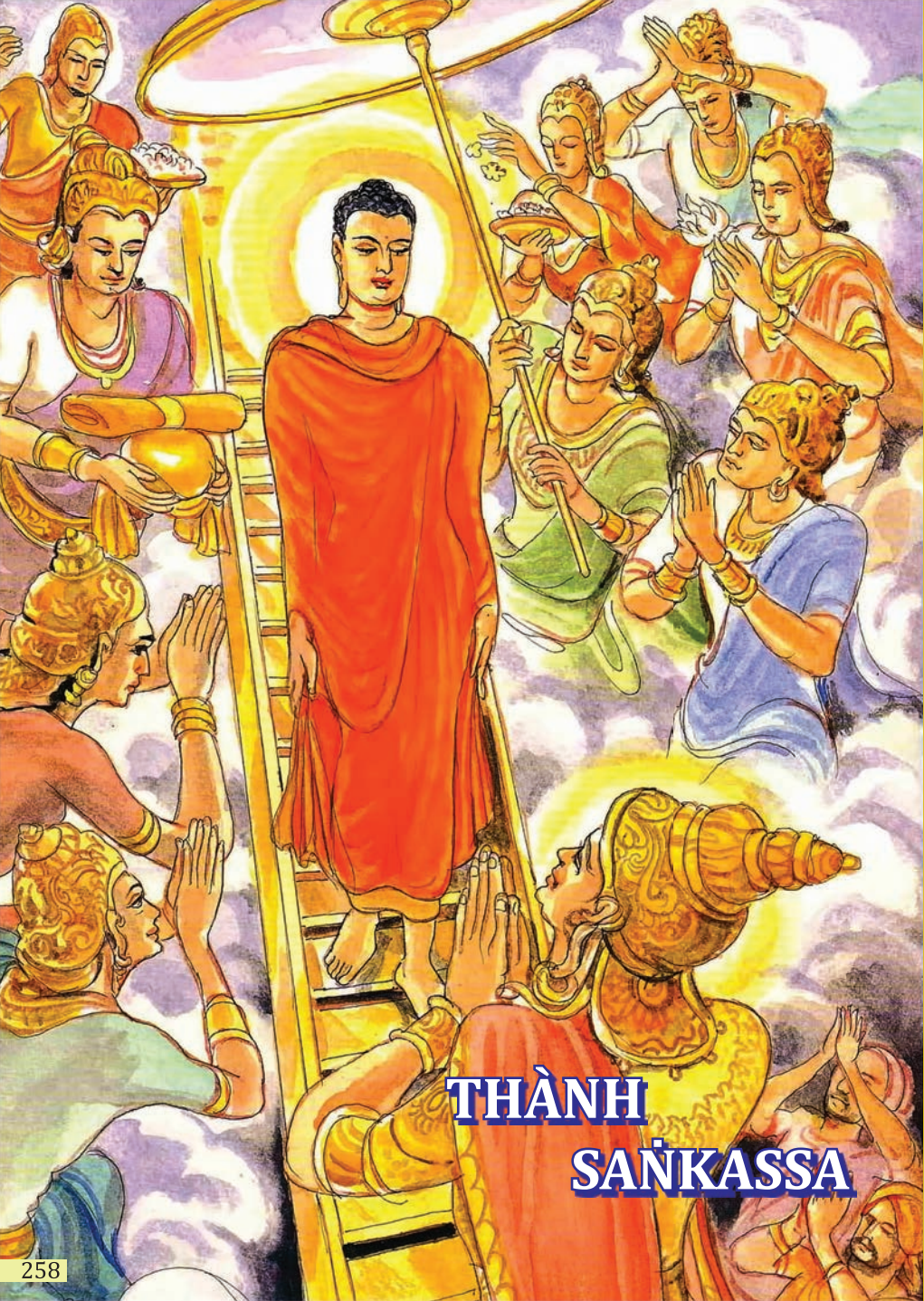
BẢN ĐỒ TỊNH XÁ JETAVANA (SAHETHA)





À JETAVANA (SAHETHA VÀ MAHETHA)





THÀNH SAÑKASSA

THÀNH SAṆKASSA

Trong thời Đức Phật, thành Saṅkassa trở nên nổi tiếng hơn bởi vì có liên quan đến cuộc đời Đức Phật. Theo kinh điển ghi lại có 8 sự kiện hy hữu. Bốn sự kiện đầu tiên liên quan đến (1) Bồ Tát đản sanh ở Lumbinī, (2) Giác ngộ ở Bodhgaya, (3) Chuyển Pháp luân ở Sarnath và (4) Nhập Niết Bàn ở Kusinārā. Bốn sự kiện còn lại xảy ra tại (5) thành Rājagaha, (6) Saṅkassa, (7) Vesālī và (8) Sāvattihī. Theo tạng Vi Diệu Pháp (*abhidhamma*), sau khi thuyết pháp và hóa độ cho Phật mẫu (ở cung trời Tusita), Đức Phật giáng hạ xuống thành Saṅkassa từ cung trời Tāvātimsa (Đạo Lợi).

Đức Phật được cung nghinh từ cung trời Đạo Lợi xuống thành Saṅkassa bởi vua trời Đế Thích Sakka, và Đại Phạm Thiên Brahma. Nơi Đức Phật giáng hạ, sau này đã cho xây dựng một thánh tích và rất được cung kính đối với các hàng Phật tử. Thánh tích này được xác định tại đồi đất có nền gạch cao gần đền Bisahari Devi trong thị trấn Saṅkassa. Thánh tích linh thiêng Saṅkassa thường được nhắc đến trong kinh điển. Bên cạnh những sự kiện khác về cuộc đời Đức Phật, sự kiện hy hữu mà Ngài giáng hạ từ cung trời được điêu khắc rộng rãi khắp xứ Ấn Độ.

Thành cổ Saṅkassa nằm giữa thị trấn Kannoja và Atranji. Nó liên thông với Mathura



Theo các nhà hành hương người Trung Quốc, thánh tích này được đánh dấu bằng trụ đá Asoka. Trụ đá nơi này có đỉnh hình con voi.

bằng con đường khác. Ngài Pháp Hỷ, ngài Huyền Trang cũng như nhiều vị hành hương Phật Giáo nổi tiếng từ Trung Quốc đều mô tả các công trình kiến trúc lẫn vãi di tích tại thành Sankassa. Điều này đã cung cấp những tài liệu quan trọng rất hữu ích cho việc xác định, và hiểu rõ giá trị thánh tích hiện tại linh thiêng này.

Việc chiêm bái thánh tích được mở ra vào thế kỷ thứ 5 SCN, ngài Pháp Hỷ ghi lại trong sử ký của mình như sau: *“Khi Đức Phật bước xuống từ thiên giới, Ngài đã hóa hiện một cầu thang bằng ngọc từ trên cõi trời xuống đến mặt đất. Đại Phạm Thiên Brahma còn hóa hiện một cầu thang bằng bạc bên phải và bước xuống với chiếc lọng (canvara) trong tay. Vua trời Đế Thích Sakka cũng hóa hiện một cầu thang bằng đồng bên trái và theo hầu Đức Phật. Nhiều vị chư thiên cũng đến cung nghinh Ngài. Ngay khi Đức Phật giáng hạ xuống mặt đất được 7 bước thì cầu thang biến mất.*

Khi Đức Phật trở về từ cung trời Tāvātimsa (Đạo Lợi), nàng Uttapā lo lắng rằng: *‘Đức vua, các vị đại thần và những người khác sẽ đi đến yết kiến và đảnh lễ Đức Phật, làm sao phận nữ nhi như mình có thể để cho Đức Phật dành sự ưu ái đầu tiên’. Biết được tâm tư của nàng, Đức Phật đã biến cô ta trong hình tướng một vị chuyển luân thánh vương. Do vậy, khi Đức Phật xuất hiện trên mặt đất, cô ta là người đầu tiên được yết kiến và đảnh lễ Ngài.*

Đại đế Asoka đã cho xây dựng thánh tích cầu thang ở đây.





Tác phẩm điêu khắc ở cổng tây-bắc của bảo tháp Sanchi

Tượng Phật y như kích thước Ngài hiện hữu được tôn trí ngay chính giữa cầu thang. Phía sau thánh tích, đại đế Asoka dựng lên trụ đá cao 18,288 mét với đỉnh trụ hình sư tử. Nhiều tượng Phật được khắc chạm trên thạch trụ khắp 4 hướng.”

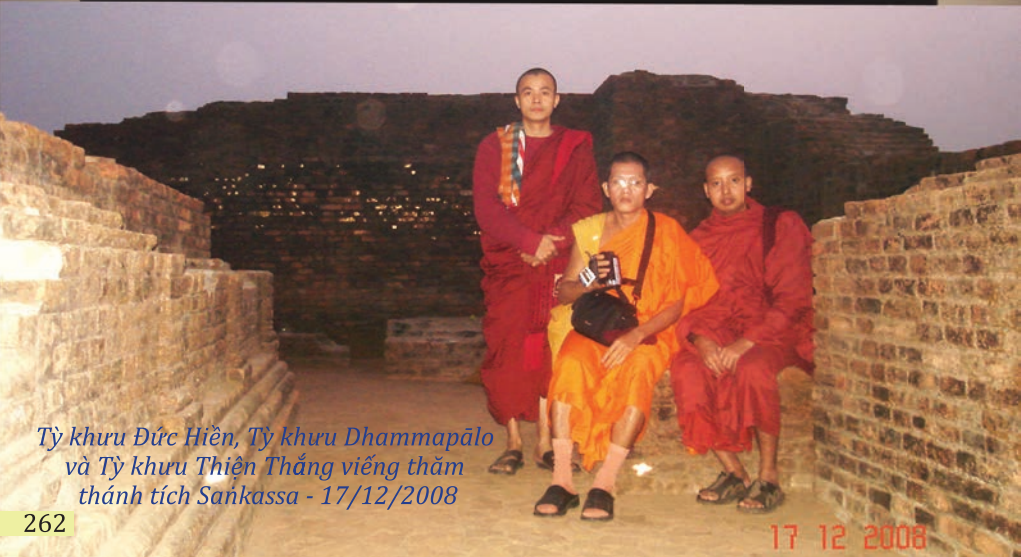
Ngài Pháp Hiển đã nhìn thấy rất nhiều bảo tháp và tịnh xá ở đây. Ngài viết: “*Có khoảng 1000 chư tỳ khuru, tỳ khuru ni ở đây. Tất cả đều thọ nhận thức ăn từ cùng một nhà bếp. Họ đến từ 2 hệ phái Nguyên Thủy và Phát Triển.*”

Ngài Huyền Trang đã viếng thăm nơi này vào năm 636 SCN, và đã mô tả một cách tỷ mỉ về thánh tích này. Ngài nhắc đến nó như là Kapintha và viết rằng:

“Vương quốc có diện tích trải dài hơn 146 km, thủ đô chiếm khoảng 1,5 km. Khí hậu và mùa màng nơi đây tương tự như Pi-lo-shan-na (nước Virasana). Có 4 tịnh xá gần thủ đô và khoảng 1.000 vị tu sĩ, phái Sammitiya. Có 10 đền thờ và những người không theo Phật Giáo, người Saivites sống ở đây.

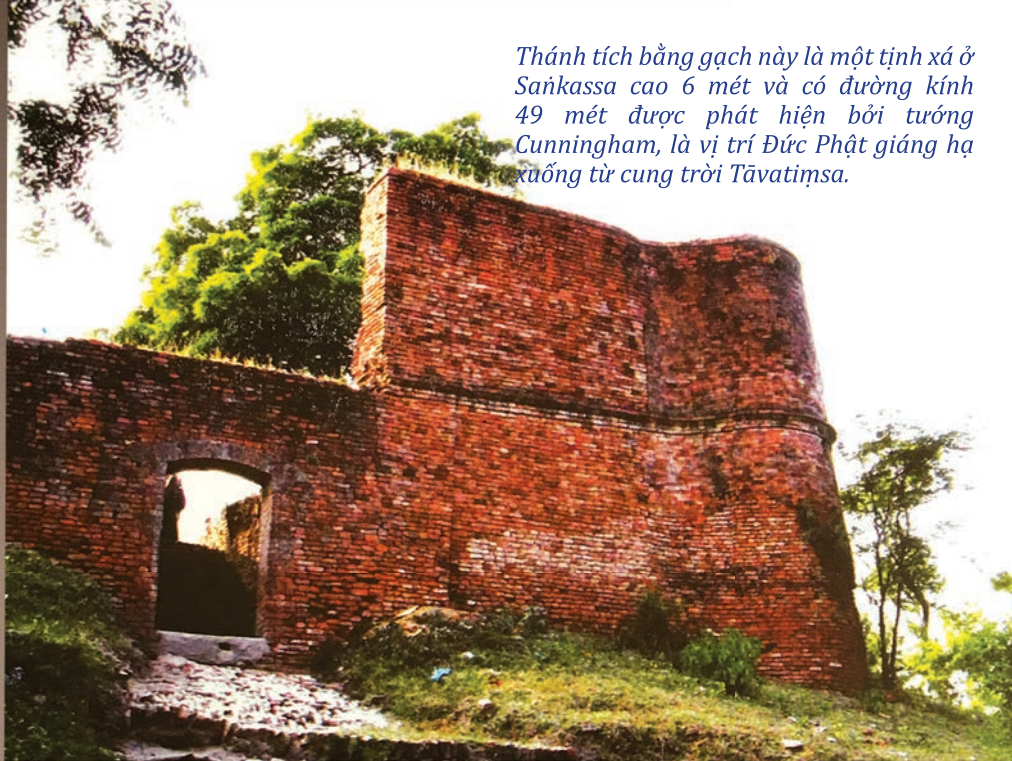
Khoảng 1,5 km về phía đông thủ đô, có một tịnh xá khá lớn được xây dựng theo lối kiến trúc độc đáo. Nhiều họa tiết đã tô điểm cho tịnh xá thêm tuyệt vời và lộng lẫy. Số lượng tăng sĩ sống ở đây khoảng một vài 100 vị, tất cả đều thuộc phái Sammitiya. Khoảng 1000 tín đồ cũng cư ngụ tại đây. Trong khuôn viên tịnh xá, có 3 cầu thang được làm bằng kim loại quý, bắt đầu từ phía nam đến phía bắc trên dãy dài và hạ xuống ở phía đông, chính nơi là nơi mà Đức Phật giáng hạ xuống từ cõi cung trời Tāvātimsa (Đạo Lợi). Từ tịnh xá Jetavana, Ngài đi lên cõi trời. Tại đó, Đức Phật cư ngụ trong Pháp Thiện Đường (Saddhamma Sālā), và thuyết pháp đến Phật mẫu Mahāmāyā (Tusita) cùng chư thiên hữu duyên cõi trời. Sau 3 tháng hạ, Ngài trở về cõi người với 3 cầu thang bằng kim loại quý do năng lực của vua trời Đế Thích Sakka hóa hiện.

Cầu thang chính giữa được hóa hiện bằng vàng ròng, cầu thang bên trái bằng thủy tinh và cầu thang bên phải bằng bạc. Đức Phật đi xuống trên cầu thang giữa, vua trời Đế Thích Sakka hầu Ngài bên trái với chiếc lọng nạm đá quý; cùng với nhiều chư thiên tung hoa lên hư không và xưng tán Đức Thế Tôn. Cầu thang đã tồn



Tỳ khưu Đức Hiền, Tỳ khưu Dhammapālo
và Tỳ khưu Thiên Thắng viếng thăm
thánh tích Sankassa - 17/12/2008

Thánh tích bằng gạch này là một tịnh xá ở Saṅkassa cao 6 mét và có đường kính 49 mét được phát hiện bởi tướng Cunningham, là vị trí Đức Phật giảng hạ xuống từ cung trời Tāvātimsa.



Năm 2003 một trận mưa bão đã làm sập đổ kiến trúc này.





Cạnh đỉnh trụ hình voi, có ngôi nhà nhỏ tôn thờ tượng Phật bên trong

tại vài thế kỷ trước khi ngài Huyền Trang viếng thăm. Tuy nhiên, di tích cầu thang không còn nữa, một vài vị vua đã cho trùng tu lại di tích dựa trên nền đá và gạch cũ được thay thế bằng kim loại quý lên trên công trình kiến trúc cổ. Hiện tại cầu thang cao hơn 21,3 mét,

phía trên di tích được tôn trí tượng Phật bằng cẩm thạch, bức tượng Phạm Thiên Brahma và đức trời Đế Thích Sakka hầu cận 2 bên cầu thang trong tư thế bước xuống mặt đất.”

Ngoài dáng vẻ sừng sững, màu đỏ tía sáng bóng, thạch trụ Asoka cao 21,3 mét với đỉnh trụ hình sư tử ngồi chồm hồm hướng về phía cầu thang. Hai bên hông thạch trụ có chạm trổ nhiều hình bức tượng hình thù đặc biệt. Những ước muốn của người xem tốt hay xấu đều được phản chiếu qua các bức tượng này.

Bên ngoài cầu thang là một bảo tháp được tôn trí 4 vị Phật quá khứ trong thế tinh tọa và đi thiền hành. Phía sau tháp có một hồ nước, nơi Đức Phật dùng để tắm. Phía sau hồ nước có hương thất để Ngài tọa thiền. Phía sau hương thất, có một vỉa hè dài 50 sải chân được lát bằng đá rộng 2,1 mét, nơi Đức Phật đi thiền hành. Mỗi bước chân của Ngài được ví như mỗi đoá hoa sen; những ngôi tháp nhỏ được hóa hiện bởi vua trời Đế Thích Sakka và Phạm Thiên Brahma. Đối diện di tích này là nơi tỳ khưu ni Uppalavanna (xưa nàng Uttapā) mong muốn mình là người đầu tiên được yết kiến và đánh lễ Đức Phật khi Ngài trở về từ cung trời Tāvātimsa (Đạo Lợi). Đức Phật đã dùng thần thông hóa hiện nàng Uttapā trong hình tướng của một vị chuyển luân thánh vương. Chính vì

lý do này, nàng là người đầu tiên được may mắn yết kiến và đánh lễ Đức Phật.”

Vào lúc Đức Phật trở về từ cõi trời, Đại đức Subhuti là người duy nhất không đến yết kiến và đánh lễ Đức Phật vì Đại đức nghĩ rằng sự thành tựu đạo quả A-la-hán mới là sự đánh lễ Đức Phật cao thượng nhất. Vì lẽ ấy, Đại đức Subhuti chuyên chú quán chiếu chân lý về tánh không (suññatā) và chứng đắc đạo quả (ai thấy pháp người ấy thấy được pháp thân của Như Lai). Đức Phật nói rằng nàng Uttapā không phải là người đầu tiên yết kiến và đánh lễ Như Lai mà chính là Đại đức Subhuti liễu tri tánh không và do vậy Đại đức là người yết kiến và đánh lễ Như Lai đầu tiên. Lối đi thiền hành của Đức Phật được bao bọc bởi một tường thành. Có một bảo tháp lớn ở đó với một hồ nước nằm về phía nam. Chúa Long Vương Nāga cư ngụ trong hồ để bảo vệ thánh tích thiêng liêng này.”

Sử ký của các nhà hành hương Trung Quốc cho thấy Phật Giáo đang bị chi phối một phần nào đó trước sự trỗi dậy của Bà-la-môn Giáo vào thời ngài Pháp Hiển. Đến thời ngài Huyền Trang viếng thăm, sự lớn mạnh của Bà-la-môn Giáo đã làm suy yếu tầm ảnh hưởng của Phật Giáo. Tuy nhiên, vào thế kỷ thứ 7 SCN, Phật Giáo và Ấn Độ Giáo đã cùng nhau tồn tại, và phát triển mạnh mẽ. Một số tịnh xá lớn và các ngôi đền tồn tại ở đây và được người dân tôn kính. Những nhà cai trị Maurya và một số vị vua kế tiếp đã xây dựng vô số công trình vĩ đại trong thành.

Nhờ vào nỗ lực không ngừng nghỉ của tướng Alexander Cunningham mà thánh tích Saṅkassa được hé mở sau một thời gian dài bị quên lãng và công bố với toàn thế giới vào năm 1876. Ngày nay, Saṅkassa được xem là kho báu còn sót lại với nhiều cổ vật từ đất sét và sa thạch. Trụ đá Asoka được mô tả bởi các nhà hành hương từ Trung Quốc vẫn còn đang bị chôn vùi. Riêng đỉnh trụ Asoka chỉ còn thấy hình con voi, nó nằm cạnh ngôi đền Bisahari Devī và đang được bảo vệ. Điều kỳ diệu là cho đến nay đỉnh trụ vẫn còn độ sáng bóng mặc dù nó được dựng lên từ thời Maurya. Ngài



◀ *Đỉnh trụ hình voi ở Saṅkassa khi được khai quật*



*Đức Phật giảng hạ xuống thành Saṅkassa từ
cung trời Tāvātimsa (Hình vẽ của Cam-pu-chia)*

Huyền Trang cứ lầm tưởng đỉnh kiến trúc đầu trụ là một con sư tử nhưng khi nhìn gần thì hóa ra đó là một con voi với cái vòi bị gãy. Phía dưới đỉnh trụ được trang trí với họa tiết hoa sen và lá Bồ Đề.

Bên cạnh đỉnh trụ còn sót lại, là một bức tượng của người đàn ông đang đứng không đầu cao 2,1 mét với nhiều hoa văn trang trí. Có lẽ bức tượng này được điêu khắc vào thế kỷ thứ 2 TCN.

Bên trong Saṅkassa, có một tượng đá Sivaliṅga và nhiều bàn thờ đá. Một số lớn tượng đá, tượng đất sét, con dấu, mẫu tượng và đồng tiền xu cũng được tìm thấy đây. Hiện giờ chúng đang được lưu giữ tại viện tàng tại Lucknow, Kolkata và các thành phố khác ở Ấn Độ. Một vài hình ảnh cổ vật quý giá được sưu tập bởi cá nhân ông Chandrika Prasad Dikshit ở Saṅkassa.

Một lượng lớn đồng tiền bằng bạc và đồng được tìm thấy từ đồi đất cao tại Saṅkassa. Những tiền xu bằng đồng của các đức vua thuộc bộ lạc Pañcala và nhiều tiền xu bằng đồng của các nhà cai trị Kusana cũng được tìm thấy với số lượng lớn. Thánh tích Saṅkassa được cai trị lâu dài dưới thời các vua Pañcala, có thủ đô Ahicchatra, nay là thị trấn Barreilly của bang U.P. (Uttar Pradesh). Gần đây, tại đồi đất thánh tích Saṅkassa đã phát hiện viên gạch dài 28 cm x 15 cm có ghi lại 2 dòng chữ cổ Brahmi vào thế kỷ thứ 2 TCN. Hai dòng bia ký viết:

**1. Bhadasamasa savajivaloke
puthagorathas**

**2. Bhatikputtasa jethasa
bhagaviputtasa.**

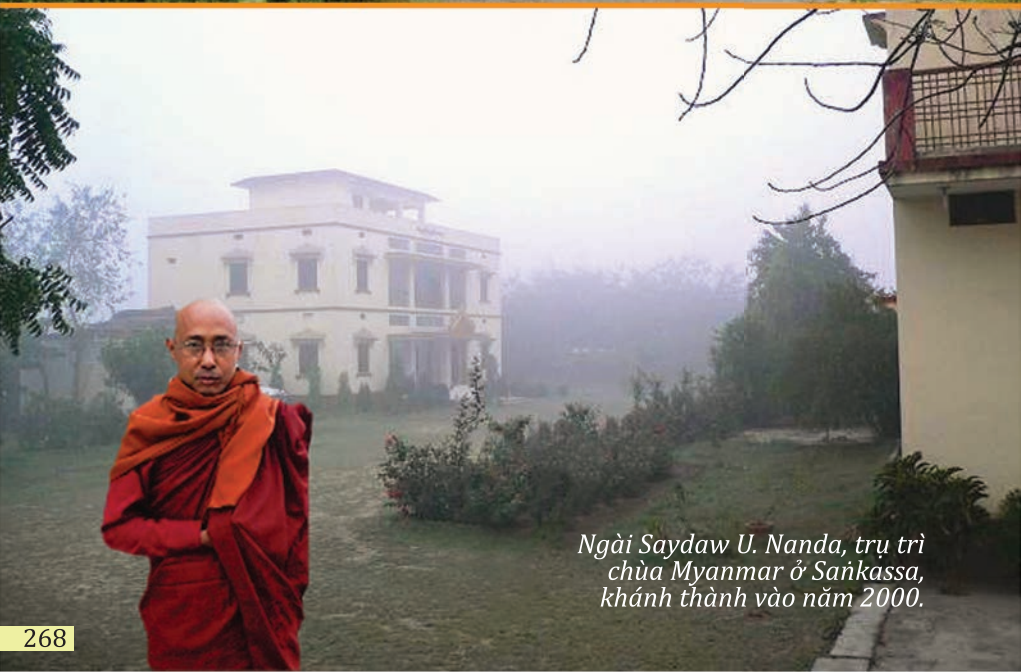
Hai dòng bia ký này viết bằng văn tự Prakrita mô tả sự cúng dường bởi đức vua Jetha cùng 2 người con của mình là Bhatika và Bhargavi.

Hiện nay, ngôi làng Saṅkassa tọa lạc trên một vùng đất cao. Một dãy đồi đất khác chạy dài dọc theo ngôi làng, có chiều dài 457 mét và rộng 305 mét. Người dân địa phương gọi nó là 'Quila'. Về phía đông làng Saṅkassa, ngoài khoảng 402,34 mét có bảo tháp với số lượng gạch cổ lớn đồ sộ được tìm thấy. Bên phải bảo tháp là tháp 'Panthwali', và

◀ *Tượng điêu khắc từ Myanmar*



*Cổng vào chùa
Myanmar ở Saṅkassa*



*Ngài Saydaw U. Nanda, trụ trì
chùa Myanmar ở Saṅkassa,
khánh thành vào năm 2000.*

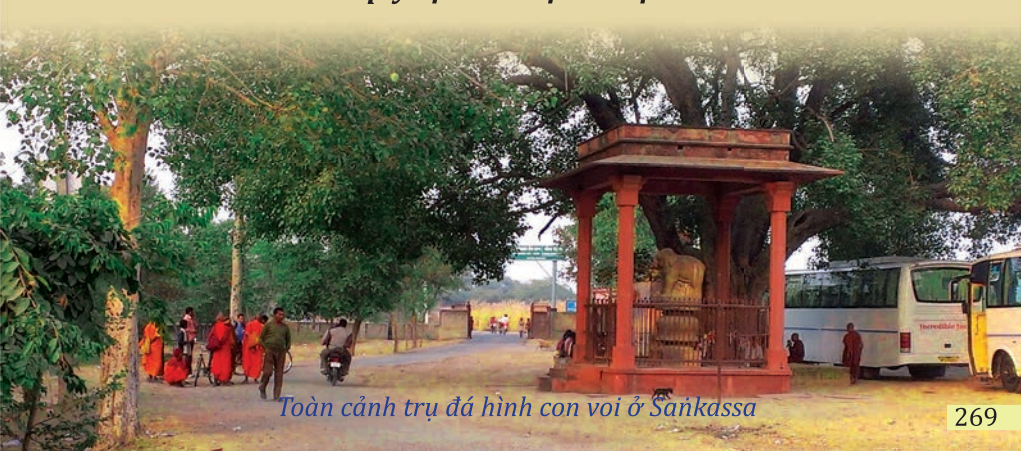
phía nam giáp với 'Nivi-Ka-Kota'. Phía đông-bắc bảo tháp nơi còn sót lại vài cổ vật quý giá nằm rải rác được tìm thấy. Một thạch trụ cao 0,84 mét làm từ sa thạch Mathura cũng được khai quật. Trụ đá hình bát giác là một phần của bàn thờ Phật được dựng lên vào thế kỷ 15 SCN tại thành Saṅkassa.

Một hồ nước ở phía đông-bắc của điện thờ Terha Mahādeva được gọi là hồ Nāgasara hay hồ Kandhai. Những người hành hương đến Saṅkassa đều đi quanh hồ này. Bên cạnh hồ có nhiều di tích khác mang giá trị vĩ đại đối với những ai có tín tâm.

Thánh tích Saṅkassa cũng quan trọng đối với người Hindu. Một giai cấp thấp của đạo Hindu là Saxena Kayastha, xem nơi này như là gốc gác của họ. Nhiều cuộc lễ được tổ chức ở đây mọi năm vào ngày trăng tròn âm lịch tháng Aswina. Ngoài ra, một hội chợ lớn cũng được tổ chức mọi năm vào tháng âm lịch Sravana. Tất cả giai cấp người Hindu đều tham dự và đánh lễ đến nữ thần Bisahari. Rõ ràng sau này, có một bức tượng nữ thần mới được thay thế cho tượng nữ thần cổ trước đây.

Nhận thấy tầm quan trọng lịch sử và tôn giáo nơi này, ngài Bhadanta Vijaya Soma, nhà sư người Sri Lanka, đã cho thành lập ngôi chùa Phật Giáo tại đây vào năm 1957. Ngôi chùa đã tôn tạo 3 bức tượng: Đức Phật, vị Phạm Thiên Brahma, và vua trời Đế Thích Sakka. Chùa Myanmar được khánh thành vào năm 2000, trụ trì là Sayadaw U Nanda. Nhu cầu cấp bách hiện nay là trưng bày các cổ vật được tìm thấy ở đây trong các cuộc khai quật để cho các du khách hành hương mỗi khi đến nơi đây đều có cảm nhận được sự huy hoàng và tầm quan trọng của Saṅkassa cổ xưa.

Kính chúc tất cả quý vị đều được an lạc!



Toàn cảnh trụ đá hình con voi ở Saṅkassa

BẢN ĐỒ THÁNH

Sarai Aghat

1.7 Km

Đường Sankisa



Sankisa

© 2016

Image © 2016 C

Imagery Da

TÍCH SANKASSA

Đường Sankisa
Sankisa Rd
Khách Sạn Royal
e Royal Residency - Sankissa

Punpal Pur

** Chúng tôi vẫn chưa xác định được vị trí của
chùa Myanmar ở Sankassa. Xin thông cảm!*

Google

CNES / Astrium

Google Earth

BẢO THÁP SANCHI



BẢO THÁP SANCHI

Sanchi là một trong những địa danh nổi tiếng quan trọng của lịch sử Phật Giáo Ấn Độ. Địa danh này không có một chút liên quan đến cuộc đời Đức Phật, nhưng nó lại là một trung tâm văn hóa Phật Giáo rất nổi tiếng và phồn thịnh trong thời cực thịnh của Phật Giáo. Theo sử liệu và truyền thuyết Phật Giáo, Sanchi là nơi hội tụ các tinh hoa nghệ thuật Ấn Độ, nói chính xác hơn, Sanchi là nơi quy tụ nhiều tác phẩm kiến trúc, điêu khắc tuyệt mỹ nhất của nước Ấn.

Theo sử liệu Sri Lanka, vua Asoka đã cưới con gái một thương buôn giàu có và hạ sanh được một thái tử đặt tên là Mahinda. Thái tử Mahinda rất ngưỡng mộ đạo Phật và rất được vua cha và hoàng hậu hết mực thương yêu. Khi về già, vua Asoka muốn thái tử Mahinda và công chúa Sanghamittā sang Sri Lanka truyền đạo (lúc này 2 người đã trở thành tỳ khuru và tỳ khuru ni trong Phật Giáo). Và bảo tháp Sanchi đã được xây trên ngọn đồi vùng lân cận Vidisa, khi thái tử dừng chân lại nghỉ ngơi trên đường sang Sri Lanka truyền bá đạo Phật.

Dù tài liệu có đúng hay không thì những bia ký, tháp tự ở Sanchi đều mang dấu ấn thời vua Asoka, và người ta cũng tin rằng chỉ có vua Asoka, vị đại thí chủ hoàng gia đó mới đủ tài sức



*Tỳ khuru Đức Hiền
viếng thăm Sanchi
01/04/2012*

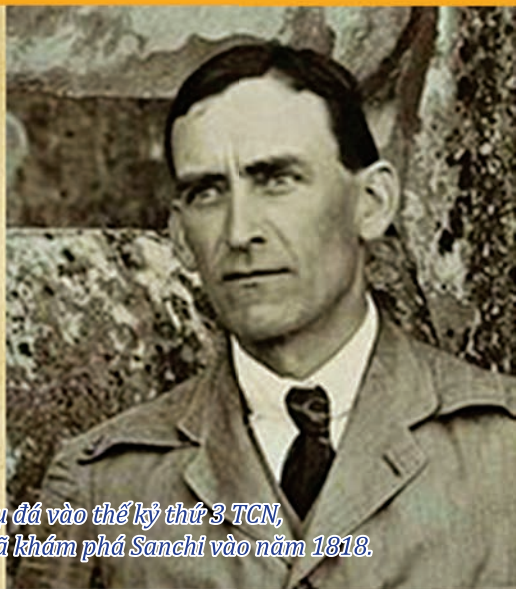
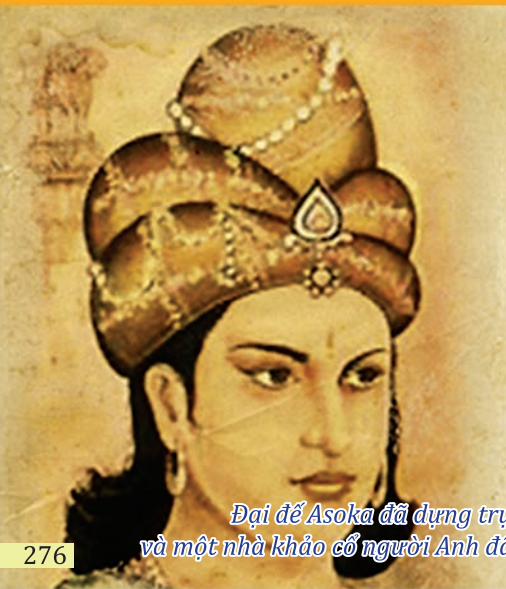


để phát triển Sanchi thành một trung tâm văn hóa Phật Giáo phồn vinh và nổi tiếng.

Hầu hết các tháp tự ở Sanchi đều tọa lạc trên một ngọn đồi cao bao bọc bởi một tường đá rắn chắc vào thế kỷ thứ 10 SCN. Những ngôi tháp, bia ký này đều có dấu ấn từ thế kỷ thứ 3 TCN đến thế kỷ thứ 12 SCN. Tháp lớn nhất ở Sanchi cao khoảng 83 mét, đường kính của vòm là 166 mét. Bên cạnh đại tháp này có rất nhiều ngôi tháp nhỏ và tháp nhỏ nhất cao không quá 1,66 mét. Những tháp tự lớn nhỏ này đã tạo

cho ngọn đồi một thế đứng hùng mạnh sừng sững.

Đại tháp Sanchi được xây dựng bằng gạch đá thời đại đế Asoka, gồm những cột trụ cao bằng đá rắn chắc chạy dài bao quanh ngôi tháp, và cổng chính của tháp được xây dựng và chạm trổ một cách tinh vi và điêu luyện đầy thẩm mỹ độc đáo. Hai cột trụ đứng khắc chạm kinh văn nguyên bản tiếng Pāli. Đầu cột tạc 2 con voi đỡ 3 xà ngang, những chỗ khác cũng khắc hình voi, sư tử, nam nữ, ngựa, kinh văn, v.v... mô tả tượng trưng cho những sinh hoạt văn học triết lý của các thời kỳ Phật Giáo hưng thịnh. Bốn



Đại đế Asoka đã dựng trụ đá vào thế kỷ thứ 3 TCN, và một nhà khảo cổ người Anh đã khám phá Sanchi vào năm 1818.



233 / 01.04.2012

Trụ đá Asoka gãy đổ

phía đại tháp có 4 cổng gồm 1 cổng lớn và 3 cổng nhỏ. Ba cổng nhỏ kia cũng xây dựng và chạm trổ giống như cổng lớn với các hình tượng voi, sư tử, nam nữ, ngựa, kinh văn v.v... mô tả những câu chuyện tiền thân (jātaka) và giáo pháp của Đức Phật. Những câu chuyện tiền thân được các nghệ nhân Ấn Độ đúc kết chạm trổ điêu khắc trên các cổng thành và tường tháp. Điều đáng chú ý là hình tượng vua Asoka cũng được chạm khắc trên một cổng thành, mô tả lại quang cảnh vua Asoka viếng thăm chiêm bái cây Bồ Đề ở Bodhgaya. Hình ảnh vua Asoka ở Sanchi là hình ảnh duy nhất được chạm trổ do các nghệ nhân và thần dân của vua khắc lại để tưởng nhớ đến công ơn của một vị đại thí chủ Phật Giáo đã hết lòng ủng hộ trong công cuộc hoằng dương chánh pháp.

Những tác phẩm nghệ thuật này đều phản ánh lòng nhiệt thành mộ đạo của thần dân địa phương vùng Sanchi. Họ đã chi phí rất nhiều tiền, và phải mất nhiều năm mới hoàn thành các tác phẩm



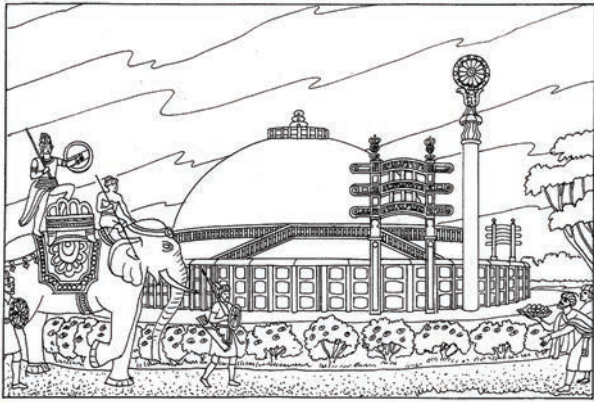


Hồ nước và Tịnh xá phía đông

kiến trúc tuyệt mỹ này. Từng đường khắc, nét chạm, từng nét vẽ đều thể hiện tâm hồn hết mình vì nghệ thuật, lòng tôn kính, dâng hiến và biết ơn của những nghệ nhân. Họ làm công việc này không phải vì danh, vì lợi, cho nên tâm hồn của họ được thoải mái, an lạc hướng trọn tâm can cho nghệ thuật. Vì thế, các tác phẩm đều toát lên một sức sống mãnh liệt khiến người xem cảm thấy rung động sâu xa như đang sống trong ánh sáng hào quang của chánh pháp.



Trong số những tháp tự này, có 3 ngôi tháp được người ta chú ý nhiều nhất: Tháp thứ nhất là nằm về hướng đông-bắc của ngôi đại tháp, mặc dù là tháp nhỏ nhất nhưng rất kiểu mẫu. Bên trong tháp có tôn thờ xá lợi



của ngài Sāriputta và Moggallāna, 2 vị trưởng tử của Đức Phật đã được tướng Alexander Cunningham tìm thấy. Xá lợi của 2 ngài được các nhóm khảo cổ người Anh mang nước, trưng bày tại bảo tàng thành phố Luân Đôn. Và sau đó mang trả về lại và được tôn thờ

Đại đế Asoka đang chiêm ngưỡng Sanchi

trong ngôi tháp này. Ngôi tháp thứ 2, nằm trên sườn đồi phía tây. Ngôi tháp này không có xá lợi, không có cổng chính, nhưng còn lưu giữ lại một số đồ dùng và vật liệu của các nghệ nhân ngày xưa để lại. Chính những đồ dùng và vật liệu này giúp cho người ta biết được cách đây hơn 2500 năm, các nghệ nhân đã khắc chạm, vẽ như thế nào. Các nét điêu khắc ở đây có vẻ tân tiến hơn lối kiến trúc của đại tháp Sanchi.

Ngôi tháp thứ 3 nằm gần chân đồi phía tây, nơi tôn thờ xá lợi

Cụm tháp phía tây của Sanchi





Sư cô Hạnh Thiện, Thầy Trung Bửu, Sư Đức Hiền và Thầy Nguyên Tân (hướng dẫn viên) viếng thăm Sanchi - 01/04/2012 (Từ trái sang phải)

của ngài Kassapa (Ca-diếp). Ngoài sự đặc biệt này, còn mang nét đặc biệt khác với những cột trụ, đầu cột, bức tường khắc chạm các hình ảnh vô cùng tuyệt hảo độc đáo.

Nhiều tháp nhỏ rải rác chung quanh đại tháp được tìm thấy. Trong đó, người ta đào được nhiều mảnh vụn vỡ của các tượng, bia ký, v.v... Ở Sonari cách Sanchi vài dặm, nhiều di tích Phật Giáo cũng được tìm thấy. Ở Satdhara, cách đó 3 dặm, người ta lại tìm thấy xá lợi của ngài Sāriputta trong 2 ngôi tháp nhỏ, giống như xá lợi được tìm thấy trong tháp vùng Sanchi. Còn rất nhiều tháp ở vùng Bhojpur, vùng Andher nhưng các dấu ấn đều mờ nhạt không thể giúp chúng ta xác định được các tháp xây dựng vào triều đại Asoka hay thế kỷ thứ 1 SCN.

Trong số các tháp tự đó, đáng kể nhất là cột trụ đá vua Asoka với đỉnh trụ có 4 sư tử đầu lưng vào nhau, gần cổng chính đại tháp Sanchi về phía nam. Trên đầu cột trụ, có khắc hàng chữ do vua Asoka tuyên chỉ: “Cấm chia rẽ, phá hoại Tăng chúng, người nào phạm sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc”. Ngoài ra, ngôi đền số 17, 18 xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 12 SCN, với những tượng Phật, trụ đá, những bức tường chạm trổ cũng



*Sư cô Hạnh Thiện, Thầy Trung Bửu, Sư Đức Hiền và Thầy Nguyễn Tân
viếng thăm Sanchi - 01/04/2012 (Từ trái sang phải)*

góp phần vào công trình kiến trúc tuyệt mỹ ở Sanchi.

Những tháp tự ở Sanchi đã được gìn giữ, khôi phục lại rất cẩn thận và khéo léo bởi các nghệ nhân điêu khắc, và các nhà khảo cổ bác học. Người có công nhất trong cuộc trùng tu khai quật này là ngài John Marshall, cựu tổng giám đốc Viện Khảo Cổ Quốc Gia Ấn Độ (ASI). Ông đã cho tu bổ, sửa chữa, phục hồi lại các di tích để cho những ai khi đến Sanchi đều có thể tưởng tượng như đang trở về thời quá khứ vàng son của chánh pháp với những ngôi tháp hùng vĩ sừng sững một góc trời.



Cổng bảo tháp Sanchi phía đông



Cổng bảo tháp Sanchi phía nam

Cổng bảo tháp Sanchi phía tây



Cổng bảo tháp Sanchi phía bắc



Đường đi đến
bãi đỗ xe

SANCHI

Di Sản Văn Hóa Thế Giới

Tịnh xá
Chaityagiri

Bãi đỗ xe

Cổng vào



Khu vệ



Quầy bán

Nước uống

Khu vệ sinh

Nhà ăn

Tính xá số 40



vé



प्रत्नकीर्तिमपावण्

▲ 233 / 01.04.2012

ARCHAEOLOGICAL SURVEY 285

HANG ĐỘNG AJANTA



HANG ĐỘNG AJANTA

Hang động Ajanta là một quần thể hang đá trên sườn núi ở làng Ajintha thuộc quận Aurangabad, tiểu bang Maharashtra, Ấn Độ.

Tại đây trong 30 hang đá là di tích những ngôi chùa và tu viện thờ Phật, hoạt động từ thế kỷ thứ 2 trước công nguyên đến thế kỷ thứ 7 sau công nguyên. Hang Ajanta lưu giữ được những bức tranh tường có thể coi là đẹp nhất trong mỹ thuật Phật Giáo.

Ngoài những bức họa, Ajanta còn là tập hợp công trình điêu khắc đá với nhiều tượng hình và cấu trúc trang trí tạc ngay vào vách đá. Năm 1983, hang động Ajanta được ghi nhận là di sản thế giới do UNESCO công nhận.

Từ những tảng đá thiên nhiên, những nghệ nhân đã đeo gọt, khắc chạm thành những tượng Phật, Bồ Tát hay những tác phẩm nghệ thuật vô cùng tinh xảo. Những bức tường, trụ đá, trần động đều được chạm trổ thật tinh vi sắc sảo mang dấu ấn nghệ thuật





NRB ▲ 200 / 04.05.2012



CAVE NO. 21

This is a beautiful and well-preserved cave temple. It is a fine example of the art of the Gupta period. The temple is dedicated to Lord Buddha and contains a large seated Buddha figure. The temple is also famous for its beautiful carvings and sculptures. The temple is a must-visit for anyone interested in Indian art and history.

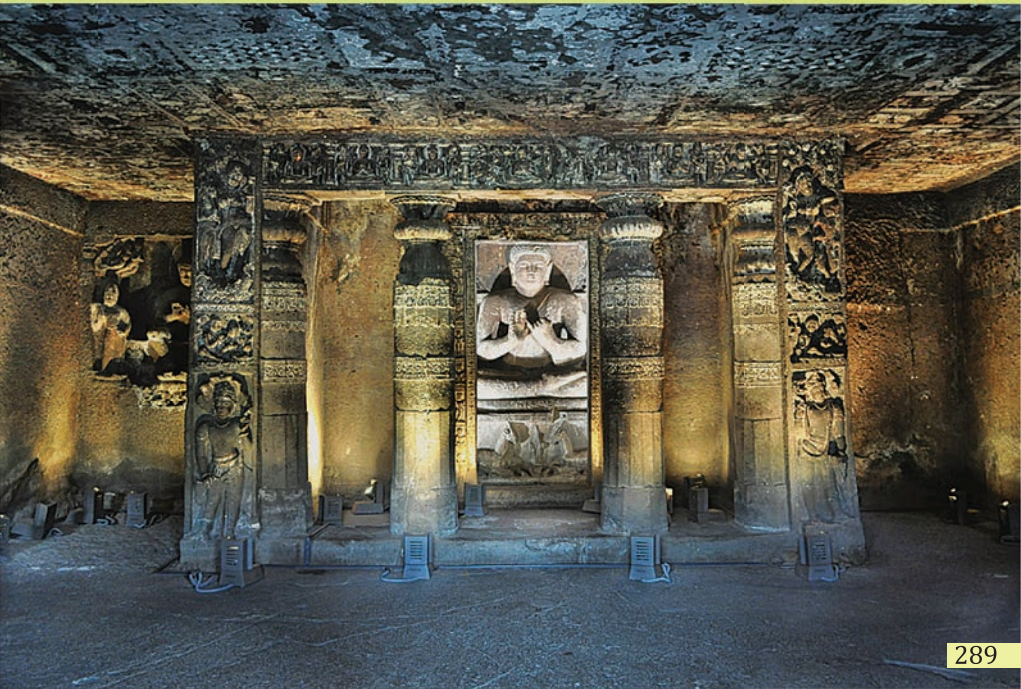
NRB ▲ 200 / 04.05.2012

Phật Giáo kéo dài suốt 800 năm, và không có một di tích nào ở Ấn Độ có thể so sánh được với những tuyệt tác này.

Những hang động ở Ajanta mang dấu ấn ở thế kỷ cuối cùng của kỷ nguyên trước Thiên Chúa, và theo thứ tự niên đại, Ajanta đã góp phần vào sự phát triển nghệ thuật, mỹ thuật, điêu khắc, những kỳ tích được xây dựng.

Hang động số 9 và 10 là những hang động lâu đời nhất nằm sâu tận trong lòng những dãy động đá ở Ajanta. Từ những dãy động đá này suốt đến hang động thứ 19 và 26, người ta thấy vô số những hình ảnh, tượng khắc Đức Phật theo nhiều cách họa tiết khác nhau. Các bức tượng, tranh ảnh vẽ Đức Phật trong tư thế ngồi kiết già thiền định hay trong dáng đứng Chuyển Pháp Luân. Những nghệ nhân thời xưa đã dâng trọn trái tim nghệ thuật và sự tôn kính, sùng bái lên Đức Phật qua những nét vẽ và chạm khắc của họ.

Hang động thứ 16, 17, và 2 là những hang động quan trọng nhất. Hang động thứ 16 và 17 được xây cất khoảng 500 năm SCN, và hang động thứ 1 và 2 được xây cất một thế kỷ sau đó.





Hang Động Số 17

Hang động này lưu giữ nhiều bức tranh vẽ quý giá trên tường.

Hang Động Số 16

Hang động này khắc họa những câu chuyện tiền thân (Jataka) của Đức Phật. Có bia ký cùng đường của Varaha Deva là vị bộ trưởng của vua Harishena.

Hang Động Số 10

Cửa hang đặc trưng này chính là nơi đầu tiên tướng John Smith đánh dấu sự phát hiện lại những hang động này.

Hang Động Số 9

Một trong những hang động nhất. Những nghệ nhân đã tinh gán những hộp đá quý mặt ngoài, thế kỷ thứ 2 TCN.

Hang Động Số 17

Bức tượng Đức Phật nhập Niết Bàn trong thân thái an nhiên rất ấn tượng để chiêm bái.

Thác nước Saptar

Một thác nước tuyệt đẹp tự nhiên (Saptakunda) đổ xuống như bảy bước chân tạo thành một hồ nước bên dưới.

Điểm Chính

Tướng John Smith đã phát hiện lại những hang động Ajanta từ năm 1819 sau hơn 1000 năm bị lãng quên bởi thế giới bên ngoài.



Hướng dẫn sơ lược về những hang động

Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
(Thế kỷ thứ 2 TCN – thế kỷ thứ 2 SCN)	(Thế kỷ thứ 3 SCN – thế kỷ thứ 7 SCN)

BẢO THÁP (CETIYA)

Động số 9, 10

Động 19, 26, 29

TU VIỆN (VIHARA)

Động 12, 13

Động 1-7, 11, 14-18, 20-25, 27, 28, 30

Ghi chú: Động 3, 5, 8, 23-25, 28 và 29 là chưa hoàn thành.

ajanta

Khoảng thế kỷ thứ 2 TCN, có những vị đệ tử của Đức Phật ẩn tu tại trên núi cô tịch. Xa lánh thế giới bên ngoài, họ đục đẽo khoảng 30 hang động (tu viện) và cư ngụ trong đó trong 2 giai đoạn.

Hang Động Số 2

Hang động này án tượng về những bức vẽ trên trần với nhiều hoa văn và họa tiết phức tạp.

Hang Động Số 1

Đây là một trong những tu viện có bộ sưu tập tranh vẽ phong phú về Đức Phật và Bồ Tát.

Thuật Ngữ

Bảo Tháp (Cetiya)

Sàng đường bảo tháp (Cetiya-gaha) là nơi hội họp hay triệu tập, có lối kiến trúc cột trụ và họa tiết như La mã.

Tu Viện (Vihāra)

Tu viện hay chùa là nơi cư ngụ dành cho tu sĩ Phật Giáo. Tu viện cũng là nơi dạy Phật Pháp (như trường Đại học) cho hàng ngàn tăng sinh.

Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravāda, Nam Tông)

(Thế kỷ thứ 2 TCN – thế kỷ thứ 2 SCN)

Đức Phật được thờ phượng bằng các biểu tượng như dấu chân, bảo tháp, cây Bồ Đề (nơi Đức Phật giác ngộ).

Phật Giáo Phát Triển (Mahāyāna, Bắc Tông)

Đức Phật được thờ phượng trong hình dáng của Ngài.

Bồ Tát (Bodhisatta)

Những chúng sanh đang đi con đường giác ngộ được gọi là Bồ Tát. Những vị này đang thực hành 10 Ba-la-mật để được giác ngộ và giáo hóa chúng sanh, an lạc cho nhiều người.

Khu Mua Sắm

Vệ Sinh

Cổng Vào
Trại Ăn



Sư cô Hạnh Thiện, Thầy Trung Bửu,
 Sư Đức Hiền và Thầy Nguyễn Tân
 viếng thăm Ajanta- 05/04/2012
 (Từ trái sang phải)

123 200 / 04.05.2012



123 200 / 04.05.2012



Những hang động này rất đẹp nhờ những trụ đá được chạm trổ tinh vi và sự thoáng mát của các dãy hành lang rộng lớn, nhưng sự huy hoàng tráng lệ của Ajanta thật ra là nhờ số lượng khổng lồ của tranh vẽ. Những họa sĩ nổi tiếng đã vẽ những sự tích về tiền thân Đức Phật và thêm vào đó là những tranh ảnh vẽ chân dung Đức Phật, đức Bồ Tát và các vị Phạm Thiên.

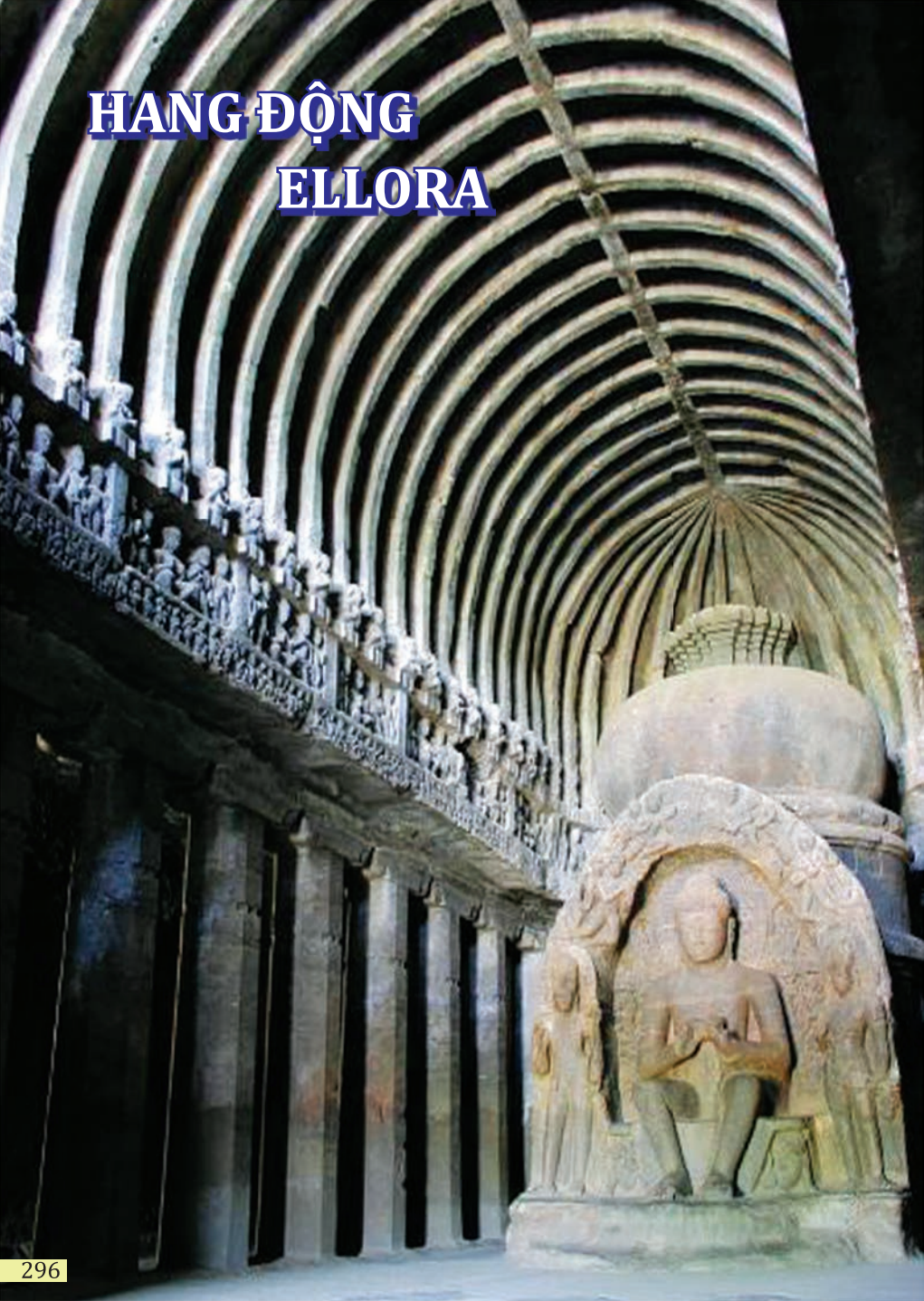






Những tranh vẽ trên trần của các hang động Ajanta

HANG ĐỘNG ELLORA

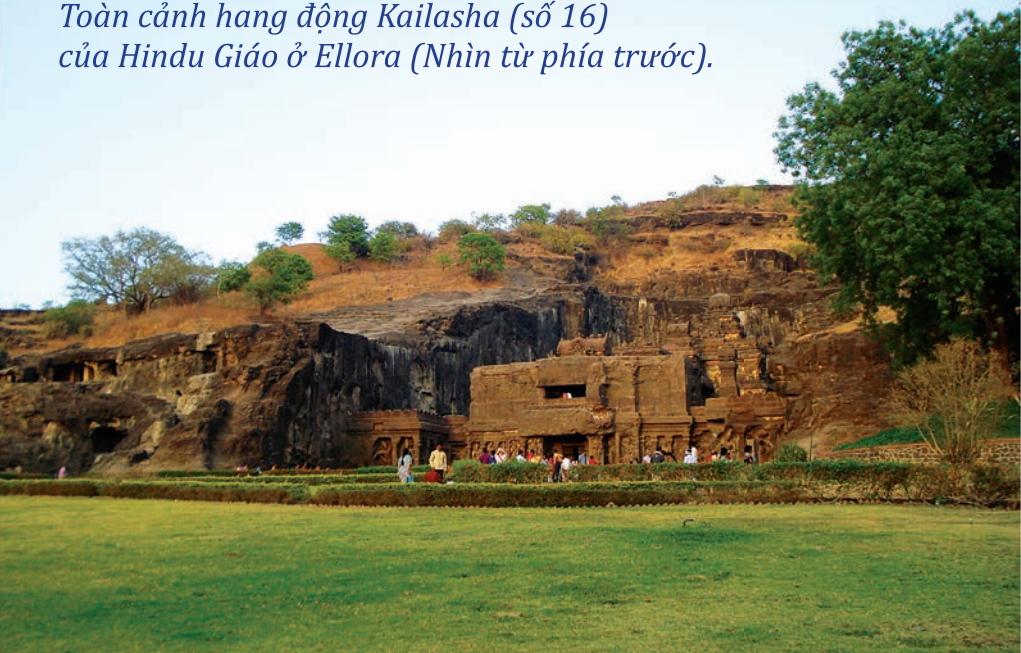


HANG ĐỘNG ELLORA

Tọa lạc tại ngọn đồi Charanandri nằm cách thành phố Aurangabad thuộc tiểu bang Maharashtra của Ấn Độ khoảng 30 km, quần thể hang động Ellora chính là điểm đến lý tưởng dành cho du khách thích tìm hiểu nét kiến trúc chạm khắc trên đá độc đáo của người xưa ở vùng Nam Á.

Đặc điểm nổi bật trong toàn bộ quần thể hang động Ellora chính là những công trình tôn giáo được thiết kế và xây dựng theo lối kiến trúc chạm khắc trên đá nguyên khối rất độc đáo. Có tất cả 34 động đền thờ và động tu viện của Phật Giáo, Bà-la-môn Giáo và Kỳ-na Giáo nằm bên trong khuôn viên quần thể hang động Ellora. Trong đó, hang động Phật Giáo gồm 12 công trình (động số 1 - 12), hang động Hindu Giáo gồm 17 công trình (động số 13 - 29), hang động Giai-na Giáo gồm 5 công trình (động số 30 - 34). Những công trình kiến trúc cổ xưa này đã được xây

*Toàn cảnh hang động Kailasha (số 16)
của Hindu Giáo ở Ellora (Nhìn từ phía trước).*





dựng vào thế kỷ 5 – thế kỷ 10 SCN. Đây chính là những minh chứng sống động cho thời kỳ hưng thịnh của các tôn giáo nói trên trong lịch sử Ấn Độ lúc bấy giờ.

Công trình nổi bật nhất trong quần thể hang động Phật Giáo ở Ellora là động số 5 với chiều sâu là 35.66 m và chiều ngang 17 m, có hành lang bao quanh và 24 cột đá đỡ trần động. Trên tường động được chạm khắc tượng của các vị bồ tát, các hoa văn, họa tiết cũng rất tinh xảo và sinh động.

Được xem là trọng tâm trong toàn bộ quần thể kiến trúc cổ tại Ellora là hang động số 16 (còn gọi là Kailasha)

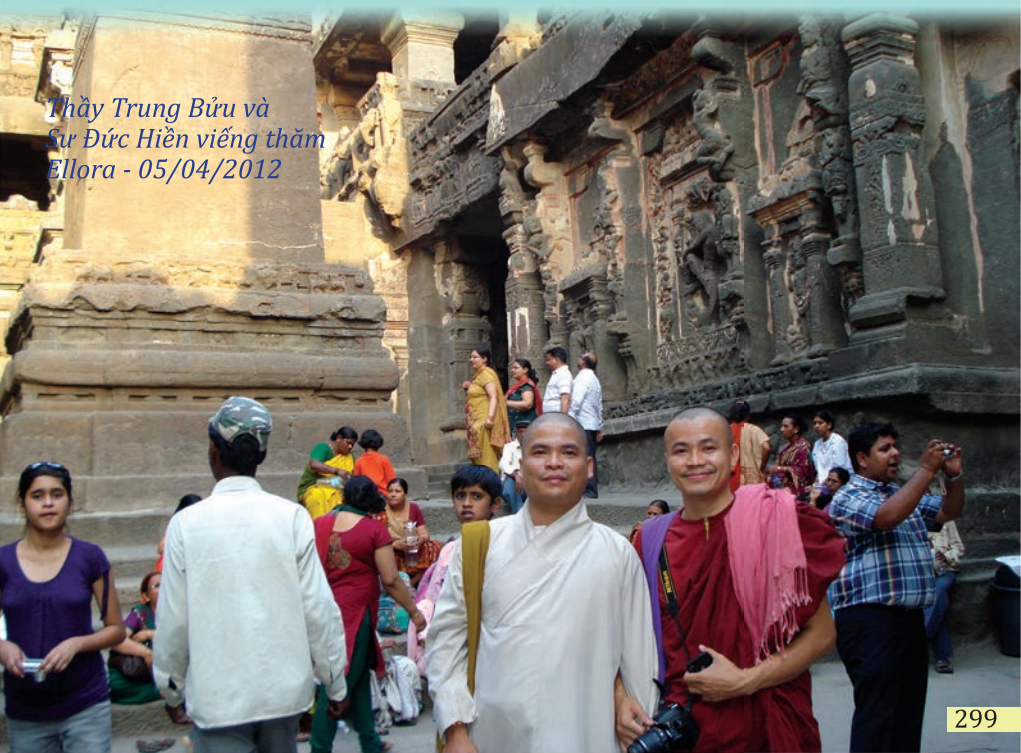


của Hindu giáo. Động được tạc theo hướng từ trên xuống dưới và từ ngoài vào trong. Phần chính của công trình kiến trúc này là ngôi đền thờ chính giữa được tạc tách rời với phần núi bao quanh. Người ta nói rằng ngôi đền này được tạc qua mười thế hệ và phải mất 200 năm mới hoàn thành. Các công trình điêu khắc nghệ thuật được thực hiện trong nhiều giai đoạn và trải qua nhiều đời vua khác nhau.

Bước vào cổng chính của ngôi đền, du khách sẽ thực sự choáng ngợp bởi sự quy mô và hùng vĩ của các hạng mục kiến trúc nơi đây. Đối xứng hai bên của ngôi đền là hai thạch trụ và hai con voi đá uy nghiêm đứng chầu. Chính giữa là ngôi đền đặc trưng của Ấn Độ Giáo với một lầu trên cao thờ Linga. Mặt sau của ngôi đền là hàng loạt voi đá như tạo thành bệ đỡ cho ngôi điện thờ nằm phía trên. Tường của các vách núi bao bọc xung quanh là các gian phòng triển lãm hai tầng. Tất cả những hạng mục kiến trúc nơi đây đều vô cùng tuyệt diệu, thể hiện trình độ đỉnh cao của nghệ thuật khắc đá Ấn Độ.

Nằm tách biệt với quần thể hang động Phật Giáo và Ấn Độ

*Thầy Trung Bửu và
Sư Đức Hiền viếng thăm
Ellora - 05/04/2012*



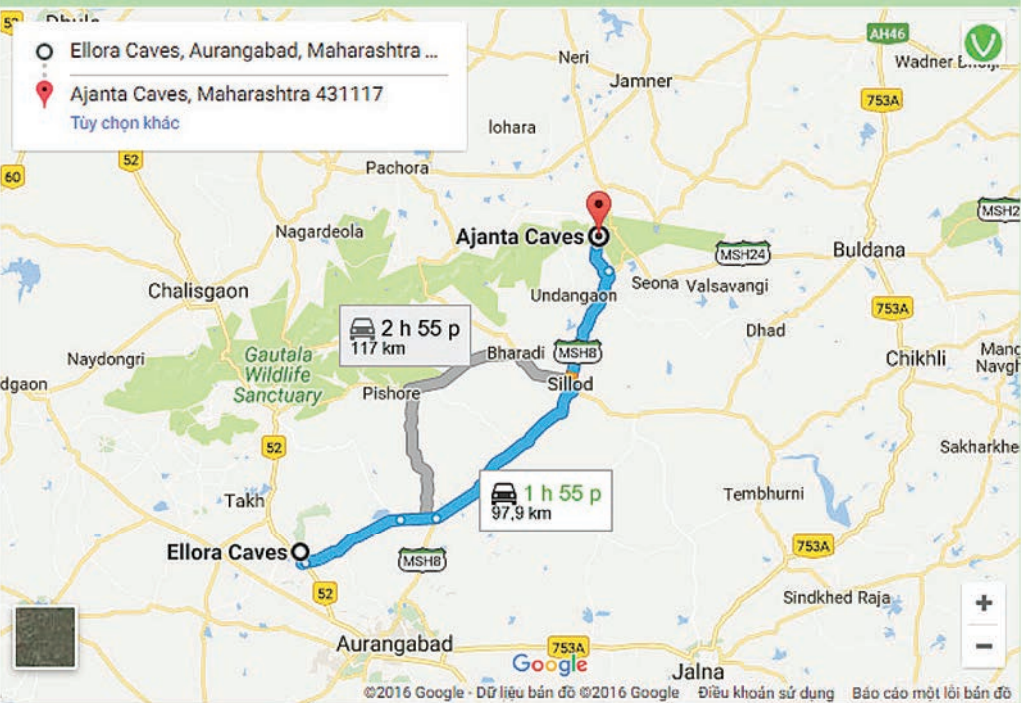




Giáo xá xa là hệ thống 4 hang động của Kỳ-na Giáo (Jain). Hang động số 32 là hang động nổi bật nhất trong bốn hang động ở đây. Kết cấu của ngôi đền Kỳ-na Giáo này không khác gì so với đền Kailasha của Hindu Giáo. Phía trước gian chính thờ một vị thánh Kỳ-na Giáo là cổ tháp với nhiều nét điêu khắc độc đáo. Nằm lệch về một phía của cổ tháp là một thạch trụ và một con voi đá thay vì từng cặp được tạc đối xứng như đền Kailasha.

Năm 1983, quần thể động Ellora đã được tổ chức Unesco công nhận là di sản văn hóa thế giới và trở thành một trong những điểm du lịch không thể bỏ qua khi du khách đến thăm Ấn Độ.

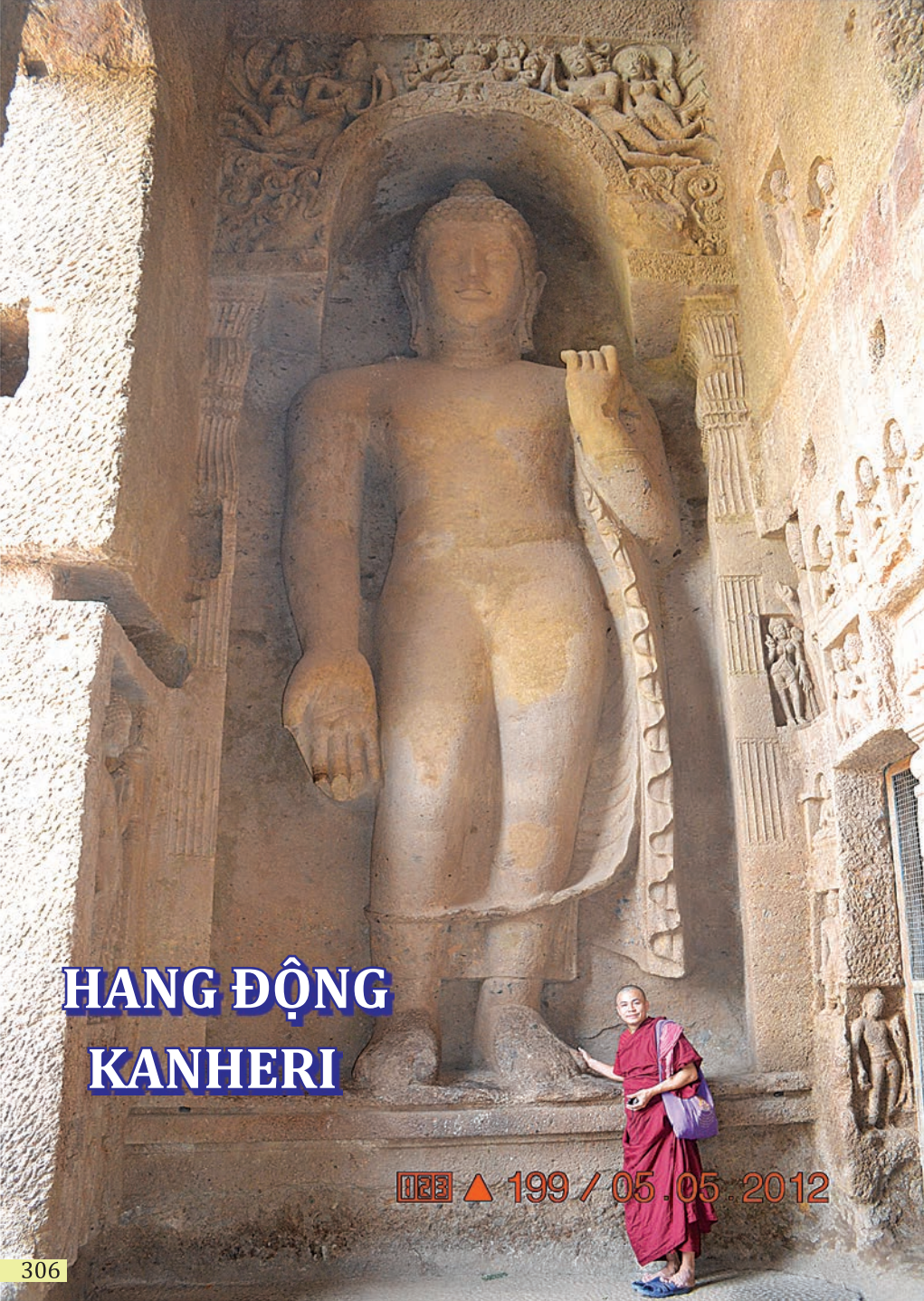




*Toàn cảnh hang động Kailasha (số 16)
của Hindu Giáo ở Ellora (Nhìn từ phía sau).*





A large, weathered standing Buddha statue is the central focus, carved into a rock wall. The statue is in a standing posture (Uprambhita Mudra) with its right hand raised in the Varada Mudra (boon-giving gesture) and its left hand held at waist level. It is adorned with a simple dhoti and a shawl. The statue is set within a large, arched niche (prabhavali) decorated with intricate carvings of celestial beings and floral motifs. To the right of the main statue, there are smaller, more colorful carvings and some faded frescoes. A Buddhist monk in a maroon robe and purple shawl stands at the base of the statue on the right side, providing a sense of scale. The overall scene is dimly lit, with light coming from the left, highlighting the texture of the rock and the details of the sculpture.

HANG ĐỘNG KANHERI

199 / 05.05.2012

HANG ĐỘNG KANHERI

Các hang động Kanheri, bang Mahārashtra, ở rìa phía bắc của thành phố Mumbai, Ấn Độ.

Cách Mumbai 42 km về phía hướng bắc, gần Borivili, các hang Kanheri ngày xưa được bảo vệ bởi một khu rừng rậm rạp. 109 hang có niên đại từ giữa thế kỷ 1 TCN và thứ thế kỷ 5-6 SCN. Các hang liên kết với nhau bởi những bậc thang. Các tự viện Phật Giáo được xây dựng trong hang động và được sử dụng như là nơi trú ẩn gió mùa của chư tăng.

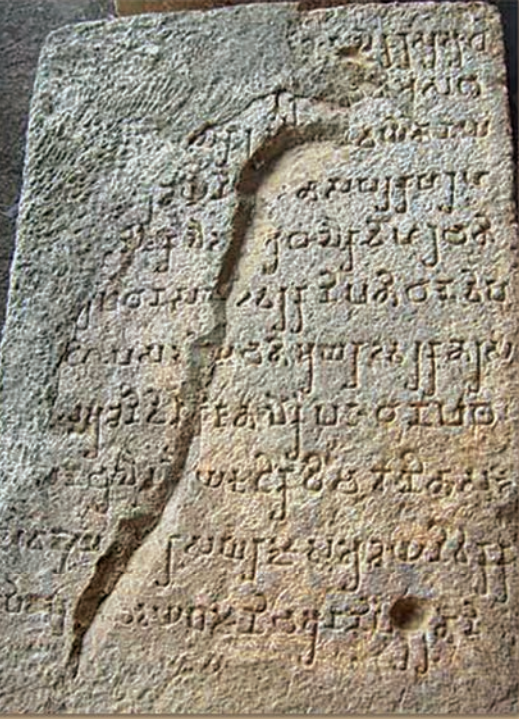
Theo tiến sĩ Pandit cho biết: “Các hang động mới được phát hiện có thể lớn tuổi hơn các hang động Kanheri bởi vì chúng đơn giản về hình thức và không có bể chứa nước (được tìm thấy trong kiến trúc tiến hóa hơn của Kanheri). Hơn nữa, chúng tôi tìm thấy các công cụ bằng đá nguyên khối, mà thường được thấy ở thế kỷ thứ 1 TCN. Sự vắng mặt của bể chứa nước cũng cho thấy rằng các nhà sư sống ở đó trong thời gian gió mùa.

Các hang động Kanheri, có niên đại từ giữa thế kỷ thứ 1 TCN đến thế kỷ thứ 10 SCN, nổi tiếng với hệ thống quản lý và tích trữ nước mưa.

Theo báo cáo của Viện Khảo Cổ Quốc Gia Ấn Độ (ASI), đã tường thuật lại sự phát hiện của những mảnh nồi và các đồ gia dụng khác.



Một góc quần thể hang động Kanheri



Pandit, người đã làm luận án tiến sĩ về các hang động Kanheri, và liên tục khám phá công viên Quốc gia Sanjay Gandhi, Borivali, ở rìa phía bắc của thành phố Mumbai, Ấn Độ.

Vào năm 2001 - 2002, Tiến sĩ Pandit đã phát hiện nhiều hang động, và báo cho Viện Khảo Cổ Quốc Gia Ấn Độ (ASI). Một vài năm trước đó, Tiến sĩ Pandit đã viết một cuốn sách: "Câu chuyện trong hang đá".



Cổng vào công viên quốc gia Sanjay Gandhi và quần thể hang động Kanheri

Công Viên Quốc Gia Sanjay Gandhi và Quần Thể Hang Động Kanheri

BẢN ĐỒ







HERI CAVES

Survey of India Mumbai Circle

हेरी लेणी

तत्त्व सर्वेक्षण मुंबई मंडळ



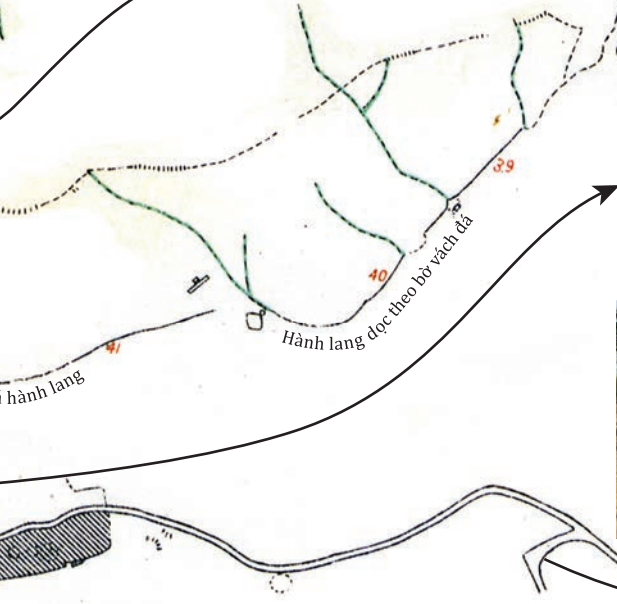
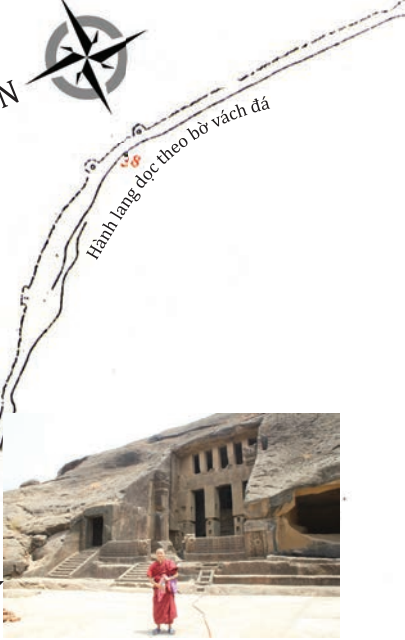
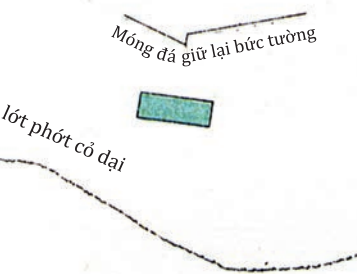


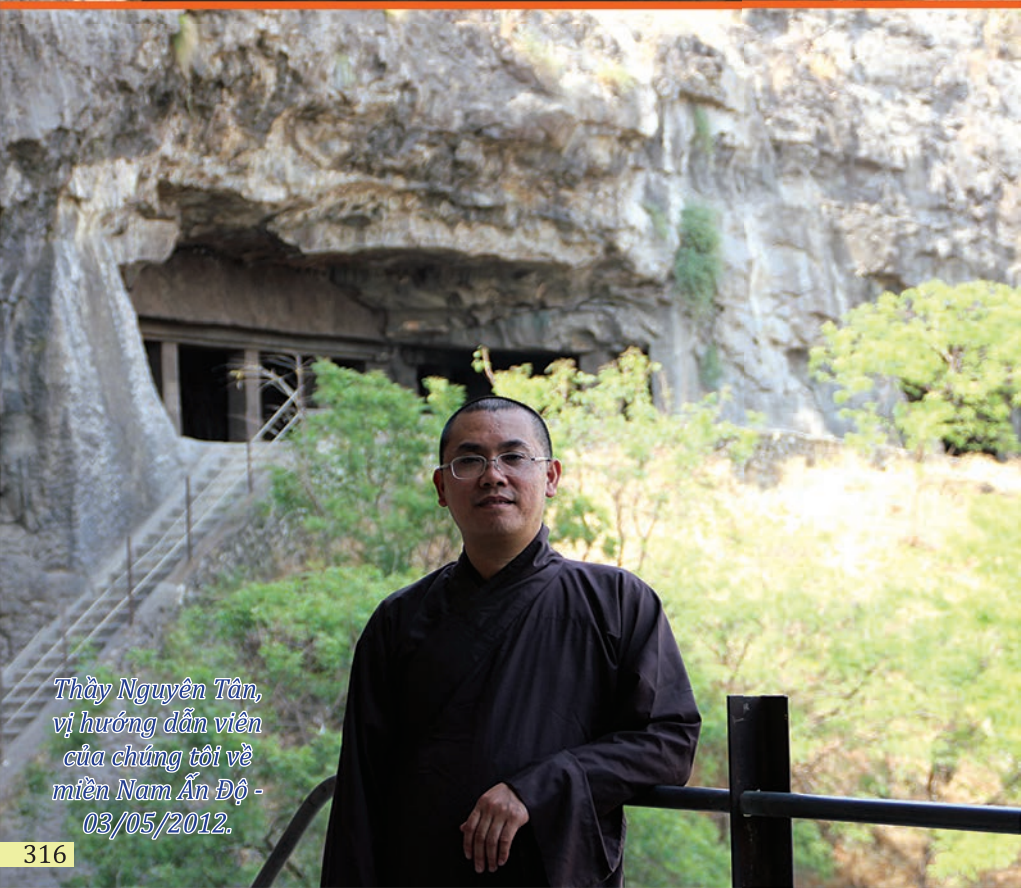


BẢN ĐỒ QUẦN THỂ HANG ĐỘNG KANHERI

Ghi chú:

-  Lối mòn bằng đá
-  Bạc cấp bằng đá
-  Suối nhỏ
-  Bể chứa nước (hầm âm dưới đá)
-  Các hang cổ được đánh dấu từ số 1 đến 99 (được đánh số màu đỏ)

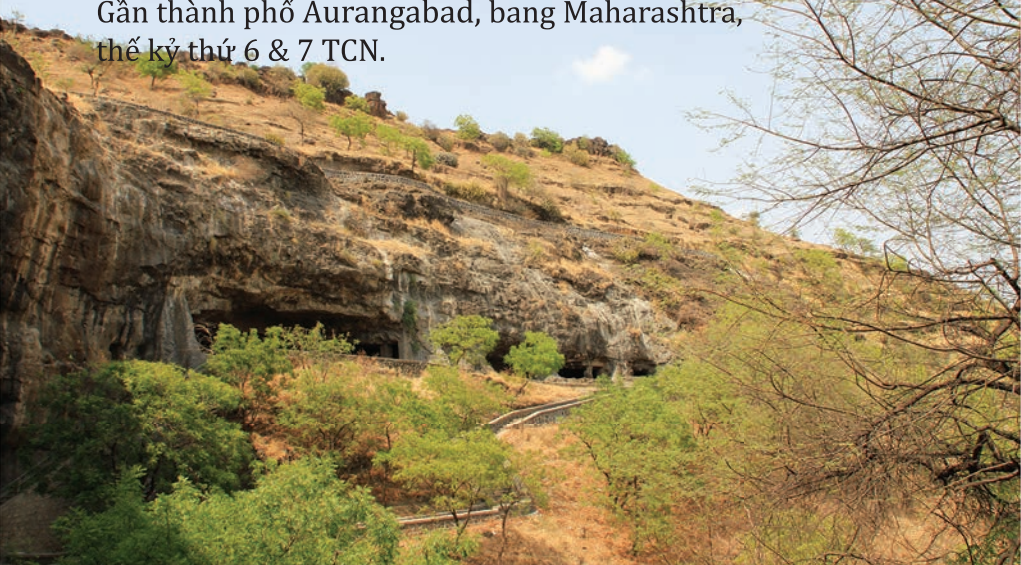




*Thầy Nguyên Tân,
vị hướng dẫn viên
của chúng tôi về
miền Nam Ấn Độ -
03/05/2012.*

HANG ĐỘNG AURANGABAD

Gần thành phố Aurangabad, bang Maharashtra,
thế kỷ thứ 6 & 7 TCN.







*Tỳ khưu Đức Hiền viếng thăm hang động
Aurangabad - 03/05/2012.*



HANG ĐỘNG BHAJA

Hang động Bhaja có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ 2 SCN, một trong những hang động Phật Giáo nổi tiếng Ấn Độ nằm ở Maval, gần Lonavala, bang Maharashtra.

Bhaja gồm 18 hang động với rất nhiều điêu khắc tuyệt đẹp về những hình ảnh, sự kiện diễn ra xung quanh cuộc đời Đức Phật hoặc mô tả những câu chuyện trong tiền thân Đức Phật. Hang số 12 là một phòng cầu nguyện với rất nhiều hốc được xây trên tường, đây là hang động lớn nhất trong chuỗi các hang Bhaja.

Những hang động Bhaja đã cung cấp nhiều bằng chứng quan trọng về lịch sử của một nhạc cụ gỗ Ấn Độ (tabla). Khoảng 200 TCN, người ta đã khắc chạm một người phụ nữ chơi tabla và những người khác thực hiện một điệu nhảy. Đồng thời đây cũng là đại diện cho một ví dụ tuyệt vời của kiến trúc Phật Giáo cổ đại mà tiêu biểu là bức điêu khắc nổi tiếng “Dancing couple” (múa đôi).

Chiều tối là khoảng khắc tuyệt vời nhất để ghé thăm và chụp những tấm hình lung linh về các hang động Bhaja.





MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU CỦA VIỆN BẢO TÀNG QUỐC GIA ẤN ĐỘ TẠI NEW DELHI



*Chư Tăng và Phật tử Việt Nam viếng thăm
Viện Bảo Tàng Ấn Độ tại New Delhi - 22/11/2013*

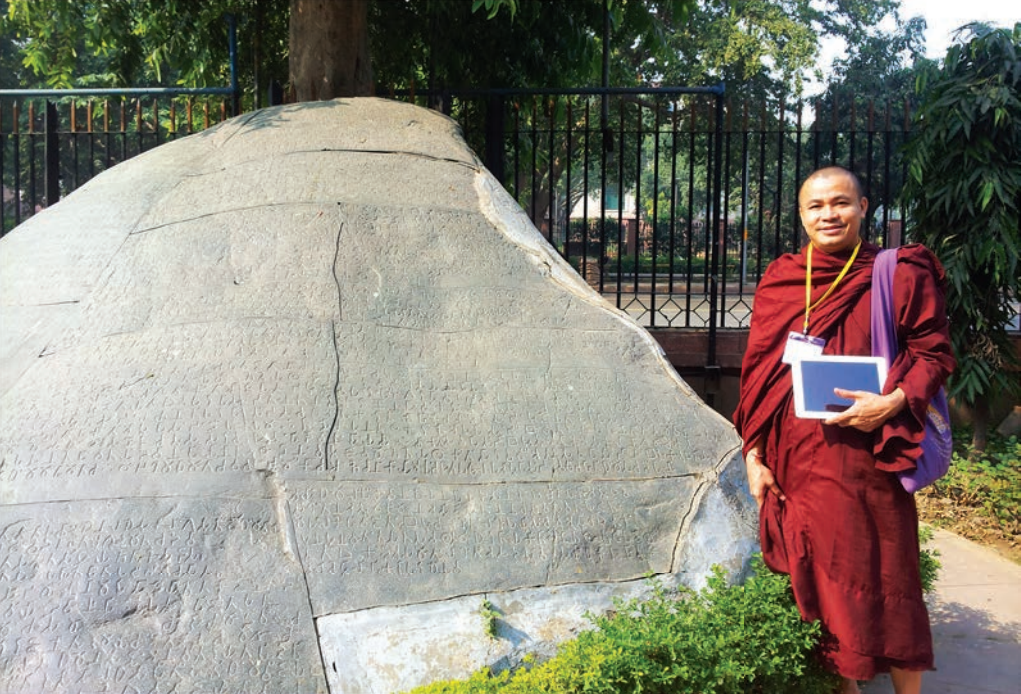
नवीकृत सुसज्जा कलायें - I वीथिका को पुनः खोला जाना

राष्ट्रीय संग्रहालय, जनपथ, नई दिल्ली

Reopening of the renovated
Decorative Arts - I Gallery

National Museum, Janpath, New Delhi





भारतीय चित्रकला Indian Painting





Photograph courtesy Benoy K Behl

HOLY RELICS OF
Lord Buddha







भारतीय चित्रकला
Indian Painting

The golden stupa is the relic of the Lord Buddha. It is a symbol of the Buddhist faith and is one of the most important objects in the collection of the National Museum, India. It is a masterpiece of Buddhist art and is a fine example of the skill and craftsmanship of the ancient Indian artists.

APPEAL
OFFERINGS AND
DONATIONS OF
ANY KIND
STRICTLY
PROHIBITED.
VISITORS ARE
REQUESTED TO
COOPERATE.

APPEAL
OFFERINGS AND
DONATIONS OF
ANY KIND
STRICTLY
PROHIBITED.
VISITORS ARE
REQUESTED TO
COOPERATE.

19



DATE

1 BC
500 BC
1000 BC
1500 BC
2000 BC
2500 BC
3000 BC
3500 BC
4000 BC
4500 BC
5000 BC
5500 BC
6000 BC
6500 BC
7000 BC
7500 BC



EGYPT

New Kingdom
Middle Kingdom
Old Kingdom
Early Dynastic
Naqada II
Pre-Dynastic
Amratian
Naqada I
Badarian



MESOPOTAMIA

Old Babylonian Empire
Akkadian Empire
Early Dynastic I
Jemdet Nasr
Uruk
Uruk
Prehistoric
Neolithic



INDUS VALLEY

Murghar Empire
Late Harappan
Harappan
Early Harappan
Kot Diji, Amri, Banawali, Hakra/Ravi
Maharjan IB
Maharjan 6A
Maharjan 1A
Prehistoric
Neolithic



CHINA

Chou Empire
Chou
Shang
Peking
Longshan
Yangshuo
Neolithic

1 BC
500 BC
1000 BC
1500 BC
2000 BC
2500 BC
3000 BC
3500 BC
4000 BC
4500 BC
5000 BC
5500 BC
6000 BC
6500 BC
7000 BC
7500 BC





॥ बौद्ध कला **BUDDHIST ART**























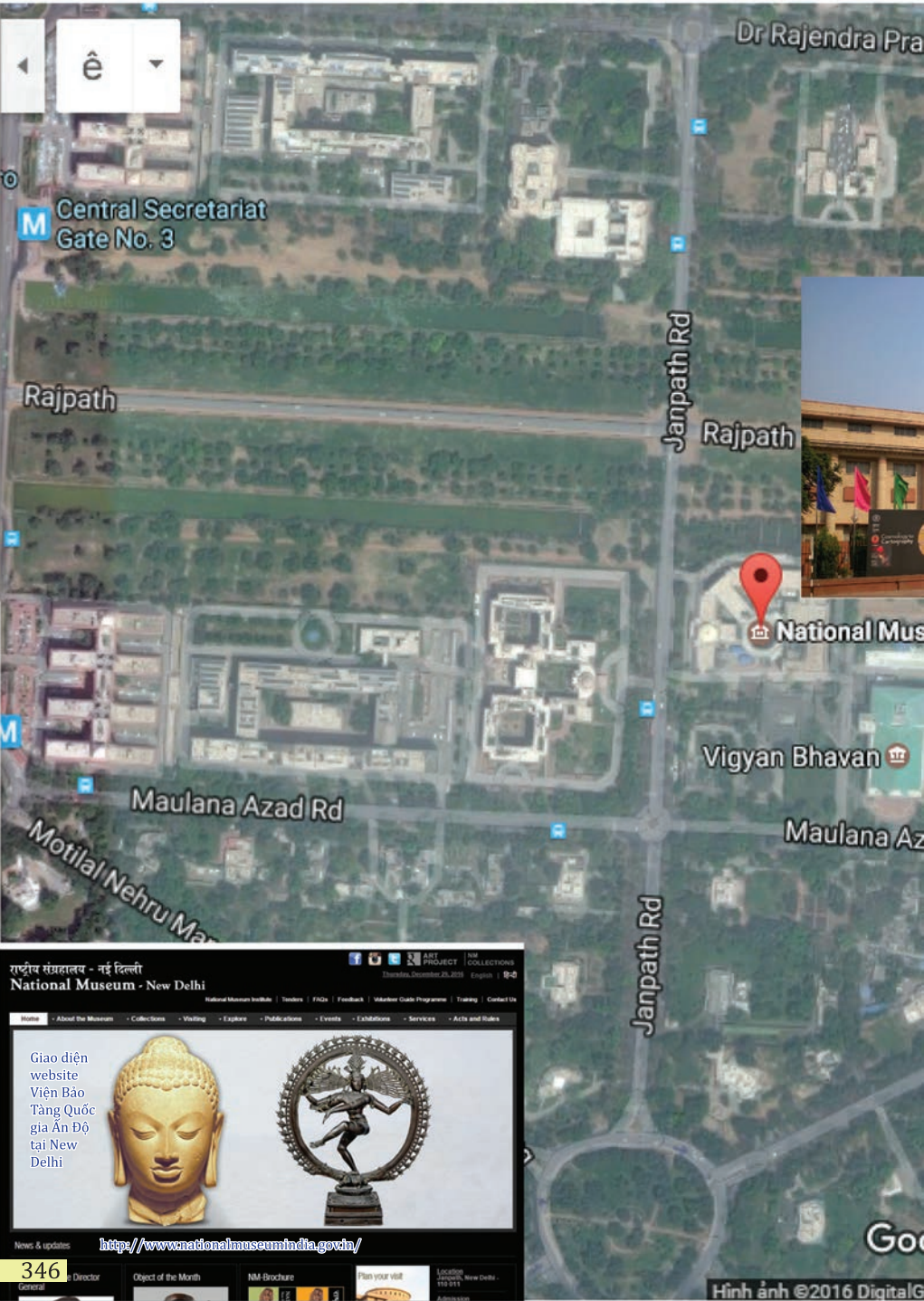












राष्ट्रीय संग्रहालय - नई दिल्ली
National Museum - New Delhi

ART PROJECT
November, December 2019

News & updates
<https://www.nationalmuseumindia.gov.in/>

346 Director
General

Object of the Month
NM-Brochure

Plan your visit
Admission

Location
New Delhi
110 011

Website
www.nationalmuseumindia.gov.in

Facebook
Twitter
Instagram
YouTube

Collection
Visiting
Explore
Publications
Events
Exhibitions
Services
Acts and Rules

Giao diện website
Viện Bảo
Tàng Quốc
gia Ấn Độ
tại New
Delhi



sad Rd

BẢN ĐỒ VIỆN BẢO TÀNG QUỐC GIA ẤN ĐỘ TẠI NEW DELHI

Indira Gandhi National
Centre for the Arts



useum

Vice President's House

ad Rd

Akbar Rd

ogle

Union Public
Service Commision



THEO DẤU CHÂN PHẬT

IN THE FOOT-STEPS OF THE BUDDHA

Tác giả: Bauddhacarya Shanti Swaroop Bauddh

Dịch giả: Tỳ khưu Đức Hiền

SÁCH ẨM TÔNG, KHÔNG BÁN
FREE DISTRIBUTION, NOT FOR SALE